

BẢN THUYỀN GIÀO TINH ỦY CAO BẰNG

ĐẤT và NGƯỜI *Cao Bằng*

BẢN THUYỀN GIÀO TINH ỦY CAO BẰNG

ĐẤT và NGƯỜI *Cao Bằng*

ST

ST

NHA XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

ĐẤT và NGƯỜI

*Cao
Bằng*

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY CAO BẰNG

ĐẤT và NGƯỜI
Cao
Bằng

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

BẾ THANH TỊNH	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, <i>Trưởng ban</i>
SÂM VIỆT AN	Tỉnh uỷ viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, <i>Phó Trưởng ban</i>
BẾ LAN PHƯƠNG	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, <i>Phó Trưởng ban</i>
TRỊNH THỊ ÁNH HOA	Hiệu trưởng Trường Chính trị Hoàng Đình Giông, <i>Thành viên</i>
TRIỆU VĂN THỰC	Phó Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ, Thư ký Bí thư Tỉnh uỷ; nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, <i>Thành viên</i>
ĐÀM VĂN TRUNG	Phó Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng, <i>Thành viên</i>
PHẠM THANH THẮNG	Phó Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng, <i>Thành viên</i>

BAN BIÊN SOẠN

BẾ LAN PHƯƠNG	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, <i>Trưởng ban</i>
TRIỆU VĂN THỰC	Phó Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ, Thư ký Bí thư Tỉnh uỷ; nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, <i>Phó Trưởng ban</i>
TRIỆU THỊ THU TRANG	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, <i>Thành viên</i>
ĐẶNG THU HỒNG	Trưởng phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng, <i>Thành viên</i>
ĐẶNG VĂN DŨNG	Trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị Hoàng Đình Giông, <i>Thành viên</i>
LA THỊ NGÀ	Trưởng phòng Thời sự, Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng, <i>Thành viên</i>
TRẦN THỊ THU HƯỜNG	Biên tập viên, Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng, <i>Thành viên</i>
HOÀNG MAI TRINH	Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, <i>Thành viên</i>

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cao Bằng là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời. Ngay từ buổi đầu dựng nước và giữ nước, Cao Bằng đã là “phên giậu” vững chắc của cả nước; và từ đó đến nay luôn được coi là tỉnh giữ vị trí trọng yếu nơi biên cương của Tổ quốc. Tiến trình lịch sử của dân tộc đã chứng minh sự phát triển liên tục của Cao Bằng, từ thời kỳ đồ đá đến thời đại văn minh đều gắn liền với các truyền thống văn hiến. Nhiều làng nghề, lễ hội, nghi lễ truyền thống của người dân bản địa được bảo tồn và lưu giữ cho tới ngày nay như nghi lễ then của người Tày, lễ hội Nàng Hai, lễ hội Lồng tồng,... và có không ít làng nghề, lễ hội được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể. Có thể nói, hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh chính là nguồn tài nguyên quý tạo nên sức hút của du lịch về nguồn, du lịch tâm linh Cao Bằng. Bên cạnh đó, Cao Bằng còn là nơi giao thoa, cư trú của nhiều dân tộc anh em. Mỗi dân tộc đều mang một bản sắc văn hóa riêng biệt, nhưng đều có tinh thần đoàn kết, gắn bó, truyền thống yêu nước, không ngại hy sinh, gian khổ đứng lên chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương, đất nước; luôn cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất. Điều đó đã làm nên một bức tranh phong phú và đa màu sắc về mảnh đất văn hoá, con người Cao Bằng.

Nhằm cung cấp thêm tài liệu giới thiệu về lịch sử, văn hoá, con người và mảnh đất Cao Bằng đến đông đảo bạn đọc, góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, khơi dậy ý thức tìm hiểu, xây dựng

Cao Bằng ngày càng phát triển, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách **Đất và người Cao Bằng** do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng tổ chức biên soạn.

Cuốn sách được chia thành 3 phần với 79 bài viết nêu khái lược vùng đất, con người Cao Bằng; những di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; truyền thống, phẩm chất con người Cao Bằng; tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh từ khi Đảng ta ra đời; và giới thiệu về tiềm năng phát triển hấp dẫn của Cao Bằng trong thời gian tới.

Mặc dù đã rất cố gắng, song cuốn sách khó tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 12 năm 2024

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Cao Bằng - vùng đất phía Đông Bắc của Tổ quốc, từ ngàn xưa đã được biết đến là một vùng đất cổ, có lịch sử lâu đời và là một bộ phận không thể tách rời của Tổ quốc Việt Nam. Là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử và văn hoá, giữ vị trí trọng yếu nơi biên cương Tổ quốc, ngay từ thời kỳ đầu dựng nước, Cao Bằng đã là bức “phên giậu” vững chắc của cả nước.

Địa danh Cao Bằng được chép trong sử sách từ rất sớm. Sách *Dư địa chí* do Nguyễn Trãi biên soạn năm 1435 đã ghi: “Cao Bằng xưa là ngoại địa của bộ Vũ Định... Đây là nơi phên giậu thứ tư về phương Bắc vậy”. Nhận thấy vị trí đặc biệt quan trọng của vùng đất Cao Bằng, đến triều Vua Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 2 (năm 1499), nhà Lê quyết định tách phủ Cao Bằng ra khỏi Thừa tuyên Thái Nguyên để thành lập trấn Cao Bằng. Từ đó, Cao Bằng trở thành một đơn vị hành chính độc lập, trực thuộc chính quyền Trung ương. Đến nay, Cao Bằng đã có bề dày lịch sử 525 năm hình thành và phát triển.

Cao Bằng được ví như “Viên ngọc xanh” của vùng Đông Bắc, bởi khung cảnh non nước hữu tình, thiên nhiên hùng vĩ, mang đậm nét hoang sơ như thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, động Bản Thuôn, Mất Thần Núi (huyện Trùng Khánh), Vườn quốc gia Phja Oác, Phja Đén (huyện Nguyên Bình); động Dơi (huyện Hạ Lang); hồ Thằng Hen (huyện Quảng Hòa)... Đồng thời, Cao Bằng là vùng đất cổ có bề dày truyền thống lịch sử văn hoá. Trải qua



những thăng trầm của lịch sử và sự phát triển mọi mặt của xã hội, các giá trị văn hoá truyền thống ấy vẫn được bảo tồn và phát huy, tạo nên một miền văn hóa Non nước Cao Bằng vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa đa dạng, thống nhất.

Ngày 28/01/1941, với vinh dự được đón Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trở về xây dựng căn cứ địa cách mạng, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Cao Bằng đã trở thành quê hương cội nguồn cách mạng. Với những “địa chỉ đỏ” gắn liền với cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày đầu lãnh đạo cách mạng: Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó, huyện Hà Quảng; Di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình; Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An... và nhiều di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu, góp phần làm nên giá trị đặc sắc của tỉnh Cao Bằng.

Truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh hoa văn hóa, truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng đặc sắc chính là môi trường nuôi dưỡng, hun đúc nên tâm hồn, lý tưởng và nhân cách con người Cao Bằng. Nơi đây, biết bao thế hệ đã sinh sống, lao động, chiến đấu anh dũng đấu tranh bảo vệ chính nghĩa, xây dựng và bảo vệ quê hương, vun đắp nên những giá trị lịch sử, văn hóa lâu bền. Biết bao địa danh nổi tiếng gắn liền với tên tuổi của những danh nhân, những sự kiện đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như những nét son, trở thành niềm tự hào của dân tộc Việt Nam.

Tất cả những yếu tố đó đã tạo cho vùng đất và con người Cao Bằng vẻ đẹp và sự hấp dẫn riêng có, độc đáo, một tiềm năng du lịch phong phú, giàu bản sắc, cùng khát vọng phát triển nhanh, bền vững, tha thiết chào đón bạn bè, du khách gần xa.

Thực hiện Đề án số 19-ĐA/TU, ngày 13/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Cao Bằng về đổi mới công tác tuyên truyền,

giáo dục truyền thống trên quê hương cách mạng Cao Bằng giai đoạn 2019 - 2025 và Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 25/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Cao Bằng về nghiên cứu, biên soạn và xuất bản các ấn phẩm lịch sử đảng bộ địa phương, lịch sử truyền thống ngành giai đoạn 2021 - 2025, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng chủ trì biên soạn cuốn sách *Đất và người Cao Bằng*.

Cuốn sách chia làm 3 phần với 79 bài viết. Với cách tiếp cận mới, qua tầm nhìn của các nhà quản lý, nhà nghiên cứu chuyên môn và qua lịch sử đã được kiểm chứng; thông qua những bài viết ngắn gọn, súc tích, sinh động với những sử liệu khách quan được các tác giả là các đồng chí Thường trực Tỉnh uỷ, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, các nhà khoa học, cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý tâm huyết... trong và ngoài tỉnh sưu tầm, khảo cứu và biên soạn về các địa danh, các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh, một số nhân vật lịch sử, các sự kiện nổi bật... làm rõ hơn về nhiều khía cạnh vẻ đẹp đầy tiềm năng của Cao Bằng.

Với mục tiêu thông qua cuốn sách, tiếp tục giáo dục truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, khơi dậy niềm tự hào của người Cao Bằng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ của tỉnh; từ đó phát huy tốt truyền thống và tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; khơi dậy khát vọng xây dựng quê hương Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững. Đồng thời, giới thiệu, quảng bá tới độc giả trong và ngoài nước những tư liệu sâu sắc, sinh động hơn về cảnh quan thiên nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa vùng đất và con người, cùng tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của Cao Bằng.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, Ban biên soạn đã cố gắng truyền tải cao nhất những thông điệp về mảnh đất và con người Cao Bằng đến các đồng chí và bạn đọc, tuy nhiên khó tránh khỏi còn những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến

đóng góp của các đồng chí và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách tới các đồng chí cùng đồng đảo bạn đọc trong và ngoài tỉnh.

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Bế Thanh Tịnh

Ủy viên Ban Thường vụ,

Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng



Phần thứ nhất

**KHÁI LƯỢC
VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI**

Cao Bằng

CAO BẰNG - TỰ HÀO 525 NĂM THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN

TRẦN HỒNG MINH*

Cao Bằng là một tỉnh miền núi biên giới, nằm ở phía đông bắc Việt Nam, có vị trí, tầm quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng đối với cả nước. Tọa độ địa lý từ 22°21'21" đến 23°07'12" vĩ độ Bắc, 105°16'15" đến 106°50'25" kinh độ Đông. Phía tây giáp hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang. Phía nam giáp hai tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn. Phía bắc và phía đông giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) với đường biên giới dài 333,125 km. Toàn tỉnh có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 6.700,39 km² với 10 đơn vị hành chính cấp huyện¹.

Non nước Cao Bằng từ ngàn xưa đã là mảnh đất thiêng mang trong mình nhiều đặc sắc văn hóa các dân tộc. Nhận thấy vị trí đặc biệt quan trọng của vùng đất Cao Bằng, thời Vua Lê Hiến Tông (1497 - 1504), năm Cảnh Thống thứ hai (năm 1499), nhà Lê quyết định tách phủ Cao Bằng ra khỏi Thừa tuyên Thái Nguyên để thành lập trấn Cao Bằng với nhiệm vụ trấn ải biên thù phía Bắc của Tổ quốc. Lần đầu tiên trong lịch sử, trấn Cao Bằng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng.

1. Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng: *Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2023*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2024, tr.33.

xuất hiện với tư cách một đơn vị hành chính độc lập, trực thuộc chính quyền Trung ương. Đây là sự kiện có ý nghĩa vô cùng quan trọng, một bước ngoặt trong tiến trình lịch sử Cao Bằng. Nhà Mạc lên đóng đô ở Cao Bằng 85 năm (1592 - 1677), dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở để xây dựng căn cứ, chọn thành Na Lữ (xã Hoàng Tung, huyện Hòa An ngày nay) là đế đô; duy trì một Nhà nước phong kiến có kỷ cương, có sách lược đối nội, đối ngoại kịp thời, linh hoạt nhằm duy trì đế nghiệp lâu dài, bền vững ở nơi đây. Năm 1677, nhà Mạc mất, nhà Lê đặt lại trấn Cao Bằng thành trọng trấn, càng khẳng định vị trí trọng yếu của vùng đất Cao Bằng.

Trong suốt chiều dài lịch sử 525 năm hình thành và phát triển, trải qua nhiều lần chia tách, sáp nhập, Cao Bằng luôn giữ vai trò là một đơn vị hành chính có vị trí chiến lược trọng yếu nơi biên cương phía Bắc của Tổ quốc. Sống trên vùng biên viễn, từ xa xưa, các dân tộc Cao Bằng có truyền thống anh hùng, bất khuất dẹp giặc ngoại xâm từ phương Bắc tràn xuống, trở thành bức “phên giậu” vững chắc của Tổ quốc, hình thành hào khí “địa linh nhân kiệt”. Nơi đây đã sản sinh ra những nhân vật văn hóa, danh nhân tài giỏi và nhiều “nhân kiệt” trong quá trình đấu tranh sinh tồn trước sự hung bạo của thiên nhiên và các thế lực ngoại xâm. Lịch sử Cao Bằng rực sáng với truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc, bảo vệ quê hương. Xuyên suốt chiều dài lịch sử, cộng đồng các dân tộc Cao Bằng đã không quản ngại hy sinh, gian khổ, phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết đứng lên chống xâm lược. Từ thời kỳ Thục Phán An Dương Vương thế kỷ III trước Công nguyên, Cao Bằng đã từng là chiến trường của những cuộc đọ sức quyết liệt đầu tiên của dân tộc Việt Nam chống sự xâm lược của các thế lực phong kiến phương Bắc (quân Tần, quân Triệu Đà). Đến thời kỳ đấu tranh

chống ách đô hộ của các thế lực phong kiến phương Bắc, sau đó là chủ nghĩa thực dân, phát xít, đế quốc bảo vệ quê hương, đất nước và đã viết nên những trang sử vàng chói lọi, những chiến công hào hùng, làm nên bề dày truyền thống lịch sử rất đáng tự hào, gắn liền với lịch sử Việt Nam.



Ngày 28/01/1941, Bác Hồ về nước
trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam

*Tranh Trịnh Phòng,
phóng tác Hoàng Ích Thu.*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Cao Bằng trở thành một trong những nơi khởi đầu dòng thác cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ đây, phong trào cách mạng Cao Bằng đã có bước phát triển vượt bậc, hội tụ đủ các điều kiện “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” để ngày 28/01/1941, Cao Bằng vinh dự được đón Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, về nước xây dựng căn cứ địa trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và kháng chiến chống thực dân Pháp, được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

trực tiếp bồi dưỡng, chỉ đạo, Cao Bằng trở thành vùng căn cứ địa, “chiếc nôi” của cách mạng và là một trong sáu tỉnh Khu giải phóng; là miền đất khai sinh Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - Đội quân chủ lực đầu tiên, tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng (trong số 34 chiến sĩ đầu tiên của Đội có 25 người là con em các dân tộc tỉnh Cao Bằng). Từ khi Pác Bó, Cao Bằng trở thành căn cứ địa, đại bản doanh của chiến khu Việt Bắc, mảnh đất biên cương này đã chứng kiến biết bao sự kiện quan trọng gắn liền với tên tuổi và hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với vận mệnh quốc gia, dân tộc. Vì vậy, khi nói đến Cao Bằng, là nói đến nơi cội nguồn của cách mạng, với những “địa chỉ đỏ” của đất nước như: Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó - nơi Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sống và làm việc, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam giai đoạn 1941 - 1945; Di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo - nơi thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - Đội quân chủ lực đầu tiên, tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng; Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An - nơi chứng kiến hình ảnh mang tính biểu tượng của cách mạng Việt Nam: Chủ tịch Hồ Chí Minh “chống gậy lên non xem trận địa”... và nhiều di tích lịch sử, văn hoá có giá trị, góp phần làm nên giá trị đặc sắc của tỉnh Cao Bằng.

Trong suốt cuộc hành trình gần 95 năm vẻ vang của Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, một lòng theo Đảng, đấu tranh vì độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, làm rạng rỡ thêm truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng; góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta làm nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chiến thắng Biên giới năm 1950, giải phóng Cao Bằng (03/10/1950), chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 tiến tới Đại thắng mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam,

thống nhất đất nước và cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc Tổ quốc tháng 02/1979, từ đó cùng cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đã có hơn 80.000 người con ưu tú của quê hương Cao Bằng lên đường đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên khắp các chiến trường, trong đó nhiều đồng chí trở thành cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, Quân đội; hơn 8.000 người con đã anh dũng hy sinh. Với những thành tích xuất sắc trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh. Năm 2018, đồng chí Hoàng Đình Giông, người con ưu tú của quê hương Cao Bằng vinh dự được Đảng và Nhà nước công nhận là lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Cao Bằng là căn cứ địa đầu tiên, “đại bản doanh” của cả nước, là “chiếc nôi của cách mạng Việt Nam” và được Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là quê hương thứ hai của Người. Đây không chỉ là niềm tự hào của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, mà còn là nguồn động lực to lớn, trở thành nguồn lực nội sinh, thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng qua các thời kỳ cách mạng.

Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ cha anh đi trước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng không ngừng phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định đường lối đổi mới của Đảng; vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng. Là một tỉnh miền núi, điểm xuất phát thấp, gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với bản lĩnh, ý chí phấn đấu vươn lên và tinh thần đổi mới, sáng tạo,

dám nghĩ, dám làm, tỉnh đã đề ra chủ trương, cơ chế, chính sách đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tiễn, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Cao Bằng đã và đang tạo đà vươn lên mạnh mẽ, đạt được nhiều kết quả quan trọng và toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh.

Kết quả sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, hầu hết các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, năm sau cao hơn năm trước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế được đẩy mạnh. Các mục tiêu chiến lược ảnh hưởng đến sự phát triển của tỉnh có bước đột phá: Đã tổ chức công bố Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt,



Thành phố Cao Bằng vững bước trên đường phát triển

Ảnh: Nông Thế Vinh.

đồng thời quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, góp phần tạo hành lang vững chắc, mở rộng tầm nhìn và khát vọng để Cao Bằng khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển nhanh, năng động, xanh, bền vững và toàn diện trong thời kỳ mới. Sân bay Cao Bằng được bổ sung vào tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... tạo điều kiện thúc đẩy liên kết giữa Cao Bằng với các tỉnh, thành phố trong nước và hội nhập quốc tế; cấp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) được nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế; tổ chức vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) góp phần thúc đẩy các hoạt động du lịch, giao lưu, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, cùng phát triển giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc... Đặc biệt, những ngày đầu năm 2024, Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) đã được khởi công giai đoạn 1, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia; tạo ra một tuyến cao tốc đối ngoại huyết mạch mới kết nối giao thương hàng hóa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và khu vực Đông Bắc Bộ.

Diện mạo đô thị, nông thôn, miền núi có nhiều đổi mới. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Khối đại đoàn kết các dân tộc không ngừng được củng cố và phát huy, tình hình chính trị luôn ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững và tăng cường, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Những thành tựu quan trọng và toàn diện đã đạt được về chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh của Cao Bằng trong quá trình đổi mới và phát triển tiếp tục tô thắm thêm trang sử vẻ vang và truyền thống tốt đẹp của mảnh đất nơi cội nguồn cách mạng. Những năm tới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là thời điểm tỉnh Cao Bằng phải “tăng tốc, bứt phá” để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025; trước mắt lãnh đạo thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra; lãnh đạo tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, góp phần cùng cả nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Các cấp uỷ, chính quyền tập trung triển khai đúng tiến độ, đạt kết quả cao 3 chương trình trọng tâm là: (1) Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực ở nông thôn nhằm khắc phục điểm nghẽn, nút thắt về chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025; (2) Xây dựng và đổi mới cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các nhà đầu tư chiến lược; (3) Phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị, hạ tầng số) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025, nhất là dự án đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng). Đồng thời, tiếp tục ưu tiên các giải pháp thực hiện hiệu quả 3 nhiệm vụ đột phá để phát triển bền vững là: (1) Phát triển du lịch - dịch vụ bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

(2) Phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến giai đoạn 2021 - 2025; (3) Phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025. Cùng với đó, quan tâm chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền, lãnh thổ biên giới quốc gia. Chú trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trân trọng, tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, phát huy những thành quả của 525 năm hình thành và phát triển, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng tiếp tục đoàn kết vươn lên, chung tay thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra. Mỗi người con của quê hương Cao Bằng tiếp tục cùng chung sức xây dựng khát vọng đưa Cao Bằng trở thành tỉnh “gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹ như trước đây Cao Bằng “là một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc”² như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn. Xứng đáng với niềm tự hào và truyền thống của quê hương “cội nguồn” cách mạng cùng với cả nước quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.13, tr.49.

DI SẢN KHẢO CỔ HỌC CAO BẰNG - NHỮNG GIÁ TRỊ NỔI BẬT

PGS.TS. TRINH NĂNG CHUNG*

Thành tựu nghiên cứu khảo cổ học ở Cao Bằng trong những năm gần đây đã khẳng định Cao Bằng là một vùng đất cổ, có lịch sử lâu đời, có những di tích và di vật gắn liền với các giai đoạn phát triển chính của lịch sử Việt Nam.

Bước vào buổi bình minh của lịch sử, trên mảnh đất Cao Bằng đã chứng kiến sự hiện diện của người nguyên thủy cư trú trên những dải đồi gò ven sông Gâm, sông Bằng. Những dấu tích của họ để lại rải rác ở nhiều nơi, đáng chú ý là trong địa tầng bậc thềm cổ sông Gâm thuộc xã Thượng Hà (huyện Bảo Lạc) đã phát hiện bộ sưu tập công cụ lao động của người nguyên thủy như cuốc tay, rìu tay, công cụ chặt đập được chế tác thô sơ từ những hòn đá cuội sông, được xác định có niên đại thời kỳ đá cũ, cách đây hơn 30.000 năm. Vào cuối giai đoạn đá cũ, cách đây khoảng 18.000 - 20.000 năm, những con cháu hậu duệ của người nguyên thủy Thượng Hà phát triển địa bàn cư trú ở nhiều nơi, những dấu tích của họ đã tìm thấy ở trong hang động như hang Lũng Ó (xã Chí Tháo, huyện Quảng Hoà) và di tích ngoài trời thềm sông như ở Bó Mạ (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng).

* Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bước vào thời đại đá mới, Cao Bằng đã phát hiện ít nhất 7 di tích tiêu biểu cho văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn, đánh dấu một bước phát triển văn hoá sơ kỳ thời đại đá mới ở nước ta¹. Đến cuối thời đại đá mới, cư dân Cao Bằng đã sáng tạo ra nền văn hóa hậu kỳ đá mới, với những đặc trưng được thể hiện khá nổi bật ở các di chỉ hang Cốc Sậy (xã Vinh Quý, huyện Hạ Lang), Sộc Áng (xã An Lạc, huyện Hạ Lang), Nặm Loát (xã Nguyễn Huệ, huyện Hoà An) và nhiều nơi khác dọc đôi bờ sông Bằng và sông Quây Sơn.

Những di tích thời đại đá nêu trên minh chứng, ngay từ buổi bình minh của lịch sử, mảnh đất Cao Bằng đã là nơi sinh sống của người nguyên thủy. Di tích Đá cũ Thượng Hà được coi là một di chỉ đá cũ có niên đại sớm nhất trên khu vực miền núi Đông Bắc Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm nhận thức về trang sử mở đầu của dân tộc ta ở khu vực vùng núi phía Bắc.

Cư dân cổ Cao Bằng từ thời đại đá cũ đến giai đoạn sớm của thời đại đá mới sinh sống chủ yếu bằng phương thức săn bắt, hái lượm, sống du cư, cư trú trong hang động hoặc trên các dải đất cao thêm sông cổ. Đến cuối thời đại đá mới cách ngày nay trên dưới 4.000 năm, với bộ hiện vật bằng đá mài nhọn (rìu có vai, rìu tứ giác) và đồ gốm, thể hiện sự chuyển mình to lớn của cư dân cổ Cao Bằng từ những người săn bắt hái lượm trở thành những người làm nông sơ khai, đánh dấu sự ra đời của nền kinh tế sản xuất nguyên thủy.

1. Đó là các địa điểm như: hang Ngườm Càng (xã Vị Quang, huyện Hà Quảng), Ngườm Cản (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh) có niên đại khoảng hơn 10.000 năm. Tiếp đến là di chỉ Ngườm Vài (xã Cản Yên, huyện Hà Quảng), Ngườm Bốc (xã Hồng Việt, huyện Hoà An) có tuổi từ 8.000 - 9.000 năm. Địa điểm Ngườm Chiêu và Ngườm Sa Boỏng (thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà), Ngườm Slấn (tức hang Thần ở thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng) có niên đại 5.000 - 7.000 năm.

Các di tích thời đại đá ở Cao Bằng có vị trí quan trọng trong phức hệ văn hóa tiền sử Việt Nam và Đông Nam Á. Chủ nhân các nền văn hoá thời đại đá ở Cao Bằng phản ánh những bước phát triển liên tục, tại chỗ trong quá trình chinh phục thiên nhiên và có những đóng góp rất to lớn, quan trọng trong việc nghiên cứu sự hình thành, phát triển lịch sử dân tộc Việt Nam.

Bước vào thời kỳ kim khí, cùng với cư dân miền núi khác, cư dân cổ Cao Bằng đã góp phần hình thành quốc gia Văn Lang - Âu Lạc. Với những bằng chứng khảo cổ học cho thấy, vào thời kỳ này, mảnh đất Cao Bằng đã là một khu vực văn hoá mang những sắc thái độc đáo, song luôn là thành phần hữu cơ của nền văn hoá chung: Văn hoá Văn Lang - Âu Lạc. Bấy giờ cư dân Văn Lang - Âu Lạc ở Cao Bằng đã biết kế thừa, phát huy những thành tựu văn hoá của các thời kỳ trước trong điều kiện có nhiều tiến bộ kỹ thuật mới, nhất là kỹ thuật luyện kim để tiếp tục chinh phục tự nhiên, khai phá, mở rộng vùng bãi bồi, đồng bằng chân núi, phát triển nông nghiệp và xây dựng những bản làng định cư.



Hiện vật đồ đồng Đông Sơn ở Cao Bằng

Ảnh: *Trình Năng Chung*.

Hiện nay, chúng ta đã có trong tay bộ sưu tập hiện vật bằng đồng thau ở Cao Bằng với nhiều loại hình như: công cụ sản xuất gồm lưỡi cày, lưỡi câu, cuốc, thuổng, rìu tứ diện, rìu xòe cân, rìu lưỡi xéo, dao phạng. Loại vũ khí gồm mũi lao, mũi giáo, mũi tên, dao găm, rìu chiến.



Trống đồng loại IV ở xã Cốc Pàng,
huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

Ảnh: Trinh Năng Chung.

Loại đồ gia dụng gồm bình, nồi, chậu. Đồ trang sức gồm vòng tay các loại. Nổi bật là loại nhạc khí gồm trống đồng, chuông nhỏ... Những hiện vật trên mang đặc trưng của đồ đồng văn hoá Đông Sơn, chủ yếu tìm thấy ở các huyện: Hoà An, Trùng Khánh, Nguyên Bình và thành phố Cao Bằng. Bảo tàng tỉnh Cao Bằng đã

sưu tập được 18 chiếc trống đồng trên đất Cao Bằng. Những trống đồng này được đúc với kỹ thuật rất cao, có nhiều kích cỡ, nhiều kiểu dáng, hoa văn khác nhau. Nhờ vào tính đa dạng của trống, chúng ta có thể nhận ra ở Cao Bằng có các loại trống từ sớm (trống Heger I) đến muộn (loại IV) và trống trung gian I - IV. Đáng chú ý là trống Doỏng Đeng (huyện Trùng Khánh) và trống Nam Quang (huyện Bảo Lâm) là những chiếc trống đồng Đông Sơn độc đáo, được phát hiện nằm sâu trong lòng đất, trên mảnh đất Cao Bằng.

Khi nghiên cứu về trống đồng cổ ở Cao Bằng, nhiều nhà nghiên cứu nhận thấy vùng đất Bảo Lạc, Bảo Lâm là nơi tập trung nhiều trống đồng, mà chủ yếu là trong tộc người Lô Lô, dân tộc có truyền thống lưu giữ và sử dụng trống đồng loại IV và loại I - IV, gợi mở về một trung tâm văn hoá cổ đại, phát triển vào giai đoạn hậu Đông Sơn.

Ngày nay, không ở đâu trên đất nước ta, văn hoá trống đồng vẫn đang sống động trong đời sống thường ngày như ở đồng bào Lô Lô tỉnh Cao Bằng.

Khi nói đến văn hóa thời kim khí ở Cao Bằng, chúng ta không thể không nhắc đến những di tích cự thạch. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy những di tích cự thạch ở xã Trường Hà

(huyện Hà Quảng), xã Hồng Việt (huyện Hoà An)¹. Qua nghiên cứu, các nhà khoa học cho rằng, hầu hết các di tích cự thạch trên đất Cao Bằng thuộc vào giai đoạn cuối thời kỳ Kim khí, niên đại khoảng trên 2.000 năm, gắn với tục thờ Đá và thờ cúng những thủ lĩnh của bộ lạc, bộ tộc. Văn hoá cự thạch Cao Bằng được sinh ra từ nền văn hoá bản địa, mang những nét đồng điệu, tạo nên sắc màu của văn hoá cự thạch Việt Nam và Đông Nam Á.

Ở thời đại quân chủ phong kiến Việt Nam, Cao Bằng cũng là vùng đất có nhiều di tích gắn liền với những sự kiện lịch sử của đất nước. Đó là những hệ thống thành lũy, đền, chùa như thành Na Lữ, thành Phục Hoà, đền Vua Lê, đền Kỳ Sầm, chùa Đà Quận, chùa Sùng Phúc, cùng hệ thống các văn bia cổ, v.v..

Về hệ thống thành, lũy: Thành Na Lữ nằm ở phía nam sông Bằng Giang, trên địa bàn xã Hoàng Tung, huyện Hoà An. Theo truyền thuyết và một số tư liệu lịch sử ghi lại, thành Na Lữ do Cao Biền - một viên tướng nhà Đường khởi dựng khi xâm chiếm nước ta. Thành tồn tại qua nhiều triều đại khác nhau. Đến năm 1592, nhà Mạc chạy lên Cao Bằng, lấy thành Na Lữ làm kinh đô. Trong thành có bốn gò đất nổi lên, mỗi gò đặt tên theo bốn con linh vật: Long (rồng), Ly (hổ), Quy (rùa), Phượng (chim phượng). Thời nhà Mạc đã cho xây dựng cung điện trên gò Long nằm về phía bắc thành Na Lữ.

Để tìm hiểu sâu hơn, toàn diện hơn về thành Na Lữ, vào những năm 2014 và 2023, Viện Khảo cổ học đã tiến hành khai quật với quy mô lớn tại thành Na Lữ. Kết quả khai quật đã phát hiện nhiều di tích, di vật mới như: dấu tích kiến trúc cổng thành, chân cổng thành, lòng cổng thành, ửng thành và các dải bó cổng thành. Tại đây, các nhà khảo cổ cũng tìm thấy rất nhiều di vật

1. Cự thạch (còn gọi là đá lớn) là loại hình di tích khảo cổ học do con người tạo dựng những khối đá lớn có kết cấu kiến trúc hoặc đứng một mình hoặc cùng với những tảng đá khác nhằm mục đích phục vụ đời sống tinh thần hay vật chất của một cộng đồng cư dân trong lịch sử.

gồm: gạch, ngói, đồ gốm men, đồ sành, kim loại... thuộc nhiều giai đoạn lịch sử như Đường, Minh (Trung Quốc) và Trần, Lê sơ, Mạc. Trong quá trình khai quật, các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều di tích, di vật mang dấu ấn thời kỳ nhà Trần trước thời nhà Mạc lên Cao Bằng thế kỷ XVI. Kết quả các cuộc khai quật cho thấy, thành Na Lữ được xây dựng bằng gạch và đá, trở thành tòa thành có quy mô to lớn, kiên cố từ thời nhà Mạc. Đây cũng là trung tâm quân sự, kinh tế, văn hóa lớn trên vùng đất biên viễn của Tổ quốc.

Di tích thành Bản Phủ thuộc xóm Hồng Quang 1, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng. Dựa theo truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua”, Bản Phủ là thành của Tục Pán (Thục Phán) ở kinh đô Nam Bình - Kinh đô xưa của nước Nam Cương. Cũng theo truyền thuyết và sử sách, thành Bản Phủ là vương phủ của nhà Mạc ở Cao Bằng thế kỷ XVI - XVII.

Vào năm 2007, 2010 và 2023, Viện Khảo cổ học tiến hành những cuộc đào thăm dò và khai quật lớn. Kết quả tìm thấy nhiều mảnh gốm sứ của Việt Nam và Trung Quốc của các đời nhà Lý, Trần, Lê sơ tới nhà Mạc, trong đó các mảnh gốm sứ nhà Mạc chiếm đa số. Gốm men Trung Quốc chủ yếu thuộc đời nhà Minh, thế kỷ XVII.

Trong thời gian ở Cao Bằng, nhà Mạc không chỉ tu bổ sửa chữa thành Na Lữ, xây dựng thành Bản Phủ mà còn tu bổ hoặc xây dựng các thành khác như thành Phục Hòa (thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa), thành Lũng Hoàng (xã Hồng Việt, huyện Hòa An). Theo sử sách ghi chép lại, thành Phục Hòa được xây cùng thời với thành Na Lữ. Cùng với đó là việc xây dựng hệ thống đồn bốt, thành lũy khá dày xung quanh kinh đô và một số điểm biên giới quan trọng, tạo thành một hệ thống bảo vệ kinh thành và bảo vệ biên giới.

Về hệ thống đền, chùa: Những di tích đền, chùa được xây dựng khá nhiều trên đất Cao Bằng, nhưng do chiến tranh liên miên trong lịch sử và sự huỷ hoại của thiên nhiên nên số lượng đền,

chùa cổ không còn nhiều. Hiện nay trên mảnh đất Cao Bằng vẫn còn một số đền chùa rất nổi tiếng như đền Kỳ Sầm, đền Vua Lê, chùa Sùng Phúc, chùa Đà Quận... Với những giá trị rất cao về lịch sử và văn hoá, hầu hết các di tích nêu trên được Nhà nước xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Đền Kỳ Sầm nằm ở xóm Bản Ngần (nay là xóm 9), xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng. Đền được xây dựng từ rất lâu đời để thờ nhân vật lịch sử, danh tướng - Khâu Sầm Đại vương (vua lớn của núi Khâu Sầm) Nùng Trí Cao (1025 - 1053), người đã có công lao to lớn, đánh tan các cuộc xâm lược của nhà Tống thế kỷ XI dưới thời Lý, góp phần bảo vệ biên cương phía Bắc của Tổ quốc.

Đền Vua Lê, nằm trong quần thể di tích thành Na Lữ (thuộc xóm Na Lữ, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An). Thời nhà Mạc cho xây dựng cung điện ở gò Long nằm ở phía Bắc thành. Năm 1682, quan trấn thủ Cao Bằng là Lê Văn Hải đã tâu xin Vua Lê cho đổi cung điện nhà Mạc thành đền thờ Vua Lê Thái Tổ.

Chùa Sùng Phúc ở thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang. Ban đầu, ngôi chùa có tên là chùa Sùng Khánh được xây dựng từ thời Vua Trần Nhân Tông (1279 - 1293) trên đỉnh núi Pò Kiên thuộc địa phận xã Lệnh Cấm. Đến đời Vua Lê Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 43 (năm 1782), chùa được di chuyển đến vị trí chùa Sùng Phúc hiện nay và đổi tên là Sùng Phúc Tự. Chùa thờ Phật và một số nhân vật, trong đó có bà Nguyễn Thị Duệ - nữ tiến sĩ đầu tiên và duy nhất của khoa bảng phong kiến Việt Nam. Hiện nay, trong khuôn viên của chùa còn lưu giữ hai tấm bia có giá trị: bia triều vua Cảnh Hưng thứ 43 (năm 1782), bia triều Vua Thành Thái năm Ất Tỵ (năm 1905). Năm 1993, hai tấm bia được công nhận là di tích quốc gia theo Quyết định số 68-VH/QĐ, ngày 29/01/1993 của Bộ Văn hoá - Thông tin.

Chùa Đà Quận, còn gọi là chùa Viên Minh (thuộc xóm Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng), được khởi dựng từ

thời Vua Lý Anh Tông (1138 - 1175), là nơi thờ Phật và đền Quan Triều thờ danh tướng Dương Tự Minh, người có công dẹp trừ giặc, giữ gìn bình an vùng biên viễn Cao Bằng, bảo vệ lãnh thổ quốc gia Đại Việt thế kỷ XII. Hiện nay, trong khuôn viên quần thể di tích Đà Quận còn lưu giữ đôi chuông “Thần Chung” (tức chuông Thần) được tạo vào năm 1611 và được công nhận là di tích nghệ thuật cấp quốc gia năm 1995, bảo vật quốc gia năm 2016.

Về hệ thống văn bia cổ: Cho đến nay, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã phát hiện 48 bia, với mật độ phân bố không đều nhau, phần lớn tập trung tại khu vực thành phố Cao Bằng và các huyện Hòa An, Trùng Khánh. Văn bia Cao Bằng được thể hiện dưới hai dạng là bia ma nhai và bia khối, trong đó loại hình bia ma nhai có niên đại sớm nhất, bắt đầu từ thời Lê sơ với bài thơ “Ngự chế” của Vua Lê Thái Tổ khắc trên núi Phja Tém, xã Hồng Việt, huyện Hòa An vào năm 1431 được công nhận là bảo vật quốc gia năm 2020. Hai tấm bia muộn nhất ở Cao Bằng là bia mộ họ Bé ở Nà Khoang và bia mộ làng Đông Gạch, đều có niên đại Bảo Đại thứ 17 (năm 1942) và đều ở thị trấn Trà Lĩnh (huyện Trùng Khánh). Nội dung, giá trị của văn bia Cao Bằng có vai trò quan trọng, góp phần vào việc nghiên cứu các vấn đề lịch sử, văn hóa, địa lý, tôn giáo, tín ngưỡng của tỉnh Cao Bằng nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung.

Tiềm năng di sản khảo cổ học ở Cao Bằng là rất to lớn, các di tích và di vật khảo cổ nhiều thời đại còn lưu lại đến hôm nay là những chứng tích của lịch sử, chứa đựng những trầm tích văn hóa mang tính cội nguồn, tính truyền thống xa xưa của dân tộc. Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng có quyền tự hào về di sản văn hóa quý giá trên quê hương mình. Và đây cũng là nguồn tài nguyên kinh tế du lịch đầy tiềm năng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng non nước Cao Bằng thành một tỉnh vùng biên cực Bắc giàu đẹp và văn minh của Tổ quốc.

CAO BẰNG - VÙNG ĐẤT CỔ, ĐỊA HÌNH ĐA DẠNG

PGS.TS. ĐÀM THỊ UYÊN*

ThS. NÔNG VĂN QUÂN**

Lịch sử tiến hoá địa chất lâu dài và phức tạp đã tạo nên ở vùng đất Cao Bằng một hệ thống các di sản địa chất, di sản thiên nhiên vô cùng phong phú và đa dạng. Đến nay, các nhà khoa học đã phát hiện, đánh giá và đề xuất xếp hạng trên 130 điểm di sản địa chất độc đáo, với các dạng địa hình, cảnh quan đá vôi phong phú, đa dạng như các tháp đá, nón, thung lũng, hang động, hệ thống sông hồ, hang ngầm, phản ánh một chu kỳ tiến hóa karst hoàn chỉnh ở vùng nhiệt đới phía Bắc Việt Nam. Thêm vào đó là rất nhiều kiểu loại di sản địa chất khác như các hóa thạch cổ sinh, ranh giới giữa các phân vị địa chất, đứt gãy, các loại hình khoáng sản hình thành trong khu vực, tất cả cùng minh chứng cho lịch sử phát triển địa chất phức tạp, kéo dài đến hơn 500 triệu năm ở vùng đất này.

Nằm ở độ cao khoảng 600 - 1.000 m so với mực nước biển, Cao Bằng có địa hình tương đối phức tạp, đa dạng, mức độ cắt xẻ lớn, chủ yếu là đồi, núi chiếm 90% diện tích, độ cao thấp dần từ phía tây - tây bắc xuống phía đông - đông nam; có thể chia thành ba dạng địa hình chính:

*, ** Đại học Thái Nguyên.

Miền địa hình núi cao có nhiều dãy núi kéo dài từ phía tây nam huyện Bảo Lạc sang phía tây huyện Nguyên Bình với các đỉnh núi cao tiêu biểu: Phja Dạ (huyện Bảo Lạc) cao 1.976,7 m, Phja Oắc cao 1.931 m và Phja Đén (huyện Nguyên Bình) cao 1.391 m so với mực nước biển. Vòng cung Ngân Sơn, bao gồm các dãy núi kéo dài từ phía bắc - tây bắc qua huyện Ngân Sơn (tỉnh Bắc Kạn) theo hướng tây - tây bắc đến huyện Thạch An rồi rẽ sang phía tây - tây nam của tỉnh Lạng Sơn. Cả hai hệ thống núi cao có hướng tây bắc - đông nam, địa hình chia cắt hiểm trở, gây khó khăn lớn về giao thông... Ở phía tây các huyện Bảo Lạc và Bảo Lâm, địa hình bị chia cắt thành nhiều thung lũng sâu với vách đá dựng đứng, có nhiều vực thẳm, có nhiều ngọn núi cao 1.200 - 1.800 m, hiểm trở, đi lại khó khăn.

Dãy Bảo Lạc - Tấp Ná chạy từ phía đông huyện Bảo Lạc kéo dài qua vùng Thông Nông (huyện Hà Quảng), phía tây huyện Hòa An đến đông bắc huyện Nguyên Bình. Đỉnh cao nhất có độ cao 1.803 m thuộc xã Khánh Xuân (huyện Bảo Lạc), bị chia cắt thành nhiều hẻm vực sâu, thung lũng rộng, điển hình là thung lũng Đồng Mu (độ cao 893 m so với mực nước biển).

Dãy Lũng Súng - Mỏ Sắt nằm song song với dãy Bảo Lạc - Tấp Ná nhưng ngắn hơn, đi từ Sóc Giang (huyện Hà Quảng) đến vùng Mỏ Sắt (huyện Hòa An) độ cao đã giảm nhưng vẫn còn các vách đá thẳng đứng, hiểm trở trên bờ sông Sóc Giang.

Miền địa hình núi đá vôi được phát triển tại các khu vực Tân kiến tạo nâng lên (từ trung bình đến yếu và rất yếu) với nền địa chất ưu thế là đá vôi. Địa hình cacxtơ chiếm diện tích ở hầu hết các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa, Hà Quảng, một số xã phía bắc huyện Thạch An, đông nam huyện Bảo Lạc và đông bắc huyện Nguyên Bình. Địa hình miền này rất phức tạp, gồm hệ thống các dãy núi đá vôi, phân cách mãnh liệt với các đỉnh nhọn dạng tai mèo, gồ ghề, lởm chởm, cao thấp khác nhau,

hiều hang hốc tự nhiên. Có phương kéo dài chung theo hướng tây bắc - đông nam, xen kẽ các dãy núi là các thung lũng. Đất đá tham gia thành tạo¹ kiểu địa hình cacxtơ là đá vôi của niên đại Palêôzôi giữa và muộn (kỷ Devon đến kỷ Pecmi). Do ảnh hưởng của các quá trình ngoại sinh đã tạo nên hàng loạt địa hình cacxtơ như các khối núi cacxtơ trụi thấp, cánh đồng cacxtơ, hang động cacxtơ...

Ngoài ra, địa hình cacxtơ bao gồm một bộ phận của các cánh cung lớn của miền Đông Bắc Việt Nam là phần bắc của cánh cung sông Gâm và cánh cung Ngân Sơn thuộc địa phận Cao Bằng.

Cánh cung sông Gâm bắt đầu từ cao nguyên Lang Cá đi qua huyện Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) nối liền với Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc). Đỉnh cao nhất của cánh cung sông Gâm là Phja Dạ, cấu tạo bằng đá granít nằm giữa địa giới huyện Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) và huyện Bảo Lạc.

Cánh cung Ngân Sơn bắt đầu từ huyện Nguyên Bình đi qua tỉnh Bắc Kạn, kết thúc ở phía bắc thành phố Thái Nguyên (tỉnh Thái Nguyên). Phần lớn núi ở phía nam huyện Nguyên Bình đều cấu tạo bằng đá phiến. Tất cả sông, suối ở sườn đông cánh cung Ngân Sơn đều chảy vào sông Bằng và sông Kỳ Cùng (tỉnh Lạng Sơn); những dòng nước ở sườn tây đều đổ vào sông Năng và sông Cầu. Cánh cung bắt đầu bằng ngọn núi Phja Oắc là một khối granít đồ sộ, đỉnh nhọn, sườn dốc, cây cối rậm rạp. Trên núi bốn mùa ẩm ướt, những cây cỏ thụ phủ rêu xanh từ gốc đến cành. Lòng chảo Tĩnh Túc nằm dưới chân núi là nơi lắng đọng những khoáng sản quý hiếm từ khối núi Phja Oắc trôi xuống.

Miền địa hình núi thấp, thung lũng phân bố chủ yếu ở phía đông và đông nam, xen kẽ các hệ thống núi cao, núi đá vôi là đồi, thung lũng lớn, sông suối... Vùng máng trũng này hình thành

1. Thành tạo: được tạo nên trong quá trình biến đổi của tự nhiên. Ví dụ: quá trình thành tạo vỏ trái đất (BBS).

trên đường đứt gãy của vùng địa hình Cao Bằng - Tiên Yên, xuất hiện vào thời kỳ vận động tạo sơn Anpi.

Máng trũng Cao Bằng là vùng lưu vực sông Bằng, kéo dài từ Sóc Giang (huyện Hà Quảng) tới Phục Hòa (huyện Quảng Hòa), độ cao giảm dần từ tây bắc xuống đông nam: vùng Sóc Giang cao 249 m, đến cánh đồng Hòa An còn khoảng 200 m, gần thành phố Cao Bằng có độ cao là 193 m, đến Tà Lùng (huyện Quảng Hòa) thì độ cao chỉ còn 148 m so với mực nước biển. Các lớp phù sa cổ và phù sa mới đã bồi đắp nên cánh đồng Cao Bằng từ phía nam huyện Hà Quảng đến thành phố Cao Bằng, có diện tích rộng trên 6.000 ha, vùng đất rộng nhất và màu mỡ nhất là trung tâm huyện Hòa An.

Giữa hai dãy núi đá vôi Bảo Lạc - Táp Ná, dãy Lục Khu - Thạch An và hai bên bờ sông Bằng có những dãy núi đá phiến và phún xuất. Ven cánh đồng Hòa An có ngọn núi Khau Khấu cao 809 m và ngọn núi Kỳ Sầm cao 678 m so với mực nước biển; ngoài ra, xen giữa các cánh đồng, thung lũng nhỏ là những đồi núi thấp, không liên tục theo kiểu bát úp.

Địa hình Cao Bằng đa dạng, mỗi miền có đặc điểm và thuận lợi riêng đối với phát triển kinh tế. Miền núi cánh cung và các cao nguyên biên giới có thể phát triển lâm nghiệp, chăn nuôi đại gia súc và trồng cây công nghiệp, cây ăn quả ôn đới, cây đặc sản, cây dược liệu. Miền địa hình lòng máng Cao Bằng thuận lợi trồng lúa nước trên cánh đồng phù sa màu mỡ. Miền đồi núi thấp thuận lợi để phát triển kinh tế vườn rừng. Đặc biệt, sự đa dạng của địa hình cacxtơ đã góp phần hình thành nên những cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp và thơ mộng như thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, hồ Thăng Hen, hồ Bản Viết, Mát Thần Núi, đồi cỏ Ba Quảng... Năm 1998, thác Bản Giốc và động Ngườm Ngao đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là danh thắng cấp quốc gia. Năm 2018,

Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được Hội đồng chấp hành UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu; Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén (huyện Nguyên Bình) được thành lập... Đây chính là những thuận lợi cho phát triển du lịch của tỉnh.

Trên vùng địa hình đa dạng đó, các nhà khảo cổ đã phát hiện hàng chục di chỉ thời đại đá cũ, đá mới đến thời đại kim khí ở Cao Bằng. Một số di chỉ đã được khảo sát, khai quật và thu được hàng nghìn hiện vật đang lưu giữ ở Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, chứng tỏ rằng nơi đây là một trong những chiếc nôi của người tiền sử, là vùng đất có truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời. Theo truyền thuyết “Pú Lương Quân” tại Cao Bằng, trung tâm Hòa An là nơi sinh sống của cặp trai gái đầu tiên “Báo Luông” và “Slao Cải”. Họ lấy nhau và sinh được trăm con, sinh sống ở hốc cây, hang đá, chưa có nhà cửa, quần áo, hái quả dại, lúa hoang, săn bắt muông thú, lúc đầu ăn sống, sau lấy được lửa tự nhiên do sét đánh, sử dụng cành cây và lấy đá vót nhọn cây gỗ, dần dần họ biết nuôi gia súc, canh tác xây dựng bản làng. Cốt lõi của truyền thuyết đã được chứng minh bằng những chiếc rìu mài thuộc hậu kỳ thời đại đá mới, trong đó rìu, bôn có vai được phát hiện trên các mô đất ngoài ruộng và ven suối trên địa bàn Cao Bằng. Truyền thuyết “Cầu chúa cheng vừa” kể về quá trình hình thành nhà nước Nam Cương, quá trình làm vua nước Nam Cương của Thục Chế và con trai là Thục Phán, người sau này cũng trở thành vua của nhà nước Âu Lạc và dời đô xuống Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). Mặt khác, truyền thuyết cũng mô tả một cách chân thực, sinh động, hấp dẫn về miền đất Cao Bằng, với một bồn địa bằng phẳng ở trung tâm, xung quanh là núi rừng trùng điệp. Một loạt các địa danh của kinh thành Bản Phủ cổ xưa cũng được mô tả thông qua các tích, phản ánh nhận thức của người xưa về các đặc điểm địa hình, địa vật tự nhiên.

Vào cuối thế kỷ III trước Công nguyên, Tần Thủy Hoàng đã lệnh 50 vạn quân vượt biên giới tràn vào lãnh thổ phía Bắc và Đông Bắc xâm lược nước ta. Lúc này hai tộc người Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt vốn gần gũi về dòng máu, địa vực cư trú, về kinh tế và văn hóa lại có điều kiện liên kết chặt chẽ với nhau trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung. Theo sách *Hoài Nam Tử*, “Toàn bộ người Việt trốn vào rừng rậm, ở chung với cầm thú, không chịu làm tù binh của quân Tần. Người Tây Âu chọn người dũng mãnh mạnh dũ làm tướng lĩnh, đang đêm tấn công Tần”¹. Trên đà chiến thắng, người Việt tập hợp lực lượng tổ chức đánh lớn nhằm tiêu diệt sinh lực địch, đại phá quân Tần, giết chết chủ tướng Đồ Thư, buộc nhà Tần phải bãi binh, đây là thắng lợi oanh liệt đầu tiên của dân tộc ta chống lại họa xâm lược của phong kiến phương Bắc. Trong cuộc chiến đấu chống quân Tần, vai trò và uy tín của Thục Phán, người thủ lĩnh kiệt xuất của bộ lạc Âu Việt ngày càng được nâng cao, không chỉ ở trong bộ lạc Âu Việt mà còn ảnh hưởng sâu rộng trong bộ lạc Lạc Việt, Thục Phán đã thay thế Hùng Vương tự xưng là An Dương Vương, lập ra nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa. Tên nước Âu Lạc bao gồm hai thành tố là Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt, phản ánh sự liên kết của hai nhóm người Âu Việt và Lạc Việt cùng chung một nguồn gốc.

Với vị trí chiến lược quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, Cao Bằng “là phen giậu thứ tư về phương Bắc” che chở cho bờ cõi biên thùy của Đại Việt. Lịch sử đã ghi lại nhiều sự tích của những anh hùng dân tộc ở Cao Bằng như: Nùng Trí Cao, Hoàng Lục trong kháng chiến chống quân Tống thời Lý;

1. Nguyễn Tôn Nhan (giới thiệu và dịch giải): *Hoài Nam Tử - Cuộc đời, tư tưởng và toàn văn Hoài Nam Hồng Liệt, quyển 2, Thiên mười tám: Nhân gian huấn (Quan sát quan hệ chuyển hóa giữa họa và phúc, lợi và hại)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr.513.

Bế Khắc Thiệu trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đầu thế kỷ XV... góp phần “phòng thủ biên cương, giữ cho biên cương được thanh bình”. Các triều đại Lý, Lê sơ, Nguyễn... đặt chế độ “thổ quan” và “lưu quan” kết hợp, khiến cho những chiến binh miền xuôi lên hợp lực sát cánh cùng các thổ binh bản địa giữ gìn non sông Tổ quốc luôn phải nặng lòng thương vợ, nhớ con: “*Nàng về nuôi cái cùng con. Để anh đi trả nước non Cao Bằng...*”. Đây là chính sách có ý nghĩa lịch sử tích cực trong việc củng cố quốc gia thống nhất, đẩy lùi được các thế lực cát cứ, xâm lấn từ bên ngoài, giữ gìn được an ninh biên giới.

Trong lịch sử văn hóa của tộc người Tày Cao Bằng, sự xuất hiện chữ Nôm Tày là một sáng tạo tập thể của nhiều thế hệ trí thức người Tày. Mặc dù đến nay, trong giới khoa học chưa xác định được chính xác thời điểm xuất hiện của chữ Nôm Tày, nhưng trong thời kỳ nhà Mạc dời đô lên Cao Bằng (1592 - 1677), một số trí thức người địa phương đã dùng chữ Nôm Tày để sáng tác thơ ca như Tư thiên quản nhạc Bế Văn Phụng còn để lại bài *Tam nguyên luận*, Nông Quỳnh Văn để lại bài lượn *Tứ quý hồng nhan*. Các làn điệu âm nhạc trong cung đình nhà Mạc đã được các mo, then, giàng, pụt địa phương tiếp thu, nhiều bài hát, bản nhạc cùng thời gian đã Tày hóa, dân gian hóa giàu sức sống lưu truyền trong cư dân Cao Bằng. Nhiều nhân vật lịch sử có nguồn gốc tộc người khác nhau đã được các tộc người Cao Bằng duy linh hóa bằng tư duy dân tộc mình, trở thành những vị thần chung được cư dân địa phương sùng kính: Đền thờ Nùng Trí Cao (xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng), đền thờ Trần Hưng Đạo (thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa), đền thờ Vua Lê (xã Hoàng Tung, huyện Hòa An)... Điểm riêng biệt của Cao Bằng từng là nơi đặt kinh đô của nhà Mạc (phố Cao Bình, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng), trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa. Câu nói của người Cao Bằng “Tày lưu quan”, “Keo biến Thổ”, “Tày phiên

thần” là sự phản ánh thực tế khách quan của quá trình hòa hợp, thống nhất tộc người không chỉ về huyết thống, mà còn về tâm hồn, trí tuệ, văn hóa tộc người trong mỗi giai đoạn lịch sử địa phương xưa và nay.

Tựu trung lại, Cao Bằng là vùng đất cổ, có địa hình đa dạng, là nơi hội tụ nhiều di sản văn hóa - lịch sử, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng và an ninh, xứng danh là “phên giậu” vững chắc nơi biên cương phía Bắc của Tổ quốc. Ngày nay, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và Nhà nước đã và đang phát huy thế mạnh nội lực xây dựng, quảng bá các giá trị di sản, cảnh quan thiên nhiên, lịch sử văn hóa, tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế, thu hút các nguồn lực đầu tư, góp phần xây dựng quê hương Cao Bằng phát triển bền vững và giàu mạnh.

VỀ ĐẸP HÙNG VĨ VÀ THƠ MỘNG CỦA SÔNG, NÚI CAO BẰNG

BẾ DŨNG*

Với địa hình cao nguyên núi đá vôi xen lẫn núi đất và thung lũng bằng phẳng khiến Cao Bằng không chỉ có núi rừng hùng vĩ mà còn có hệ thống sông, suối, hồ, hang động dày đặc, góp phần tạo nên cảnh sắc nên thơ tuyệt đẹp. Bên cạnh đó, miền non nước hữu tình này có khí hậu ôn hòa, môi trường thiên nhiên trong lành, đa dạng hệ sinh thái, là điểm đến du lịch hấp dẫn, lý tưởng.

Mạng lưới sông, suối rộng khắp

Ở Cao Bằng, với đặc điểm tự nhiên đồi núi phong phú, đa dạng, chiếm hơn 90% diện tích toàn tỉnh, nên mạng lưới sông, suối, hồ tự nhiên khá nhiều, song phân bố không đều. Hệ thống các con sông chảy theo hướng chính là tây bắc - đông nam và bắc - nam. Lưu lượng dòng chảy thay đổi theo mùa, mùa mưa dòng chảy lớn, mùa cạn dòng chảy thấp. Ở Cao Bằng có 3 hệ thống sông chính: sông Bằng, sông Quây Sơn và sông Gâm. Nhìn chung, hệ thống sông, suối của tỉnh đều nhỏ, nhiều thác ghềnh, khả năng phát triển giao thông đường thủy hạn chế, song có khả năng phát triển thủy điện, là nguồn tài nguyên cung cấp nước sinh hoạt, nước phục vụ sản xuất nông nghiệp rất dồi dào.

* Tỉnh ủy viên, Tổng Biên tập Báo Cao Bằng.

Sông Bằng có diện tích lưu vực 3.420,3 km², độ dài 113 km, bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy theo hướng tây bắc - đông nam qua huyện Hà Quảng, huyện Hòa An, thành phố Cao Bằng, huyện Quảng Hòa rồi chảy qua Thủy Khẩu, Long Châu (Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc)), đổ ra biển Bắc Hải (Trung Quốc). Lưu lượng dòng chảy thay đổi theo mùa, mùa mưa lũ ngẫu đực cuộn cuộn đổ về dâng tràn hai bên bờ, dòng chảy mạnh và xiết; mùa cạn dòng chảy thấp, nước xanh trong hiền hòa. Những vùng đất sông Bằng chảy qua, đất đai trù phú, cây cối xanh tươi; những cánh đồng ven sông được phù sa bồi đắp, hàng năm mang đến những mùa vàng bội thu. Sông Bằng còn có nguồn thủy sản dồi dào như: cá, tôm, cua, ốc... Dòng sông là nguồn tài nguyên nước quý giá trong đời sống sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp của người dân. Hiện nay, đoạn sông Bằng bao quanh thành phố Cao Bằng được xây kè chắc chắn với con phố đi bộ thơ mộng, tạo điểm nhấn cho thành phố Cao Bằng xinh đẹp.

Sông Bắc Vọng thuộc hệ thống sông Bằng, có diện tích lưu vực 1.329 km², đoạn chảy qua Cao Bằng dài 77 km, bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy theo hướng tây bắc - đông nam, qua các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa chảy về phía nam rồi đổ vào sông Bằng qua Thủy Khẩu (Trung Quốc). Con sông trong xanh như một dải lụa mềm, óng ánh uốn lượn quanh những bản làng bình yên; cung cấp nước sinh hoạt và nước phục vụ sản xuất cho người dân.

Sông Gâm có diện tích lưu vực 1.876 km², đoạn chảy qua hai huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm dài 55 km; sông bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc), chảy vào huyện Bảo Lạc, xuống huyện Bảo Lâm rồi xuống các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang trở thành phụ lưu của sông Lô đổ vào sông Hồng. Sông Gâm có hai dòng phụ lưu chính là sông Nho Quế và sông Neo (có nơi gọi là sông Leo). Sông Gâm có làn nước xanh biếc như ngọc, trải dài uốn lượn quanh co theo những con đường và những dãy núi tựa như một



Dòng sông Quây Sơn
chảy qua địa bàn huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Ảnh: Triệu Văn Lịch.

dải lụa mềm mại. Xung quanh sông là một màu xanh bạt ngàn của những ngọn núi kỳ vĩ. Sông Gâm ở Bảo Lạc có rất nhiều sản vật như: tôm, cá, cá dầm xanh, cá anh vũ, cá chiên, cá bống và cá lăng. Đến Bảo Lâm, du khách có thể trải nghiệm dịch vụ chèo thuyền tham quan trên sông Gâm. Vào tháng Ba, những cây hoa gạo nở đỏ rực hai bên sông tựa như những tháp đèn khổng lồ tạo khung cảnh vừa rực rỡ, vừa lãng mạn. Mùa hè dòng nước trong xanh, mát rượi xen với ánh nắng lấp lánh chiếu trên mặt nước làm nổi bật cả vùng trời non xanh nước biếc, sơn thủy hữu tình.

Sông Quây Sơn có diện tích lưu vực 2.319 km², đoạn chảy qua Cao Bằng dài 76 km, bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy theo hướng tây bắc - đông nam qua các xã: Ngọc Côn, Ngọc Khê, Phong Nặm, Đình Phong, Chí Viễn, Đàm Thủy (huyện Trùng Khánh), rồi chảy xuống xã Minh Long (huyện Hạ Lang), chảy sang huyện Đại Tân, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc). Ngắm dòng sông, ai cũng xao xuyến, ấn tượng bởi vẻ đẹp của đôi

núi trùng điệp, hùng vĩ, hòa quyện với dòng nước bốn mùa trong xanh, thấp thoáng những xóm làng người Tày, người Nùng còn lưu giữ những nét văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Sông Quây Sơn có nhiều sản vật quý như cá trắm hương, cá trắm xanh..., đồng thời còn bồi đắp phù sa, đất đai màu mỡ và là một điểm du lịch đẹp khi đến Cao Bằng.

Núi non hùng vĩ, trùng điệp

Với địa hình cao nguyên núi đá vôi đa dạng, Cao Bằng có nhiều dãy núi, ngọn núi mang vẻ đẹp độc đáo riêng. Đi theo hướng tây sẽ đến với dãy núi cao từ 600 - 2.000 m so với mực nước biển, điển hình như: Phja Dạ (huyện Bảo Lạc) gần 2.000 m, Phja Đén, Phja Oắc (huyện Nguyên Bình) từ 800 - 1.900 m, Phiêng Mòn (huyện Bảo Lâm) trên 1.000 m...

Núi Phja Dạ được coi là “nóc nhà” của tỉnh với độ cao 1.976,7 m so với mực nước biển, nằm trên địa phận 2 xã Sơn Lập (huyện Bảo Lạc) và Thái Sơn (huyện Bảo Lâm). Nhiệt độ tại đây quanh năm thường xuyên thấp hơn các nơi khác trong địa bàn tỉnh Cao Bằng 7 - 8°C, có thời điểm thấp hơn 12 - 15°C. Phja Dạ sở hữu cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, kỳ vĩ. Trên đỉnh núi có dòng nước tuôn ra, lan tỏa thành dòng thác mềm mại xen lẫn những đám mây bông bênh. Thiên nhiên nơi ngọn núi thay đổi theo 4 mùa: mùa xuân, mùa đông mây trắng như những dải lụa mềm bao phủ núi; mùa hạ mưa nhiều, đỉnh núi như thác nước khổng lồ từ trên trời tuôn xuống; mùa thu ít mây, nắng chiếu tỏa sáng lên ngọn núi như tháp lửa. Dưới chân núi là đầu nguồn sông Năng, nơi có những bản làng bình yên của đồng bào Mông, Dao sinh sống. Tại đỉnh Phja Dạ, hằng năm xuất hiện hiện tượng tuyết rơi lôi cuốn nhiều du khách đến chiêm ngưỡng. Ở núi Phja Dạ có vàng sa khoáng được khai thác từ thời Pháp thuộc, đã có nhiều đoàn chuyên gia địa chất đến khảo sát. Theo các nhà địa chất, ở một số khu vực núi có mỏ khoáng sản với trữ lượng khá lớn.

Núi Phja Dạ ngày càng thu hút các phượt thủ trẻ, du khách ưa mạo hiểm đến chinh phục, khám phá, trải nghiệm.

Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén được thành lập ngày 11/01/2018 có tổng diện tích tự nhiên 10.593,5 ha trong đó có 8.146,6 ha rừng tự nhiên thuộc địa bàn 4 xã: Thành Công, Quang Thành, Phan Thanh, Hưng Đạo và thị trấn Tĩnh Túc thuộc huyện Nguyên Bình. Đây là một khu rừng đặc biệt nằm trong Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng với hệ thống địa chất gồm những dãy núi cao, nhiều khoáng sản quý hiếm và có hệ sinh thái đa dạng, nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Hiện nay, vườn có 496 loài động vật có xương sống và hàng nghìn loài động vật không xương sống, côn trùng... Trong đó có 58 loài thuộc nhóm động vật quý hiếm, bao gồm 30 loài thú có tên trong Sách Đỏ Việt Nam; có 12 loài bò sát, trong đó 3 loài ở thứ hạng cực kỳ nguy cấp; có 3 loài ếch nhái, trong đó 2 loài ở thứ hạng cực kỳ nguy cấp. Đây là nguồn tài nguyên vô cùng quý hiếm, những nguồn gen động vật này có giá trị kinh tế và giá trị bảo tồn cao. Phja Oắc, Phja Đén là tên hai đỉnh núi cao trong khu Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén. Đỉnh núi Phja Đén có độ cao 1.391 m và đỉnh núi Phja Oắc có độ cao đến 1.931 m, được ví như “nóc nhà” phía tây của tỉnh Cao Bằng. Ngoài ra, trong khuôn viên vườn quốc gia này cũng có rất nhiều ngọn núi cao ấn tượng khác như đỉnh Tam Loang cao 1.446 m, đỉnh núi Niot Ti cao 1.574 m.

Đỉnh núi Phja Oắc sở hữu thảm thực vật hoang sơ, phong phú. Mỗi mùa Phja Oắc lại mang một vẻ đẹp riêng. Mùa xuân, nơi đây ngập tràn sắc hoa đào, hoa mận trắng tinh khôi. Mùa hè, Phja Oắc khoác lên mình tấm áo xanh mượt của rừng nguyên sinh, thảm thực vật phong phú. Mùa thu, những thửa ruộng bậc thang uốn lượn mang sắc vàng óng ả. Đặc biệt, mùa đông từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau, Phja Oắc trở nên huyền ảo với biển mây trắng xóa trải dài đến tận chân trời. Khi mặt trời lên, những tia nắng ấm áp xuyên qua lớp mây dày, tạo nên bức tranh

thiên nhiên tuyệt đẹp. Đặc biệt vào những ngày giá lạnh, nhiệt độ xuống âm độ C, đỉnh núi Phja Oắc phủ kín một màu trắng của băng giá. Phja Oắc - Phja Đén như một bức tranh thiên nhiên huyền ảo và hùng vĩ, ẩn chứa nhiều điều kỳ diệu của tự nhiên. Chính sự hoang sơ, nguyên vẹn của núi rừng nơi đây đã tạo sự hứng thú đặc biệt thu hút các nhà khoa học, khách du lịch trong và ngoài nước tìm hiểu, khám phá.

Mất Thần Núi (Núi thủng) ở xã Cao Chương (huyện Trùng Khánh) nằm trong hệ thống di sản của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, thuộc tuyến du lịch phía đông “Trải nghiệm văn hóa bản địa ở xứ sở thần tiên”. Gọi Mất Thần Núi bởi giữa ngọn núi cao có khoảng trống rất lớn, từ bên này nhìn rõ sang bên kia núi. Cách trung tâm thành phố Cao Bằng gần 30 km, Mất Thần Núi là một nơi lý tưởng để thưởng ngoạn, khám phá. Nơi đây khí hậu trong lành, cảnh vật bình yên và thơ mộng; là kiệt tác thiên nhiên kỳ diệu ban tặng cho Cao Bằng, không nơi nào có được. Mất Thần Núi nằm trong khu vực hệ thống hồ Thằng Hen liên thông nhau, có dòng chảy trên mặt hồ và dòng chảy ngầm. Phong cảnh khu vực núi được thay đổi theo mùa, mùa đông - xuân là mùa khô không có mưa, chân Mất Thần Núi là thảm cỏ xanh mượt bằng phẳng như tấm thảm nhung. Mùa hè (tháng 6 - 8 hàng năm) là mùa mưa, nước dâng lên thành hồ lớn, Mất Thần Núi nổi bật lên như một chiếc mắt khổng lồ hiện lên giữa hồ nước, tạo thành khung cảnh kỳ vĩ độc đáo. Mất Thần Núi được công nhận là danh lam thắng cảnh cấp quốc gia theo Quyết định số 1988/QĐ-BVHTTDL, ngày 29/6/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Non nước Cao Bằng xinh đẹp, ngoài những ngọn núi trên, đến đâu cũng bắt gặp những đỉnh núi cao vời vợi phủ một màu xanh mát mắt hay những dãy núi đá cao đẹp và độc đáo. Mỗi ngọn núi đều sở hữu phong cảnh tuyệt đẹp, hấp dẫn và mang đến cho người khám phá vẻ thán phục và trầm trồ khi đặt chân đến.

NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA KHÍ HẬU CAO BẰNG

NÔNG THỊ QUỲNH ANH*

Do nằm sát chí tuyến Bắc trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu nên khí hậu của Cao Bằng mang tính chất khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng có đặc trưng riêng so với các tỉnh miền núi khác thuộc vùng Đông Bắc là có tiểu vùng khí hậu á nhiệt đới, thể hiện bốn mùa trong năm nhưng rõ nhất là mùa hè và mùa đông. Mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc; mùa hè chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Nam.

Do tác động của hoàn lưu khí quyển khu vực trên mặt đệm của địa hình và vị trí địa lý, khí hậu, Cao Bằng hình thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9 hằng năm. Vào mùa này, gió mùa Đông Nam thịnh hành từ biển Đông thổi tới mang nhiều hơi ẩm qua vùng đồng bằng Bắc Bộ, trung du, miền núi tới Cao Bằng. Do đó, khí hậu, thời tiết nóng, ẩm, có lúc mưa nhiều, gây nên lũ lụt, xói lở đất, lũ quét. Mùa khô bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau. Mùa này, gió mùa Đông Bắc từ lục địa Trung Quốc thổi tới, tính chất lạnh, khô. Khí hậu mang tính ôn đới, mát mẻ, thời tiết có ngày lạnh giá, rét buốt, xuất hiện sương muối, thậm chí có tuyết rơi, nhất là ở vùng núi cao. Từ tháng 12 năm trước đến tháng 02 năm sau là các tháng lạnh giá. Ngoài ra, khí hậu của tỉnh còn

* Trưởng phòng Thư ký - Bạn đọc, Báo Cao Bằng.



Vào mùa đông, ở các vùng núi cao thường xuất hiện sương muối, băng giá

Ảnh: Nông Thị Quỳnh Anh.

chịu ảnh hưởng của một số nhân tố như vĩ độ, độ cao địa hình, hướng núi... nên khí hậu trở nên phức tạp, thất thường.

Về nhiệt độ, tất cả các địa phương trong tỉnh mỗi năm mặt trời lên thiên đỉnh¹ hai lần, mỗi lần cách nhau từ 10 đến 20 ngày trước và sau ngày hạ chí (22/6 hằng năm). Số giờ nắng trung bình/năm của các địa phương trong tỉnh từ 1.400 - 1.600 giờ. Nhiệt độ trung bình năm dao động trong khoảng 19,8 - 21,6°C, mùa hè có nhiệt độ trung bình dao động trong khoảng 25 - 28°C, mùa đông có nhiệt độ trung bình dao động trong khoảng 14 - 18°C, nhiệt độ không có sự chênh lệch nhiều giữa các khu vực trong tỉnh. Tuy nhiên, nhiệt độ có xu thế giảm theo độ cao địa hình, ở các vùng

1. Hiện tượng mặt trời lên thiên đỉnh là hiện tượng mặt trời ở đúng đỉnh đầu lúc 12 giờ trưa, có thể hiểu là góc nhập xạ bằng 90°, nghĩa là tia sáng mặt trời chiếu vuông góc xuống mặt đất.

vừa, núi thấp và thung lũng (huyện Bảo Lạc, thành phố Cao Bằng), nhiệt độ cao hơn so với các vùng núi cao (các huyện Trùng Khánh, Nguyên Bình). Tháng nóng nhất trong năm là tháng 7, nhiệt độ trung bình phổ biến 26 - 27,5°C. Tháng lạnh nhất là tháng 01, nhiệt độ trung bình từ trên 11,5 - 15°C. Biên độ nhiệt giữa tháng nóng nhất và lạnh nhất khoảng 13 - 14°C, trong đó chênh lệch nhiều nhất ở vùng núi cao huyện Trùng Khánh.

Mùa đông lạnh kéo dài từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Phần lớn các huyện, thành phố có ba tháng nhiệt độ trung bình dưới 15°C. Tuy nhiên, giữa các vùng có sự phân hóa. Vùng thấp như thành phố Cao Bằng và các huyện Hòa An, Quảng Hòa có mùa lạnh ngắn hơn, chỉ có một tháng nhiệt độ dưới 15°C. Vùng thượng lưu sông Neo, vùng núi Phja Oắc, Phja Dạ và phía tây huyện Hà Quảng rét đậm hơn. Ở đây thường có 1 - 2 tháng nhiệt độ dưới 10°C. Vùng núi cao thường xuất hiện sương muối, băng giá. Khi lạnh nhất nhiệt độ có thể xuống dưới 0°C và thường xảy ra vào tháng 01. Ở vùng núi cao trung bình và núi thấp thường có mùa hạ mát mẻ, nhiệt độ những tháng nóng cũng chỉ khoảng dưới 25°C. Nhìn chung, phần lớn địa bàn còn lại đều có mùa hạ với nhiệt độ trung bình/tháng vượt quá 25°C.

Cao Bằng chịu ảnh hưởng của các loại gió hoạt động theo mùa. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, gió thổi từ Bắc và Đông Bắc về mang theo không khí lạnh và khô. Từ tháng 5 đến tháng 10, gió Đông Nam thổi tới mang theo nhiều hơi nước là tác nhân chính cho mùa hạ có lượng mưa lớn, đôi khi xuất hiện gió lốc cục bộ từng khu vực hẹp.

Lượng mưa trung bình năm của tỉnh dao động từ 1.000 - 1.900 mm. So sánh với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, lượng mưa của Cao Bằng tương đối thấp. Mùa mưa nhiều bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 9, chiếm khoảng 75% tổng lượng mưa cả năm. Mùa khô kéo dài 7 tháng, từ tháng 10

năm trước đến tháng 4 năm sau, cũng là thời kỳ hoạt động của gió mùa mùa đông. Lượng mưa mùa này chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng mưa cả năm, dao động giữa các tháng từ 23 mm đến dưới 100 mm, thời kỳ khô hạn nhất là từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau.

Do ảnh hưởng của địa hình, lượng mưa phân bố không đều, vùng mưa nhiều 1.500 - 1.900 mm/năm gồm các huyện: Nguyên Bình, Hạ Lang, phía Bắc huyện Hà Quảng, vùng Trà Lĩnh (huyện Trùng Khánh) và vùng Quảng Uyên (huyện Quảng Hòa). Vùng mưa trung bình 1.300 - 1.500 mm/năm gồm các huyện: Hà Quảng, Hoà An, Trùng Khánh. Vùng mưa ít 1.000 - 1.300 mm/năm gồm: huyện Thạch An, thung lũng Bảo Lạc, vùng Phục Hoà (huyện Quảng Hòa).

Điều kiện đất đai, khí hậu ở Cao Bằng khá thuận lợi cho việc phát triển nông, lâm nghiệp với hai vùng riêng biệt: Đối với vùng cao á nhiệt đới (có độ cao 800 - 1.300 m), tỉnh xác định đầu tư trồng các loại cây dược liệu quý, chè Ô Long, hoa quả đặc sản ôn đới; ở vùng thấp, phát triển những giống cây ăn quả địa phương có giá trị kinh tế cao, nguyên liệu thuốc lá, cây trúc sào, hồi và chăn nuôi trang trại. Đặc biệt, khí hậu và thổ nhưỡng thích ứng cho thảm thực vật nên cây thuốc hoang dã phát triển và tạo thuận lợi cho trồng cây thuốc quý. Theo đánh giá của Viện Dược liệu, Cao Bằng có hơn 600 loài cây thuốc được sử dụng ở các mức độ khác nhau, trong đó các loại dược liệu quý như hà thủ ô đỏ, hoàng tinh, hy thiêm, giảo cổ lam, cỏ mật gấu, ba kích, kim ngân... Cây thuốc có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn cao về hàm lượng, công dụng y học và giá trị kinh tế, trong đó có hà thủ ô đỏ tại huyện Bảo Lạc được đánh giá là loại cây trồng có giá trị kinh tế cao.

Sự phân hóa khí hậu theo độ cao ở Cao Bằng là điều kiện thuận lợi để phát triển các cây trồng đặc hữu, hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái. Nhiều trái cây quanh năm “mùa nào thức ấy”, có nhiều loại trái cây trở thành đặc sản thơm ngon,

đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và được nhiều người biết đến: cam Trưng Vương, quýt Trà Lĩnh, lê Đông Khê, mận máu Bảo Lạc, hạt dẻ Trùng Khánh... Trong chu kỳ một năm, Cao Bằng có bốn mùa hoa thơm, trái ngọt để đón khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm. Vào mùa xuân du khách sẽ được trải nghiệm những vườn hoa xuân rực rỡ. Trong đó, những cây đào cổ thụ mọc tự nhiên trên đồi, vườn nhà, dọc hai bên đường đua hoa khoe sắc; những cây lê, cây mận, cây mơ nở hoa trắng ngần trên các sườn đồi. Tất cả các loại hoa tạo nên bức tranh thiên nhiên rạng rỡ chào đón sắc xuân. Mùa hè là mùa hoa cẩm tú cầu đua nhau nở rộ ở Phja Đén, Phja Oắc (huyện Nguyên Bình), những cánh hoa mỏng manh, chen chúc tạo thành một quả cầu hoa kiêu hãnh vươn cao giữa cảnh núi rừng trùng điệp, bạt ngàn cây xanh cùng các loại chim chóc đua nhau hót vang cả núi rừng. Khi sang thu, du khách sẽ được chiêm ngưỡng cảnh đẹp từ những cánh đồng lúa chín vàng óng, những thửa ruộng bậc thang lượn sóng. Những cánh đồng lúa trĩu bông uốn lượn bên các con sông thơ mộng tạo nên bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp hòa quyện giữa trời và đất. Mùa đông đến, Cao Bằng không chỉ chìm đắm trong sương giăng, gió núi mà tại đỉnh Phja Oắc với độ cao trên 1.900 m so với mực nước biển thường xuất hiện băng tuyết. Du khách tận mắt trải nghiệm hình ảnh những bông hoa tuyết phủ đầy từng dãy núi, giăng kín trên nóc nhà, cành cây khô, những rừng cây, ngọn núi trắng xóa bông tuyết, mọi cảnh vật xung quanh tựa như tiên cảnh.

Sự phân hóa khí hậu theo độ cao là điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái. Tuy nhiên, khí hậu Cao Bằng đa dạng, thất thường, các hiện tượng thời tiết cực đoan như băng giá, sương muối, lũ quét, hạn hán, mưa đá... gây khó khăn cho sản xuất và đời sống. Do vậy, công tác dự báo thời tiết, các biện pháp phòng, chống hạn chế thiệt hại do tự nhiên gây ra rất quan trọng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TỈNH CAO BẰNG QUA CÁC THỜI KỲ

PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI*

Trong tiến trình phát triển chung của lịch sử hình thành và phát triển đất nước, tỉnh Cao Bằng đã trải qua quá trình hình thành và thay đổi địa giới hành chính với những dấu mốc quan trọng.

Thời tiền sơ sử, Cao Bằng là nơi tụ cư của bộ lạc Âu Việt (hay còn được gọi là Tây Vu, Tây Âu, Tây Âu Lạc). Theo học giả Đào Duy Anh: “Bộ lạc Tây Vu là bộ lạc căn bản của Thục Phán, có lẽ nguyên trước chỉ là ở miền thượng lưu sông Lô, bao gồm cả miền thượng lưu sông Gâm và sông Chảy, tức miền Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng ngày nay. Sau khi Thục Phán thắng được Hùng (Lạc) Vương mà dựng nước Âu Lạc thì Thục Phán có lẽ đã mở rộng bộ lạc căn bản của mình xuống đến giáp sông Thao và sông Đuống...”¹.

Năm 1963, nhà dân tộc học Lã Văn Lô đã dịch và công bố truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua” (Chín chúa tranh vua) lưu truyền ở vùng Cao Bằng. Nội dung truyền thuyết cho biết, Thục Phán là con của Thục Chế - vua của nước Nam Cương ở vùng

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1994, tr.29.

Cao Bằng và Quảng Tây (Trung Quốc), trung tâm là đất Hòa An, Cao Bằng hiện nay¹. Cũng nghiên cứu về truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua”, hai tác giả Đặng Nghiêm Vạn, Trần Quốc Vượng đã đưa ra giả thuyết rằng: Thục Phán là tù trưởng một liên minh bộ lạc là người Âu Việt (tức Tây Âu), hay người Tày cổ ở vùng núi rừng phía Bắc Việt Nam và phía Nam Quảng Tây, Trung Quốc².

Từ sự ghi chép trong thư tịch cổ, kết hợp với truyền thuyết dân gian có thể khẳng định, nước Âu Lạc và An Dương Vương hiện diện trong lịch sử Việt Nam và Cao Bằng là một trong những cái nôi, địa bàn tụ cư đầu tiên của bộ lạc Âu Việt (Tây Âu) là bộ lạc căn bản của Thục Phán.

Năm 179 trước Công nguyên, Nhà nước Âu Lạc bị Triệu Đà thôn tính, từ đó cho đến năm 905, các triều đại quân chủ Trung Quốc như Triệu, Hán, Ngô, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Tùy, Đường lần lượt đô hộ nước ta. Trong hơn ngàn năm Bắc thuộc, mặc dù không có sự ghi chép cụ thể về nhân dân Cao Bằng tham gia vào sự nghiệp đấu tranh chống Bắc thuộc, nhưng các dân tộc Tày, Nùng đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng chống ách đô hộ của nhà Hán vào những năm 40 thế kỷ I, cuộc khởi nghĩa của Lý Bí hồi nửa đầu thế kỷ VI, cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng thế kỷ VIII. Đầu thế kỷ IX, nhân lúc chính quyền phương Bắc phải lo đối phó với các cuộc nổi dậy của nhân dân trong nước, quân Nam Chiếu đem quân vào An Nam, chiếm được An Nam đô hộ phủ. Cao Biền đánh bại quân Nam Chiếu, định lại biên giới, đặt quân đồn trú tại biên cương.

1. Xem Lã Văn Lô: “Quanh vấn đề An Dương Vương Thục Phán hay là truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua” của đồng bào Tày”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 50-51, tháng 6/1963.

2. Xem Đặng Nghiêm Vạn, Trần Quốc Vượng: “Vấn đề An Dương Vương và lịch sử dân tộc Tày ở Việt Nam”, Thông báo khoa học Sử học, tập II, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, tr.74-82.

Có lẽ trong thời gian này, thành Na Lũ và thành Phục Hòa ở Cao Bằng đã được xây dựng¹.

Bước vào thời đại phong kiến độc lập, dưới thời Lý (1009 - 1225), cả nước chia làm 24 lộ. Theo học giả Đào Duy Anh, những châu thời Lý thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay là: châu Quảng Nguyên, châu Thăng Do, châu Bình, châu Bà (đều thuộc đất Cao Bằng), châu Lôì Hỏa (ở phía tây bắc Cao Bằng, nay thuộc địa phận Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc), châu Thái Nguyên (tức châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng), châu Thạch Tê², châu Tư Lang (châu Thượng Lang, Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng), châu Thông Nông (tổng Thông Nông, châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng), châu Định Biên (trong cuốn *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi chép là thuộc Cao Bằng). Bên cạnh đó, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép thêm châu Bình Lâm (là đất huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng). Tác giả Hoàng Xuân Hãn trong tác phẩm *Lý Thường Kiệt* còn chép đến châu Tô Mậu (vùng Na Dương, Đình Lập, An Châu thuộc tỉnh Cao Bằng), châu Môn và Quang Lang (Ôn Châu thuộc Lạng Sơn). Trong cuộc tiến công xâm lược Đại Việt lần thứ nhất, quân Tống đã chiếm được 5 châu là: Quảng Nguyên, Tư Lang (Thượng và Hạ Lang), Tô Mậu, Quang Lang. Khi quân Tống rút lui thì nhà Lý đã lấy lại được 4 châu, chỉ còn châu Quảng Nguyên. Nhà Lý đã nhiều lần cử sứ bộ sang Tống để đòi lại. Năm 1079, nhà Tống đã trả lại châu Quảng Nguyên cho Đại Việt. Đa số các châu kể trên là những khu vực hành chính nhỏ ngang với đơn vị hành chính của những huyện ở miền xuôi và đều do các thủ lĩnh hay tù

1. Xem Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.161.

2. Học giả Hoàng Xuân Hãn cho rằng có lẽ là châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng.

trưởng thế tộc cai trị. Các châu ấy lệ thuộc vào các phủ lộ hay các châu lộ¹.

Dưới thời Trần (1226 - 1400), thời Hồ (1400 - 1407), một số châu của Cao Bằng nằm trong trấn Lạng Sơn (theo Phương Đình Nguyễn Văn Siêu là trấn Lạng Giang) như châu Quảng Nguyên, châu Thượng Tư Lang và Hạ Tư Lang. “*Nhất thống chí* chép rằng huyện Thạch Lâm thời Lý là châu Thái Nguyên, cuối đời Hồng Đức đổi làm châu Thạch Lâm. Hiện có huyện Thạch Lâm thuộc tỉnh Cao Bằng... Và, một phần của trấn Thái Nguyên là tương đương với một nửa phía tây của tỉnh Cao Bằng ngày nay”². Đặng Xuân Bảng trong *Sử học bị khảo* chép về những vùng đất thuộc tỉnh Cao Bằng thời Trần như sau: “Bình Nguyên (nay là vùng Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng), Quảng Uyên (vốn là đất Bình Nguyên chia ra mà đặt dồn vào Quảng Uyên). Bình Nguyên nay là đất tỉnh Cao Bằng, hai châu kia có lẽ cũng ở đây. Tư Lang (nay là huyện Thượng Lang, Hạ Lang tỉnh Cao Bằng)... Định Biên (sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi cho là thuộc Cao Bằng)”³. Như vậy, thời Trần, Hồ, đất Cao Bằng thuộc vào trấn Lạng Sơn và một phần trấn Thái Nguyên.

Thời thuộc Minh (1407 - 1427), nhà Minh chia nước ta thành 3 ty: Đô chỉ huy sứ ty, Thừa tuyên Bố chính sứ ty, Đê hình Án sát sứ ty; 15 phủ, 39 châu, 181 huyện. Trong đó, những châu thuộc Cao Bằng là thuộc phủ Lạng Sơn và trấn Thái Nguyên. Trong *Dư địa chí*, mặc dù để ở phần chú thích nhưng đoạn này viết về Cao Bằng khá rõ: “Cao Bằng thời thuộc Minh là đất các huyện Long Thạch, Thái Nguyên, thuộc phủ Thái Nguyên và các châu Thượng Tư, Hạ Tư, Quảng Nguyên phủ Lạng Sơn”⁴.

1, 2. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, *Sđđ*, tr.120-121, 146.

3. Đặng Xuân Bảng: *Sử học bị khảo*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr.375.

4. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học: *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr.653.

Đại Thanh nhất thống chí chép là: Phủ Lạng Sơn có 7 châu là Thượng Văn, Hạ Văn, Thất Nguyên, Vạn Nhai, Quảng Nguyên, Thượng Tư, Hạ Tư...¹. Điều đó cho thấy, diên cách của tỉnh Cao Bằng thời thuộc Minh về cơ bản cũng giống như thời Trần, Hồ là thuộc vào trấn/phủ Lạng Sơn và một phần trấn Thái Nguyên; trong đó, thời Trần, Hồ gọi là trấn thì nhà Minh gọi là phủ.

Đến thời Lê sơ (1428 - 1527), địa giới và đơn vị hành chính vùng đất Cao Bằng lại có những thay đổi qua ba đợt sắp xếp các đơn vị hành chính địa phương. Đợt thứ nhất thời Lê Thái Tổ, cả nước được chia làm 5 đạo (gồm Bắc Đạo, Tây Đạo, Đông Đạo, Nam Đạo, Hải Tây Đạo), 19 trấn/lộ; các châu của Cao Bằng vẫn thuộc trấn Thái Nguyên và Lạng Sơn (thuộc Bắc Đạo). Đợt thứ hai, thời Lê Thánh Tông, năm 1466 chia cả nước làm 12 đạo (thừa tuyên); trong đó có Thừa tuyên Thái Nguyên. Miền đất Cao Bằng lúc này được gọi là Phủ Bắc Bình trực thuộc Thừa tuyên Thái Nguyên. Đợt thứ ba, năm 1490, đổi tên thừa tuyên làm xứ, cả nước có 13 xứ, Cao Bằng thuộc xứ Thái Nguyên. Đặng Xuân Bảng chép về sự xuất hiện của danh xưng Cao Bằng: “Đầu niên hiệu Quang Thuận gọi là Bắc Bình đến niên hiệu Hồng Đức gọi là Cao Bằng”². Đào Duy Anh cũng khẳng định, danh xưng Cao Bằng có từ thời Hồng Đức: “*Nhất thống chí* chép rằng Cao Bằng đời Lê Quang Thuận là phủ Bắc Bình; đời Hồng Đức mới đổi làm Cao Bình, tức Cao Bằng”³. Phương Đình Nguyễn Văn Siêu chép về Cao Bằng thời Lê sơ như sau: Năm Quang Thuận thứ 10 (năm 1459), định số phủ, huyện, châu cho 12 thừa tuyên. Thừa tuyên Ninh Sóc lại gọi là

1. Dẫn theo Phương Đình Nguyễn Văn Siêu: *Đại Việt địa dư toàn biên*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1997, tr.438.

2. Đặng Xuân Bảng: *Sử học bị khảo*, *Sđd*, tr.397.

3. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, *Sđd*, tr.186.

Thái Nguyên, đặt thêm phủ Cao Bằng, đặt vệ Ninh Sóc (Thái Nguyên có núi Ninh Sóc, trước có 1 phủ, sau có 3 phủ)¹. Phủ Cao Bằng lúc bấy giờ thuộc thừa tuyên Thái Nguyên, gồm 4 châu: “Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm, Quảng Uyên”².

Dưới triều Lê Hiến Tông (1497 - 1504), nhận thấy vị trí đặc biệt quan trọng của vùng đất Cao Bằng đối với việc bảo vệ lãnh thổ của quốc gia Đại Việt ở dải biên cương phía Bắc, năm Cảnh Thống thứ 2 (năm 1499), nhà Lê quyết định tách phủ Cao Bằng ra khỏi Thừa tuyên Thái Nguyên đặt thành trấn Cao Bằng. Từ thời điểm này, Cao Bằng trở thành một đơn vị hành chính độc lập, trực thuộc chính quyền Trung ương. Khi mới thành lập, Cao Bằng gồm 1 phủ, 4 châu: phủ Cao Bình, châu Thái Nguyên (Thạch Lâm), châu Lộng Nguyên, châu Thượng Lang và châu Hạ Lang. Trấn lỵ đặt tại Hoà An. Việc thành lập trấn Cao Bằng năm 1499 là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa vô cùng to lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử, trấn Cao Bằng xuất hiện, chứng tỏ vùng đất này đã phát triển đủ điều kiện và cần thiết trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương.

Ở thời Mạc thế kỷ XVI, tổ chức hành chính địa phương vẫn theo như thời Lê Thánh Tông. Năm Nhâm Thìn (năm 1592), nhà Mạc bị nhà Lê đánh bật khỏi Thăng Long, lên Cao Bằng xây dựng căn cứ mới, chọn Na Lữ (xã Hoàng Tung, huyện Hòa An ngày nay), thành cũ được xây dựng từ thời Cao Biền là đế đô, Vương phủ ở Cao Bình (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng). Năm Ất Mùi (năm 1595), nhà Mạc cho tu bổ và xây thêm cung điện tại Na Lữ, trở thành trung tâm chính trị, quân sự của nhà

1. Xem Phương Đình Nguyễn Văn Siêu: *Đại Việt địa dư toàn biên*, Sđd, tr.154.

2. Phương Đình Nguyễn Văn Siêu: *Đại Việt địa dư toàn biên*, Sđd, tr.160.

Mạc tại Cao Bằng. Trong 85 năm ở Cao Bằng, nhà Mạc đã tiến hành tu sửa, xây thành cao, củng cố thành kiên cố. Vì thế, thành Na Lũ còn được gọi là thành nhà Mạc. Ngoài ra, để củng cố sự phòng vệ, nhà Mạc còn tu bổ thêm một số thành khác như Phục Hòa, Phúc Tăng, Kỳ Chỉ, Gia Bằng, Trà Lĩnh¹.

Thời Lê Trung Hưng, vào năm Vĩnh Trị thứ 2 (năm 1677), sau khi đánh bại nhà Mạc, triều Lê - Trịnh nhận thấy vị trí đặc biệt quan trọng của Cao Bằng ở vùng địa đầu biên giới phía Bắc nên đã quyết định đưa Cao Bằng trở thành một trọng trấn độc lập, trực thuộc chính quyền Trung ương. Lúc này, trấn Cao Bằng gồm 1 phủ Cao Bằng và 4 châu: Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang.

Thời Tây Sơn, tổ chức hành chính các cấp ở Cao Bằng vẫn giữ như thời Lê Trung Hưng. Cao Bằng là một ngoại trấn.

Đến thời Nguyễn đầu thế kỷ XIX, đầu triều Vua Gia Long, Cao Bằng là một trong 11 trấn thuộc Bắc Thành. Trấn Cao Bằng có 1 phủ Cao Bằng và 4 châu như thời Tây Sơn. Triều Vua Gia Long đặt chức trấn thủ Cao Bằng. Năm Gia Long thứ 7 (năm 1808), đổi tên phủ là Trùng Khánh. Năm Minh Mệnh thứ 12 (năm 1831), cải cách hành chính, đổi là tỉnh Cao Bằng. Năm Minh Mệnh thứ 15 (năm 1834), đổi châu thành huyện. Cao Bằng có 1 phủ 4 huyện. Năm Minh Mệnh thứ 16 (năm 1835), chia huyện Thạch Lâm thành hai huyện Thạch Lâm và Thạch An để đặt làm phủ Hòa An, kiêm lý huyện Thạch Lâm, thống hạt huyện Thạch An. Còn 3 huyện Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên vẫn thuộc phủ Trùng Khánh, kiêm lý Hạ Lang, thống hạt Thượng Lang và Quảng Uyên. Vua Minh Mệnh cho xây dựng lý sở phủ, huyện. Phủ lý Trùng Khánh đặt ở xã Lệnh Cấm, huyện Hạ Lang; phủ lý Hòa An đặt ở xã Nhượng Bạ,

1. Xem Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Sđd, tr.272-273.

huyện Thạch Lâm; huyện lỵ Thượng Lang đặt ở làng Hiếu Lễ; huyện lỵ Quảng Uyên đặt ở xã Bà Dương; huyện lỵ Thạch An đặt ở xã Phúc Ứng.

Thời Pháp thuộc (1858 - 1945), sau khi đánh chiếm được Cao Bằng (tháng 10/1886), thực dân Pháp tiến hành xếp đặt bộ máy cai trị, tổ chức lại đơn vị hành chính. Bên cạnh bộ máy hành chính, người Pháp cũng xây dựng hệ thống quân sự tại Bắc Kỳ và thiết lập các đạo quan binh, đứng đầu là viên Tư lệnh có quyền quân sự và dân sự. Lúc này, Cao Bằng cùng với Lạng Sơn, Hà Giang tạo thành Đạo quan binh 2, thủ phủ đặt tại Lạng Sơn. Từ tháng 8/1896, sau cuộc phân chia lại các đạo quan binh, Cao Bằng trở thành một khu quan binh thuộc Đạo quan binh 2 đóng thủ phủ tại tỉnh lỵ Cao Bằng. Đến năm 1908, Toàn quyền Đông Dương tiến hành cải tổ và tổ chức đạo quan binh ngang với cấp tỉnh, đứng đầu là Tư lệnh có quyền hành chính, tư pháp ngang với Công sứ và chịu sự chỉ đạo tối cao của Thống sứ Bắc Kỳ.

Qua một số lần điều chỉnh, đến năm 1920, người Pháp đã đặt thêm 26 tỉnh, nâng tổng số tỉnh, thành ở Việt Nam thời Pháp thuộc là 55. Trong đó, tỉnh Cao Bằng cơ bản có diện tích như ngày nay, tỉnh lỵ đặt ở Cao Bằng.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, năm 1948, Chính phủ quyết định bãi bỏ cấp tổng, phủ, đạo, châu đặt cấp huyện. Cấp trên huyện là tỉnh, dưới huyện là xã. Cao Bằng có 11 đơn vị hành chính cấp huyện là thị xã Cao Bằng và các huyện gồm: Bảo Lạc, Hà Quảng, Nguyên Bình, Hòa An, Trán Biên, Trùng Khánh, Thạch An, Quảng Uyên, Phục Hòa, Hạ Lang. Ngày 25/01/1948, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 120/SL hợp nhất một số khu thành liên khu. Cao Bằng thuộc Liên khu I. Ngày 04/11/1949, Chính phủ ký Sắc lệnh số 147/SL, hợp nhất Liên khu I và Liên khu X thành Liên khu Việt Bắc.

Cao Bằng thuộc Liên khu Việt Bắc¹. Năm 1956, Cao Bằng cùng với các tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang hợp thành Khu tự trị Việt Bắc².

Ngày 27/12/1975, Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa V quyết định hợp nhất hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn thành tỉnh Cao Lạng. Ngày 29/12/1978, Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa VI quyết định chia tách tỉnh Cao Lạng thành 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, sáp nhập 2 huyện Ngân Sơn và Chợ Rã³ của tỉnh Bắc Thái vào tỉnh Cao Bằng.

Ngày 06/11/1996, Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX phê chuẩn tách hai huyện Ngân Sơn và Ba Bể của tỉnh Cao Bằng về tỉnh Bắc Kạn. Lúc này, tỉnh Cao Bằng có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (1 thị xã và 10 huyện); 189 xã, phường, thị trấn. Từ ngày 13/12/2001, tỉnh Cao Bằng có 13 đơn vị hành chính cấp huyện (1 thị xã và 12 huyện); 199 xã, phường, thị trấn.

Thực hiện Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14, ngày 09/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 897/NQ-UBTVQH14, ngày 11/02/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và đổi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng; tỉnh Cao Bằng đã tiến hành sáp nhập huyện Thông Nông vào huyện Hà Quảng, lấy tên là huyện Hà Quảng; sáp nhập huyện Trà Lĩnh vào huyện Trùng Khánh, lấy tên là huyện Trùng Khánh; thành lập huyện Quảng Hòa trên cơ sở sáp nhập huyện Phục Hòa và huyện Quảng Uyên. Hiện nay,

1. Xem Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Sđd, tr.640.

2. Tỉnh Hà Giang sáp nhập vào Khu tự trị Việt Bắc theo Sắc lệnh số 020/SL ngày 23/3/1959 của Chủ tịch nước.

3. Ngày 06/11/1984, huyện Chợ Rã được đổi tên thành huyện Ba Bể theo Quyết định số 144/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

Cao Bằng có 10 đơn vị hành chính cấp huyện là thành phố Cao Bằng¹ và 9 huyện, gồm: Trùng Khánh, Quảng Hòa, Hạ Lang, Thạch An, Hòa An, Hà Quảng, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình². Toàn tỉnh có 161 xã, phường, thị trấn, trong đó có 40 xã, thị trấn biên giới.

Trải qua những biến thiên, thăng trầm của lịch sử, trải qua nhiều lần thay đổi về địa giới và đơn vị hành chính, nhưng có thể khẳng định rằng, vùng đất Cao Bằng từ xưa đến nay luôn giữ vị trí, vai trò chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng đối với cả nước. Ghi dấu mốc lịch sử 525 năm thành lập và phát triển, tỉnh Cao Bằng luôn khẳng định vị thế của vùng đất văn hiến, địa linh nhân kiệt, có vị trí chiến lược trọng yếu, là “phên giậu” vững chắc nơi biên cương của Tổ quốc, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1. Ngày 18/10/2010, thị xã Cao Bằng được công nhận là đô thị loại III theo Quyết định số 926/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng. Ngày 25/9/2012, thành phố Cao Bằng thuộc tỉnh Cao Bằng được thành lập theo Nghị quyết số 60/NQ-CP của Chính phủ.

2. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện: Ngày 20/3/1958, huyện Trấn Biên được đổi tên thành huyện Trà Lĩnh theo Nghị định số 153/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 07/4/1966, chia huyện Hà Quảng thành hai huyện là: Hà Quảng và Thông Nông theo Quyết định số 67/CP của Hội đồng Chính phủ. Ngày 08/3/1967, hợp nhất huyện Quảng Uyên và Phục Hoà thành huyện Quảng Hoà theo Quyết định số 27/CP của Hội đồng Chính phủ. Ngày 15/9/1969, giải thể huyện Hạ Lang trên cơ sở sáp nhập một số xã của huyện Hạ Lang cũ vào huyện Trùng Khánh và Quảng Hòa theo Quyết định số 176/CP của Hội đồng Chính phủ. Ngày 01/9/1981, tái lập huyện Hạ Lang từ các xã đã nhập vào hai huyện Quảng Hòa và Trùng Khánh theo Quyết định số 44/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Ngày 25/9/2000, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bảo Lạc và thành lập huyện Bảo Lâm thuộc tỉnh Cao Bằng theo Nghị định số 52/2000/NĐ-CP của Chính phủ. Ngày 13/12/2001, chia huyện Quảng Hoà thành hai huyện Phục Hoà và Quảng Uyên theo Nghị định số 96/2001/NĐ-CP của Chính phủ.

TỔNG QUAN VỀ DÂN CƯ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ CAO BẰNG

HỨA HUYỀN HƯƠNG*

Dân cư Cao Bằng - bức tranh đa sắc màu

Từ xa xưa, Cao Bằng là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc thiểu số sinh sống đan xen, tạo nên sự đoàn kết và đa dạng về bản sắc văn hóa, phong tục tập quán. Qua các thời kỳ, dân cư Cao Bằng đã có sự phát triển nhanh chóng về số lượng, trở thành nơi tụ cư của nhiều dân tộc. “Vào thời nhà Lê, tính đến trước năm 1722, Cao Bằng có 2.000 suất đình. Ước tính dân số lý thuyết 8.000 nhân khẩu. Năm 1819 theo sổ sách triều Nguyễn, Cao Bằng có 8.003 suất đình, dân số lý thuyết là 32.000 người, tỷ lệ tăng trưởng gấp 4 lần...”¹. Năm 1926, theo kết quả cuộc tổng điều tra dân số của chính quyền thực dân Pháp, dân số Cao Bằng (nếu tính cả người Pháp) là 141.105 người, trong đó người Tày, Nùng chiếm số đông với 127.474 người, đạt tỷ lệ hơn 90%. Đến năm 1957, Cao Bằng có tổng số dân là 240.676 người bao gồm các dân tộc như Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chỉ, Quý Châu, Lô Lô, Ngái,

* Trưởng phòng Dân số và Phát triển, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng.

1. Tỉnh uỷ - Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.85.

Hoa, Kinh; trong đó người Tày, Nùng vẫn chiếm tới 83,17% dân số. Điều này càng khẳng định, người Tày, người Nùng đã sinh sống với số lượng lớn từ rất lâu đời ở tỉnh Cao Bằng¹.

Đến năm 2023, dân số toàn tỉnh Cao Bằng là 547.857 người; với 35 thành phần dân tộc, trong đó có 7 dân tộc đông dân, bao gồm: dân tộc Tày chiếm 40,97%; dân tộc Nùng chiếm 31,08%; dân tộc Mông chiếm 10,13%; dân tộc Dao chiếm 10,08%; dân tộc Kinh chiếm 5,76%; dân tộc Sán Chỉ chiếm 1,39%; dân tộc Lô Lô chiếm 0,47%; các dân tộc khác chiếm 0,12%².

Dân cư tỉnh Cao Bằng phân bố không đồng đều, cư trú xen kẽ lẫn nhau, giữa các dân tộc có sự chênh lệch lớn về sự phát triển. Các dân tộc: Kinh, Tày, Nùng chủ yếu sinh sống ở khu vực thành phố, thị trấn và các thung lũng ven sườn đồi, những nơi có địa hình thuận lợi cho giao lưu, trao đổi hàng hoá như thành phố Cao Bằng và các huyện Hoà An, Trùng Khánh, Quảng Hoà, Thạch An, Hạ Lang; các dân tộc thiểu số ít người khác như Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô... chủ yếu cư trú ở những vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại và đời sống đồng bào còn khó khăn như các huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc, Hà Quảng, Nguyên Bình. Tuy vậy, vẫn hình thành những khu vực cư trú mang đậm bản sắc văn hóa độc đáo khác nhau.

Bên cạnh nền văn hoá chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, mỗi dân tộc ở tỉnh đều có bản sắc văn hóa riêng, phản ánh lịch sử và truyền thống dân tộc. Quá trình quần cư của nhiều dân tộc trên mảnh đất Cao Bằng đã tạo nên một bức tranh đa

1. Xem Tỉnh uỷ - Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Sđd, tr.86-87.

2. Xem Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: “Văn kiện Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng lần thứ IV năm 2024”, tr.4.

sắc màu rực rỡ, hình thành một nền văn hoá phong phú, đa dạng, vừa có những bản sắc riêng, đặc thù, vừa thống nhất và phát triển không ngừng.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách ưu tiên nhằm nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đã có nhiều chuyển biến, song vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc chưa đồng đều, trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực thấp; tỷ lệ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa còn cao...

Sự phát triển dân số tỉnh Cao Bằng - những cơ hội và thách thức

Giai đoạn 15 năm (2009 - 2023), dân số Cao Bằng tăng 40.696 người, trong đó giai đoạn 2009 - 2019 tăng 23.673 người, bình quân mỗi năm tăng gần 2.400 người; giai đoạn 2019 - 2023 tăng 17.023 người, bình quân mỗi năm tăng 3.400 người. Đến năm 2023, dân số Cao Bằng là 547.857 người, mật độ dân số 81,76 người/km²; trong đó dân số vùng thành thị là 139.534 người, chiếm 25,47% (tăng 8,56% so với năm 2009 và tăng 2,01% so với năm 2019); dân số vùng nông thôn là 408.323 người, chiếm 74,53% (giảm 8,56% so với năm 2009 và giảm 2,01% so với năm 2019)¹. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm của Cao Bằng giữa hai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và năm 2019 là 0,45%/năm, thấp hơn so với toàn quốc (1,14%/năm), trong đó thành phố Cao Bằng có dân số tăng cao nhất (3,09%).

1. Xem Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng: *Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2023*, *Sđd*, tr.75, 77, 78.

Dân cư phân bố không đều giữa các vùng trong tỉnh; trong đó, thành phố Cao Bằng có mật độ dân số cao nhất 706,42 người/km² (năm 2023); huyện Thạch An có mật độ dân số thấp nhất 44,49 người/km² (năm 2023). Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh toàn tỉnh năm 2019 là 70,6 tuổi, đến năm 2022 tăng lên 71,36 tuổi; năm 2023 là 72,31 tuổi.

Những năm gần đây, dân số và cơ cấu dân số của tất cả các nhóm tuổi đều thay đổi theo hướng giảm nhanh số lượng dân số ở các độ tuổi dưới 15, tăng ở các độ tuổi từ 15 tuổi trở lên. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2019, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 61,7% dân số; tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo đạt 20,6% và tăng lên 25,9% vào năm 2023. Cơ cấu dân số theo tuổi thay đổi nhanh chóng tạo nhiều thuận lợi cho kinh tế của tỉnh có bước tăng trưởng bứt phá. Nhờ kết quả về giảm sinh của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, từ năm 2009 đến nay đã mở ra cơ hội dân số là cơ cấu dân số tốt nhất (cơ cấu dân số vàng)¹.

Theo kinh nghiệm của nhiều nước, cơ cấu dân số vàng có thể kéo dài khoảng 30 - 40 năm và đi liền với nó là già hoá dân số (khi người cao tuổi (từ 60 trở lên) chiếm 10% tổng dân số). Thời điểm 01/4/2019, người cao tuổi tỉnh Cao Bằng chiếm 10,8% dân số toàn tỉnh và đến năm 2023, tỷ lệ này tăng lên khoảng 12%², như vậy Cao Bằng đang trong giai đoạn già hóa dân số. Quá trình này đang diễn ra nhanh chóng, cùng với tuổi thọ bình quân ngày càng cao (từ 62,4 tuổi năm 1999 tăng lên 67 tuổi năm 2009, tăng lên 70,6 tuổi năm 2019 và tăng lên 72,31 tuổi năm 2023). Với xu hướng

1. Nghĩa là: 2 người lao động chỉ phải “nuôi/chu cấp” từ 1 hoặc dưới 1 người phụ thuộc (trước năm 1999, cứ 2 người lao động phải “nuôi/chu cấp” từ 2 người phụ thuộc trở lên).

2. Theo số liệu báo cáo của ngành y tế.

tăng số người cao tuổi, nếu tận dụng tốt sẽ phát huy được kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, sản xuất... của người cao tuổi và sẽ mang lại những giá trị phát triển bền vững về kinh tế - xã hội. Đồng thời, quá trình già hóa dân số sẽ mang đến nhiều cơ hội kinh doanh về các sản phẩm, dịch vụ cho người cao tuổi, người già như: chăm sóc sức khỏe, dịch vụ giải trí, cơ sở dưỡng lão ngoài công lập, ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc người cao tuổi... Song cũng tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội: thị trường lao động bị thiếu hụt, nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi... Trong khi đó, hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi của tỉnh chưa bắt kịp xu hướng già hóa dân số¹. Bên cạnh đó, đời sống vật chất của người cao tuổi trên địa bàn tỉnh còn thấp, nhiều người cao tuổi không có lương hưu, bảo hiểm y tế², phần lớn người cao tuổi sống trên các địa bàn nông thôn, một bộ phận người cao tuổi sống trong các hộ nghèo, cận nghèo... Việc chăm sóc và tự chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi tại gia đình cũng còn gặp nhiều khó khăn.

Tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh tuy có giảm nhưng không bền vững³ và đang đối diện với xu hướng gia tăng hằng năm. Do vậy, nếu không có giải pháp can thiệp phù hợp thì mục tiêu khống chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, từng bước đưa

1. Tỉnh chỉ có Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng có Khoa Lão khoa và 3 bệnh viện tuyến huyện có Khoa Nội A - Lão khoa ghép với khoa khác, còn các bệnh viện khác và các trung tâm y tế chưa có Khoa Lão khoa riêng.

2. Theo báo cáo của ngành y tế, năm 2023, khoảng 5% người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

3. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2009, tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh là 104,6 bé trai/100 bé gái sinh ra sống, đến năm 2019 đã tăng lên 113,1 bé trai/100 bé gái sinh ra sống và đến năm 2023 là 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống (theo số liệu Kho dữ liệu chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng).

về ngưỡng cân bằng tự nhiên vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030 sẽ rất khó khăn.

Mức sinh cao sẽ tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục... Việc duy trì mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ) và giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng sẽ góp phần ổn định quy mô dân số, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực cho phát triển địa phương. Cao Bằng đang là một trong 33 tỉnh có mức sinh cao của cả nước và mức sinh có sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng. Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2019, tổng tỷ suất sinh trên địa bàn toàn tỉnh là 2,41 con/phụ nữ (trong đó khu vực thành thị là 2,06 con/phụ nữ, khu vực nông thôn là 2,45 con/phụ nữ); đến năm 2022 giảm xuống 2,40 con/phụ nữ. Hiện nay, Cao Bằng vẫn là một trong 33 tỉnh thuộc nhóm có mức sinh cao.

Dân số tỉnh Cao Bằng đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển cũng như nhiều thách thức mới; các vấn đề về dân số được đặt ra toàn diện hơn với mục tiêu: Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số.

Dựa vào những cơ hội, bám sát vào lợi thế của tỉnh Cao Bằng về điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng, tiềm năng về kinh tế của khẩu, về du lịch và trên cơ sở kế thừa thành tựu công tác dân số trong những năm qua, tin tưởng rằng sự phát triển dân số của tỉnh sẽ góp phần tạo ra nguồn lực về con người đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững.



Phần thứ hai

ĐẤT VÀ NGƯỜI
Cao Bằng



CAO BẰNG - MIỀN ĐẤT CỦA NHỮNG DI SẢN VĂN HÓA

SÂM VIỆT AN*

Cao Bằng là vùng đất cổ có bề dày truyền thống lịch sử văn hoá. Trải qua những thăng trầm của lịch sử và sự phát triển mọi mặt của xã hội, các giá trị văn hoá truyền thống ấy vẫn được bảo tồn và phát huy, tạo nên một miền văn hóa non nước Cao Bằng vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa đa dạng, vừa thống nhất.

Cao Bằng hiện đang lưu giữ nhiều di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nổi tiếng và hàng nghìn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Các di tích lịch sử - văn hóa ở Cao Bằng trải dài từ thời tiền sử gắn với sự xuất hiện của người cổ đại cho đến thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc. Theo kết quả kiểm kê, đến hết năm 2023, trên địa bàn toàn tỉnh có 271 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó có 102 di tích đã được xếp hạng (3 di tích quốc gia đặc biệt, 26 di tích quốc gia, 73 di tích cấp tỉnh). Cao Bằng được coi là một trong những chiếc nôi của người tiền sử, là vùng đất có bề dày văn hóa, lịch sử lâu đời. Các nhà khảo cổ đã khảo sát, khai quật và thu được hàng nghìn hiện vật từ thời đại đá cũ, đá mới đến thời đại kim khí ở Cao Bằng.

* Tỉnh uỷ viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

Đặc biệt, nhiều di tích lịch sử - văn hóa có giá trị, gắn liền với quá trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp như: Di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó (huyện Hà Quảng) - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài (ngày 28/01/1941); Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình) - nơi thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, đội quân chủ lực đầu tiên, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam (ngày 22/12/1944); Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An - đây là chiến dịch đầu tiên, cũng là chiến dịch duy nhất Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp ra mặt trận chỉ đạo, động viên quân và dân chiến đấu.

Ngoài ra, Cao Bằng còn có nhiều di tích lịch sử độc đáo, có giá trị đặc biệt và tiêu biểu khác như: 4 đền thờ nhân vật lịch sử Nùng Trí Cao (1025 - 1053), người có công lao bảo vệ biên cương phía Bắc của Tổ quốc tại các huyện Hà Quảng, Quảng Hòa và thành phố Cao Bằng; chùa Đống Lân (thành phố Cao Bằng) thờ Phật và Thạch Sanh - nhân vật trong truyền thuyết Thạch Sanh của đồng bào dân tộc Tày, Kinh; đền thờ Tô Thị Hoạn (Tô Thị Huệ), người ở xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang, cung phi thời Hậu Lê, thế kỷ XVIII, một dị bản khác của nàng Tô Thị - Đá vọng phu; chùa Sùng Phúc (huyện Hạ Lang) là nơi thờ Phật và một số nhân vật, trong đó có bà Nguyễn Thị Duệ - nữ tiến sĩ đầu tiên và duy nhất trong lịch sử khoa bảng phong kiến Việt Nam...

Bên cạnh các di tích lịch sử - văn hóa, Cao Bằng hiện còn lưu giữ những di sản văn hoá vô giá, đó là 2 bảo vật quốc gia: đôi chuông chùa Viên Minh và đèn Quan Triều xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng và bia Ma nhai Ngự chế của Vua Lê Thái Tổ trên vách đá núi Phja Tém, xã Hồng Việt, huyện Hòa An. Cao Bằng còn là nơi ghi dấu thời kỳ hưng thịnh của triều đại nhà Mạc với

85 năm trải qua 3 đời Vua Mạc (1592 - 1677). Nhiều di sản văn hóa, di tích lịch sử liên quan đến vương triều nhà Mạc hiện đang được gìn giữ, bảo tồn, phát huy hiệu quả.

Cao Bằng còn được ví như “Viên ngọc xanh” của khu vực Đông Bắc, bởi khung cảnh non nước hữu tình, thiên nhiên hùng vĩ, mang đậm nét hoang sơ. Nhắc đến Cao Bằng chắc hẳn ai cũng nghĩ đến thác Bản Giốc - một trong những thác nước đẹp nhất Việt Nam, là thác nước tự nhiên lớn nhất khu vực Đông Nam Á và là thác lớn thứ tư thế giới trong các thác nước nằm trên đường biên giới. Đây là một trong những danh thắng vô giá mà thiên nhiên ban tặng cho Cao Bằng. Ngoài ra còn có Vườn quốc gia Phja Oắc, Phja Đén (huyện Nguyên Bình) với khí hậu trong lành, mát mẻ, mùa đông băng tuyết trắng xoá; Mất Thần Núi hùng vĩ, quyến rũ với những bãi cỏ xanh mượt; động Ngườm Ngao, động Bản Thuôn (huyện Trùng Khánh) với nhiều nhũ đá đẹp, kỳ vĩ; động Dơi (huyện Hạ Lang) được kiến tạo hình thành ba khoang, hai tầng với vẻ đẹp nguyên sơ, độc đáo; hồ Thăng Hen (huyện Quảng Hòa), một trong 36 hồ tự tạo với phong cảnh sơn thủy hữu tình... Tất cả đều mang vẻ đẹp hoang sơ, kỳ thú.

Ngoài các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, Cao Bằng còn có một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể phong phú, đặc sắc. Với trên 95% dân số là đồng bào các dân tộc, trong đó có 7 dân tộc có số dân từ 500 người trở lên là Tày, Nùng, Mông, Dao, Kinh, Sán Chỉ, Lô Lô, mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ và phong tục tập quán riêng. Trải qua suốt chiều dài lịch sử, các dân tộc luôn gìn giữ, phát huy được những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc mình. Cao Bằng hiện có trên 2.000 di sản văn hóa phi vật thể, 1 nghệ nhân nhân dân, 23 nghệ nhân ưu tú đang nắm giữ, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Đến năm 2024, toàn tỉnh có 7 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm: nghi lễ

then của người Tày Cao Bằng; lễ hội Nàng Hai, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hoà; nghề rèn của người Nùng An, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hoà; lễ hội Tranh đầu pháo, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa; lượn cọi dân tộc Tày, huyện Bảo Lâm; nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục người Dao Đỏ, xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình; nghề dệt thổ cẩm của người Tày, xóm Luống Nội, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng. Đặc biệt di sản “Thực hành then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam” (trong đó có di sản nghi lễ then của người Tày Cao Bằng) đã được UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Cao Bằng là vùng đất của các lễ hội truyền thống. Tháng Giêng là thời điểm diễn ra nhiều lễ hội nhất trong năm. Lễ hội là những sinh hoạt văn hóa tinh thần độc đáo, phản ánh truyền thống lịch sử và tâm thức, ước nguyện tốt đẹp của cộng đồng về một năm mới quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, nhà nhà no ấm, cuộc sống ngày càng tốt đẹp. Toàn tỉnh có trên 100 lễ hội lớn nhỏ, mỗi lễ hội lại mang một ý nghĩa, nét văn hóa đặc sắc riêng. Lễ hội Lồng tồng (xuống đồng) là lễ hội quan trọng nhất trong năm của đồng bào dân tộc Tày, cầu cúng Thần Nông để cây cối xanh tươi, mùa màng bội thu, gia súc sinh sôi trong năm mới. Lễ hội Tranh đầu pháo (thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa và thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An) gắn với truyền thuyết Nùng Trí Cao tổ chức khao quân ăn mừng chiến thắng sau khi đánh tan quân xâm lược nhà Tống, bảo vệ bờ cõi phía Bắc nước Đại Việt dưới thời nhà Lý, thế kỷ XI. Lễ hội Nàng Hai (xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa và xã Kim Đồng, huyện Thạch An) gắn với công chúa Mạc Thị Tuyết Lan - công chúa nhà Mạc ở Cao Bằng thế kỷ XVII - người sáng tạo lệ hát xướng trong lễ hội. Lễ hội còn là sự tri ân, tưởng nhớ các bậc tiền nhân có công lao với dân tộc chống ngoại xâm và giữ gìn,

xây dựng đất nước như các lễ hội đền Kỳ Sầm, đền Vua Lê, chùa Đống Lân, chùa Đà Quận, đền Hoàng Lục, chùa Sùng Phúc... Một số lễ hội mới với quy mô lớn được tổ chức định kỳ hàng năm như: lễ hội về nguồn Pác Bó, lễ hội du lịch thác Bản Giốc đã góp phần giới thiệu, quảng bá hình ảnh quê hương, vùng đất và con người Cao Bằng. Đến với lễ hội, người dân được hòa mình vào các trò chơi dân gian, các làn điệu dân ca, dân vũ và thưởng thức ẩm thực mang đậm bản sắc văn hóa địa phương.

Văn hóa ẩm thực Cao Bằng cũng rất phong phú với nhiều món ăn ngon, độc đáo như lợn quay, xôi ngũ sắc, các loại bánh chè lam, bánh ngải, bánh mật, bánh bò, mò mè su héc... Trong đó, nhiều đặc sản của Cao Bằng đã được ghi danh như: lê Đông Khê lọt vào Top 50 trái cây nổi tiếng nhất Việt Nam năm 2012; bánh cóng phù Cao Bằng lọt vào Top 50 món ăn đặc sản nổi tiếng Việt Nam năm 2015; xôi trám, bánh cóng phù, hạt dẻ lọt Top 100 món ăn đặc sản nổi tiếng Việt Nam vào tháng 02/2021; bánh cuốn, bánh áp chao lọt Top món ăn đặc sản Việt Nam (2021 - 2022); bánh chè lam, miến dong Phja Đén lọt Top 100 đặc sản quà tặng Việt Nam (2021 - 2022)... cùng nhiều danh hiệu khác.

Trong dòng chảy văn hóa dân gian của dân tộc Tày ở Cao Bằng còn lưu giữ nhiều truyền thuyết, truyện cổ tích trong đó có truyền thuyết “Báo Luông - Siao Cải” giải thích về sự hình thành, sinh tồn và phát triển của con người gắn với di tích đền Pú Luông - Giả Cải (huyện Hòa An); truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua” (Chín chúa tranh vua) kể về nhân vật lịch sử Thục Phán, người có công thành lập nước Âu Lạc... Tỉnh Cao Bằng có kho tàng đồ sộ với hàng trăm làn điệu dân ca của các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô... Đây là những di sản được hình thành trong đời sống lao động, tình cảm, gắn với tín ngưỡng của đồng bào, kết tinh từ trí tuệ bao đời, mang theo giá trị văn hóa, lịch sử, nhân văn sâu sắc. Những làn điệu trữ tình, đậm thắm

như hát then, đàn tính, lượn cọi, lượn sương, phong sương, pụt lằn, nằng ỏi, páo dung, múa châu, múa Nàng Hai... là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống cộng đồng. Trong đó, nghệ thuật hát then, đàn tính ở Cao Bằng là loại hình độc đáo, mang nét đặc sắc riêng. Then từ dân gian vào cung đình nhà Mạc và từ cung đình trở về dân gian. Then Cao Bằng có then nam và then nữ, để phân biệt người ta dùng từ “Giàng” để chỉ then nam, từ “then” để chỉ then nữ. “Then” và “Giàng” khác nhau về âm điệu, tiết tấu, phong cách diễn và nhạc cụ. “Then” sử dụng đàn tính ba dây, “Giàng” sử dụng đàn tính hai dây.

Đời sống văn hóa tinh thần phong phú của nhân dân các dân tộc trong tỉnh còn được thể hiện ở các nghệ truyền thống. Các làng nghề truyền thống là kho tàng lưu giữ những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển những giá trị truyền thống, góp phần vào sự đa dạng, phong phú của văn hóa và nghệ thuật dân tộc. Từ xa xưa, đồng bào đã tìm tòi, phát triển các nghề thủ công đòi hỏi sự kỳ công và nghệ thuật cao như nghề rèn, nghề làm hương, nghề làm ngói âm dương của người Nùng; nghề làm nón, nghề dệt vải, nhuộm chàm, trang trí hoa văn trên trang phục người Dao Đỏ; nghề dệt thổ cẩm của người Tày... Ngày nay, những làng nghề như nghề rèn, làm hương, làm giấy bản, làm ngói âm dương, dệt thổ cẩm, in hoa văn sáp ong, làm đường phen... vẫn được giữ gìn, phát triển và thu hút khách du lịch đến tìm hiểu và khám phá.

Cùng với những tiềm năng, lợi thế về thiên nhiên, các nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc trên địa bàn, những người dân mến khách, thân thiện thì mỗi di sản văn hóa của tỉnh Cao Bằng sẽ không chỉ là niềm tự hào mà còn là tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn mạnh mẽ, để bảo tồn, phát huy, khai thác hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU UNESCO NON NƯỚC CAO BẰNG

TRƯƠNG THẾ VINH*

Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 2498/QĐ-UBND, ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Hiện nay, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng có diện tích hơn 3.683 km², bao gồm toàn bộ diện tích của thành phố Cao Bằng, các huyện: Quảng Hòa, Trùng Khánh, Hạ Lang và một phần diện tích các huyện Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, Thạch An; được hình thành, xây dựng, phát triển dựa trên 3 giá trị di sản cốt lõi là: di sản địa chất, đa dạng sinh học và những giá trị di sản về văn hoá, lịch sử.

Công viên địa chất Non nước Cao Bằng có 57 điểm tham quan cho du khách trên 4 tuyến công viên địa chất, với 22 cụm di sản gồm 230 điểm di sản được khoanh vùng bảo vệ¹. Với trên 200 hang động, trong đó trên 30 hang, động đẹp có tiềm năng khai thác phục vụ du lịch, điển hình như: Ngườm Ngao (huyện Trùng Khánh), Hang Dơi (huyện Hạ Lang), Ngườm Pục (huyện

* Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Cao Bằng.

1. Theo Công văn số 2550/UBND-CN, ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng thực hiện bàn giao sản phẩm của Dự án “Khoanh vùng di sản và đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị tổng thể các loại hình di sản trong Công viên địa chất Non nước Cao Bằng”.

Thạch An)... Đặc biệt, danh thắng thác Bản Giốc (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh) là một trong những kỳ quan của khu vực và thế giới, là thác lớn thứ tư thế giới trong các thác nước nằm trên đường biên giới giữa các quốc gia; đã được nhiều tạp chí, hãng truyền thông vinh danh: Tạp chí Touropia bình chọn là một trong 10 thác nước kỳ vĩ nhất thế giới; Hãng tin Anh Fox News bình chọn là Top 7 thác nước hùng vĩ nhất thế giới. Năm 2017, Hãng Sputnik (Hãng Thông tấn) Nga đánh giá thác Bản Giốc là một trong những thác nước đẹp nhất thế giới, Tạp chí National Geographic của Hiệp hội địa lý quốc gia Hoa Kỳ bình chọn thác Bản Giốc vào Top 7 kỳ quan thiên nhiên ở châu Á.

Các giá trị địa chất nổi trội trong vùng Công viên còn được thể hiện qua các dạng địa hình, cảnh quan đá vôi phong phú, đa dạng; các tháp, nón, thung lũng, hang động, hệ thống hồ - sông - hang ngầm liên thông... phản ánh chu kỳ tiến hóa karst hoàn chỉnh ở vùng nhiệt đới. Cùng nhiều kiểu loại di sản địa chất khác như các hóa thạch cổ sinh, ranh giới giữa các phân vị địa chất, đứt gãy, các loại hình khoáng sản... minh chứng cho lịch sử phát triển địa chất phức tạp, kéo dài đến hơn 500 triệu năm ở vùng đất Cao Bằng.

Về đa dạng sinh học, vùng Công viên địa chất Non nước Cao Bằng có hệ động - thực vật đa dạng cả về giống loài và loài quý hiếm, với nhiều giống loài trong khu vực có tên trong Sách đỏ Việt Nam (năm 2007); 34 loại nguồn gen vật nuôi, cây trồng đặc sản nổi tiếng; 9 khu bảo tồn hoặc rừng đặc dụng, trong đó có 6 khu bảo vệ cảnh quan, 2 khu bảo tồn loài - sinh cảnh và 1 vườn quốc gia.

Về giá trị văn hóa, lịch sử, Công viên địa chất Non nước Cao Bằng tự hào là vùng đất cổ có bề dày lịch sử, văn hóa, với 271 di tích, 2 bảo vật quốc gia; nổi tiếng với nhiều đặc sản như: miến dong Phja Đén (huyện Nguyên Bình), quả lê và thạch đen (huyện Thạch An), hạt dẻ (huyện Trùng Khánh), bánh khẩu sli Nà Giàng (huyện Hà Quảng)... Cùng với đó, mảnh đất Cao Bằng còn là địa

bàn sinh sống của hơn 95% đồng bào dân tộc thiểu số, với nét sinh hoạt văn hóa riêng, tạo nên vùng đất văn hóa đa sắc tộc đã đem đến cho tỉnh Cao Bằng những tiềm năng, thế mạnh để phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch lịch sử cách mạng, văn hóa; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; du lịch tâm linh; du lịch biên giới...

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản trong vùng Công viên địa chất gắn với phát triển du lịch bền vững, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tỉnh Cao Bằng đã ban hành các đề án, chương trình, kế hoạch xây dựng và phát triển Công viên địa chất Non nước Cao Bằng, coi đây là một mô hình kinh tế - xã hội mới phù hợp với thực tiễn của tỉnh, góp phần bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng hiệu quả, hợp lý các giá trị địa chất cảnh quan thiên nhiên, các giá trị văn hoá - lịch sử.

Cùng với sự nỗ lực của các cấp chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Bộ Ngoại giao, các chuyên gia tư vấn UNESCO, tỉnh Cao Bằng đã xây dựng thành công Công viên địa chất Non nước Cao Bằng đáp ứng các tiêu chí của UNESCO. Theo đó, ngày 12/4/2018, Hội đồng Chấp hành UNESCO tại Kỳ họp lần thứ 204, tại Paris (Pháp) đã thông qua Nghị quyết công nhận Công viên địa chất Non nước Cao Bằng là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Tháng 8/2022, tiếp tục bảo vệ thành công danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu trước đoàn thẩm định UNESCO, đồng thời xuất sắc vượt qua các ứng viên khác, bảo vệ thành công hồ sơ giành quyền đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị quốc tế về Công viên địa chất toàn cầu mạng lưới châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 8 tại tỉnh Cao Bằng từ ngày 05 - 15/9/2024. Hội nghị đã thông qua “Tuyên bố Cao Bằng” với nhiều nội dung tiến bộ định hướng, khuyến nghị các công viên địa chất bước lên nấc thang mới phát triển bền vững.

Cụ thể hoá mục tiêu xây dựng, phát triển, khai thác hiệu quả giá trị mô hình Công viên địa chất toàn cầu UNESCO gắn với các hoạt động du lịch, cho đến nay, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng đã hoàn thành công tác xây dựng 4 tuyến du lịch trải nghiệm, với 57 điểm tham quan, cùng với hệ thống cơ sở vật chất trang bị đầy đủ, đồng đều, theo tiêu chuẩn quốc tế trên 4 tuyến để phục vụ khách du lịch, bao gồm:

- Tuyến số 1: *“Khám phá Phja Oắc - vùng núi của những đổi thay”*;
- Tuyến số 2: *“Hành trình về nguồn cội”*;
- Tuyến số 3: *“Trải nghiệm văn hóa bản địa ở xứ sở thần tiên”*;
- Tuyến số 4: *“Một thời hoa lửa”*.

Đồng thời, Cao Bằng đẩy mạnh xúc tiến xây dựng tuyến du lịch trải nghiệm thứ 5 kết nối Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) - Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; hình thành tuyến du lịch Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) - Nguyên Bình - Bảo Lạc - Bảo Lâm (tỉnh Cao Bằng) - Mèo Vạc - Đồng Văn (tỉnh Hà Giang).

Phát triển được hệ thống trên 40 thành viên đối tác Công viên địa chất (nhà hàng, khách sạn, homestay, hợp tác xã làng nghề truyền thống...), các sản phẩm truyền thống như: dệt thổ cẩm, in hoa văn sáp ong, phát triển nghề làm hương, nghề rèn, nghề chạm bạc, nghề làm giấy bản... gắn logo Công viên địa chất với các chuỗi sản phẩm nông nghiệp đặc hữu đã khẳng định thương hiệu như: miến dong (huyện Nguyên Bình), chè Kolia (Phja Đén, huyện Nguyên Bình), chè giảo cổ lam... tạo nên những sản phẩm du lịch rõ nét, đậm đà bản sắc, thu hút khách du lịch... Qua đó, góp phần tích cực tạo công ăn việc làm cho cộng đồng địa phương, nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản địa chất, phát huy giá trị di sản văn hóa, tri thức địa phương gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định trong công tác xây dựng, phát triển, phát huy giá trị danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO trong các hoạt động khai thác du lịch, song bên cạnh đó, tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, do Công viên địa chất là một mô hình mới ở Việt Nam, hành lang văn bản pháp lý quy định hiện hành đối với công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị mô hình Công viên địa chất còn thiếu và đang trong quá trình hoàn thiện từ cấp Trung ương đến cơ sở.

Do đó, để bảo đảm việc xây dựng và phát triển Công viên địa chất Non nước Cao Bằng theo các tiêu chí của UNESCO đối với một Công viên địa chất toàn cầu, ngoài việc tăng cường tham gia các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về xây dựng, khai thác hiệu quả đối với mô hình Công viên địa chất, các cấp chính quyền địa phương cần tiếp tục nỗ lực triển khai các giải pháp đồng bộ, quyết liệt, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ chính: (1) Phát huy danh hiệu UNESCO góp phần bảo tồn tốt giá trị di sản Công viên địa chất; (2) Coi trọng công tác bảo tồn văn hoá, tri thức bản địa; (3) Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường; (4) Tăng cường tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư, đặc biệt là đối tượng yếu thế; (5) Hoàn thiện xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng các tuyến du lịch Công viên địa chất, phát triển các loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn, làng nghề, tập trung phát triển những sản phẩm đặc trưng, đặc thù của từng vùng; đẩy mạnh việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa, khai thác các tiềm năng, lợi thế so sánh về những ưu đãi mà thiên nhiên ban tặng, sự đa dạng độc đáo về địa chất, sinh học cùng với kho tàng văn hóa, lịch sử giá trị, sự thân thiện và mến khách của người dân Cao Bằng. Những lợi thế đó đã, đang và sẽ tiếp tục được nâng tầm với danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương một cách bền vững.

HÀNH TRÌNH VỀ NGUỒN CỘI

TRƯƠNG THỊ QUYẾN*

Theo “Hành trình về nguồn cội”, trong tuyến phía bắc của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, tuyến du lịch tập trung ở huyện Hòa An và Hà Quảng đưa du khách tìm hiểu về miền đất có nhiều giá trị di sản văn hóa - lịch sử tiêu biểu cho truyền thống đấu tranh giữ nước, bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc.

Hòa An - một vùng huyền tích lịch sử

Là chốn “địa linh nhân kiệt”, mỗi tấc đất của châu Thạch Lâm xưa - huyện Hòa An nay đều chứa đựng những dấu tích ngàn xưa để lại, những câu chuyện huyền thoại và dấu tích lịch sử luôn là niềm tự hào của các thế hệ cư dân đã trải qua hàng ngàn năm.

Đầu tiên đến với vườn đá Hoàng Tung (xã Hoàng Tung), chúng ta được tìm hiểu về lịch sử địa chất cách đây khoảng 250 triệu năm, nơi dấu tích của một vùng biển đã biến mất không chỉ tồn tại trong các hóa thạch, mà đây biển kết hợp với hoạt động núi lửa ngầm còn để lại rõ nét. Vườn đá này phản ánh một giai đoạn trong lịch sử phát triển địa chất, không chỉ có giá trị cảnh quan mà còn có giá trị về mặt khoa học...

* Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng.

Đây là vùng đất giữ vị trí trọng yếu nên ngay từ thời kỳ đầu dựng nước, Cao Bằng là bức “phên giậu” vững chắc, che chắn bảo vệ biên ải phía Bắc. Theo truyền thuyết dân gian dân tộc Tày, từ thế kỷ III trước Công nguyên, vùng Cao Bằng đã là một nước có tên là Nam Cương của cư dân Âu Việt (Tây Âu), trung tâm là Hòa An. Thế kỷ XI, Cao Bằng lại trở thành trung tâm của một nước tự trị có tên là Trường Sinh, thủ phủ là Na Lữ với những người đứng đầu là cha con Nùng Tôn Phúc, Nùng Trí Cao. Di tích thành Na Lữ ngày nay nằm ở xóm Na Lữ, xã Hoàng Tung.

Tại đây, có đền Vua Lê thờ vua Lê Thái Tổ (tức Lê Lợi Cao Hoàng đế), đền nằm trong quần thể di tích thành Na Lữ. Kết tụ văn hóa từ ngàn xưa để lại, nhân dân trong vùng tổ chức lễ hội vào ngày 6 tháng Giêng âm lịch hàng năm.

Chúng ta còn được khám phá hai hang đá vôi lớn, sở hữu những di sản kép, vừa là di sản địa chất vừa là di sản di tích



Di tích đền Vua Lê, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An

Ảnh: Nông Thế Vĩnh.

lịch sử cách mạng Việt Nam, đó là hai di tích lịch sử cấp quốc gia: hang Ngườm Slua (xã Hoàng Tung) và hang Ngườm Bốc (xã Hồng Việt) - di tích khảo cổ học sơ kỳ thời đá mới liên quan đến truyền thuyết Báo Luông - Slao Cải.

Đền Dẻ Đoóng (xóm Dẻ Đoóng, xã Hồng Việt), ban đầu là thờ thần đá gắn với truyền thuyết về một chàng trai làm nghề đánh cá có hiếu với cha mẹ. Hiện di tích được bảo tồn khá nguyên vẹn về cảnh quan, không gian kiến trúc.

Ở mảnh đất đó, chính sử và huyền thoại là mạch nguồn của quá khứ, trải qua bao triều đại phong kiến và những dấu tích còn sót lại là minh chứng cho sự bảo vệ chủ quyền thiêng liêng nơi biên giới. Nổi bật có bảo vật quốc gia: bia Ma nhai Ngự chế của Vua Lê Thái Tổ trên vách núi Phja Tém, xóm Thanh Hùng, xã Hồng Việt thể hiện việc Vua thân chinh đem quân đi chinh phạt tạo dựng nên một quốc gia kỷ cương, phép nước, khẳng định chủ quyền quốc gia ở vùng biên cương Tổ quốc; và bia “Câu Thủy bi ký” gắn với sự kiện lịch sử cuộc nội chiến Lê - Mạc ở triều đại Vua Lê Hy Tông, với ý nghĩa để chăm lo tới sản xuất nông nghiệp, mở mang đồng ruộng cày cấy, đem lại cuộc sống no đủ, yên bình cho nhân dân vùng đất Cao Bằng.

Hà Quảng - quê hương cội nguồn cách mạng

Tuyên “Hành trình về nguồn cội” sẽ đưa chúng ta tìm hiểu về huyện Hà Quảng, miền đất có nhiều giá trị di sản văn hóa - lịch sử tiêu biểu cho truyền thống đấu tranh giữ nước, bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc.

Tại Lũng Luông (xã Lũng Nặm), hóa thạch cúc đá (Ammonite) được tìm thấy bảo tồn tốt trong đá vôi phân lớp mỏng của hệ tầng Đồng Đăng, được hình thành cách ngày nay khoảng 260 triệu năm (cuối kỷ Permi).

Ở đây còn là câu chuyện lịch sử về nhân vật Nùng Trí Cao, ở xóm Cốc Vương, xã Sóc Hà, có đền thờ được xây dựng từ năm 1889,

đền tọa lạc trên một gò đất cao, dựa vào dãy núi Phja Mạ vững chắc tựa bức tường thành, trước mặt trông ra sông Tả Cạn - một nhánh thượng nguồn sông Bằng. Cùng nằm trong khu vực này và làm phong phú thêm giá trị di sản, còn có di sản “thung lũng treo” Sóc Giang.

Một điểm không thể bỏ qua trong cuộc hành trình trải nghiệm tuyến phía Bắc đó là Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó. Các điểm di tích được phân bố thành từng cụm di tích. Tại đây, du khách sẽ được chiêm ngưỡng một vùng núi non với nhiều địa danh nổi tiếng như suối Lênin, hang Cốc Bó; nền nhà ông Lý Quốc Súng; hang Lũng Lạn; hang Ngườm Vài; Cột mốc 108 - nơi Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam; cụm di tích Khuổi Nặm; cụm di tích Bó Bảm... Đây là những nơi sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn để xây dựng căn cứ địa cách mạng đầu tiên, từ đó trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng toàn quốc (giai đoạn 1941 - 1945). Trải qua những năm tháng lịch sử, nơi đây vẫn luôn lưu giữ nguyên vẹn những chứng tích về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Người. Du khách ấn tượng với hang Cốc Bó, nơi tám phản gỗ Bác nằm nghỉ, còn đó với bếp lửa sưởi ấm hang lạnh hay bàn đá nơi Bác ngồi làm việc, nơi Bác ngồi câu cá... Ngoài các điểm di tích ngoài trời, du khách có thể dâng hương tại Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh; tham quan nhà trưng bày để hiểu rõ hơn về phong trào cách mạng của Cao Bằng.

Trên hành trình đó, chúng ta được tham quan, tìm hiểu cụm di tích Kim Đồng. Đây là nơi tưởng nhớ anh hùng liệt sĩ Kim Đồng, người có công bảo vệ cán bộ cách mạng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa. Tượng đài anh Kim Đồng với bộ quần áo của người dân tộc Nùng và tay nâng cao con chim bồ câu đưa thư. Hằng năm, thiếu niên nhi đồng của tỉnh Cao Bằng và cả nước thường về đây tổ chức lễ báo công, cắm trại, giao lưu văn nghệ, thể thao.

Trong tuyến hành trình này là những trải nghiệm làng nghề truyền thống của đồng bào Tày như nghề dệt thổ cẩm Luống Nội, xã Ngọc Đào; làng nghề giấy bản thảo mộc xóm Nà Mạ và làng nghề hương thảo mộc xóm Nà Kéo, xã Trường Hà.

Theo tuyến tham quan phía Bắc “Hành trình về nguồn cội” là hành trình ngược dòng thời gian tìm về quá khứ, từ thời kỳ tiền sử xa xưa cho đến lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của cả dân tộc. Tuyến du lịch này giúp du khách thêm hiểu biết và tự hào về truyền thống anh hùng qua lịch sử dân tộc, lịch sử địa phương và lịch sử cách mạng; hiểu thêm về lịch sử kiến tạo của vỏ Trái đất; đồng thời chiêm ngưỡng những vẻ đẹp phong cảnh thiên nhiên kỳ thú và khám phá truyền thống văn hóa đặc sắc của người dân bản địa của vùng non nước Cao Bằng.

TRẢI NGHIỆM VĂN HOÁ BẢN ĐỊA Ở XỨ SỞ THẦN TIÊN

NGÔ HẠNH NGUYỄN*

Trước những bộn bề của cuộc sống, ta thường mơ có dịp được thong dong lạc vào một miền cổ tích, nơi có dòng sông dịu dàng uốn lượn ôm lấy những ngọn núi sừng sững oai nghiêm, nơi có những cánh đồng lúa chín vàng khê đu đưa trước gió, hòa trong tiếng chim hót líu lo cùng những tiếng cười đùa hồn nhiên trong trẻ của những đứa trẻ vô lo, vô nghĩ.

*Cao Bằng gạo trắng nước trong
Ai lên đến đó lòng không muốn về.*

Nếu đã một lần đến với tuyến du lịch các huyện miền Đông của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, bạn sẽ được “Trải nghiệm văn hóa bản địa ở xứ sở thần tiên”. Vì mỗi du khách khi đến đây đều như chìm trong giấc mơ của chốn thần tiên xứ sở:

*Mời anh lên Cao Bằng quê em
... Qua đèo Khau Liêu, qua đèo Mã Phục.*

Từ thành phố Cao Bằng, để đến được các huyện miền Đông, chỉ có một con đường độc đạo, đó là chinh phục đèo Mã Phục, con đèo gắn liền với huyền thoại người anh hùng dân tộc Hùng Trĩ Cao (thế kỷ XI), người đã lãnh đạo nhân dân chống quân Tống xâm lược ở phía Bắc và chiếm được một phần lãnh thổ nhà Tống.

* Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng.

Trong một lần tuần tra biên giới trở về, đến địa phận xã Quốc Toản, huyện Quảng Hòa ngày nay, gặp con đèo cao quanh co, dốc đứng án ngữ trước mặt, ngựa của Nùng Trí Cao bị khuyụ chân không thể đi tiếp. Từ đó, dãy núi được đặt tên là Án Lại và con đèo được đặt tên là Mã Phục (ngựa quỳ). Chiếm ngưỡng một vùng đất bằng phẳng từ đèo Mã Phục nhìn xuống cũng khiến cho du khách cảm thấy đầy hứa hẹn trong hành trình chinh phục những điều kỳ thú ở phía trước.

Điểm đến hấp dẫn trong hành trình khám phá qua tuyến miền Đông là Mất Thần Núi. Nằm trong quần thể 36 hồ thông nhau của hồ Thăng Hen, du khách rẽ vào đường đi hồ Thăng Hen, sau đó có biển chỉ dẫn rẽ phải. Lối vào thoi cũng sẽ khiến du khách ngỡ ngàng. Do kiến tạo địa chất, trông xa Mất Thần Núi đúng như mắt của vị thần núi đang quan sát và làm chủ vùng đất này, vừa độc đáo, vừa huyền ảo, hấp dẫn lạ kỳ. Nói thêm về quần thể hồ Thăng Hen, đây là một di sản địa chất đặc biệt không chỉ ở Việt Nam mà còn đối với thế giới, các nhà khoa học gọi đây là hiện tượng “Turlough”, một thuật ngữ khoa học xuất phát từ Ailen, chỉ hiện tượng thông nhau dưới ngầm của hệ thống các hồ nước. Theo dân gian, quần thể hồ Thăng Hen có 36 hồ. Còn theo các nhà khoa học nghiên cứu, nơi đây cũng có khoảng trên dưới 40 hồ lớn nhỏ. Sự thông nhau này làm mực nước hồ luôn duy trì ở mức ổn định và làm cho nước hồ quanh năm xanh màu ngọc bích, mặc cho mùa mưa lũ kéo về.

Còn nếu bạn là một người yêu văn hóa bản địa, muốn tìm hiểu những thứ thuộc về truyền thống, thì chắc chắn những ngôi làng cách chân đèo Mã Phục vài cây số là một điểm dừng chân lý tưởng. Những làng nghề đã tồn tại hàng trăm năm từ thời tổ tiên của những người dân đang sinh sống ở đây, chẳng biết có từ bao giờ, khi còn là những đứa trẻ, họ đã thấy ông bà, cha mẹ mình làm nghề rồi lớn dần học theo.

Làng Phja Thấp (xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa), ngôi làng có cảnh đẹp ngỡ lạc vào chốn thần tiên, từng mái nhà sàn cổ của người Nùng An nhuộm nâu với mái ngói máng cổ kính, rêu phong, cùng cánh đồng lúa xanh rì rào hát trong nắng và gió. Những cô gái Nùng An mới lớn, những người phụ nữ Nùng An tần tảo... luôn mê hoặc ống kính của các nhiếp ảnh gia hay khách du lịch. Nghề làm hương truyền thống gắn liền với tục thờ tổ tiên của người Việt cổ, là văn hóa, là đạo lý răn dạy con cháu luôn hướng về cội nguồn. Những que hương được lăn qua lăn lại nhiều lớp, trong đó quan trọng là chất kết dính làm bằng loại lá cây trên rừng gọi là cây “bầu hắt” mang mùi hương của thiên nhiên.



Nghề làm hương truyền thống
tại làng Phja Thấp

Ảnh: Triệu Văn Lịch.

Đến với làng nghề rèn Phúc Sen, tiếng gõ búa chan chát từ sáng tinh mơ cho đến khi mặt trời buông xuống. Những người vợ giúp chồng, con giúp cha, cả nhà cùng nhau miệt mài lao động, tạo ra những sản phẩm có chất lượng, sắc bén, bền lâu với thời gian. Điều đặc

biệt của con dao Phúc Sen là thường được làm bằng thép nhíp ô tô, lại được cân đo thủ công, nên mỗi con dao hay sản phẩm làm ra, đều là độc nhất. Đây là món quà thiết thực cho du khách mỗi khi đến với huyện Quảng Hòa. Ngày nay, dao Phúc Sen đã có mặt trên thị trường rộng rãi, thậm chí được đưa sang nước ngoài qua các sàn thương mại điện tử, giúp tăng thu nhập cho người dân nơi đây, góp phần làm cho đời sống của người dân được đổi thay đáng kể.

Với việc được Ban quản lý Công viên địa chất Non nước Cao Bằng chọn là đối tác trong tuyến trải nghiệm phía đông, làng nghề giấy bản truyền thống Dì Trên (xã Phúc Sen) đang đứng trước cơ hội được nâng tầm trở thành điểm đến lý thú của du khách trong và ngoài nước. Trải qua bao thăng trầm của thời gian, nơi đây vẫn lưu giữ những giá trị văn hóa độc đáo được thể hiện qua bàn tay khéo léo và óc sáng tạo của đồng bào dân tộc Nùng.

Qua các làng nghề truyền thống, cũng tại huyện Quảng Hòa, du khách sẽ được trải nghiệm đến thăm miếu Bách Linh - nơi thờ các thần linh thiêng của nhiều loài vật, gắn với lễ hội tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên (02/02 âm lịch hàng năm); đền Nùng Trí Cao ở thị trấn Quảng Uyên, mỏ nước thần ở xóm Lũng Sặng, xã Hồng Quang...

Tiếp tục hành trình, du khách sẽ đến vùng đất Hạ Lang với nhiều di sản địa chất lý thú. Tại đây du khách thấy hội chùa Sùng Phúc, nơi thờ Phật và một số nhân vật, trong đó có bà Nguyễn Thị Duệ - nữ tiến sĩ đầu tiên và duy nhất trong lịch sử khoa bảng phong kiến Việt Nam. Sau đó, du khách sẽ đến với các điểm có di sản địa chất lý thú được hình thành cách ngày nay trên 400 triệu năm gồm Đại dương cổ và Lục địa cổ ở xã Minh Long.

Đến với các huyện miền Đông, du khách được chiêm ngưỡng những chiếc cọn nước với vẻ đẹp mộc mạc, riêng có. Cọn nước có từ lâu đời, là công cụ sản xuất gắn với phương thức canh tác truyền thống của người dân địa phương. Ở những nơi sông, suối có dòng chảy thấp so với ruộng canh tác, thay vì ngăn sông, đắp đập, người dân địa phương làm ra cọn nước và mượn sức nước để tưới tiêu cho đồng ruộng.

Cọn nước chính là những bánh xe khổng lồ nhẹ nhàng quay hết ngày này sang ngày khác, như một “động cơ vĩnh cửu”. Dọc theo lũy



Cọn nước sông Quay Sơn

Ảnh: Ngô Hạnh Nguyên.

tre xanh, cọn nước ngày ngày mài miết đưa nước về ruộng đã tạo nên vẻ đẹp thơ mộng, hữu tình của miền non nước.

Trên đường vào động Ngườm Ngao, du khách sẽ đi ngang qua ngôi làng đá hàng trăm năm tuổi của người Tày - làng đá Khuổi Ky. Gọi là

làng đá, không phải vì ở đây chế tạo đồ vật gì liên quan đến đá, mà chúng nổi tiếng vì những ngôi nhà sàn cổ được xây dựng bằng chất liệu đá từ xa xưa. Nơi đây được xây dựng thành Làng văn hóa dân tộc Tày, điểm đến cho du khách tham quan, tìm hiểu về cuộc sống của bà con.

Từ động Ngườm Ngao - thiên đường hang động tại Cao Bằng, mời bạn hãy thử một lần trải nghiệm du lịch mạo hiểm tại nhánh Bản Thuôn. Găng tay, áo phản quang, mũ bảo hiểm và chiếc đèn pin nhỏ là những đồ vật không thể thiếu trong hành trình này. Những sự thay đổi về môi trường, cảnh sắc, măng đá, nhũ đá với hình thù đầy tính liên tưởng, có những đoạn đường tối đen thường là nơi trú ngụ của loài dơi, rồi lúc sau lại sáng rực lên vì sự lấp lánh của các thạch nhũ... Liên tục trên hành trình gần 1 cây số sẽ mang đến cho bạn những cảm xúc khó quên.

Và tất nhiên, “chốn thiên đường hạ giới” không thể bỏ qua trong hành trình này, cũng là hình ảnh rõ nhất thể hiện “xứ sở thần tiên” đó là thác Bản Giốc - thác nước tự nhiên lớn nhất khu vực Đông Nam Á, niềm tự hào và biểu tượng của du lịch Cao Bằng. Xa xa, thác nước như một bức tranh miền cổ tích. Lại gần, thác nước đưa ta đến miền tiên cảnh, thác tung bọt trắng xoá, mát lạnh,

từng hạt nước bắn ra như trêu đùa với khách du lịch, hay cũng có thể coi là tiếng chuyện trò của dòng thác dữ dội mà nên thơ này. Đi bè vào thác chính, du khách sẽ được nghe dòng thác kể chuyện qua thính giác, thị giác, xúc giác với đầy mê man...

Khép lại hành trình trải nghiệm với biết bao điều thú vị, tươi đẹp của miền Đông non nước Cao Bằng đã dành trọn cho quý vị. Vùng đất miền Đông trù phú với thiên nhiên xanh mướt, phì nhiêu thực sự khiến con người cảm thấy thư thái vô cùng. Cuộc sống an nhiên, thuần hậu, chất phác cùng những nét văn hóa của người dân bản địa sẽ là điều đẹp nhất, lưu lại trong những quyển sổ du lịch của du khách khi đến nơi đây.

KHÁM PHÁ PHJA OẮC - VÙNG NÚI CỦA NHỮNG ĐỔI THAY

NGÔ HẠNH NGUYÊN*

Với địa hình đồi núi cao và đèo dốc, để đến với Cao Bằng khám phá những di sản địa chất và các cảnh quan đẹp mắt, bạn sẽ phải vượt qua những con đèo không dành cho những người say xe. Nhưng khi đã vượt qua những trở ngại về giao thông, những địa danh như Phja Oắc, Phja Đén, các mỏ vonfram cũ, dấu tích biệt thự Pháp cổ... sẽ để lại cho bạn những trải nghiệm khó quên. Các dấu ấn địa chất và cảnh quan, văn hoá vùng phía tây Cao Bằng mang tên “Khám phá Phja Oắc - vùng núi của những đổi thay” sẽ là hành trình tiếp theo mà chúng tôi muốn đồng hành cùng bạn.

Do kiến tạo địa chất khác biệt, chủ yếu là đất đá, chứa đựng kim loại quý, núi cao, địa hình dốc...; tuyến khám phá phía tây trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng với những câu chuyện lịch sử, văn hoá, gắn với tiến trình kiến thiết của đất nước được mang cái tên “vùng núi của những đổi thay”.

Với nguồn tài nguyên phong phú và quý hiếm như: vàng, mangan, thiếc, vonfram..., cùng các khai trường, hầm mỏ do thực dân Pháp để lại, Trung ương Đảng đã định hướng cho Cao Bằng tập trung vào ngành công nghiệp khai khoáng luyện kim màu.

* Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng.

Được sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô (trước đây), tháng 10/1955, Mỏ thiếc Tĩnh Túc được thành lập và tiến hành tổ chức, xây dựng đội ngũ công nhân, cải tạo lại các cơ sở, hầm mỏ sản xuất... Nhớ lại những bước thăng trầm của lịch sử, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong ký ức nhiều cựu công nhân của mỏ vẫn không thể quên khí thế tất bật ngày đêm trên công trường sản xuất thiếc. Với khẩu hiệu lao động: “Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”, “Vì miền Nam thân yêu” đã tạo ra động lực mạnh mẽ để họ tự làm ra thiếc thổi phục vụ cho ngành công nghiệp khác, góp phần vào thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, thống nhất đất nước. Đến nay, những khu tập thể của chuyên gia Liên Xô tại thị trấn Tĩnh Túc hay những khu nghỉ dưỡng của người Pháp, tức “Nhà Đỏ” vẫn còn được sử dụng và trở thành nơi tham quan cho du khách mỗi khi đến với huyện Nguyên Bình.

Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, Nguyên Bình là nơi thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - Đội quân chủ lực đầu tiên, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đến với Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, du khách không chỉ được tìm hiểu truyền thống lịch sử vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam mà còn được khám phá, chiêm ngưỡng vẻ đẹp của khu rừng nguyên sinh có diện tích rộng trên 200 ha. Khu rừng vẫn giữ được nét đẹp hoang sơ với những tán cổ thụ rêu phong và bầu không khí trong lành, mát mẻ. Cũng tại đây, bạn sẽ có dịp được trải nghiệm nhiều di tích độc đáo như đồn Phai Khắt, đồn Nà Ngần, nhà bia, đỉnh Slam Cao, lán nghỉ và bếp ăn của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân... Lợi thế phong cảnh núi rừng hùng vĩ, các bản, làng còn mang đậm nét đặc trưng văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số nên phát triển du lịch lịch sử gắn với du lịch sinh thái cộng đồng cũng gọi mở hướng đi cho du lịch của vùng.

Chứng kiến những đổi thay của vùng đất này, từ thời kỳ thuộc Pháp cho đến những ngày tháng lịch sử của cách mạng Việt Nam thời kỳ tiền khởi nghĩa, người dân nơi đây vẫn ở đó, vẫn dõi theo

vận mệnh dân tộc, ủng hộ cách mạng, một lòng theo Đảng và luôn giữ bản sắc văn hoá của dân tộc mình từ thuở sơ khai.

Người dân sinh sống tại khu vực Phja Oắc, Phja Đén chủ yếu là người Dao Tiên, Dao Đỏ. Họ sống trên những dãy núi cao, ngoài công việc trồng lúa truyền thống, những người Dao nơi đây còn có những nghề thủ công vô cùng đặc sắc. Đó là nghề chạm bạc truyền thống ở xã Vũ Minh, thêu thổ cẩm ở xã Hoa Thám, hay in hoa văn trên vải bằng sáp ong ở Hoài Khao, xã Quang Thành. Cùng theo chân người Dao Tiên ở xóm Hoài Khao đi thu hoạch sáp ong và chế biến, in hoa văn trên những bộ trang phục truyền thống của họ, bạn sẽ được chiêm ngưỡng những nét đặc sắc trong văn hóa bản địa luôn được gìn giữ và trao truyền.

Đến với Nguyên Bình là đến với những khu rừng nguyên sinh bạt ngàn sắc xanh, khu dự trữ thiên nhiên, lá phổi xanh của vùng Đông Bắc. Chỉ có ở nơi đây, bạn mới thấy được những “kỳ hoa, dị thảo”, nơi đỉnh Phja Oắc cao 1.931 m, nóc nhà của Công viên địa chất; nơi bạn sẽ có những bức ảnh tuyệt đẹp với sắc xanh của cây rừng và sắc vàng của những thửa ruộng bậc thang vây quanh triền núi.

Trải qua bao thay đổi của lịch sử, người dân nơi đây vẫn giữ nguyên nét đẹp của con người và cùng gìn giữ thiên nhiên. Họ đã biết tận dụng điều kiện tự nhiên, cảnh quan thiên nhiên với tiểu khí hậu độ ẩm trở thành nơi để phát triển du lịch. Khu du lịch sinh thái, nông nghiệp Kolia là nơi níu chân du khách khi đến tuyến du lịch phía tây của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Đây là khu du lịch sinh thái tuyệt đẹp với thời tiết mát mẻ quanh năm cùng cảnh sắc thiên nhiên hấp dẫn. Giữa không gian trùng điệp núi rừng và khí trời mát lạnh, thưởng thức một ly trà nóng với hương thơm thoang thoảng, dịu nhẹ và đưa mắt chiêm ngưỡng cảnh sắc thiên nhiên tuyệt đẹp, lắng nghe những thanh âm của núi rừng hẳn sẽ là trải nghiệm không thể nào quên.



Khu du lịch sinh thái Kolia, huyện Nguyên Bình

Ảnh: Ngô Hạnh Nguyên.

Ngoài những điều tuyệt vời trên, trong hành trình đến với Cụm du lịch vùng phía tây của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, bạn có thể tiếp tục khám phá các di sản địa chất lý thú như san hô cổ Lang Môn, núi Mào Gà, cảnh quan lưng rồng, thung lũng treo Tỉnh Túc... Đó đều là những điểm di sản có giá trị địa chất đặc biệt, cho thấy quá trình hình thành của Non nước Cao Bằng.

Hành trình “Khám phá Phja Oắc - vùng núi của những đổi thay” chắc chắn sẽ đem đến những trải nghiệm thú vị cho du khách. Một chút băng tuyết đến từ tiểu vùng khí hậu ôn đới chắc chắn sẽ là trải nghiệm bạn không nên bỏ lỡ vào mùa đông ở nơi đây.

TUYẾN DU LỊCH “MỘT THỜI HOA LỬA”

LÝ THỊ THU THUYẾT*

Tuyến du lịch “Một thời hoa lửa” là tuyến trải nghiệm số 4 trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Tuyến nằm trên địa phận thành phố Cao Bằng, huyện Thạch An và huyện Quảng Hòa với tên gọi “Một thời hoa lửa”, thể hiện được ý nghĩa về các giá trị địa chất, cảnh quan đặc sắc cũng như bao hàm các giá trị lịch sử hào hùng, văn hoá độc đáo của tuyến trải nghiệm.

Tuyến trải nghiệm số 4 “Một thời hoa lửa” có 15 điểm di sản địa mạo địa chất, văn hóa, lịch sử. Tại thành phố Cao Bằng có 4 điểm: Trung tâm thông tin Công viên địa chất; Địa điểm lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giông (tổ 8, phường Đề Thám); mỏ sắt Chu Trinh (xã Chu Trinh); hồ hóa thạch thân mềm và than nâu trong trầm tích Neogen (tổ 11, phường Sông Hiến). Trong chuỗi di sản trên, có Địa điểm lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giông (1904 - 1947) là di tích lịch sử cấp quốc gia, tri ân người lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam, người con ưu tú của quê hương “cội nguồn” cách mạng Cao Bằng, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cũng như các tuyến trải nghiệm khác trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, tuyến trải nghiệm

* Ban Quản lý Công viên địa chất Non nước Cao Bằng.

số 4 có nhiều điểm di sản địa chất phản ánh quá trình tiến hoá lâu dài với những biến động địa chất phức tạp cách đây hàng trăm triệu năm như các hoạt động đứt gãy, quá trình chuyển biến của vỏ trái đất từ vỏ đại dương sang vỏ lục địa với nhiều hệ tầng dày hàng ngàn mét, quá trình karst hoá tạo nên cảnh quan karst ấn tượng, chủ yếu là cảnh quan karst trưởng thành (dạng cụm đỉnh lũng, thung lũng mù karst, yên ngựa...) vừa có những đặc điểm “già” với đầy đủ các dạng địa hình khác nhau... mang đến cho khách tham quan những bất ngờ khi tìm hiểu về các điểm di sản địa chất trên tuyến. Chẳng hạn như tại khu vực thành phố Cao Bằng đã tìm thấy những dấu tích của một môi trường sông - hồ - đầm lầy tồn tại cách ngày nay khoảng 28 - 38 triệu năm (Eocen muộn - Oligocen sớm) với một hệ động - thực vật đa dạng và phong phú đáng kinh ngạc đã từng tồn tại ở đây trong điều kiện khí hậu nóng ẩm.

Huyện Thạch An có 8 di sản: núi lửa dưới đại dương cổ, đèo Khau Khoang (xã Thái Cường); rừng cây di sản Vân Trình (xã Vân Trình); thung lũng karst - cơ sở sản xuất thạch đen truyền thống Lê Lai (xã Lê Lai); Hợp tác xã Nông sản hữu cơ Vân An (xã Lê Lai); Trung tâm thông tin Công viên địa chất Đông Khê; di tích đồn Đông Khê (thị trấn Đông Khê); đỉnh núi Báo Đông (xã Đức Long); đại dương cổ - điểm hóa thạch lỗ tầng (xã Thụy Hùng). Đặc biệt, các hoá thạch điển hình như hóa thạch san hô (xã Thụy Hùng), lỗ tầng (xã Lê Lai)... được phát hiện minh chứng cho một quá trình địa chất lâu dài của một khu vực trước đây là biển sau đó được nâng lên. Những hoá thạch này có giá trị phác hoạ lại điều kiện địa lý - địa chất trong các giai đoạn phát triển của vỏ trái đất. Đồng thời, điểm di sản núi lửa dưới đại dương cổ tại đèo Khau Khoang (xã Thái Cường) bắt gặp vết lộ đá basalt dạng cầu gối - sản phẩm phun trào núi lửa dưới đáy đại dương - rift Sông Hiến - hình thành khoảng 260 triệu năm dọc theo đứt gãy sâu phương Tây Bắc - Đông Nam Cao Bằng - Tiên Yên.



Các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam tham quan di tích
lô cốt tháp canh tại cứ điểm Đông Khê, huyện Thạch An

Ảnh: Ban Quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng.

Về mặt ý nghĩa địa chất, tên gọi “Một thời hoa lửa” mang hàm ý một tuyến trải nghiệm có nhiều đặc điểm địa chất độc đáo, trải qua những biến động địa chất mãnh liệt, những hoạt động kiến tạo địa chất độc đáo, hình thành nên những cảnh quan đặc sắc. “Hoa lửa” còn gợi liên tưởng đến hình ảnh dòng dung nham đỏ rực dâng lên từ trong lòng đất và chảy tràn khắp đáy đại dương... cách đây hàng trăm triệu năm, hình thành nên cảnh tượng đặc biệt tại đèo Khau Khoang.

Về mặt ý nghĩa lịch sử, tuyến du lịch trải nghiệm phía nam từ thành phố Cao Bằng, huyện Thạch An, huyện Quảng Hòa “Một thời hoa lửa” gắn với huyền thoại đường số 4 rực lửa, với sự hy sinh anh dũng của quân và dân ta làm nên chiến thắng Biên giới năm 1950 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tuyến kết nối Khu di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An với những chứng tích cho sự lãnh đạo thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đặc biệt, “đỉnh núi Báo Đông” là nơi ghi dấu sự kiện

lần đầu tiên và duy nhất trong lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam, Bác Hồ trực tiếp ra mặt trận chỉ đạo chiến dịch. Cùng với sự đa dạng sinh học phong phú, điển hình như điểm rừng cây di sản Vân Trình (huyện Thạch An) và nhiều cây bản địa quý hiếm như: thạch đen, lê Đông Khê, quýt, bí thơm.

Bên cạnh đó là giá trị di sản văn hóa đặc sắc tại huyện Quảng Hòa như: làng nghề truyền thống sản xuất mía đường Bó Tờ, chùa Phật tích Trúc Lâm Tà Lùng và điểm hữu nghị Việt - Trung, thị trấn Tà Lùng.

Tuyến trải nghiệm số 4 về phía nam Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được xây dựng theo tư vấn của chuyên gia UNESCO và đưa vào khai thác đã tích hợp thêm các điểm di sản nổi bật kết nối được thành phố Cao Bằng, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh, nơi xuất phát của tất cả các tuyến tham quan du lịch trong và ngoài tỉnh, và hơn nữa, là đầu mối kết nối, giao thương với quốc tế và các địa phương trong nước, là tuyến kết nối cao tốc phía Nam của tỉnh. Khai thác hiệu quả đường cao tốc Trà Lĩnh (Cao Bằng) - Đồng Đăng (Lạng Sơn), quốc lộ 4A (quốc lộ 34B) là tuyến giao thông huyết mạch nối Cao Bằng - Lạng Sơn và các tỉnh duyên hải Quảng Ninh, Hải Phòng - những trung tâm du lịch lớn của vùng Đông Bắc cũng như của cả nước; sẽ kết nối được Khu di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An cùng rất nhiều giá trị di sản văn hóa, di sản địa chất khác, đặc biệt là các biểu hiện điển hình nhất của đới đứt gãy sâu Cao Bằng - Tiên Yên.

KHU DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT PÁC BÓ

ĐÀO VĂN MÙI*

Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó (xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng) - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài (ngày 28/01/1941). Người đã ở và làm việc tại đây nhiều năm, quyết định nhiều sự kiện lịch sử trọng đại. Với những giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học, Khu di tích lịch sử Pác Bó được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 548/QĐ-TTg, ngày 10/5/2012.

Pác Bó theo tiếng địa phương nghĩa là “miệng nguồn” (đầu nguồn). Pác Bó cũng là đầu nguồn của cách mạng Việt Nam, gắn liền với giai đoạn lịch sử đặc biệt quan trọng trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam giai đoạn 1941 - 1945. Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó gồm các cụm di tích sau:

Cụm di tích khu vực đầu nguồn

Di tích hang Cốc Bó, điểm di tích chính trong cụm di tích khu vực đầu nguồn. Cốc Bó tiếng địa phương có nghĩa là “đầu nguồn”. Đây là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí cán bộ cách mạng ở từ ngày 08/02/1941 đến tháng 3/1941.

* Ban Quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng.

Di tích nhà ông Lý Quốc Súng (ông Máy Lý), ngôi nhà Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã ở đầu tiên khi trở về Tổ quốc chỉ đạo cách mạng (từ ngày 28/01 - 07/02/1941). Ngôi nhà được dựng khoảng năm 1937, theo kiểu nhà sàn địa phương.

Di tích bàn ghế đá, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh hàng ngày ngồi làm việc, Người đã viết các tài liệu tuyên truyền cách mạng và dịch cuốn “Lịch sử Đảng Cộng sản Bôn-sê-vich Liên Xô” trong thời gian sống và hoạt động tại khu vực đầu nguồn.

Di tích Cột mốc 108: Ngày 28/01/1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Đào Thế An, Đặng Văn Cáp và Hoàng Văn Lộc vượt qua mốc 108 nằm giữa biên giới Việt Nam - Trung Quốc để về Pác Bó. Cột mốc 108 được làm bằng đá tảng nguyên khối, bên trên khắc nội dung bằng tiếng Trung và tiếng Pháp.

Núi Các Mác, suối Lê Nin: Suối Lê Nin bắt nguồn từ chân núi, ngay dưới hang Cốc Bó, uốn dòng theo dãy núi Phja Tào chảy về làng Pác Bó, dân làng gọi là suối Giàng hay dòng Trùng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt tên cho dòng suối là suối Lê Nin, ngọn núi cao bên dòng suối là núi Các Mác để tưởng nhớ tới hai vị lãnh tụ tiền bối vĩ đại của cách mạng vô sản thế giới.

Ngoài ra, còn các điểm di tích khác như di tích nơi Bác thường ngồi câu cá, cây ổi đầu nguồn, vườn cây ăn quả Bác Hồ, vườn trúc Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Cụm di tích Khuổi Nặm

Từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại lán Khuổi Nặm đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của cách mạng Việt Nam; xác định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên nhiệm vụ hàng đầu, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, xúc tiến thành lập và phát

triển lực lượng vũ trang... từ đó, trực tiếp góp phần quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cụm di tích Khuổi Nặm gồm 3 lán: Lán Khuổi Nặm I là nơi Bác đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám. Lán Khuổi Nặm II là nơi xuất bản tờ báo Việt Nam độc lập số đầu tiên ngày 01/8/1941 - cơ quan ngôn luận chính thức của Mặt trận Việt Minh. Lán Khuổi Nặm III (lán Cốc Chủ) là nơi Bác hay đến ở tạm một thời gian mỗi khi địch đến càn quét.

Cụm di tích Bó Bầm

Nhà ông Dương Văn Đình là nơi Bác Hồ thường xuyên qua lại tiếp xúc và tuyên truyền cách mạng trong quần chúng nhân dân. Trong chuyến trở lại thăm Pác Bó (ngày 20/02/1961), sau lễ mít tinh tại khu ruộng Nà Chang, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và ăn bữa cơm thân mật tại gia đình nhà cụ Dương Văn Đình.

Khu ruộng Nà Chang: tại đây nhân dân các dân tộc huyện Hà Quảng đã tổ chức lễ mít tinh đón Chủ tịch Hồ Chí Minh trong dịp Người lên thăm Pác Bó ngày 20/02/1961.

Nền nhà ông La Thanh: là cơ sở cách mạng quan trọng thời kỳ tiền khởi nghĩa. Đây là nơi đón tiếp các đại biểu toàn quốc về dự Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám.

Khu ruộng Gọc Mu: tại đây năm 1940, nhân dân thôn Pác Bó đã cất máu ăn thề, nguyện suốt đời đi theo cách mạng.

Các điểm lưu niệm tại khu trung tâm

Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tọa lạc trên ngọn núi linh thiêng “Pò Ténh Cháy”. Đền có kiến trúc nhà sàn của dân tộc Tày, Nùng tỉnh Cao Bằng được cách điệu. Hướng chính quay về phía nam, đối diện dãy núi Nà Nhình; phía bắc tựa lưng vào “Pò Ténh Cháy” tạo thế vững chắc, được ví như “rồng cuộn, hổ ngồi”. Tại vị trí trang trọng phía trong đền thờ, nổi bật là bức hoành phi nạm vàng với câu “Hong nhật cao minh”, nói lên công lao to lớn

của vị Lãnh tụ kính yêu. Hai bên là đôi câu đối: “Lãnh tụ trở về, nhật nguyệt bùng lên trời Pác Pó/Anh hùng tụ hội, tinh hoa rực sáng đất Cao Bằng”. Khu sân trung tâm là quảng trường và nhà trưng bày Khu di tích.

Biểu tượng Km0 đường Hồ Chí Minh - điểm đầu Cao Bằng là một trong những điểm nhấn quan trọng trong Khu di tích. Toàn bộ công trình được xây dựng với các hạng mục: Biểu tượng Km0, bức phù điêu, sân biểu tượng và đường lên xuống.

Nhà trưng bày Khu di tích là nơi lưu giữ, giới thiệu các hình ảnh, phù điêu, bản đồ, tư liệu, tài liệu, hiện vật giá trị liên quan đến các hoạt động, sự kiện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng tại Cao Bằng, trọng tâm là thời kỳ Người hoạt động cách mạng tại Pác Bó.



Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh
tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó, huyện Hà Quảng

Ảnh: Nông Thế Vinh.

Cụm di tích lịch sử Kim Đồng

Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền, người dân tộc Nùng, sinh năm 1929 trong một gia đình nông dân nghèo tại làng Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Nông Văn Dền là một trong 5 đội viên đầu tiên và là đội trưởng của Đội Nhi đồng cứu quốc - tổ chức Đội đầu tiên (tiên thân của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh) được thành lập ngày 15/5/1941 tại Pò Đoi. Ngày 23/7/1997, Chủ tịch nước Lê Đức Anh đã ký quyết định truy tặng Kim Đồng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Các điểm trong cụm di tích lịch sử Kim Đồng bao gồm:

Khu mộ Kim Đồng: nằm dưới chân núi Tèo Lài, thuộc làng Nà Mạ. Bên trái mộ Kim Đồng là mộ của mẹ Kim Đồng, chính giữa là tượng đài Kim Đồng và bức tường nghệ thuật, thể hiện ý nghĩa 14 mùa xuân của Kim Đồng.

Hang Nộc Ến: nằm ở dãy núi Phja Đài, Phja U phía sau làng Nà Mạ. Tại đây vào tháng 8/1942, Kim Đồng đã được Bác Hồ giao nhiệm vụ thông tin liên lạc, bảo vệ cách mạng.

Pò Đoi - Thoong Mạ: nơi thành lập Đội Nhi đồng cứu quốc (ngày 15/5/1941), do Kim Đồng là đội trưởng. Hiện nay, di tích đã được Tỉnh đoàn Cao Bằng xây dựng nhà bia lưu niệm, ghi dấu sự kiện thành lập Đội Nhi đồng cứu quốc và ghi danh những thành viên trong đội.

Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó là bảo tàng sống động, nơi lưu trữ những địa danh, tài liệu, hiện vật quý báu về Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với giai đoạn non trẻ của cách mạng Việt Nam và Trung ương Đảng thời kỳ 1941 - 1945. Nơi đây còn có môi trường sinh thái trong lành, với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, sơn thủy hữu tình. Hằng năm, Khu di tích đón tiếp hàng vạn lượt khách trong và ngoài nước đến dâng hương, báo công, tham quan, học tập, nghiên cứu và trở thành địa chỉ đỏ trong công tác giáo dục truyền thống cách mạng.

KHU DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO

ĐÀO ĐỨC THÔNG*

Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 2383/QĐ-TTg, ngày 09/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, gồm 5 di tích đã được xếp hạng, phân bố trên địa bàn 2 xã Tam Kim và Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; là một trong những khu di tích có tầm quan trọng trong hệ thống các di tích về lịch sử quân sự cách mạng Việt Nam, gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời kỳ 1941 - 1945. Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo là nơi diễn ra nhiều sự kiện đặc biệt quan trọng liên quan đến vận mệnh của đất nước, của dân tộc như: Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (ngày 22/12/1944) - Đội quân chủ lực đầu tiên, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam; là nơi ghi dấu chiến công đầu tiên của Đội tại hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần (ngày 25 và 26/12/1944). Sau này, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân phát triển trưởng thành và giành được nhiều thắng lợi mang lại độc lập cho dân tộc Việt Nam, mà đỉnh cao là cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 02/9/1945.

* Ban Quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng.

Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo gồm các di tích:

Rừng Trần Hưng Đạo: là một khu rừng nguyên sinh, có diện tích 201,7 ha. Đây là nơi chứng kiến sự ra đời của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - Đội quân chủ lực đầu tiên, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam, với 25 trong số 34 chiến sĩ đầu tiên của Đội là người Cao Bằng. Cụm di tích gồm các hạng mục:

Bức phù điêu Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân: bức phù điêu Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được mô phỏng theo bức ảnh tư liệu Lễ thành lập Đội ngày 22/12/1944. Bức phù điêu là một công trình mỹ thuật hoành tráng, có giá trị như một tượng đài lưu niệm, biểu tượng cao quý, thiêng liêng về sự kiện trọng đại của dân tộc Việt Nam.



Đại tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (người đứng thứ 8 từ trái sang, hàng đầu tiên) và các đại biểu chụp ảnh lưu niệm tại Bức phù điêu Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (ngày 11/12/2024)

Ảnh: La Thị Ngà.

Đền thờ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân: Đền thờ được khởi công và khánh thành năm 2014 do Bộ Quốc phòng đầu tư nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Đền thờ được xây dựng tại chân núi Khau Giáng linh thiêng, trong đền đặt bức hoành phi “Dĩ công vi thượng” là lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi Người hoạt động tại Pác Bó; đôi câu đối do nhà giáo Hồ Cơ sáng tác mừng thọ Đại tướng tròn 90 tuổi, biểu đạt trọn ý tài năng, đức độ của vị tướng huyền thoại của dân tộc.

*“Văn lo vận nước, văn thành võ
Võ thấu lòng dân, võ hóa văn”*

Địa điểm thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân: Để ghi dấu sự kiện lịch sử thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/1994), Bộ Quốc phòng đã đầu tư xây dựng Nhà bia lưu niệm tại địa điểm thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, bia có 4 mặt với các nội dung: Chỉ thị thành lập Đội của Lãnh tụ Hồ Chí Minh, lễ thành lập Đội, 10 lời thề danh dự và danh sách 34 chiến sĩ đầu tiên của Đội.

Dãy lán nghỉ và bếp ăn: là dãy nhà mô phỏng lán trại cũ của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. Tại đây, ngay sau buổi lễ thành lập, cả đội đã tổ chức ăn bữa cơm nhạt không rau, không muối để nêu cao tinh thần quyết tâm chịu đựng gian khổ của người chiến sĩ cách mạng.

Địa điểm mở nước phục vụ nước sinh hoạt Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân: là nơi các chiến sĩ của Đội lấy nước sinh hoạt hằng ngày.

Đỉnh Slam Cao: đây là nơi đồng chí Võ Nguyên Giáp và Ban Chỉ huy đã trực tiếp lên quan sát đưa ra các phương án đánh

đồn Phai Khắt, trận đánh đầu tiên, thắng lợi đầu tiên của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ngày 25/12/1944. Đỉnh Slam Cao là điểm cao nhất của núi Dền Sinh (xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình), từ đây có thể quan sát các hướng: phía đông bắc quan sát về hướng đồn Nà Ngần, phía đông nam là hướng đồn BenLe bên đường số 3B trên đường đến đèo Cao Bắc và từ đây có thể quan sát rõ đồn Phai Khắt, làng Phai Khắt và núi Thảm Khẩu.

Hang Thảm Khẩu: nơi tập trung quân của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ngày 24/12/1944 để chuẩn bị đánh đồn Phai Khắt.

Di tích đồn Phai Khắt: là nơi chứng kiến trận đầu ra quân thắng lợi của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (25/12/1944). Đồn nguyên là nhà của đồng chí Nông Văn Lạc, một cán bộ cách mạng cốt cán của xã Tam Kim. Ngôi nhà có diện tích 210 m² được xây dựng từ năm 1940, là ngôi nhà gạch to nhất làng. Đầu năm 1944, thực dân Pháp đã chiếm ngôi nhà của ông Nông Văn Lạc và đóng đồn nhằm khống chế phong trào cách mạng ở địa phương và chặt đứt con đường huyết mạch của cách mạng. Đây cũng là một trong những lý do để Ban Chỉ huy Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân chọn đồn Phai Khắt làm mục tiêu cho trận ra quân đầu tiên.

Di tích đồn Nà Ngần: đồn Nà Ngần nằm trên địa bàn xã Cẩm Lý, nay là xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; cách đồn Phai Khắt khoảng 20 km. Sau trận đánh mở màn giành thắng lợi tại đồn Phai Khắt ngày 25/12/1944, ngày 26/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân hành quân đi đánh đồn Nà Ngần. Đồn nguyên là nhà của ông Phó lý Pảo, một ngôi nhà sàn ba gian kiên cố nhất trong bản, được làm bằng gỗ, mái lợp bằng ngói âm dương. Nhằm ngăn cản phong trào do Việt Minh lãnh đạo, địch đã chiếm nhà của Phó lý Pảo để đóng quân.

Sau trận đánh đòn một thời gian, gia đình ông Phó lý Pảo đã tháo và di chuyển ngôi nhà đi nơi khác. Di tích đã được đầu tư xây dựng các hạng mục: nhà bia lưu niệm, khuôn viên hàng rào, phục dựng lại ngôi nhà sàn và trưng bày một số hiện vật lịch sử, tái hiện không gian sinh hoạt của lính đồng và gia đình Phó lý Pảo.

Di tích Vạ Phá: di tích Vạ Phá thuộc xóm Bản Um, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Đây là nơi Tổng bộ Việt Minh Cao Bằng đã mở lớp huấn luyện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho toàn tỉnh do đồng chí Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng phụ trách vào tháng 02/1944.

Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo là nơi các tổ chức, đoàn thể, lực lượng vũ trang... tìm về để tri ân truyền thống vẻ vang của dân tộc, là nơi giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ, qua đó khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào dân tộc cho lớp lớp thế hệ người dân Việt Nam. Khu di tích đã trở thành một trong những địa điểm du lịch hấp dẫn của Cao Bằng.

KHU DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT ĐỊA ĐIỂM CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI NĂM 1950, HUYỆN THẠCH AN

NÔNG THỊ BIÊN*

Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng gồm 19 di tích và điểm di tích được phân bố thành 4 cụm di tích nằm trên địa bàn 4 xã, thị trấn. Các địa điểm di tích có giá trị đặc biệt quan trọng gắn liền với sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và sự trưởng thành, phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam. Khu di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2082/QĐ-TTg, ngày 25/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Đứng trước tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến thuận lợi, tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Biên giới. Tháng 7/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập Bộ Chỉ huy và Đảng uỷ Mặt trận Biên giới, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng uỷ Mặt trận. Tỉnh Cao Bằng được chọn làm chiến trường chính của chiến dịch; “bản doanh” của Sở Chỉ huy Chiến dịch được đặt tại nhà ông Lã Văn Ho, xã Quốc Phong, huyện Quảng Uyên (nay thuộc huyện Quảng Hoà).

* Ban Quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng.

Với tầm quan trọng của chiến dịch, cuối tháng 8, đầu tháng 9/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường ra mặt trận. Đây là chiến dịch đầu tiên và duy nhất Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp ra mặt trận chỉ đạo, động viên quân và dân chiến đấu.

Sáng sớm ngày 16/9/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đài quan sát mặt trận trên đỉnh núi Báo Đông (xã Đức Long, huyện Thạch An) trực tiếp quan sát theo dõi và chỉ đạo trận đánh cứ điểm Đông Khê - trận đánh mở màn cho Chiến dịch Biên giới năm 1950.

Cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng Chiến dịch Biên giới năm 1950

Cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng Chiến dịch Biên giới năm 1950 thuộc xóm Bản Pò và xóm Bản Mới, xã Đức Long, huyện Thạch An. Trung tâm của cụm là Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng Chiến dịch Biên giới năm 1950. Nhà tưởng niệm được thiết kế theo kiến trúc nhà sàn gồm hai công năng: dâng hương tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh và trưng bày hình ảnh, tài liệu, hiện vật liên quan đến Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chiến dịch Biên giới năm 1950. Tại vị trí trang trọng nhất của Nhà tưởng niệm, tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh uy nghiêm cùng bức hoành phi “KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO”; đôi câu đối “ĐOÀN KẾT, ĐOÀN KẾT, ĐẠI ĐOÀN KẾT/THÀNH CÔNG, THÀNH CÔNG, ĐẠI THÀNH CÔNG” là kim chỉ nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng và là nguồn cổ vũ to lớn để toàn Đảng, toàn dân tộc quyết tâm chiến đấu làm nên những chiến dịch lịch sử toàn thắng.

Di tích Nhà Sở chỉ huy Chiến dịch: là trung tâm chỉ huy trực tiếp ngoài mặt trận của chiến dịch (còn gọi là Sở Chỉ huy tiền phương); là nơi tập trung cơ quan đầu não của Bộ Chỉ huy Chiến dịch Biên giới bàn bạc, quyết định trận đánh mở màn chiến dịch (16/9/1950); là nơi tập trung mọi thông tin liên lạc



Chủ tịch Hồ Chí Minh trên Đài quan sát Mặt trận Đông Khê năm 1950

Ảnh: Vũ Năng An.

của các trận đánh. Tại đây, Bộ Chỉ huy Chiến dịch quyết định đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đài quan sát trên đỉnh núi Báo Đông (16/9/1950) để theo dõi, chỉ huy chiến dịch theo yêu cầu của Người. Di tích Nhà Sở chỉ huy Chiến dịch Biên giới năm 1950 thuộc xóm Bản Pò (Cốc Đứa) nằm dưới chân núi Báo Đông. Từ ngày 13/9/1950, Sở Chỉ huy Chiến dịch được đặt tại nhà ông Vi Văn Cẩm (xóm Cốc Đứa). Sau Chiến dịch Biên giới, ngôi nhà đã không còn. Năm 2004, di tích được tôn tạo, xây dựng trên nền nhà cũ với kiểu kiến trúc nhà sàn. Cùng với di tích Nhà Sở chỉ huy Chiến dịch, còn có các điểm: di tích hang Tác chiến là nơi ở và làm việc của Ban Tác chiến; di tích hang Quân báo là nơi ở và làm việc của Ban Quân báo; di tích hang Thông tin là nơi đặt Tổng đài thông tin chiến dịch.

Di tích Đài quan sát của Bộ Chỉ huy Chiến dịch: di tích nằm trên đỉnh núi Báo Đông thuộc xóm Bản Pò, xã Đức Long, huyện Thạch An, cách Nhà Sở chỉ huy Chiến dịch khoảng 3 km.

Di tích đặt cụm tượng “Chủ tịch Hồ Chí Minh quan sát mặt trận Đông Khê” với hình ảnh mô phỏng theo bức ảnh của nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Năng An. Đường lên Đài quan sát được dựng bia khắc bài thơ *Lên núi* bằng chữ Hán của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

ĐĂNG SƠN

Huề trượng đặng sơn quan trận địa,
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân.
Nghĩa binh tráng khí thôn Ngưu Đầu,
Thê diệt sài lang xâm lược quân¹.

LÊN NÚI

Chống gậy lên non xem trận địa,
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đầu,
Thê diệt xâm lăng lũ sói cây².

Di tích hang Không Hấu: thuộc xóm Bản Mới, xã Đức Long, huyện Thạch An, là nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi ra mặt trận trực tiếp chỉ đạo Chiến dịch Biên giới.

Di tích đồn Pháp (đồn Nà Lạn): trong và sau thời gian diễn ra Chiến dịch Biên giới năm 1950, đồn Nà Lạn đã được sử dụng làm nơi giam giữ tù binh. Tại đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp và nói chuyện với tù binh Pháp bị bắt trong trận đánh cụm cứ điểm Đông Khê năm 1950.

Cụm di tích cứ điểm Đông Khê

Cụm di tích cứ điểm Đông Khê phân bố trên địa bàn thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An bao gồm 9 điểm di tích: đồn Đông Khê, đồn Yên Ngựa, đồn Phja Khóa, đồn Pò Đình, đồn Pò Hấu, đồn Cạm Phầy, nhà Phủ Thiện, đồn Nhà Thương, sân bay Nà Cúm.

1, 2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, 2021, t.6, tr.441.

Đồn Đông Khê là trung tâm của Cụm di tích cứ điểm Đông Khê. Đồn nằm trên một quả đồi ngay cạnh quốc lộ 4A qua trung tâm thị trấn Đông Khê. Thực dân Pháp đã cho xây dựng đồn rất kiên cố, có hầm hào công sự, lô cốt; xung quanh đồn được rào bằng dây thép gai, các cứ điểm được xây dựng liên hoàn có thể chi viện, hỗ trợ nhau.

Cụm di tích Khau Luông

Cụm di tích Khau Luông nằm trong dãy núi Khau Luông, xóm Pác Khoang, xã Đức Xuân, huyện Thạch An. Nơi đây diễn ra trận đánh ngày 02 - 03/10/1950, tiêu diệt phần lớn lực lượng của quân Lơ Pagiơ, buộc địch phải chạy về phía Cốc Xả. Hiện nay, trên đỉnh núi Khau Luông vẫn còn nhiều dấu tích hệ thống hào công sự với kích thước sâu 80 cm - 1 m; rộng 60 cm - 80 cm.

Cụm di tích Cốc Xả - Điểm cao 477

Cụm di tích Cốc Xả - Điểm cao 477 nằm trên địa bàn xã Trọng Con, huyện Thạch An, là nơi diễn ra trận then chốt thứ 2 vào cuối đợt 2 Chiến dịch Biên giới năm 1950 (từ ngày 04 đến ngày 08/10/1950). Trận đánh giành thắng lợi, ta tiêu diệt 2 trung đoàn tinh nhuệ bậc nhất của thực dân Pháp trên chiến trường Đông Dương gồm: Trung đoàn Lơ Pagiơ (Le Page) ở Cốc Xả và Trung đoàn Sác tông (Charton) ở Điểm cao 477. Đây là hai trận đánh then chốt, tiêu biểu mang cấp chiến dịch đầu tiên tiêu diệt nhiều sinh lực địch nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam trong lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Khu di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An chứa đựng những giá trị lịch sử to lớn, trở thành địa chỉ đỏ trong những chuyến hành trình “về nguồn”, là nơi giáo dục truyền thống yêu nước, bồi đắp và phát huy lòng tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ.

THÁC BẢN GIỐC, ĐỘNG NGƯỜM NGAO - KIỆT TÁC CỦA THIÊN NHIÊN

TRƯƠNG HOÀI NAM*

Quần thể danh thắng thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao thuộc xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, là những danh thắng nổi tiếng được thiên nhiên ban tặng cho Cao Bằng với vẻ đẹp kỳ vĩ, hoang sơ và thơ mộng.

Danh thắng quốc gia thác Bản Giốc

Thác Bản Giốc là thác nước nằm trên khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thuộc địa phận xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, cách trung tâm thành phố Cao Bằng khoảng hơn 88 km về phía đông bắc của tỉnh Cao Bằng.

Thác Bản Giốc được xếp hạng là Danh thắng cấp quốc gia tại Quyết định số 989/QĐ-BVHTT, ngày 20/5/1998 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Thác Bản Giốc được coi là thác nước đẹp nhất Việt Nam; là thác nước tự nhiên lớn nhất Đông Nam Á; lọt vào Top 10 thác nước đẹp nhất thế giới và là thác nước lớn thứ tư thế giới trong số các thác lớn nằm trên đường biên giới giữa các quốc gia. Thác Bản Giốc như bức tranh thiên nhiên đẹp mê đắm lòng người, đến nơi đây, du khách sẽ bị choáng ngợp trước sự hùng vĩ, bao la của cảnh vật, non nước

* Trung tâm Văn hoá và Thông tin du lịch tỉnh Cao Bằng.



Toàn cảnh thác Bản Giốc,
xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Ảnh: Triệu Văn Lịch.

miền biên ải. Đường biên giới phân định đi từ cột mốc 835 trên cồn Pò Thoong chạy xuống điểm giữa của mặt thác chính, chạy dọc theo dòng chảy sâu nhất của sông Quây Sơn. Hai bên bờ sông biên giới đều cắm cột mốc đôi 836.

Thác Bản Giốc rộng khoảng 300 m gồm thác chính và thác phụ. Thác chính nằm trên dòng sông biên giới Quây Sơn với 3 tầng nước rõ rệt, cao khoảng 35 m; thác phụ dài khoảng 150 m gồm 1 tầng cao khoảng 50 m nằm hoàn toàn trong lãnh thổ Việt Nam. Từ chân núi Phja Chang nhìn về phía thác Bản Giốc, thác được chia thành hai khu rõ rệt. Phía bên trái gồm hai ngọn thác lớn trông xa tựa như hai dải lụa trắng nổi lên trong khoảng sương mù; hai bên của hai thác có tới 3 đến 5 thác nhỏ. Chính giữa hai khu vực thác là một dải rừng già được chồi ra chính giữa lòng sông; dưới chân thác là bãi cát rộng hơn 100 m², đây là

nơi để nghỉ chân, ghé thuyền khi đi vào chân thác và chụp hình lưu niệm của du khách. Phía bên phải là dòng chảy chính với 11 - 12 ngọn thác lớn nhỏ khác nhau, xếp thành 3 tầng thác, từ dưới chân thác, ước tính thác cao khoảng 35 m đổ xuống vùng đá vôi bốn mùa nước tung bọt trắng xóa tạo thành một khung cảnh hùng vĩ. Trước mặt thác liền với dãy núi Phja Chang là cánh đồng màu mỡ, được tận hưởng phù sa của dòng Quây Sơn. Từ trên cao nhìn xuống, dòng thác như một dải lụa trắng đổ xuống dòng sông Quây Sơn, vừa mang dáng vẻ hiền hòa, nhẹ nhàng uốn lượn qua những cánh đồng lúa xanh ngát, vừa mang đến sự hùng vĩ giữa núi rừng nơi biên cương Tổ quốc.

Thác Bản Giốc mùa nào cũng đẹp, đẹp nhất là vào mùa mưa khoảng tháng 6 đến tháng 10, từ sáng đến tối, ngọn thác tuôn chảy, tung bọt trắng xóa. Thác Bản Giốc càng trở nên tuyệt mỹ vào tháng 9, tháng 10 khi cánh đồng lúa dưới chân thác chín vàng. Nhìn từ xa, khung cảnh thác Bản Giốc như một dải lụa trắng đổ xuống tấm thảm vàng mênh mông như một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp khiến du khách quên cả lối về. Vào mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 hằng năm, do khí hậu mùa khô ở vùng núi phía Đông Bắc ít mưa nên lượng nước trên dòng Quây Sơn ít hơn mùa mưa nhưng nước trong và xanh hơn vẫn mang trong mình vẻ đẹp riêng hiếm có của miền biên viễn.

Cảnh đẹp của thác Bản Giốc cũng là nguồn cảm hứng sáng tác của các nghệ sĩ. Những tác phẩm thơ ca, hội họa, nhiếp ảnh không ngừng khai thác về cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ nơi đây, góp phần quảng bá hình ảnh tươi đẹp của dòng thác, thu hút khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm.

Để cùng bảo vệ và khai thác tài nguyên thác nước biên giới, tháng 11/2015, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã ký Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác

Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc). Ngày 17/4/2017, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết đối với khu trung tâm thác Bản Giốc, định rõ các phân khu chức năng để phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ cho khu cảnh quan. Tháng 9/2023, hai bên đã thống nhất các nội dung hợp tác, đến ngày 15/10/2024, hai bên tổ chức Lễ vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) sau một năm triển khai thí điểm.

Việc đưa vào vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) sẽ giúp tỉnh Cao Bằng phát huy các thế mạnh, tiềm năng du lịch để phát triển kinh tế; thúc đẩy hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội của Cao Bằng (Việt Nam) - Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), xây dựng mô hình kiểu mẫu du lịch qua biên giới và du lịch xanh.

Danh thắng quốc gia động Ngườm Ngao

Động Ngườm Ngao tọa lạc tại xóm Bản Gun, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; cách thác Bản Giốc khoảng 3 km, cách trung tâm thành phố Cao Bằng khoảng 90 km. Theo kết quả khảo sát của Viện Khoa học Địa chất và khoáng sản năm 2016, động Ngườm Ngao dài 2.769,6 m, sâu 61,1 m, có hai tầng hang hoạt động (ngang mức suối) và hóa thạch (cao hơn suối khoảng 50 m).

Với hệ thống thạch nhũ và măng đá tự nhiên tuyệt đẹp, tham quan động Ngườm Ngao, du khách thỏa sức sáng tạo và tưởng tượng ra rất nhiều những hình thù khác nhau vô cùng kỳ thú.

Động Ngườm Ngao theo tiếng Tày nghĩa là động Hồ gồm ba cửa chính là: Ngườm Ngao (động hồ), Ngườm Lồm (tức cửa gió, quanh năm mát lạnh) và cửa Bản Thuôn phía sau núi thuộc xóm Bản Thuôn, xã Đàm Thủy. Động được phát hiện năm 1921, đưa vào



Nhũ đá hình đài sen úp ngược trong động Ngườm Ngao

Ảnh: Hoàng Khuyên.

khai thác du lịch năm 1996 và được xếp hạng là Danh thắng cấp quốc gia theo Quyết định số 95/QĐ-BVHTT, ngày 24/01/1998 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Động Ngườm Ngao phát triển trong đá vôi chứa nhiều hóa thạch san hô, huệ biển, được thành tạo ở vùng biển cổ cách ngày nay khoảng 400 triệu năm. Xung quanh động là địa hình karst dạng cụm lũng - đỉnh trên bề mặt san bằng 400 - 600 m với nhiều thung lũng treo, hố sụt karst. Trong động có nhiều tầng, bậc hang, hành lang đủ mọi kích cỡ; nhiều nhũ đá, măng, cột, rèm, riềm đá... đủ mọi hình dáng, khiến du khách như được liên tưởng với những cây san hô, con tàu, thác vàng, thác bạc, đài sen úp ngược, cột đá cô đơn, ruộng bậc thang...

Từ tháng 4/2021, tuyến du lịch khám phá trải nghiệm nhánh Bản Thuôn của động Ngườm Ngao đã đi vào hoạt động thử nghiệm

phục vụ khách du lịch và đến tháng 12/2021, tuyến du lịch chính thức đi vào hoạt động. Việc đưa thêm nhánh Bản Thuôn vào khai thác giúp du khách khám phá, chiêm ngưỡng vẻ đẹp kỳ thú của động Ngườm Ngao, qua đó góp phần đưa du lịch Cao Bằng ngày càng phát triển cũng như đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nguyên sơ, hùng vĩ, thơ mộng, thác Bản Giốc và động Ngườm Ngao luôn là điểm đến hấp dẫn của du khách trong nước và quốc tế khi đến Cao Bằng.

HỒ THĂNG HEN, MẮT THẦN NÚI - VẺ ĐẸP HUYỀN ẢO

NÔNG LÝ HUỆ*

Hồ Thăng Hen (hay còn gọi là hồ Thang Hen) theo tiếng địa phương là “hồ giữ nước” (Thăng: hồ; Hen: giữ), thuộc địa phận xã Quốc Toản, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng. Đây là một hồ nước lớn, nằm ở độ cao khoảng 800 - 1.000 m so với mực nước biển và trên 500 m so với địa hình, được bao quanh bởi những ngọn núi, những cây cổ thụ trùng điệp. Thăng Hen như một hòn đảo ngọc tọa lạc trên núi cao với khung cảnh kỳ vĩ, huyền ảo và thơ mộng. Hồ Thăng Hen đã được xếp hạng danh thắng cấp quốc gia theo Quyết định số 53/2001/QĐ-BVHTT, ngày 28/12/2001 của Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Hồ Thăng Hen cách thành phố Cao Bằng khoảng 21 km, theo đường quốc lộ 3, rẽ theo tỉnh lộ 205 (khoảng 4 km) đến biển chỉ dẫn Khu du lịch sinh thái hồ Thăng Hen, đi thêm 8 km là đến hồ Thăng Hen.

Quần thể hồ Thăng Hen gồm 36 hồ lớn nhỏ khác nhau, được bao quanh bởi những tán rừng già và các núi đá vôi hình tháp có đỉnh tách rời nhưng vẫn còn liên kết với nhau qua các yên ngựa thấp, tạo nên cảnh quan karst dạng cụm lũng - đỉnh điển hình nhưng đều thông nhau qua hang động ngầm trong núi đá. Các hồ có những tên gọi độc đáo theo tiếng địa phương như: Thăng Hen,

* Bảo tàng tỉnh Cao Bằng.

Thăng Hoi, Thăng Vật, Nà Ma, Thăng Loỏng... trong đó Thăng Hen là hồ lớn nhất với chiều dài gần 2.000 m, rộng 500 m và sâu tới 40 m. Hệ thống hồ liên thông với nhau qua hệ thống dòng chảy hoặc sông ngầm như vậy rất hiếm gặp trên thế giới.



Một góc hồ Thăng Hen, xã Quốc Toản, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng

Ảnh: Hoàng Khuyển.

Khung cảnh Thăng Hen mỗi mùa lại mang một vẻ đẹp huyền ảo riêng. Vào mùa xuân khi muôn loài hoa đua nở tạo nên một bức tranh đẹp dịu dàng, nhiều màu sắc. Vào mùa hạ, có mưa nhiều, nước hồ dâng lên tạo thành khung cảnh mờ mờ bát ngát, điều đặc biệt khi vào mùa lũ những hồ nước khác rất đục thì nước hồ Thăng Hen vẫn luôn trong xanh, màu xanh ngọc bích phản chiếu cảnh vật núi non đất trời xung quanh. Vào cuối mùa thu, chớm đông là bức tranh thiên nhiên tuyệt vời bởi sắc lá thay màu rất đổi dịu dàng và lãng mạn. Mùa đông là mùa nước cạn, khung cảnh mặt hồ lúc này cũng trở nên an tĩnh, nhẹ nhàng hơn.

Cách hồ Thăng Hen khoảng 1,5 km là động Ghị Ràng, cũng là một tuyệt tác của thiên nhiên dành cho nơi đây. Vẻ đẹp trong

hang còn nguyên sơ, với hệ thống nhũ đá muôn hình vạn trạng lung linh, huyền ảo. Cảnh sắc trong hang đẹp tựa chốn thiên cung trong lòng đất, tạo nên một bức tranh huyền bí đến lạ lùng. Động Ghị Ràng được xếp hạng là di tích danh lam thắng cảnh cấp tỉnh theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND, ngày 25/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Khi đến với hồ Thăng Hen, một trải nghiệm không thể bỏ lỡ chính là chèo thuyền và chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên nơi đây. Thỏa thích để thu gọn thiên nhiên tươi đẹp vào tầm mắt hoặc chỉ đơn giản là tản bộ quanh hồ, tận hưởng không khí khoáng đạt, trong lành cũng đủ cho du khách cảm nhận được sự bình yên.

Một điểm đến hấp dẫn nằm trong quần thể danh thắng hồ Thăng Hen đó là Mất Thần Núi hay còn gọi là Núi Thủng (tiếng Tày là “Phja Pjót”) thuộc xóm Thăng Sập, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Mất Thần Núi thực chất là một hang thủng hình tròn đường kính hơn 50 m, nằm ở độ cao khoảng



Mất Thần Núi, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Ảnh: Hoàng Khuyến.

50 m so với mặt hồ. Ban đầu, hang được hình thành sát mặt nước, nhưng do cách đây khoảng 360 triệu năm, do vận động nâng trong giai đoạn Tân kiến tạo của vỏ Trái đất, đã làm cho một đoạn hang bị đứt gãy ra và nâng lên vị trí như hiện nay.

Bao quanh Mát Thần Núi, nằm xen kẽ là các dãy núi đá trập trùng, bên dưới là những con suối uốn lượn bao bọc lấy thảm cỏ mênh mông, xanh mướt tạo nên vẻ đẹp mềm mại nên thơ như nàng thiếu nữ tuổi xuân thì. Đi dọc theo con đường mòn có thể bắt gặp những nếp nhà sàn lợp ngói âm dương, bờ rào đá men theo đường làng nhỏ quanh co của người Tày xóm Bản Danh, những mỏ nước trong vắt chảy ra từ vách núi. Những hàng rào đá xếp của đồng bào địa phương rất độc đáo, ngoài mục đích phục vụ cuộc sống còn mang giá trị nghệ thuật, giá trị văn hóa truyền thống đậm bản sắc của đồng bào Tày, Nùng nơi đây. Hòa cùng bức tranh sinh hoạt của con người, cùng những thung lũng cỏ xanh mướt, những đỉnh núi san sát, muôn hình vạn trạng tạo nên một quang cảnh thiên nhiên sơn thủy hữu tình, xứng danh là “Tuyệt tình cốc”.

Đến tham quan Mát Thần Núi vào mùa mưa (tháng 6 - 8), sau khi đi hết con đường mòn, sẽ thấy hồ nước rộng khoảng 15 ha có tên là Nặm Chá. Nhưng vào mùa khô (từ tháng 9 trở đi) người dân địa phương có thể chặn thả gia súc trên đồng cỏ. Phía bên phải, cách hồ Nặm Chá khoảng 500 - 600 m, đi bộ khoảng 10 phút là đến thác nước Nặm Chá trên dòng suối cùng tên, cũng là một thác nước đẹp để tham quan. Năm 2021, Mát Thần Núi được xếp hạng là danh lam thắng cảnh cấp quốc gia theo Quyết định số 1988/QĐ-BVHTTDL, ngày 29/6/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Quần thể hồ Thăng Hen, Mát Thần Núi còn gắn liền với những câu chuyện kỳ bí về việc hình thành hồ cũng như các hiện tượng địa lý xung quanh. Theo truyền thuyết dân gian: Ngày xưa có

một chàng trai tên là Sung, thông minh tuấn tú, thi đỗ làm quan được vua ban thưởng bảy ngày vinh quy bái tổ. Về quê, chàng kết hôn cùng nàng Bjoóc xinh đẹp. Mãi quyến luyến bên người vợ mới cưới, chàng quên mất ngày trở về kinh. Đến đêm thứ bảy, chàng mới sực nhớ, vội chia tay bố mẹ và vợ chạy về kinh. Giữa đêm tối trong rừng hoang, chàng mới chạy được 36 bước chân thì kiệt sức ngã khuỵu, đầu đập vào núi rồi chết. 36 bước chân của chàng ngày nay trở thành 36 cái hồ lớn nhỏ với những tên gọi khác nhau như Thăng Hen, Thăng Vạt, Thăng Hoi... Ngón chân chàng khi đi bị vấp chọc thủng thành lỗ thủng vách đá tạo thành Mắt Thần Núi hiện nay.

Với khung cảnh đẹp hoang sơ, huyền ảo cùng cảnh quan đa dạng sinh học và địa chất, hồ Thăng Hen, Mắt Thần Núi nói riêng và quần thể hồ Thăng Hen nói chung xứng đáng là một điểm di sản có giá trị tầm cỡ quốc tế. Nơi đây trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn khi đến thăm quan, trải nghiệm Cao Bằng và được ưu ái đặt cho cái tên “Tuyệt tình cốc” - chốn thâm sơn cùng cốc nhưng cảnh sắc đẹp tuyệt trần.

ĐÈO KHAU CỐC CHÀ - VẺ ĐẸP HÙNG VĨ

NÔNG THỊ QUỲNH ANH*

Dù không phải là cái tên góp mặt trong “Tứ đại đỉnh đèo” của Việt Nam, nhưng đèo Khau Cốc Chà hiểm trở với 14 khúc cua gấp là điểm đến được các bạn trẻ yêu thích mỗi khi đến khám phá Cao Bằng. Từ lâu, địa điểm này đã trở thành điểm nhấn về cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ của huyện Bảo Lạc và là điểm nhấn nằm trên tuyến trải nghiệm kết nối Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang).

Đèo Khau Cốc Chà chạy dọc theo đứt gãy phương Đông Tây với độ cao 1.000 m so với mực nước biển. Tại đây phát hiện hóa thạch Trùng Thoi, một loài sinh vật đơn bào sống trong môi trường biển cách ngày nay khoảng 300 triệu năm. Sự hiểm trở đầy thách thức của ngọn đèo, những cảnh đẹp hùng vĩ, ngoạn mục như tranh khi ngắm toàn cảnh từ trên cao chính là lý do để ngày càng nhiều “phượt thủ” khám phá Khau Cốc Chà.

Để đến với Khau Cốc Chà, du khách phải vượt qua gần 90 km từ thành phố Cao Bằng đến xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc; trải qua những đèo dốc liên tiếp cực gắt, cung đường quanh co tựa dải lụa mềm chìm trong sương, uốn lượn đến nghẹt thở. Đèo Khau Cốc Chà nằm trên quốc lộ 4A, bám theo chiều dựng đứng

* Trưởng phòng Thư ký - Bạn đọc, Báo Cao Bằng.

ĐẤT và NGƯỜI *Cao Bằng*

của ngọn núi Cốc Chà, nối giữa xã Xuân Trường và thị trấn Bảo Lạc, đèo chỉ dài khoảng 2,5 km nhưng có tới 14 “cua tay áo” tạo thành 15 tầng dốc vô cùng hiểm trở. Theo người dân địa phương, đèo có từ thời Pháp thuộc, trước đây chỉ là đường mòn có bề ngang rộng khoảng 40 cm, địa hình hiểm trở, khó đi nên người dân thường đi bộ hoặc cưỡi ngựa và phải mất rất nhiều thời gian khi đi qua đèo. Từ năm 2009 đến năm 2011, tỉnh đầu tư mở rộng cung đường đèo, mặt đường được mở rộng lên 5 m và rải nhựa, những khúc “cua tay áo” được xẻ sâu hơn vào vách đá để mở rộng thêm diện tích đường nhằm bảo đảm an toàn, giúp việc đi lại giữa huyện Bảo Lạc và các vùng lân cận trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn, đồng thời rút ngắn thời gian di chuyển. Mặc dù vậy, đây vẫn là một trong những con đèo hiểm trở nhất khu vực Đông Bắc Bộ. Khi việc mở rộng đường hoàn thành, đèo Khau Cốc Chà với những cung đường uốn lượn mềm mại hiện ra



Đèo Khau Cốc Chà trong lớp mây trắng bông bênh, uốn lượn

Ảnh: Vũ Mạnh Cường.

như một nét chấm phá khiến khung cảnh hùng vĩ nơi đây thêm phần thơ mộng.

Từ tháng 6/2023, tỉnh Cao Bằng khởi công thực hiện Dự án xử lý các vị trí có nguy cơ mất an toàn giao thông đoạn từ km 327 + 600 - km 332 (đèo Khau Cốc Chà) quốc lộ 4A, xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư 39 tỷ đồng, gồm các hạng mục chính như: mở rộng tầm nhìn, thảm bê tông nhựa toàn bộ mặt đường, bổ sung hệ thống an toàn giao thông, tạo mặt bằng tại đỉnh đèo làm điểm dừng xe kiểm tra kỹ thuật trước khi xuống đèo; gia cố lề và bổ sung rãnh dọc bảo đảm khả năng khai thác duy trì tuổi thọ của nền, mặt đường và an toàn giao thông. Sau khi hoàn thành dự án sẽ tạo ra con đường chất lượng cao phục vụ phát triển du lịch và giao thông thuận tiện.

Khi đến nơi đây có hai cách để khám phá Khau Cốc Chà đó là trực tiếp lái xe qua ngọn đèo và đi bộ (trekking) xuyên rừng để ngắm cảnh đèo từ trên cao. Để chinh phục đèo Khau Cốc Chà bằng xe máy, do độ dốc cao, dựng đứng với nhiều khúc ngoặt nguy hiểm, du khách phải mất khoảng hơn 1 giờ để vượt qua. Càng lên cao, càng thấy rõ sự hùng vĩ của thiên nhiên, những khúc cua nguy hiểm, những đoạn quanh co và xung quanh là núi cao dựng đứng, một bên kia là những vạt rừng xanh, là vực sâu thăm thẳm tạo nên khung cảnh tráng lệ, nguy nga cho cảnh vật nơi đây. Nhiều người ví những tầng đèo giống như những bậc thang dẫn lên trời. Sau hành trình chinh phục đèo Khau Cốc Chà, không ít người đã phải trầm trồ ngạc nhiên, không chỉ bởi vẻ hoành tráng, thơ mộng của thiên nhiên mà còn bởi ý chí và nỗ lực của những con người đã tham gia xây dựng tuyến đường này thành một con đèo kỳ vĩ.

Để có thể ngắm cảnh và chụp được toàn cảnh hùng vĩ của đèo, du khách có thể trekking trên con đường độc đạo lên núi.

Càng lên cao, thiên nhiên hùng vĩ càng mở ra ngõ ngàng trước mắt, từng tầng dốc lộ dần dưới các tán cây. Mặc dù đường đã được phát quang cây cối, cải tạo đường đi, nhưng con đường lên núi vẫn rất hiểm trở, có những đoạn phải đỡ nhau bám từng mỏm đá để leo lên, nhiều du khách liên tục thốt lên đầy kinh ngạc khi leo lên núi. Khi đến nơi, toàn cảnh 15 tầng nằm trọn trong tầm mắt, đẹp sừng sốt, cả cung đèo trông như một con rắn khổng lồ đang trườn lên núi. Trong lớp mây trắng bồng bênh, đèo hiện ra uốn lượn, với những khúc quanh co, xếp tầng như những nấc thang lên “đỉnh trời”.

Hành trình đi bộ trong rừng có thể khiến du khách cảm thấy mệt mỏi, nhưng toàn cảnh đèo 15 tầng hiện ra trước mắt là lúc mà bạn thấy rằng sự cố gắng của mình được đền đáp vô cùng xứng đáng, du khách sẽ thoả mãn ngắm nhìn vẻ đẹp hoang sơ, hiểm trở, kỳ vĩ của đèo Khau Cốc Chà và một phần thung lũng Đồng Mu, trung tâm của xã Xuân Trường.

Những năm gần đây, tuyến du lịch ưa thích của du khách quốc tế chính là cung đường quốc lộ 4C - quốc lộ 3 - quốc lộ 4A để di chuyển từ Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang sang tỉnh Cao Bằng. Do vậy, huyện Bảo Lạc dần trở thành điểm dừng chân lý tưởng cho du khách nghỉ lại qua đêm, khám phá cung đèo Khau Cốc Chà hùng vĩ và vẻ đẹp của mùa hoa lê, hoa mạn, mùa lúa chín vàng trên những thửa ruộng bậc thang hay khám phá con đường xuyên rừng trúc tuyệt đẹp của xã Xuân Trường. Thời gian gần đây, các phượt thủ đã đến chinh phục đèo Khau Cốc Chà ngày càng nhiều và tin chắc chắn rằng, chinh phục con đèo ngoạn mục này sẽ là trải nghiệm vô cùng thú vị, khó quên trong lòng của mỗi người.

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC TÀY CAO BẰNG

LƯU THỊ KIM CÚC*

Dân tộc Tày là dân tộc có số dân đông nhất trong tỉnh Cao Bằng, chiếm 40,97% dân số toàn tỉnh. Văn hóa dân tộc Tày phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc, kết tinh những giá trị nhân văn cao đẹp.

Dân tộc Tày là cư dân bản địa giữ vị trí quan trọng trong lịch sử cổ đại, trung đại và hiện đại ở vùng biên giới nước ta. Họ là những cư dân sớm có mặt trong thành phần cư dân nước Văn Lang xưa và là một trong những thành phần dân cư sáng lập nên Nhà nước Âu Lạc. Người Tày có mặt ở tất cả các địa phương trong tỉnh, từ vùng lòng máng Cao Bằng cho đến những cánh đồng và thung lũng bằng phẳng của các huyện miền Đông và miền Tây. Trong tiến trình lịch sử, người Tày còn được bổ sung thêm một số lượng đáng kể do một bộ phận người Kinh từ miền xuôi lên định cư. Họ sống hoà vào nhân dân địa phương, đồng hoá với người Tày (Tày hoá) trong khi vẫn giữ lại một số yếu tố văn hoá Việt. Bởi thế, tỉnh Cao Bằng có 3 nhánh Tày là: Tày đeng (Tày thổ ty, Tày thổ địa), Tày lưu quan (Tày phiên thân, “Kinh già hoá Thổ”), Tày Ngạn.

Bản của người Tày thường ở chân núi hay ven suối. Tên bản thường gọi theo tên đồi núi, đồng ruộng, khúc sông. Mỗi bản có

* Báo Cao Bằng.

15 - 20 nóc nhà. Bản lớn chia ra nhiều xóm nhỏ. Nhà ở thường là nhà sàn; thông thường là nhà 3 gian, những hộ có điều kiện thuận lợi còn làm nhà 5 gian, gian giữa là gian để bàn thờ tổ tiên, là nơi trang trọng trong nhà. Mái nhà được lợp bằng ngói máng, còn gọi là ngói âm dương làm từ đất sét nung chín. Sàn nhà lát bằng những tấm ván xẻ mỏng hoặc vầu, tre, mai được chẻ ra. Nhiều nơi, vách nhà thưng bằng ván, trát đất hoặc xây bằng đá vôi, gạch nung. Nhà sàn miền Đông là nhà sàn hai mái, miền Tây là nhà sàn bốn mái. Ở những vùng địa hình bằng phẳng, người Tày còn dựng nhà trệt bằng gỗ nghiêng, thưng ván hoặc trát đất. Mọi sinh hoạt thường ngày của gia đình đều ở trên sàn nhà. Gầm sàn là nơi chứa nông cụ, đặt cối xay... Người Tày khi làm nhà mới phải chọn đất, xem hướng, xem tuổi, chọn ngày tốt. Làm xong nhà, tổ chức lễ mừng vào nhà mới, chủ nhà phải nhóm lửa và giữ lửa cháy suốt đêm đến sáng hôm sau.

Văn hoá ẩm thực của dân tộc Tày phong phú, đa dạng, thể hiện sự tinh tế, khéo léo và ẩn chứa giá trị nghệ thuật. Những món ăn thường gắn liền với lúa gạo và các nguyên liệu tự nhiên có sẵn ở xung quanh. Tết Nguyên đán các gia đình người Tày thường làm bánh chưng, bánh chè lam, bánh khảo, khẩu sli. Tết Thanh minh có xôi ngũ sắc (khẩu nua dăm đeng) để cúng tổ tiên. Tết Rằm tháng Bảy có bánh gai (pẻng tải), bánh rợm... Ngoài ra còn có nhiều món ăn độc đáo như: lợn quay, vịt quay, lạp sườn, thịt chua, bánh cóng phù (bánh trôi)... Trong những dịp lễ tết, người Tày thường uống rượu nấu bằng men lá, nước chè tự sao; hàng ngày họ thường nấu các loại nước từ những lá cây rừng tự nhiên như: lá vối, nụ vối, lá ổi, hạt cóc bẻ (hạt muồng muồng)...

Về trang phục, dân tộc Tày được biết đến với màu áo chàm quen thuộc, chất liệu được làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm. Áo của phụ nữ Tày là kiểu áo dài xẻ tà, để lộ ra khoảng nhỏ của áo cánh trắng bên trong tạo ra sự yếu điệu, duyên dáng,

quần ống rộng (hoặc váy) vừa tầm người, có thắt dải rút khi mặc. Quần áo hầu như không thêu thùa, trang trí. Đó là điểm đặc trưng khác biệt với trang phục phụ nữ dân tộc khác.

Dân tộc Tày còn có các nghề thủ công truyền thống nổi tiếng, đó là nghề dệt vải, nhuộm chàm, dệt thổ cẩm. Nguyên liệu là



Nét đẹp phụ nữ dân tộc Tày

Ảnh: Triệu Văn Lịch.

sợi bông, sợi tơ tầm được nhuộm nhiều màu khác nhau. Các sản phẩm thủ công dùng để làm mặt địu, mặt chăn, túi, khăn trải bàn... với mẫu mã đa dạng, đặc sắc, phong phú được sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày và phục vụ du lịch.

Kho tàng văn hoá, văn nghệ dân gian của

người Tày rất đa dạng và phong phú với những làn điệu lượn then, lượn cọi, lượn sương làm say đắm lòng người. Tiêu biểu là nghệ thuật hát then, đàn tính, là loại hình dân ca đặc sắc của dân tộc Tày, và cũng là một hình thức sinh hoạt có vị thế quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của người Tày. Hát then, đàn tính bắt nguồn từ cuộc sống lao động của người Tày cổ và thường được dùng trong những sự kiện trọng đại hay lễ cầu an, cầu mưa, gọi hồn,... Tiếng hát then và đàn tính hòa quyện, phản ánh tâm tư tình cảm của người chơi và người nghe, tạo nên cảm giác băng khuâng, lưu luyến.

Người Tày có nhiều làn điệu dân ca như: lượn, phong sư, phướn pác, phướn rọi... Riêng lượn có lượn cọi, lượn sương, lượn then, lượn nàng ới..., là lối hát giao duyên được phổ biến rộng rãi ở nhiều vùng. Người Tày thường lượn trong hội lồng tồng, trong đám cưới, mừng nhà mới hay khi có khách đến bản. Múa dân

gian có múa sluông, múa châu, múa đàn trong lễ then, múa nhận cỗ, múa tản hoa trong lễ Nàng Hai, múa rồng... Ngày hội, người Tày thường tổ chức các trò chơi dân gian như: ném còn, kéo co, đánh cờ tướng... Trẻ em chơi trò chơi đánh quay, đánh khăng...

Phong tục lễ, tết của người Tày đa dạng, mang đặc trưng của nền sản xuất nông nghiệp lúa nước như: Tết Nguyên đán, Tết Đắp nọi, Tết Thanh minh, Tết Đoan ngo (giết sâu bọ), Tết Khoãn vải (vía trâu), Tết Rằm tháng Bảy (Tết Trung nguyên), Tết Trung thu, Tết Mừng cơm mới, Tết Trùng cửu, Tết Đông chí. Mỗi ngày Tết lại có ý nghĩa và những nét đặc sắc khác nhau. Đời sống văn hoá, tinh thần phong phú của người Tày còn được thể hiện qua các lễ hội dân gian truyền thống như: lễ hội Lồng tồng (còn gọi là lễ hội xuống đồng) để cầu cúng thần Nông - vị thần cai quản ruộng đồng, vườn tược, gia súc, làng bản cho cây cối xanh tươi, mùa màng bội thu, gia súc sinh sôi, mọi người no ấm, bản làng yên lành; lễ hội Nàng Hai (Nàng Trăng), lễ hội dân gian truyền thống mang đậm tín ngưỡng phồn thực của người Việt cổ, được sáng tạo từ chính cuộc sống sinh hoạt và lao động sản xuất của người nông dân miền núi. Lễ hội Nàng Hai của người Tày, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 2459/QĐ-BVHTTDL, ngày 20/6/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Người Tày có quan hệ xã hội rộng rãi, tình cảm chân thành, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái và mong ước có thêm nhiều bạn bè, người thân để học hỏi, chia sẻ vui buồn trong cuộc sống. Do đó, người Tày có tục kết bạn “tông” (“tông” nghĩa là giống nhau), nhận họ hàng. Người Tày Cao Bằng có câu “Lắc mạy tẩn, lắc gần rì” (Tạm dịch: rễ cây ngắn, rễ người dài), ý nói rằng trong cuộc sống, tình người rất rộng rãi và gắn bó sâu xa. Dựa vào sự giống nhau về nhiều điểm, sự hợp nhau về tính cách hay còn hiểu là đồng điệu về nhiều mặt giữa hai người mà kết

bạn “tông” niên (cùng tuổi); bạn “tông” tên (giống tên); “tông” chí hướng (cùng chí hướng về học hành, thi cử, nghề nghiệp...); “tông” sở trường; “tông” cảnh ngộ... Hiện nay, phong tục kết bạn “tông” và nhận họ hàng vẫn được lưu giữ bởi chứa đựng những ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện truyền thống đoàn kết dân tộc của người Tày được kế thừa từ đời xưa đến ngày nay.

Trong cưới xin, nam nữ dân tộc Tày được tự do yêu đương, tìm hiểu, nhưng xưa kia có thành vợ, thành chồng hay không lại tùy thuộc vào bố mẹ hai bên và “số mệnh” có hợp nhau hay không. Vì thế, trong quá trình đi tới hôn nhân, phải có bước nhà trai xin lá số của cô gái về so với lá số của con mình. Sau khi người phụ nữ sinh được 3 ngày thì làm lễ cúng tẩy vía và lập bàn thờ bà mụ. Khi đầy tháng tổ chức lễ ăn mừng và đặt tên cho trẻ. Đám ma của người Tày được tổ chức với nhiều nghi lễ nhằm mục đích báo hiếu và đưa hồn người chết về bên kia thế giới. Sau khi chôn cất ba năm thì làm lễ mãn tang, đưa hồn người chết lên bàn thờ tổ tiên. Hằng năm tổ chức cúng giỗ vào một ngày nhất định.

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC NÙNG CAO BẰNG

LƯƠNG THỊ THUỶ TIÊN*

Dân tộc Nùng có số dân đông thứ hai sau dân tộc Tày, chiếm 31,08% dân số toàn tỉnh Cao Bằng. Dân tộc Nùng Cao Bằng gồm các nhánh: Nùng Inh, Nùng An, Nùng Giang, Nùng Cháo, Nùng Lò, Nùng Xuông (Nùng Duồng), Nùng Khen Lài, Nùng Vẻn, Nùng Phàn Slinh, Nùng Sí Kít (Sí Kiệt)... phân bố hầu khắp các huyện trên địa bàn tỉnh, họ thường quần cư thành từng làng, bản, trung bình khoảng 10 đến 15 nóc nhà, có làng, bản trên 30 nóc nhà với phong tục và quy ước riêng về nếp sống cộng đồng.

Về mặt nguồn gốc: Người Nùng là những tộc người đã sống trên đất nước Việt Nam từ rất lâu đời, gần cùng một thời kỳ với người Tày; còn một bộ phận khác có nguồn gốc từ miền Nam Trung Quốc di cư tới trong những thế kỷ gần đây. Trong tác phẩm *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn đã viết: “Giống người Nùng đều là người 12 thổ châu ở Tiểu Trấn Yên, Quy Thuận, Long Châu, Điền Châu, Phú Châu, Thái Bình, Lô Tứ Thành và Hương Vũ, thuộc Trung Quốc. Giống người này phiêu lưu ở bản quốc, làm nghề cày cuốc trồng trọt, cùng chịu thuế khoá lao dịch, mặc áo vải xanh, cắt tóc, trắng răng, có người trú ngụ đến vài ba đời, đổi theo tập quán người Nam... Các xứ Cao Bằng, Thái Nguyên đều có giống người Nùng”¹.

* Báo Cao Bằng.

1. Dẫn theo Lã Văn Lô: “Thủ bản về ba bộ tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam đã hình thành như thế nào”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 60, 1994, tr.50.

Về sản xuất: Do địa thế và khí hậu, người Nùng thường sản xuất nông nghiệp với các cây truyền thống như: ngô, lúa, khoai. Họ rất khéo tính toán bố trí cây trồng, vật nuôi, xen canh, gối vụ quanh năm nên năng suất đạt hiệu quả cao. Việc xen canh, gối vụ chủ yếu ở nương ngô, dưới gốc ngô đồng bào thường trồng rau cải, các loại dưa, bầu bí, đỗ... Canh tác trên vùng đất đồi thấp, đất rẫy là đặc trưng cơ bản, nổi bật của dân tộc Nùng. Thửa ruộng, rẫy của người Nùng thường có hàng rào đá. Về chăn nuôi, cũng như người Tày, người Nùng chăn thả gia súc, gia cầm... Sống ở vùng rừng núi, người Nùng luôn đề cao vai trò, vị trí của rừng trong sản xuất, đời sống, có ý thức bảo vệ và tích cực trồng rừng, tận dụng từng hốc đá trồng cây, gieo giống.

Về nhà ở: Ngôi nhà truyền thống tiêu biểu của dân tộc Nùng là ngôi nhà sàn, lợp ngói máng, phía trước nhà có sân phơi. Trong nhà, bếp không chỉ để nấu ăn, mà còn để sưởi ấm, nhất là mùa đông giá lạnh.

Về ẩm thực: Người Nùng ăn cơm gạo tẻ, gạo nếp và chế biến nhiều món ăn từ gạo tẻ và gạo nếp. Từ gạo tẻ, họ làm các loại bánh: bánh tẻ, bánh bò, bánh phở, cao sằng (cao chằng); từ gạo nếp, họ chế biến các xôi màu từ các loại thực vật thiên nhiên (tím, đen, đỏ, vàng), các loại bánh: bánh gai, bánh trôi, bánh dày... Ngoài các món ăn thông thường, người Nùng có một số món ăn đặc sản gắn với các dịp lễ, Tết. Vào dịp Tết Nguyên đán, người Nùng hay mổ gà trống hiến, gói bánh chưng (loại bánh dài hoặc vuông tùy từng vùng). Tết cuối tháng Giêng, đồng bào hay làm bánh ngải (bánh dày với lá ngải cứu non), ngày Rằm tháng Bảy có bánh gai, bánh rộm...

Với địa bàn tụ cư truyền thống ở các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc, người Nùng có các hoạt động mua bán sôi nổi. Chợ ở vùng người Nùng phát triển, thường họp 5 ngày một lần (tùy từng địa phương có cách quy định, quy ước ngày họp chợ khác nhau) và được gọi là chợ phiên. Tại các phiên chợ, người Nùng thường

trao đổi, mua bán các loại hàng hóa nông sản tự trồng trọt hoặc chăn nuôi.

Để lưu thông và vận chuyển hàng hóa, dân tộc Nùng di chuyển bằng xe ngựa, xe trâu, bò kéo hoặc đi bộ. Với điều kiện kinh tế phát triển, hiện nay, nhiều hộ gia đình dân tộc Nùng đã có xe máy, ô tô để di chuyển, xe ngựa vẫn được sử dụng nhưng không còn phổ biến.

Trang phục truyền thống của dân tộc Nùng nói chung, dân tộc Nùng sinh sống ở Cao Bằng nói riêng chính là những bộ quần áo mang sắc chàm duyên dáng. Thông thường bộ nữ phục Nùng gồm áo cánh 4 thân (dài hoặc ngắn), quần, khăn đội đầu. Giữa các nhóm Nùng, trang phục có sự khác biệt thể hiện ở màu sắc, độ dài ngắn, rộng hẹp, hoa văn trang trí... Áo phụ nữ Nùng An, Nùng Inh được làm từ vải chàm, áo dài phủ mỏng 4 thân, 4 cúc, cổ tròn có nẹp vải diềm bầu trắng, hai bên áo xẻ tà nẹp vải trắng kẻ đen và một đoạn nẹp vải chàm. Ngoài ra gồm có khăn, tạp dề, thắt lưng và miếng đệm vai. Áo phụ nữ Nùng Lòi màu xanh đen hơi ngả phớt nâu, áo cài khuy bên cạnh dài quá thắt lưng có thắt lưng buộc buông thả chằm gấu áo phía sau, tạp dề buộc trước bụng, gấp lên dắt thắt lưng tạo thành chiếc túi cơ động, tiện cho việc di chuyển. Áo của phụ nữ Nùng Khen Lài được thiết kế với thân áo rộng, ngắn, gấu



Phụ nữ Nùng An khâu, thêu trang phục truyền thống

Ảnh: Lương Thị Thủy Tiên.

áo chỉ chóm thắt lưng, cài khuy ngang bên cạnh cổ thấp, ống tay áo vừa phải, gân cổ tay đắp khoanh vải khác màu có họa tiết hoa văn. Áo của phụ nữ Nùng Giang là loại áo ngắn, khuy ngang, cài khít cổ, tay và phần ngực không rộng cũng không quá chật, phía thân áo xẻ tà, gấu to bản cao khoảng

10 cm, áo dài quá cạp quần. Ngày nay, phụ nữ dân tộc Nùng đi chợ vẫn mặc các bộ trang phục truyền thống (nhất là phụ nữ Nùng An tại huyện Quảng Hòa), đây là điểm đặc biệt giúp nhận diện dân tộc Nùng với các nhóm dân tộc khác, cũng là điểm nổi bật phong tục truyền thống độc đáo của dân tộc Nùng.

Với bản tính chăm chỉ, chịu khó, sáng tạo, hăng say trong lao động, sản xuất, hiện nay, người Nùng còn lưu giữ được nhiều nghề thủ công truyền thống như: dệt vải, nhuộm chàm, rèn, đan lát, làm hương, giấy bản, làm ngói máng, đường phen... Từ bao đời nay, biết trồng bông, dệt vải, nhuộm chàm là thước đo, tiêu chuẩn của người phụ nữ Nùng; còn đàn ông thì phải biết làm nghề rèn, đan lát, mộc... Những công cụ cầm tay (dao, búa, cuốc, cày) của người Nùng tạo ra sắc, bền, đẹp, tiện dụng, có chất lượng cao đã trở thành hàng hóa nổi tiếng ở trong và ngoài nước.

Người Nùng rất coi trọng đời sống văn hóa tinh thần, điều đó được thể hiện rõ trong các nghi thức, nghi lễ, lễ hội. Đặc biệt phải nhắc đến lễ hết khoản, tức sinh nhật mừng thọ báo hiếu cho ông bà, cha mẹ vào các tuổi 61, 73, 85. Từ 85 tuổi trở đi người Nùng sẽ không tổ chức nghi lễ này nữa. Người Nùng quan niệm rằng người sống đến 60 tuổi tức là hết một vòng đời người và muốn sống tiếp vòng đời thứ hai thì phải làm lễ mừng thọ. Nghi lễ thể hiện sự báo hiếu, quan tâm không chỉ chăm sóc về mặt thể chất, mà còn quan tâm tới yếu tố tinh thần để cho người già vui khỏe, ít bệnh tật.

Người Nùng có kho tàng truyện kể dân gian, truyện thơ và tích lũy được kho tri thức về tự nhiên, địa lý, lịch sử hay kinh nghiệm chữa bệnh bằng các bài thuốc dân gian phong phú, đa dạng. Nhiều truyện dân gian và dân ca Nùng được ghi chép lại như: Lưu Đài - Hán Xuân, Tần Chu - Quyên Vương, Thanh Minh miếu cổ (miếu Thanh Minh ở xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa), Sli slíp sloong bươn (Sli 12 tháng), Sli mắng pi máu (Sli mừng năm mới), Sli chúc mắng (Sli chúc tụng, mừng các tiết trong năm), Sli lẩu (Sli đám cưới), hát chúc phù khươi, phù noọng (hát chúc phù rể,

phù dâu)... Vốn dân ca truyền thống rất phong phú, mượt mà, đầm thắm, tiêu biểu như các làn điệu: lượn Nàng ới, Hà lều, Xà xá, Dá hai, Pụt lằn, hát Sli, lượn Slam khót... Đặc sắc phải kể đến làn điệu “Hèo phươn” (nghĩa là mời gọi bạn cùng hát dân ca). Môi trường diễn xướng chủ yếu là hát giao duyên nam nữ trong lễ hội, hát trong chợ phiên, cưới hỏi, mừng nhà mới, chúc thọ.

Đời sống tâm linh của người Nùng rất phong phú và đa dạng, trong đó thờ cúng tổ tiên là nghi lễ tín ngưỡng quan trọng. Bàn thờ không để giữa nhà mà ở phía bên phải hoặc bên trái của gian giữa, bàn thờ tổ tiên thường được dán giấy đỏ. Họ có đức tin sâu sắc vào thần linh, các lực lượng siêu nhiên. Mỗi bản thường có miếu thờ thổ công được đặt ở đầu bản. Người Nùng có nhiều nghi lễ truyền thống như: lễ An va (lễ trồng hoa), lễ Đầy tháng (khai bươn), lễ Liêng can (giải hạn, nối số), lễ Vun hoa, lễ Hết khoán (sinh nhật), chúc thọ, tang ma, xem cát trạch... Người thực hành các nghi lễ cúng là các thầy tào và các bà bụt. Trong các đám lễ, bao giờ thầy cúng, thầy tào cũng đóng vai trò quan trọng. Lễ, tết của người Nùng phong phú, đa dạng và mang đặc trưng của nền sản xuất nông nghiệp lúa nước, diễn ra liên tục vào các tháng âm lịch trong năm, mỗi tết lại có đặc trưng riêng: tháng Giêng có Tết Nguyên đán, tháng Ba có Tết Thanh minh, tháng Năm có Tết diệt sâu bọ, tháng Bảy có Tết trả ơn cha mẹ, tháng Tám có Tết Trung thu, tháng Chín có Tết mừng cơm mới...

Người Nùng chú trọng việc nuôi dưỡng và chăm sóc con cái. Họ khuyến khích, tạo điều kiện cho con em đến trường học văn hoá, tiếp thu tri thức mới để nắm bắt và theo kịp các dân tộc khác nhưng vẫn giữ gìn và phát huy những nét đẹp mang đậm bản sắc dân tộc mình.

Với đời sống văn hóa phong phú, đa dạng gắn bó cùng các dân tộc trong tỉnh, dân tộc Nùng góp phần tô thắm thêm bản sắc văn hóa các dân tộc của quê hương Cao Bằng.

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC MÔNG CAO BẰNG

NÔNG THỊ LOAN*

Dân tộc Mông là một dân tộc thiểu số trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Tại tỉnh Cao Bằng, dân tộc Mông chiếm 10,13% dân số toàn tỉnh, gồm 3 nhánh chủ yếu là Mông Trắng (Mông Đơ), Mông Đen (Mông Đu) và Mông Hoa (Mông Lênh); phân bố tập trung ở vùng cao núi đá thuộc các huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hà Quảng, Hoà An, Nguyên Bình, Thạch An, Trùng Khánh. Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng đồng bào Mông có truyền thống văn hoá phong phú, độc đáo và giàu bản sắc dân tộc gắn liền với đời sống, sinh hoạt, tín ngưỡng, tâm linh của đồng bào.

Dân tộc Mông sống rải rác trên các vùng núi cao, những thung lũng có địa hình hiểm trở với độ cao trung bình 800 - 1.000 m. Trong cuốn *Cao Bằng tạp chí nhật tập*, tác giả Bé Huỳnh nhận định người Mông Trắng “vốn gốc ở các động thuộc ba tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây (Trung Quốc). Vào cuối thế kỷ XVII, Ngô Tam Quế (Trung Quốc) chống lại nhà Thanh, họ đã tránh loạn sang các tỉnh biên giới nước ta”¹, trong đó có một bộ phận di cư đến Cao Bằng. Còn người Mông Đen có thể đã có mặt ở địa phương từ khá sớm, tương truyền “họ vốn là dân vốn có ở xứ này, dân số không đông...”².

* Báo Cao Bằng.

1, 2. Bé Huỳnh: *Cao Bằng tạp chí nhật tập*, Tài liệu của Viện Dân tộc học, ký hiệu D.136, tr.84.

Độc đáo kiến trúc nhà ở

Người Mông Cao Bằng thường cư trú thành từng làng, bản trong thung lũng, ven chân núi có độ dốc cao. Nhà truyền thống của người Mông là nhà trệt (nhà đất bưng gỗ), thường làm thấp và số gian 3 - 5 gian nhưng thường là 3 gian, 2 cửa (cửa chính, cửa phụ) và tối thiểu là 2 cửa sổ. Kiến trúc ngôi nhà được liên kết với nhau bằng hệ thống khung cột, vì kèo. Mái nhà được lợp bằng ngói hoặc gianh. Một nét độc đáo nữa trong cấu trúc nhà truyền thống của người Mông là các ngôi nhà thường được xếp đá xung quanh vô cùng chắc chắn. Trải qua bao đời sinh sống bên những sườn núi cao, những ngôi nhà của người Mông vẫn giữ nguyên kiến trúc truyền thống. Hiện nay, mặc dù bà con không ngừng sáng tạo để cải tiến ngôi nhà cho phù hợp với điều kiện tự nhiên, cũng như trong sinh hoạt, lao động sản xuất nhưng vẫn gìn giữ những nét đặc trưng truyền thống của dân tộc mình.

Rực rỡ trang phục dân tộc Mông

Nếu ví mỗi bộ trang phục là bông hoa đẹp thì cộng đồng dân tộc Mông ở Cao Bằng tự hào đã góp phần tô thắm thêm cho vườn hoa muôn sắc màu của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn



Rực rỡ trang phục phụ nữ dân tộc Mông

Ảnh: Lương Thị Thuỷ Tiên.

tỉnh những bông hoa đẹp, rực rỡ. Trang phục truyền thống của người Mông được tạo nên bằng nguyên liệu chính là sợi lanh và nhuộm chàm hoàn toàn thủ công. Cách tạo hình trang trí, phối màu cho thấy sự tinh tế trong thẩm mỹ của người Mông, qua đó

hiện lên đời sống tâm hồn của dân tộc hòa quyện, phản ánh quan niệm về nhân sinh quan, thế giới quan và ý thức bảo vệ, gắn bó chan hòa với cảnh sắc thiên nhiên.

Trang phục phụ nữ Mông cầu kỳ, bắt mắt hơn trang phục nam giới gồm: áo, váy, thắt lưng, xế (tấm vải che trước váy), xà cạp và khăn quấn đầu. Các hoa văn, họa tiết trên trang phục thiên về màu sắc, đó là sự phối hợp giữa các màu nóng, tạo cảm giác nổi bật, ấn tượng; hoa văn trên váy áo là sự phối màu cũng như đan xen, thay đổi chất liệu bằng các mảng tròn (ghép vải), mảng nổi (thêu) hay các chi tiết khiến cho nghệ thuật trang trí trên trang phục của người Mông thêm độc đáo và khác biệt so với một số dân tộc khác. Người Mông quan niệm, các khối hình thêu trên trang phục càng tỉ mỉ, chắc tay thì càng thể hiện được sự khéo léo của người phụ nữ trong việc vun vén hạnh phúc cũng như sự giàu sang, sung túc của gia đình. Phụ nữ Mông thường để tóc dài quấn quanh đầu, có một số nhóm quấn khăn trên đầu tạo thành khối; đi kèm với bộ trang phục là khuyên tai, vòng cổ, vòng tay, hoa tai... làm vật trang sức, tăng thêm nét duyên dáng của người phụ nữ.

Trang phục truyền thống nam giới dân tộc Mông được nhuộm màu chàm hoặc màu đen đơn giản. Áo là loại áo tứ thân có bốn túi ở phía trước, hai túi trên, hai túi dưới, xẻ ngực, cài cúc vải. Quần cắt kiểu chân què, đũng quần thấp, ống rộng, cùng những đường cắt cúp độc đáo, thuận tiện để leo đồi, núi và múa khèn được dễ dàng.

Ẩm thực độc đáo

Văn hóa ẩm thực dân tộc Mông gắn liền với đời sống, tập quán canh tác của đồng bào, trong đó ngô là cây lương thực chính. Từ hạt ngô, người Mông đã chế biến thành nhiều món ẩm thực độc đáo như: mèn mén, bánh ngô, rượu ngô... cùng với những món ăn

khác như: thắng cố, lẩu chua (đậu chua), gà đen, thịt lợn treo gác bếp, từ tập quán chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Mèn mèn là món ăn phổ biến, được coi như đặc sản trong văn hóa ẩm thực của người Mông. Để có được món mèn mèn thơm ngon phải trải qua khá nhiều thời gian và công đoạn phức tạp, đòi hỏi sự khéo léo của người làm: tách hạt, xay bột ngô, lọc bỏ bột mịn, đồ trên bếp nhiều lần. Do là món ăn khô nên mèn mèn thường được ăn kèm với một số món canh như: lẩu chua (đậu chua), rau cải, rau bí, thắng cố, nước xương.... Mèn mèn được người Mông làm quanh năm và là món ăn chính trong gia đình.

Thắng cố - món ăn đặc trưng của người Mông, vào những dịp trang trọng như lễ cưới, ma chay hoặc trong các dịp chợ phiên, đồng bào Mông thường nấu thắng cố. Sau khi mổ ngựa (hoặc bò, dê), làm thịt sạch sẽ, lấy tất cả nội tạng ăn được của con vật chặt ra từng miếng, các nguyên liệu được rửa sạch, ướp gia vị gồm muối trắng, thảo quả, lá chanh nướng thơm, sau đó cho vào chiếc chảo lớn, xào lăn rồi ninh như hàng tiếng đồng hồ. Chảo thắng cố được đặt trên bếp lửa hồng, ăn đến đâu múc ra đến đó, ăn kèm ớt gió, rau cải muối chua.

Nói đến ẩm thực của người Mông không thể không nhắc đến rượu ngô. Họ thường dùng các giống ngô địa phương, chủ yếu là ngô tẻ để nấu rượu, kết hợp loại men lá, đặc biệt cùng với kỹ thuật ủ, chưng cất rượu được đúc kết qua nhiều thế hệ, đã cho ra một loại rượu có hương vị đậm đà độc đáo mà không lẫn với các loại rượu của các dân tộc khác. Rượu ngô không thể thiếu trong các dịp lễ, tết để cúng tổ tiên, những dịp mời anh em, con cháu, bạn bè đến chơi nhà.

Tín ngưỡng, lễ hội truyền thống và nghệ thuật mang đậm dấu ấn cộng đồng

Người Mông ở Cao Bằng theo tín ngưỡng nguyên thủy đa thần, đặc biệt coi trọng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, những người

có công đã khuất, những vị thần bản mệnh của cá nhân, của dòng họ và cả dân tộc Mông, coi đó là yếu tố quan trọng nhất cho sự gắn kết cộng đồng. Các nghi lễ cúng thần rừng, rước thần giữ lửa là những nghi thức tín ngưỡng quan trọng trong cuộc sống lao động và sinh hoạt trong gia đình, dòng họ người Mông. Do đồng bào dân tộc Mông thường sống trên triền núi cao, coi rừng là nguồn sống nên để tạ ơn thần rừng, năm nào họ cũng tổ chức lễ cúng ngay tại cửa rừng thiêng. Người Mông cũng quan niệm mỗi dòng họ đều có vị thần giữ lửa riêng của mình, ngay sau khi kết hôn và dựng nhà mới, gia chủ sẽ chọn ngày lành tháng tốt đưa bàn thờ tổ tiên vào nhà và thực hiện nghi lễ rước thần giữ lửa của dòng họ để phù hộ cho gia đình làm ăn phát đạt, vợ chồng hòa thuận và gặp nhiều may mắn.

Người Mông có các lễ hội truyền thống như: lễ hội Gầu Tào, lễ cúng cơm mới, hội chơi bò, Ngày hội văn hóa dân tộc Mông... được tổ chức thường niên. Mỗi lễ hội được tổ chức vào những thời điểm khác nhau và mang những ý nghĩa khác nhau nhưng ý nghĩa chung nhất là cầu phúc, cầu sức khỏe, cầu cho mùa màng bội thu, cuộc sống no ấm, bình yên...

Các loại hình nghệ thuật phong phú của người Mông được thể hiện qua các làn điệu dân ca, dân vũ, thổi kèn lá, sáo, múa khèn...; các trò chơi dân gian như đánh sảng, đánh yến, đẩy gậy, tung còn, ném ngô vào gùi, bắn nỏ... Khèn Mông là nét sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu, thể hiện tâm linh, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc Mông. Người Mông quan niệm đàn ông Mông phải biết thổi khèn, tiếng khèn để đưa linh hồn người chết về với tổ tiên; tiếng khèn để gọi bạn, kết duyên bằng những điệu khèn réo rắt, say đắm, lưu luyến lòng người. Tiếng khèn dường như đã trở thành một phương thức để người Mông truyền tải, thổ lộ tâm tư, tình cảm của mình.

Những năm gần đây, tỉnh Cao Bằng tích cực đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Mông tới du khách trong nước và quốc tế, tiêu biểu là việc tổ chức Ngày hội văn hóa dân tộc Mông ở các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hà Quảng, Hòa An, Quảng Hòa...; tham gia Ngày hội văn hóa dân tộc Mông khu vực miền núi phía Bắc và toàn quốc. Qua đó, tiếp tục giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc của dân tộc Mông, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng đời sống văn hóa mới ngày càng tốt đẹp.

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC DAO CAO BẰNG

BẾ DŨNG*

Dân tộc Dao chiếm 10,08% dân số toàn tỉnh, cư trú ở vùng núi cao và thung lũng tương đối bằng phẳng, tập trung thành các bản gọi là “lũng” với khoảng từ 15 đến 20 nóc nhà. Văn hóa của dân tộc Dao phong phú và đa dạng với ngôn ngữ, chữ viết, trang phục, phong tục tập quán, truyện, thơ, tục ngữ, dân ca... trong đó có nhiều nghi lễ, điển xướng dân gian được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Theo nghiên cứu, người Dao có nguồn gốc từ Trung Quốc, quá trình di cư của họ vào Việt Nam vào khoảng thế kỷ XVIII.

Dân tộc Dao ở Cao Bằng được chia thành 2 nhánh: Dao Đỏ và Dao Tiền, phân bố ở các huyện: Hà Quảng, Thạch An, Hòa An, Bảo Lạc, Bảo Lâm và tập trung đông nhất ở huyện Nguyên Bình. Đặc điểm để nhận diện và phân biệt giữa các nhánh chính là trang phục. Trang phục của hai nhánh Dao Đỏ và Dao Tiền hoàn toàn khác nhau. Tên gọi Dao Tiền xuất phát từ sự trang trí những đồng xu bằng bạc trên y phục. Trang phục phụ nữ Dao Đỏ màu sắc trang trí chủ đạo là màu đỏ, bởi theo quan niệm của họ màu đỏ mang lại may mắn và mọi điều tốt lành.

Trang phục truyền thống của phụ nữ Dao Đỏ gồm áo, quần, khăn vấn đầu, thắt lưng và đồ trang sức. Điểm nhấn đặc biệt là

* Tỉnh uỷ viên, Tổng Biên tập Báo Cao Bằng.



Phụ nữ Dao Đỏ huyện Nguyên Bình

Ảnh: Lương Thị Thủy Tiên.

chiếc áo dài (lui áo) với hai chuỗi bông gù màu đỏ ở hai bên nẹp áo; cổ áo viền vải đỏ và đính lên trên là những bông hoa bằng bạc. Quần phụ nữ Dao Đỏ là loại quần chân què, cạp lá tọa, khâu bằng vải chàm, ống quần được thêu trang trí các ô hoa văn hình cây

thông, quả trám, sóng nước, dấu chân hổ, dấu nhân, hình người bằng chỉ thêu màu đỏ, vàng, trắng xen kẽ. Thông thường, để hoàn chỉnh một bộ trang phục phụ nữ Dao Đỏ cần từ 1 - 2 năm.

Trang phục của phụ nữ Dao Tiên gồm khăn quấn đầu, áo, yếm, váy in hoa văn sấp ong, thắt lưng, xà cạp. Điểm nhấn của bộ trang phục chính là khăn quấn đầu được làm bằng vải trắng thêu hoa văn cây cỏ, hoa lá, chim, ngựa và hình người đang gặt gạo. Áo được thêu ở phần cổ áo, vạt trước và thân sau. Các hoa văn có đường thẳng, gấp khúc với các tông màu xanh, chàm, trắng và vàng được gọi chung là “ghền”. Ở cổ áo và thân sau được đính một chùm đồng xu bạc từ 6 đến 12 đồng. Nẹp áo gắn hai hàng đồng xu bạc lớn, nổi bật trên nền áo chàm. Tên gọi Dao Tiên cũng xuất phát từ



Trang phục phụ nữ Dao Tiên mang nhiều nét độc đáo

Ảnh: Hoàng Khuyển.

sự trang trí trên y phục là những đồng xu bằng bạc. Chiếc thắt lưng (lùng sin) được làm bằng những sợi vải dài màu trắng, xanh chàm tết lại với nhau theo phương pháp thủ công.

Nam giới dân tộc Dao mặc áo ngắn xẻ ngực, cài cúc trước ngực, quần chân què làm bằng vải chàm. Áo nam Dao Tiền được thêu hoa văn ở phần gấu, sát mép xẻ tà. Chú rể Dao Đỏ mặc áo chàm, bên trong mặc từ 3 đến 7 áo sơ mi khác màu.

Trang sức của người Dao phong phú, đa dạng gồm: vòng tay, vòng cổ, xà tích, cúc bạc... được chạm khắc công phu, tinh xảo như rồng, phượng, chim muông, hoa lá, dụng cụ sinh hoạt hằng ngày... Bộ trang phục cưới truyền thống của người Dao Đỏ có giá trị từ vài chục triệu đến hàng trăm triệu đồng.

Tiếng nói của dân tộc Dao thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao, họ không có văn tự riêng mà sử dụng chữ Hán được Dao hóa, gọi là chữ Nôm Dao. Hiện nay, trong cộng đồng người Dao Cao Bằng vẫn còn lưu giữ nhiều cuốn sách cổ như: tín ngưỡng thờ cúng, ma chay, cấp sắc, nắm bắt quy luật thiên nhiên, địa lý, tình nghĩa vợ chồng, cha con, anh em, hàng xóm...

Tuy cư trú ở vùng núi cao, xa xôi, còn nhiều khó khăn nhưng đồng bào Dao có truyền thống văn hóa dân gian phong phú và giàu bản sắc như hát giao duyên, páo dung, tộ dung, cóong dung, cóong phây, thổi kèn phàn ty, múa là miên, múa bắt ba ba (Piáo tổ)... Đến nay, người Dao vẫn giữ gìn, phát huy nhiều nghề thủ công truyền thống: nghề làm giấy bản, nghề chạm bạc, nghề in hoa văn sáp ong, nghề đan lát...

Nhà ở truyền thống của người Dao là kiểu nhà trệt 4 mái, 3 gian, vách gỗ hoặc trát bằng đất. Nhà đất (nhà trệt) với cấu trúc trình tường, ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Người Dao có những tín ngưỡng về thần linh, ma quỷ với những tục lệ thờ cúng phức tạp vẫn còn tồn tại rộng rãi trong cộng đồng như: lễ cúng Bàn Vương, cúng cơm mới, cúng thóc giống, cúng hôn gia súc...

trong đó, cấp sắc là một nghi lễ truyền thống, quan trọng bậc nhất trong tín ngưỡng cộng đồng dân tộc Dao. Người Dao quan niệm, những người đàn ông phải trải qua lễ cấp sắc mới được coi là trưởng thành, có địa vị trong xã hội. Cấp sắc được chia làm nhiều cấp độ: 3 đèn, 7 đèn, 12 đèn, trong đó cấp sắc 12 đèn là đại lễ quan trọng nhất, được chuẩn bị công phu với sự tham gia của tất cả các thành viên trong dòng họ.

Đối với người Dao, việc thờ cúng đặc biệt được chú trọng, vì vậy các nghi lễ liên quan đến thờ cúng tổ tiên luôn được đồng bào duy trì, thể hiện với những nghi lễ độc đáo, đặc sắc. Nghi lễ thờ cúng của người Dao mang đậm tính nhân văn, hướng con người nhớ đến nguồn cội, xua đuổi cái ác và là sợi dây liên kết cộng đồng sâu sắc. Trong nghi lễ thờ cúng, người Dao sử dụng nhiều tranh cúng và mỗi dịp lễ, Tết, lại có những loại tranh cúng riêng; trong đó phổ biến là bộ tranh Tam Tượng (hay còn gọi là Tam Thanh) và bộ Đại Đường Quân. Tranh thờ không chỉ là tín ngưỡng mà còn thể hiện niềm tin của người Dao với cuộc sống. Đồng bào quan niệm, các vị thần linh luôn nhìn thấu mọi việc và sẵn sàng phạt người nào định làm điều ác; chỉ cần nhìn ngắm bức tranh có các vị thần được khắc họa oai nghiêm là những ai có ý định làm việc xấu sẽ phải dừng lại.

Theo phong tục người Dao Đỏ, đối với việc cưới hỏi, trong lễ cưới, nhà trai không tổ chức đoàn đi đón cô dâu tận nhà mà do họ hàng nhà gái đưa đến nhà chồng. Ngày cưới, đoàn nhà gái đưa dâu sang nhà trai gọi chung là đoàn săn cha, từ già đến trẻ ăn mặc chỉnh tề theo trang phục truyền thống của dân tộc mình. Đội nhạc lễ nhà trai gồm: trống, thanh la, kèn, chũm chọe (01 to, 01 nhỏ). Trước khi ra cửa đón dâu, đội nhạc lễ thổi những bài ca mừng cưới vòng ba lần trong nhà rồi ra ngoài đón đoàn nhà gái (săn cha). Người thổi kèn đôi bên thổi bài chào đón khách và đưa cô dâu cùng đoàn săn cha vào nhà.

Với quan niệm tâm linh và tin vào số phận, đồng bào người Dao Tiên phải xem số cho đôi bạn trẻ, nếu xem mà hợp số thì mới tiến đến hôn nhân. Xem được ngày lành tháng tốt, nhà trai sẽ sang báo với nhà gái ngày tổ chức lễ cưới và đề nghị nhà gái thách cưới gồm những đồ lễ mang giá trị khá lớn như tiền, thịt lợn, rượu và trang sức bằng bạc. Người Dao có quy ước rằng nếu sau khi cưới người chồng tự ý bỏ vợ thì số bạc đã trao sẽ không được phép đòi lại. Nếu người vợ mà tự ý rời bỏ nhà chồng thì phải trả lại tất cả đồ lễ mà nhà trai đem sang hỏi cưới. Đây có lẽ cũng là một trong những yếu tố bảo đảm hôn nhân của người Dao, do đó trong cộng đồng người Dao hiếm có chuyện vợ chồng ly hôn.

Có thể nói, đồng bào người Dao Cao Bằng có đời sống văn hóa tinh thần rất phong phú với nhiều phong tục, nghi lễ, nghệ thuật đặc sắc. Dù xã hội có nhiều sự thay đổi, xáo trộn bởi văn hóa hiện đại, nhưng bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc Dao vẫn được giữ gìn, nguyên vẹn những giá trị, thể hiện được những nét đẹp riêng có và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC SÁN CHỈ CAO BẰNG

LƯƠNG THỊ THUY TIÊN*

Với dân số khoảng 1,39% dân số toàn tỉnh, cộng đồng người dân tộc Sán Chỉ Cao Bằng sinh sống chủ yếu ở các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm. Văn hóa dân tộc Sán Chỉ đậm đà bản sắc, được thể hiện rõ nét qua phong tục tập quán, nghi lễ tín ngưỡng, trang phục, ẩm thực, văn nghệ dân gian... Cùng với sự biến thiên của thời gian, những nét đẹp trong văn hóa của dân tộc Sán Chỉ được các thế hệ tiếp nối gìn giữ, phát huy, góp phần làm nên sự đa dạng trong bức tranh văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh.

Theo sự phân chia dân tộc hiện nay ở Việt Nam, người Sán Chỉ ở Cao Bằng là nhóm địa phương của dân tộc Sán Chay. Trong cuốn sách *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam xuất bản năm 2010, khẳng định người Sán Chay di cư từ Trung Quốc vào Việt Nam khoảng 400 năm. Qua nghiên cứu phong tục, tập quán, tín ngưỡng, trang phục và ngôn ngữ người Sán Chỉ sống trên địa bàn Cao Bằng, các nhà nghiên cứu thấy rằng, người Sán Chỉ ở Cao Bằng có nhiều điểm tương đồng với các nhóm dân tộc Dao. Do vậy, vấn đề xác định nhóm địa phương Sán Chỉ di cư từ Trung Quốc vào Việt Nam và đến Cao Bằng vào thời gian nào là một vấn đề không dễ dàng và cần tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ.

* Báo Cao Bằng.

Người Sán Chỉ sống tập trung thành xóm nhỏ ở các vùng núi cao. Kiểu dáng nhà ở đặc trưng là nhà sàn 4 mái vũng chãi. Cấu trúc bên trong ngôi nhà cũng tương tự như nhà ở của người Tày, Nùng. Trong nhà bố trí 2 - 3 buồng ngủ ở hai bên trái, phải. Ngoài ra, trong ngôi nhà còn bố trí 1 buồng nhỏ lúc nào cũng đóng kín cửa, ngay cả chủ nhà cũng chỉ vào vài lần trong năm, đây chính là nơi (tùy theo dòng họ) thờ Ngọc hoàng, Táo quân... mà họ gọi là “hương hỏa”. Bếp được đặt ở cuối gian giữa của ngôi nhà, đây là nơi để nấu ăn và là nơi các thành viên trong gia đình quây quần bên bếp lửa. Phía trên bếp lửa là gác bếp. Trước cửa có sàn phơi. Gầm sàn thường để nông cụ và gia súc. Đồng bào Sán Chỉ ngoài thờ cúng tổ tiên còn thờ trời, đất, thổ công, bà mụ, thần nông, thần chăn nuôi...

Người Sán Chỉ làm ruộng là chính. Họ tiếp cận và vận dụng nền văn minh lúa nước từ rất lâu. Ngoài trồng trọt, họ chăn nuôi các loại vật nuôi truyền thống. Đây là nghề chính đem lại thu nhập chủ yếu cho từng gia đình. Bên cạnh đó, họ có nghề thủ công truyền thống như dệt vải, nhuộm chàm, đan lát mây tre, rèn. Tuy nhiên, những sản phẩm này chỉ mang tính tự cung, tự cấp, chưa trở thành hàng hóa phổ biến.



Phụ nữ Sán Chỉ khâu, thêu trang phục

Ảnh: Nông Thế Vinh.

Trang phục của phụ nữ Sán Chỉ giản dị, không rực rỡ như trang phục của người Mông, người Dao. Bộ trang phục gồm: khăn vấn đầu, áo trong, áo ngoài, quần, thắt lưng. Đặc biệt, phụ nữ Sán Chỉ có một loại phụ kiện trang trí đội trên đầu rất độc

đáo được làm bằng một miếng kim loại mỏng, tết bằng tóc rối, đỉnh phẳng có gắn ngôi sao bạc tám cánh, quanh vành gắn nhiều khuy bạc nhỏ, tròn xếp ghéch đè lên nhau tạo thành vành đai, bên ngoài cùng là một miếng vải trắng hình chữ nhật, để tua 2 đầu, phần giữa thêu hoa văn hình trám. Phụ kiện này được giữ chắc trên đầu bằng ba chiếc trâm sừng hoặc bạc cùng một hàng kẹp tóc, mỗi chiếc trâm thường treo một quả chuông nhỏ. Vào những ngày lễ, Tết có thêm thắt lưng, dải yếm và nhiều trang sức bạc.

Ngược lại, trang phục của nam giới Sán Chỉ mộc mạc, đơn giản hơn, được may bằng vải chàm, áo có hai túi rộng, quần ống rộng, mềm mại để thuận tiện cho sinh hoạt cũng như lao động, trồng trọt và chăn nuôi.

Người Sán Chỉ rất yêu thích hát dân ca (tiếng Sán Chỉ dân ca là *Ay đủng*), với họ, lời ca, tiếng hát chính là món ăn tinh thần không thể thiếu, có tác dụng kích lệ, động viên, giúp con người xích lại gần nhau, yêu quê hương, làng bản của mình hơn. Người Sán Chỉ có kho tàng dân ca, dân vũ vô cùng phong phú như: *Soóng cọ*, *Sinh ca*; các điệu múa *Tắc Xình*, *múa Đòng cú* (múa trống); *Tiù tành sanh*, *Tiù quây ì*, *Tiù táo bả* (múa kiếm), *Tiù hung* (múa hương), *Tiù toổng* (múa đèn), *Tiù chắm* (múa ghé) trong lễ trưởng thành (lễ cấp sắc) mô phỏng các hoạt động trong đời sống, sinh hoạt hằng ngày và trong lao động sản xuất. Cùng với đó, họ còn có các trò chơi dân gian độc đáo như đánh yếm, đánh quay...

Phong tục, tập quán lâu đời của đồng bào Sán Chỉ phản ánh đậm nét qua các nghi lễ truyền thống, tiêu biểu là lễ cầu năm mới, lễ cúng thần nông, lễ cúng thần lúa, lễ cúng lúa mới, lễ cấp sắc (lễ chay sáy)... được lưu truyền từ xa xưa và lưu giữ qua nhiều thế hệ, giàu tính nhân văn, thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên. Trong nghi lễ truyền thống, người Sán Chỉ có lễ

chay sáy (thuồm cuốn, thuồm puôn) rất độc đáo, đây là lễ trưởng thành cho đàn ông Sán Chỉ. Con trai dân tộc Sán Chỉ từ 10 - 16 tuổi, gia đình lo làm lễ thành đinh - lễ công nhận sự trưởng thành. Lễ thường diễn ra trong 3 ngày, 3 đêm. Trong thời gian tiến hành lễ, mọi người đến dự lễ đều phải ăn chay, không sát sinh. Các thầy tào đọc cho người thụ lễ 10 điều nguyện, 10 lời thề và 10 điều cấm: không được sống gian lận, không được chửi mắng bố mẹ... tất cả đều hướng cho người được cấp sắc sống đẹp, sống có ích cho xã hội.

Về nghi lễ tang ma, theo phong tục, người Sán Chỉ có hai hình thức làm ma (làm ma tươi, làm ma khô), song thông thường chọn cách thức tổ chức làm ma tươi. Lịch trình tổ chức tang lễ do các thầy cúng chủ động điều hành. Khi phát tang, tang chủ sẽ phải cắt tóc ngắn để thuận lợi trong việc thực hiện tục kiêng kị. Cụ thể, con trai không cắt tóc trong vòng 120 ngày đối với mẹ mất và 90 ngày đối với bố mất. Ngoài ra, trước khi đưa bố mẹ ra đồng, các con trai, gái, dâu không được dùng bát đũa ăn cơm mà phải dùng lá chuối, không được uống nước (trừ nước được thầy tào lấy sẵn), phải ăn chay tuyệt đối.

Trong đám cưới, người Sán Chỉ ăn hỏi 3 lần và nhà trai phải chuẩn bị đầy đủ lễ vật thách cưới mà nhà gái đưa ra. Thông thường là 100 kg thịt lợn và bạc trắng (ngày nay không dùng bạc trắng mà quy đổi ra tiền). Lễ cưới tại nhà trai cầu kỳ và nhiều nghi thức. Trước tiên, khi chuẩn bị sang nhà gái, những lễ vật của những người đi đón dâu đều được tập trung lại chính giữa nhà để quan lang làm phép. Khi xuất phát, quan lang ra khỏi nhà đầu tiên, đứng dưới mái nhà làm phép và giương ô lên, những người trong đoàn đón dâu lần lượt chui đi qua dưới cánh tay ông. Nghi thức này sẽ được lặp lại trong ngày hôm sau tại nhà gái. Cô dâu Sán Chỉ dùng khăn che mặt và phải đi chân đất ra khỏi nhà, khi đi cần đi chậm để lại hai vệt chân đi từ nhà ra

khỏi xóm. Trên đường đi, lúc qua cầu, khi vượt suối, cô dâu phải bỏ lại trên cầu, ném xuống suối một đồng xu hoặc vài hạt gạo.

Người Sán Chỉ rất coi trọng đời sống tình cảm. Những người trong cùng một họ luôn dành những tình cảm thắm thiết và sự tôn trọng lẫn nhau. Trong gia đình mà các bậc sinh thành còn sống khỏe mạnh, dạy bảo con cháu thì đó là một niềm tự hào. Vào dịp Tết hàng năm, người Sán Chỉ thường tổ chức đi thăm hỏi anh em họ hàng. Họ dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp về sức khỏe, sự may mắn trong cuộc sống, làm ăn. Đó cũng là những bài học họ làm gương để nuôi dạy con cái.

Dù trải qua thời gian, có những thay đổi về kinh tế - xã hội, người Sán Chỉ vẫn luôn lưu giữ những nét đẹp trong văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Đó không chỉ là bản sắc dân tộc mà còn là truyền thống nối tiếp, là kết tinh văn hóa trong dòng chảy của cộng đồng các dân tộc miền non nước Cao Bằng.

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC LÔ LÔ CAO BẰNG

HOÀNG THỊ HỒNG XIÊM*

Dân tộc Lô Lô là một trong 16 dân tộc thiểu số có dân số dưới 10.000 người và là một trong 6 dân tộc có dân số dưới 5.000 người trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Dân tộc Lô Lô hiện nay cư trú chủ yếu ở tỉnh Cao Bằng và Hà Giang.

Theo nghiên cứu của các nhà sử học và dân tộc học, người Lô Lô có nguồn gốc từ người Di vùng Vân Nam (Trung Quốc) di cư vào vùng biên giới Việt - Trung ở vùng Đông Văn, Mèo Vạc (Hà Giang) và Bảo Lạc, Bảo Lâm (Cao Bằng) gồm hai đợt (thế kỷ XV và thế kỷ XVIII). Lô Lô thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến, trong hệ ngôn ngữ Hán - Tạng. Căn cứ vào trang phục, ngôn ngữ và đặc trưng văn hóa, dân tộc Lô Lô được chia thành hai nhánh: Lô Lô Hoa và Lô Lô Đen. Nhóm Lô Lô Hoa có khoảng 400 người, chỉ cư trú duy nhất ở Hà Giang, còn nhóm Lô Lô Đen có hơn 4.000 người, phân bố ở cả tỉnh Hà Giang và tỉnh Cao Bằng. Dân tộc Lô Lô ở Cao Bằng thuộc nhóm Lô Lô Đen.

Tại Cao Bằng, người Lô Lô Đen chiếm khoảng 0,47% dân số toàn tỉnh, sinh sống tại các xã Hồng Trị, Kim Cúc, Cô Ba (huyện Bảo Lạc) và xã Đúc Hạnh (huyện Bảo Lâm) là hai huyện vùng sâu, vùng xa nhất của tỉnh.

Người Lô Lô Đen có thể giới quan, nhân sinh quan nhân văn sâu sắc với kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong

* Báo Cao Bằng.

phủ phản ánh qua dân ca, dân vũ, dân nhạc, phong tục tập quán, nghi lễ tín ngưỡng, kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực, nghề thủ công... Đặc biệt, người Lô Lô Đen còn lưu giữ và sử dụng trống đồng trong tang ma do tổ tiên truyền lại. Đây là nét văn hóa độc đáo, riêng có, khác biệt với các dân tộc khác.

Đặc điểm quần cư của người Lô Lô Đen cư trú tập trung thành từng bản, mỗi bản có từ 30 - 50 hộ gia đình, thuộc nhiều dòng họ cùng sinh sống và không cư trú xen kẽ với các dân tộc khác. Bản của người Lô Lô Đen chủ yếu phân bố trên các sườn đồi, ở lưng chừng núi, nơi gần các khe suối để tiện sinh hoạt.

Kiến trúc nhà ở của người Lô Lô Đen chủ yếu là nhà sàn giống như nhà sàn của người Tày, Nùng, chỉ khác về cách bố trí trong nhà. Nhà có một cửa chính (cửa ra vào) và một cửa phụ, gian giữa đặt bàn thờ và nơi sinh hoạt chung của gia đình, các gian phụ (gian bên) là buồng ngủ của các thành viên trong gia đình.

Do đặc thù sống trên núi cao nên người Lô Lô Đen trồng gạo tẻ, gạo nếp, ngô trên ruộng, nương bậc thang nên thơm, dẻo, có hàm lượng dinh dưỡng rất cao. Ẩm thực là những thực phẩm sẵn có trong tự nhiên như: cá suối, măng rừng, rau sắn, chuối rừng... và từ chăn nuôi gia súc, gia cầm như: bò, lợn, gà, vịt...

Trang phục của người Lô Lô Đen lấy màu đen làm chủ đạo. Phụ nữ thường mặc áo ngắn, màu chàm để hở bụng, xẻ ngực, hai ống tay hẹp nối từ bả vai xuống cổ tay bằng những khoanh vải màu xanh, đỏ, tím, vàng; hai vạt áo trước được trang trí bởi một diềm vải hoa đỏ, khuy áo bằng vải, cài bằng cúc đồng hình tròn; tay áo trang trí hoa văn theo lối ghép vải; phía sau lưng áo được chắp những miếng vải màu hình tam giác tạo thành các ô vuông với những hoa văn rỗng cửa kiểu bông lúa, hình sóng nước, mạng nhện... Quần ống rộng, phía ngoài quần được choàng một tấm vải từ phía sau ra đằng trước mặt và cuộn chặt trước bụng, tạo cho dáng của người phụ nữ đẹp hơn. Đồ trang sức thường làm bằng bạc. Trang phục nam giới đơn giản, dùng vải chàm đen may quần ống rộng, áo khuy ngang.

Người Lô Lô Đen coi thiên nhiên là bà mẹ bao bọc che chở cho dân bản nên mỗi bản làng đều có khu rừng thiêng và cấm chặt phá. Vì rừng là nơi trú ngụ của các vị thần linh, cung cấp nguồn nước cho bản làng. Thế giới tâm linh, con người dẫu có chết đi nhưng linh hồn vẫn luôn gắn bó với cộng đồng bản làng. Vì vậy, người Lô Lô Đen là dân tộc duy nhất sử dụng trống đồng trong tang ma. Họ quan niệm khi có người chết, hồn được đưa sang thế giới bên kia phải có chiếc trống đồng, nếu không tổ tiên sẽ không nhận ra con cháu của mình.

Người Lô Lô Đen có chữ viết riêng nhưng trong quá trình đổi thay của lịch sử, di cư nên mất chữ viết, chỉ còn ngôn ngữ truyền khẩu qua các thế hệ. Văn hóa tinh thần của người Lô Lô rất phong phú với nhiều truyền thuyết, thần thoại, dân ca, dân vũ đặc sắc... Trong bài cúng các vị thần của thầy mo có bài trường ca dài hàng nghìn câu kể mối quan hệ giữa vũ trụ quan và con người, dù chỉ truyền khẩu nhưng thầy mo nhớ hết.

Dân ca, dân vũ của người Lô Lô Đen rất phong phú như hát giao duyên, hát tìm bạn, hát đối đáp trong các lễ hội, ngày Tết, lễ, mừng thọ, mừng nhà mới, lễ cưới... Trong năm có Tết Nguyên đán, Tết mừng 6 tháng 6, Tết Rằm tháng 7, lễ mừng cơm mới... Đầu năm có lễ cầu mưa “Mề pỉ” được tổ chức ở khu rừng thiêng, dân bản thường chọn vào ngày Thìn tháng 3 âm lịch. Bối theo quan niệm của người Lô Lô Đen, ngày Thìn là ngày rồng phun mưa tưới nước cho các loại cây trồng, vật nuôi sinh sống ở trần gian. Cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cầu bình an cho mọi người khỏe mạnh, hạnh phúc, sống lâu, không bệnh tật...

Những năm qua, các cấp uỷ đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc Lô Lô. Hiện nay, đã có đường ô tô đến trung tâm xã, điện, đường, trường học, trạm y tế xã, hệ thống nước sạch được đầu tư xây dựng đồng bộ để người Lô Lô Đen có điều kiện tiếp cận với hệ thống an sinh xã hội, y tế, giáo dục, từng bước



Nghi lễ cầu mưa của dân tộc Lô Lô được tái hiện trong Ngày hội văn hóa dân tộc Lô Lô huyện Bảo Lâm

Ảnh: Nông Thị Hậu.

nâng cao đời sống. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Lô Lô gắn với phát triển du lịch được quan tâm, nhiều chương trình, dự án, đề án được triển khai như: Dự án “Bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc Lô Lô, xóm Khuổi Khon, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng”; Đề tài khoa học “Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa người Lô Lô Đen tỉnh Cao Bằng”; tổ chức Ngày hội văn hóa dân tộc Lô Lô; thành lập câu lạc bộ, đội văn nghệ quần chúng; tổ chức các lớp truyền dạy nghề thủ công truyền thống; tập huấn đào tạo du lịch cộng đồng homestay... góp phần thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến tham quan, trải nghiệm.

Với sự quan tâm vào cuộc của các cấp uỷ, chính quyền, nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc Lô Lô được quan tâm bảo tồn và phát huy, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người Lô Lô Đen, góp phần làm đa dạng, phong phú văn hóa của 54 dân tộc Việt Nam.

ĐỘC ĐÁO LÀNG ĐÁ CỔ KHUỔI KY

TRẦN THỊ XUÂN QUỲNH*

Làng đá cổ Khuổi Ky thuộc địa phận xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng có tuổi đời trên 400 năm, là điểm đến hấp dẫn nằm trên tuyến hành trình phía Đông với tên gọi “Trải nghiệm văn hoá bản địa ở xứ sở thần tiên” của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

Cách trung tâm thành phố Cao Bằng khoảng 80 km, làng Khuổi Ky là nơi cư trú của các hộ dân tộc Tày. Từ xa xưa, cuộc sống của người dân thường gặp nạn trộm cướp hoặc bị thú dữ đe dọa nên việc xây dựng nhà bằng đá với kiến trúc độc đáo được tạo ra từ đôi bàn tay khéo léo của người dân đã bảo vệ họ trước những khó khăn trong cuộc sống thường ngày. Để xây dựng, hoàn thiện một ngôi nhà sàn bằng đá phải mất 2 - 3 năm. Trong đó, những viên đá cứng, đẹp là nguyên liệu để dựng nhà, việc chọn đá cũng mang ý nghĩa tâm linh sâu xa bởi họ cho rằng, những viên đá được hình thành từ sâu trong lòng đất, với điều kiện địa chất phức tạp và lâu dài sẽ hấp thụ tinh hoa của đất trời, mang lại nguồn năng lượng và linh khí rất cao. Trải qua những biến thiên lịch sử, những ngôi nhà làm bằng đá ẩn chứa sức mạnh chở che, bảo vệ cho con người; đồng thời lưu giữ những nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc Tày.

* Trung tâm Văn hoá và Thông tin du lịch tỉnh Cao Bằng.



Làng đá Khuổi Ky, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh

Ảnh: Nguyễn Khánh Duy.

Những ngôi nhà sàn bằng đá ở Khuổi Ky trải rộng trên diện tích 1 ha, nhà tựa lưng vào núi, mặt hướng ra dòng suối bao quanh chân núi. Kiến trúc nhà thường có 2 tầng, tầng dưới để vật dụng gia đình, tầng trên được chia thành các không gian phục vụ nhu cầu sinh hoạt với kích thước khác nhau tùy thuộc vào số lượng người sinh sống. Đặc điểm chung của mỗi ngôi nhà thường có 3 gian, giữa nhà là phòng khách, bàn thờ; bên phải là các phòng ngủ; bên trái là bếp ăn và là nơi để các vật dụng sinh hoạt hàng ngày. Điều rất thú vị của nhà sàn đá nơi đây là bảo đảm mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Tường nhà được xây dựng cao khoảng 7 - 8 m, các viên đá có nhiều kích cỡ khác nhau được sắp xếp chặt chẽ với chất kết dính là cát trộn đá vôi có độ dày hơn 30 cm. Phần mái nhà được lợp bằng ngói âm dương, các cột

trụ, gác mái, sàn nhà được làm bằng gỗ. Giữa không gian bao la, những ngôi nhà sàn đá vững chãi vươn cao, vắn bên bờ, kiên định bao bọc, chở che những cư dân hiền lành, chất phác vùng biên viễn. Ngoài những căn nhà đá có kiến trúc độc đáo, đá còn được sử dụng để làm hàng rào, lối đi nối từ nhà này sang nhà khác và các công cụ lao động hằng ngày như cối đá, cối xay gạo, ngô...

Đến với Khuổi Ky, du khách sẽ ngỡ ngàng trước những ngôi nhà vẫn giữ được dáng dấp cổ xưa, tạo nên nét cổ kính, nhuộm màu thời gian. Tại đây, du khách được thưởng thức các món ăn truyền thống, hòa mình vào cuộc sống của người dân, lắng nghe những câu chuyện huyền thoại và đắm chìm trong thanh âm ngọt ngào của những làn điệu hát then - đàn tính... Ngoài việc phục vụ sinh hoạt cho khách du lịch, người dân Khuổi Ky còn sẵn sàng đưa khách du lịch đi leo núi, vào làng để khám phá thiên nhiên.

Với những nét văn hóa truyền thống còn được lưu giữ đến ngày nay, để nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, năm 2008, làng đá cổ Khuổi Ky đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là “Làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của dân tộc ít người” và được đầu tư xây dựng dự án Bảo tồn làng văn hóa truyền thống dân tộc Tày từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Đây là cơ hội thuận lợi, là điều kiện lý tưởng để thúc đẩy phát triển du lịch ở Khuổi Ky. Nhanh chóng nắm bắt xu hướng thúc đẩy phát triển du lịch, huyện Trùng Khánh đã quan tâm đầu tư phát triển dịch vụ - du lịch; xây dựng quy chế của làng về triển khai các hoạt động đón tiếp du khách và các dịch vụ liên quan; thành lập quỹ cộng đồng để tái đầu tư, chia sẻ lợi ích từ du lịch; triển khai các hoạt động vệ sinh môi trường như thu gom, xử lý rác thải tại nguồn, cải tạo cảnh quan; quy trình hỗ trợ mô hình nông nghiệp thân thiện với môi trường gắn với du lịch để phục vụ du lịch trong xóm - vùng, phát triển ẩm thực địa phương...

Các homestay phục vụ lưu trú trong làng đều có đủ các điều kiện vật chất để phục vụ nhu cầu của du khách trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, người dân tập trung phát triển thêm các sản phẩm du lịch như du lịch trải nghiệm trên sông Quây Sơn gắn với giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc để hấp dẫn du khách.

Hiện nay, tại làng đá Khuổi Ky có các dịch vụ lưu trú homestay; đội văn nghệ quần chúng gồm những nghệ nhân dân gian luôn sẵn sàng phục vụ các làn điệu hát then - đàn tính mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc cho du khách có nhu cầu. Để tiếp tục hoàn thiện các dịch vụ du lịch, người dân Khuổi Ky còn tích cực tham gia các lớp tập huấn, chia sẻ phát triển kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng đón tiếp, hướng dẫn du lịch; bảo tồn các làn điệu dân ca; ứng dụng chuyển đổi số nhằm tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá và đặt phòng thông qua nền tảng Booking, Agoda, Facebook, Fanpage, Zalo, Tiktok,...; tích hợp dịch vụ thanh toán điện tử để đem lại sự thuận tiện hơn cho cả người dân lẫn du khách. Nguồn thu từ dịch vụ du lịch đã giúp đời sống của người dân thêm no đủ, khấm khá. Khuổi Ky trở thành hình mẫu điểm du lịch cộng đồng để nhiều nơi đến nghiên cứu, học tập.

Giữa vùng biên cương non nước hữu tình, những ngôi nhà sàn đá cổ vẫn bền bỉ bao bọc, chở che những người dân hiền lành, chất phác. Nếu có dịp ngắm nhìn cuộc sống bên những con đường đá, trong những ngôi nhà sàn bằng đá nơi đây chắc hẳn sẽ khiến du khách nhớ mãi không quên...

CHỢ PHIÊN CAO BẰNG - NÉT ĐỘC ĐÁO CỦA VĂN HÓA BẢN ĐỊA VÙNG CAO

ĐÀM HẢI YẾN*

Chợ phiên là một nét văn hóa có từ lâu đời ở vùng cao. Cho đến nay, trong nhịp sống hiện đại đa sắc màu, chợ phiên vẫn được duy trì như là hơi thở của bà con, cũng là một không gian văn hóa mang đậm bản sắc của người dân địa phương các vùng trong tỉnh Cao Bằng. Ngoài việc mua bán hàng hóa, chợ còn là nơi gặp gỡ, trao đổi thông tin, giao lưu tình cảm, nơi hò hẹn của nam, nữ các bản làng.

Chợ phiên Cao Bằng được quy định cụ thể vào các ngày trong tháng, thông thường cứ 5 ngày một phiên tính theo âm lịch. Chợ truyền thống trước đây họp từ chiều hôm trước (áp phiên) và họp cả ngày hôm sau, tấp nập kẻ bán, người mua và còn diễn ra hoạt động văn hóa hát lượn... Ngày nay, chợ thường họp từ sáng sớm và thường chỉ diễn ra trong nửa buổi sáng là đã vắng người.

Ngược về phía bắc của tỉnh, các phiên chợ họp vào ngày có đôi: chợ Cao Bình họp ngày 5 và ngày 0; chợ Nước Hai họp ngày 3 và 8; chợ Nà Rì, chợ Tấp Ná ngày 4 và 9; chợ Nà Giàng và chợ Háng Tháng ngày 1 và 6; chợ Bản Giỏi ngày 5 và 10; chợ Sóc Giang, chợ Bó Gai và chợ Tổng Cột họp ngày 2 và 7. Chợ có quy mô lớn nhất là chợ Nước Hai (huyện Hòa An) và một điều đặc biệt là mặc dù chợ

* Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng.

nằm tại trung tâm của một thị trấn phát triển nhất nhì tỉnh, nhưng bà con vẫn luôn giữ được nét văn hóa truyền thống khi ngôn ngữ chính mọi người trao đổi với nhau bằng tiếng dân tộc Tày.

Sang các huyện miền tây của tỉnh, với huyện Nguyên Bình, các phiên chợ họp vào ngày có đuôi: chợ huyện diễn ra vào ngày 3 và 8, chợ Tĩnh Túc ngày 5 và 0, chợ Nà Bao ngày 4 và 9, chợ Phai Khắt ngày 2 và 7, chợ Phja Đén ngày 1 và 6. Tại những ngày chợ phiên thị trấn Nguyên Bình (chợ huyện), ta dễ dàng bắt gặp những bộ trang phục sắc sỡ và tinh tế của người Dao Đỏ, Dao Tiền; những sản phẩm của nghề chạm bạc nổi tiếng, thêu thổ cẩm hoặc in hoa văn sáp ong và những sản vật của núi rừng như nấm hương, sa nhân, mật ong, miến dong...

Chợ phiên các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm có lẽ là phiên chợ đặc biệt hơn cả, họp chợ chủ yếu là bà con dân tộc thiểu số (Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô, Tày...). Ở đây, các bản làng cách xa chợ những núi những đồi, bởi thế từ chập tối ngày hôm trước đã xập xòe váy áo, lô nhô quẩy tấu từng nhóm, từng tốp ở đình chợ, có khi ngồi cả đêm rì rầm câu chuyện đến tận hôm sau.

Chợ phiên Bảo Lạc họp vào các ngày có đuôi 5, và 0 âm lịch. Nét độc đáo ở đây không chỉ là sự mua bán, trao đổi tấp nập mà còn là sự gìn giữ bản sắc văn hóa Tày, Mông, Dao, Lô Lô, Sán Chỉ... Cứ đến mỗi phiên chợ là lại ngập tràn màu sắc trang phục của các dân tộc thiểu số, hay những mặt hàng nông sản bà con làm ra mang đến chợ bán. Đặc biệt là hàng ăn uống, hàng quà quê thơm ngon như bánh bò, khẩu sli, bánh chưng đen, thịt lợn chua, lạp sườn hun khói... luôn tấp nập thực khách ghé thăm. Các món ăn đơn sơ, mộc mạc nhưng vô cùng hấp dẫn, mang đậm bản sắc văn hóa độc đáo, đa dạng của các dân tộc vùng cao.

Chợ phiên Bảo Lâm ở bên bờ dòng sông Gâm xanh biếc, trời còn nhá nhem đã lao xao tiếng người, tiếng chân ngựa, tiếng xe cộ... Không kể nắng hay mưa, chợ luôn rực rỡ sắc màu, lấp lánh từ váy áo của thiếu nữ Mông, Dao. Một bên chợ la liệt những gùi



Bà con dân tộc Sán Chỉ trao đổi hàng hoá tại chợ phiên

Ảnh: Chu Đức Hoà.

ngô, sắn, rau cải đắng, xôi màu, bánh ngô, sâm hành, hoa chuối rừng, dưa dại... cơ man là quà tặng của núi rừng; lại hẳn một góc chợ nức mùi rượu, bất kể là đàn ông hay phụ nữ vừa bán vừa mời nhau, mặt đỏ tưng bừng, miệng cười rạng rỡ, không bán hết lại buộc lên lưng ngựa đem về.

Huyện Bảo Lâm còn có những chợ xã rất đặc biệt, như chợ Bò (xã Vĩnh Quang), tổ chức vào ngày 3 và ngày 8. Chợ chỉ vãn vẹn một mái đình, khắp các ven đường và phần sân đất còn lại của chợ san sát người bán, đặc biệt là những phiên rơi vào cuối tuần, như thể tất thảy già trẻ gái trai toàn xã dồn hết ra chợ. Từ tờ mờ sáng đã nghe thấy tiếng bò lục cục đi xuống những sườn đồi, tiếng bà con người Mông nói chuyện râm ran, tiếng trẻ con cười nói, đùa nghịch, tiếng lợn con ụt ịt, tiếng gà trống choai gáy le te dưới nách người, có người đi chợ chẳng mua bán gì, cứ rủ nhau đưa con cái ra ăn một bát phở ba chỉ rán và xem bò. Bò phiên chợ này có thể không có người mua thì phiên sau lại dắt đi, cứ dắt đi

dắt về, có những chú bò chủ không đem bán nhưng quanh năm phiên nào cũng được đi chợ, có khi người Mông đưa bò đi chợ chỉ để làm bạn đường, để mà vịn về nhà khi say rượu.

Có một chợ xã cũng đặc biệt không kém chợ Bò là chợ Luây (xã Thạch Lâm). Chợ Luây là phiên chợ của người Mông, cứ 6 ngày một phiên. Chợ nằm bên chân núi, lin kin những lều gỗ chắc cũng đã dựng từ lâu lắm bởi đa phần đã cong vênh, mái proximăng lẫn mái ngói đỏ đã chắp vá nhiều mảnh. Nơi này như thể là thế giới riêng của người Mông: bạt ngàn váy áo Mông rực rỡ, bán hàng cũng là những cô gái Mông xinh tươi hoặc những anh chàng người Mông xởi lởi. Thử một bộ váy khá mất thời gian, chủ hàng phải xởi lởi nhiệt tình, phải giúp quàng, thắt, cài đai, đội mũ... nếu người ta không ưng cũng không được cẩu.

Trên hành trình về các huyện miền đông của tỉnh là những phiên chợ tại thị trấn Quảng Uyên vào các ngày có đuôi 1 và 6, chợ Háng Châu, chợ thị trấn Hòa Thuận và chợ Bằng Ca ngày 3 và 8; chợ huyện Hạ Lang ngày 5 và 0; chợ Thị Hoa và chợ Cách Linh ngày 4 và 9)... Đặc biệt là chợ Quảng Uyên đã có từ rất lâu đời nên khá rộng và duy trì được nhịp sinh hoạt đặc trưng: góc này leng keng hàng dao của làng rèn Phúc Sen, góc kia hàng hương Phja Thấp, hàng giấy bản, hàng vải chàm, hàng rượu ngô, khoai lang, củ cải, bánh gai, xôi ngũ sắc... thấp thoáng giữa bóng áo chàm của người Tày, Nùng, giữa nụ cười rạng rỡ của bà con mời chào, tiếng hèo phươn, tiếng sli, tiếng lượn của những đôi bạn tri kỷ gặp gỡ nhau ở phiên chợ. Đến chợ phiên, du khách cũng đừng quên tìm mua kẹo lạc, ngà hoóc thơm ngon.

Sang đến huyện Trùng Khánh, chợ huyện diễn ra vào ngày có đuôi 5 và 0, chợ Pò Tấu ngày 1 và 6, chợ Pò Peo, chợ Bản Rạ và chợ Trà Lĩnh ngày 4 và 9, chợ Thông Huệ ngày 2 và 7, chợ Bản Ngán ngày 3 và 8. Du khách có thể mua về những món quà quê như bánh khảo, tương mạch, đậu phụ chao, bỏng gạo, những hộp thạch trắng (thạch mác púp) mát lạnh, ngọt dịu hay những



Niềm vui xuống chợ

Ảnh: Trương Hoài Nam.

con cá được bắt lên từ những dòng nước trong xanh... Ở chợ Co Sầu (thị trấn Trùng Khánh), người đến chợ thường đi từ chiều hôm trước, họ chờ đợi, hẹn hò nhau, góp tiền mua thực phẩm “hắt co kin sấu” (nghĩa là góp cổ ăn cơm chiều) rồi cùng nhau hát sli, lượn đối đáp... dần dần tạo thành thói quen nên phố nhỏ có tên “Co Sầu”. Đây là phiên chợ khiến ai đến đều muốn ở lại, rồi đi chỉ mong ngày về bởi sự ấm áp thân tình, bởi những hương vị núi rừng: nào phở vịt rán béo ngậy, xôi lá sau sau đen bóng, dẻo, thơm ngọt, pèng phạ tròn nổ phồng xèo xèo trong chảo mỡ, bánh khảo giấy màu thơm nếp rang gọi về không khí Tết xa xưa...

Ở một số nơi trong tỉnh có một phiên chợ mà không phải ai cũng biết và được tham gia - đó là “chợ tình”. Chợ tình trong tiếng Tày, Nùng gọi là “háng pha làng”. Nổi tiếng nhất là chợ tình “Phong lưu” (Háng toán, Háng Phúng liu) huyện Bảo Lạc. Khác với các chợ phiên 5 ngày họp một lần, phiên chợ tình Phong lưu, người ta tìm đến không phải chỉ để mua, để bán những sản phẩm từ bàn tay lao động của mình làm ra, mà còn để gửi gắm niềm thương, nỗi nhớ, cùng uống với nhau chén rượu nồng, trao nhau những khúc hát ân tình đắm say lòng người và để cùng say tình say nghĩa, say trong các làn điệu dân ca đậm thắm... Theo truyền thống, chợ tình Phong lưu Bảo Lạc có 2 phiên/năm, diễn ra ngày 30/3 và 15/8 âm lịch. Trai, gái đến chợ tình sẽ giao lưu, hát giao duyên. Trong đó, trai, gái dân tộc Tày sẽ đối đáp bằng làn điệu lượn cọi và trao khăn, giày vải; trai, gái dân tộc Nùng hát đối

đáp bằng điệu Nàng ới; trai, gái dân tộc Sán Chỉ hát đối đáp giao duyên tìm bạn; trai, gái dân tộc Mông hát đối đáp và múa khèn; người Dao Đỏ có tục giặt khăn... Mỗi dân tộc mang đến ngày hội các hoạt động thể thao, trò chơi truyền thống như: đẩy gậy, lày cỏ, nhảy bao, gánh nước bằng ống tre, ném ngô vào gùi..., thu hút đông đảo nhân dân và du khách tham gia.

Ở khu vực miền Đông cũng có phiên chợ tình mang đậm bản sắc dân tộc Tày, Nùng ở huyện Hạ Lang. Chợ thường diễn ra ba lần trong năm vào tháng Giêng, tháng Ba và tháng Bảy âm lịch hàng năm, kéo dài trong 2 ngày. Từ ngày xưa, đã thành thông lệ, vào ngày chợ hội, “đến hẹn lại lên”, trai gái ở khắp nơi trong vùng sẽ tụ họp tại chợ Bằng Ca. Không chỉ với mục đích đi chơi hội mà nhiều chàng trai, cô gái chưa lập gia đình với những bộ trang phục Tày, Nùng sẽ tới hội chợ cùng bắt quen với nhau bằng những câu lượn tình tứ, hy vọng có thể tìm được bạn tình ưng ý để kết duyên vợ chồng. Tại chợ tình còn xuất hiện những gương mặt đã ở tuổi xế chiều. Họ đến để ôn lại những câu chuyện xưa cũ, để gặp mặt những người bạn già, gặp người thương từng bỏ lỡ. Những người già cũng có cách đối đáp lượn riêng của mình và gửi những tâm tư, tình cảm còn dang dở thuở thiếu thời vào tiếng hát, gửi những câu chuyện xưa không kịp nên duyên. Họ ôn lại chuyện xưa cũ để thỏa nỗi lòng thời còn trẻ, hay chỉ đơn giản gặp lại những bạn già hỏi thăm đôi lời sức khỏe, hỏi thăm con cái, gia đình, chuyện làm ăn...

Có thể nói, chợ phiên Cao Bằng là nơi gìn giữ nét văn hóa bản địa độc đáo của người dân vùng cao bao đời nay. Theo dòng chảy của thời gian, trong cơn bão chợ online của công nghệ số, chợ phiên vẫn như nhịp thở đều đặn của con người, vẫn là thế giới của những món quà từ rừng núi và còn là điểm hẹn cho con người ta tìm đến an nhiên đời thường.

ĐẶC SẮC ẨM THỰC CAO BẰNG

PHẠM THANH THẮNG*

Góp phần tô điểm cho sự hấp dẫn của miền đất Cao Bằng được ưu ái gọi như một “miền cổ tích”, không thể không kể đến nền văn hoá ẩm thực phong phú, mang dấu ấn hương vị riêng của đồng bào các dân tộc thiểu số. Mùa nào thức nấy, những sản vật gắn liền với điều kiện tự nhiên, đời sống, sản xuất và tính chất mùa vụ. Đặc biệt, văn hóa ẩm thực không chỉ phản ánh cuộc sống, phong tục tập quán mà còn thể hiện sự tinh tế, khéo léo và ẩn chứa giá trị nghệ thuật của đồng bào các dân tộc nơi đây.

Được thiên nhiên ưu đãi ban cho khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp nên Cao Bằng đã hình thành những vùng cây trồng nguyên liệu, cây đặc sản như: miến dong Phja Đén (huyện Nguyên Bình); cây lê, cây thạch đen (huyện Thạch An); hạt dẻ, cây thạch trắng hay còn gọi là mác púp (huyện Trùng Khánh); cây mận máu (huyện Bảo Lạc); chè giảo cổ lam, hà thủ ô đỏ; cây xỏm đeng... Mỗi sản vật không chỉ là món ngon khó cưỡng mà còn là vị thuốc thảo dược hoàn toàn tự nhiên. Thêm nữa, Cao Bằng còn nổi tiếng như một thiên đường ẩm thực với các món ăn được chế biến vô cùng độc đáo như: bánh cuốn, phở chua, phở vịt, bánh cóng phù, bánh khảo, bánh chè lam, vịt quay 7 vị, bánh áp chao, bánh trứng kiến, xôi trám, xôi ngũ sắc... Những món ăn nổi tiếng trên đã góp phần chiếm trọn tâm trí của

* Phó Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng, Tổng Biên tập Tạp chí Non nước Cao Bằng.

du khách muốn trải nghiệm ẩm thực của miền non nước Cao Bằng. Nhờ sự đặc sắc riêng biệt trong văn hóa ẩm thực, Cao Bằng đã có các loại trái cây và nhiều món ăn đặc sản được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam vinh danh. Cùng với đó, nhiều đặc sản Cao Bằng đạt chứng nhận OCOP 3 sao đã tạo tiếng vang từ lâu như: gạo nếp hương Bảo Lạc, thịt hun khói, Lạp sườn, miến dong, thạch đen, bánh nướng Hạ Lang, khẩu sli Nà Giàng, hồng trà A1, lục trà A2; trà giảo cổ lam, rượu ngô CP 999, rượu Khau Nàng... cùng nhiều danh hiệu khác.

Một số món ăn đặc trưng, độc đáo của Cao Bằng

Miến dong Phja Đén

Miến dong Phja Đén là loại miến ngon, sợi to, được làm từ củ dong riêng đỏ của vùng núi Nguyên Bình. Sợi miến Phja Đén khi nấu rất trong và ngọt, dai mềm tự nhiên, tốt cho sức khỏe. Trong mâm cỗ Tết, người dân Cao Bằng sẽ nấu miến cùng thịt gà, nấm hương và mộc nhĩ.



Ảnh: Hồng Sơn.

Phở chua

Phở chua là món ăn đặc sản được chế biến kỳ công với nhiều loại nguyên liệu. Bánh phở Cao Bằng thơm, dai kết hợp cùng thịt ba chỉ, thịt vịt quay, khoai môn (khoai tàu) chiên giòn, lạc, rau thơm cùng với nước trộn đã tạo nên hương vị đặc trưng cho món ăn. Nếu có dịp thưởng thức, du khách chắc chắn sẽ nhớ mãi vị chua ngọt của nước sốt và cái dai dẻo của bánh phở.



Ảnh: Hồng Sơn.

Xôi trám

Xôi trám là món ăn đặc sản của vùng Cao Bằng, thường xuất hiện trong bữa ăn của đồng bào người Tày và Nùng. Nếp thơm kết hợp cùng quả trám rừng giúp hạt xôi có màu tím hồng đẹp mắt, khi ăn bạn sẽ cảm nhận được vị bùi và dẻo đặc trưng.



Ảnh: Trương Hoài Nam.

Bánh khảo

Bánh khảo là một loại lương khô của đồng bào Tày và Nùng ở Cao Bằng, thường được làm vào dịp Tết. Nguyên liệu làm bánh khảo là nếp thơm, đường phèn, vừng, lạc cùng mỡ lợn, khi ăn có vị ngọt thanh và béo ngậy. Bánh có thể bảo quản trong thời gian dài.

Bánh chè lam

Trước đây, chè lam Cao Bằng thường được dùng trong những ngày Tết cổ truyền. Dần dần mọi thứ dễ hơn nên người ta có thể thưởng thức món bánh này ở tất cả các tháng. Bánh chè lam được làm từ các nguyên liệu rất gần gũi như: bột gạo nếp rang, lạc rang, mạch nha và gừng. Tuy nhiên, khâu chế biến lại đòi hỏi quá trình công phu, tỉ mỉ và người nấu phải kiên nhẫn. Bánh ngon là sự kết hợp hài hòa của các nguyên liệu; độ dính của mật, độ mịn của bột, vị dẻo dai của nếp, vị cay của gừng, vị bùi của lạc. Tất cả đem đến cho chiếc bánh một hương vị nồng nàn, hấp dẫn.

Bánh trứng kiến

Bánh trứng kiến còn có tên gọi khác là pêng rày, là đặc sản của đồng bào người Tày. Nguyên liệu chính tạo nên món ăn độc đáo này là trứng kiến, kết hợp cùng thịt lợn băm, lá kiệu và lạc rang. Vỏ bánh được làm từ bột nếp, nhào nặn, cán mỏng thành hình vuông rồi ếp vào lá vả. Sau khi cho nhân bánh vào, người

ta sẽ ốp thêm một lớp lá nữa rồi mang hấp cách thủy. Để thưởng thức món ăn này, du khách nên đến Cao Bằng vào tầm tháng 4, tháng 5 hằng năm.

Bánh áp chao

Bánh áp chao là món bánh nổi tiếng ở Cao Bằng, bên ngoài nhìn giống bánh rán, phần nhân bên trong thường làm từ thịt vịt. Phần vỏ bánh được làm từ bột gạo nếp và gạo tẻ nên rất dẻo và thơm. Sau khi nhồi nhân vào vỏ, bánh được rán trên chảo dầu sôi, chao qua chao lại đến khi cả 2 mặt vàng rộm.



Ảnh: Hồng Sơn.

Bánh coóng phù (phù noòng, bánh trôi)

Ngày đông, món bánh coóng phù (bánh trôi) là thức quà quê không thể thiếu. Nguyên liệu để làm bánh coóng phù đơn giản và dễ chuẩn bị, gồm: gạo nếp, đường, lạc, vừng, gừng. Nhân bánh là lạc rang giã nhỏ, có thể trộn thêm đường và hạt vừng. Thường thức một bát coóng phù nóng trong không khí se lạnh của vùng cao để cảm nhận mùi thơm của bột nếp, vị ngọt của nước đường, vị cay nồng của gừng sẽ làm tan đi sự buốt giá.

Bánh cuốn Cao Bằng

Đây là món ăn sáng nổi tiếng nhất tại Cao Bằng. Bánh cuốn đặc biệt hơn so với bánh cuốn ở các vùng khác, thường ăn cùng với nước dùng ninh từ xương. Bột dùng để tráng bánh phải là bột gạo tẻ của Cao Bằng, ngâm và xay nhuyễn mịn, có độ sánh, dẻo vừa



Ảnh: Trương Hoài Nam.

đủ thì mới mang đi tráng. Bánh có nhân thịt băm và hành hoa hoặc bánh cuốn trứng.

Lợn sữa quay

Lợn sữa quay là món ngon khó cưỡng khi đến với Cao Bằng, đặc biệt không thể thiếu trong các dịp lễ, Tết, trên mâm cỗ đãi khách của người bản địa. Lợn được chọn quay phải là lợn nhà nuôi tự nhiên, không sử dụng thuốc tăng trọng, nặng 4 - 6 kg. Khi quay, bên trong nhồi lá mác mật, bên ngoài phết mật ong và gia vị. Lợn quay trên bếp than hồng nên có phần bì vàng rộm, giòn tan, hương lá mác mật thơm lừng kích thích vị giác.



Ảnh: Trương Hoài Nam.

Lạp sườn

Lạp sườn là món ăn truyền thống lâu đời của người Cao Bằng, một món ăn được hòa quyện bởi mùi thơm của nắng vùng cao, mùi thoảng thơm của núi rừng, vị thơm, ngọt của thịt. Tất cả những hương vị ấy được gửi trọn trong món lạp sườn Cao Bằng khiến ai đã một lần thưởng thức đều thật khó quên. Lạp sườn ở đây được chế biến vô cùng cầu kỳ, nguyên liệu chính là thịt vai và thịt thăn. Linh hồn của lạp sườn Cao Bằng là các loại gia vị tẩm ướp gồm: rượu trắng, mật ong, gừng và quả mác mật khô, một số nơi còn dùng cây khinh phja (gừng núi). Sau khi chế biến, lạp sườn được phơi khô dưới nắng trong 2 - 3 ngày trước khi treo trên bếp lửa.



Ảnh: Hồng Sơn.

Vịt quay 7 vị

Món vịt quay 7 vị công phu từ khâu chọn vịt, tẩm ướp gia vị cho đến chế biến. Vịt được chọn quay phải là loại vịt sáng lông, chắc thịt. Hương vị độc đáo của món ăn đến từ 7 loại gia vị ướp, trong đó có rất nhiều loại lá và rễ cây rừng. Khi ăn, bạn sẽ cảm nhận được lớp da giòn rụm, phần thịt thơm, mềm và ngọt.

Cá trâm hương

Cá trâm hương là loại cá thường ăn lá mọc và rễ của cây trâm hương nên mới có tên gọi như vậy. Sau khi làm sạch, người ta sẽ cho vào bụng cá các loại rau, thì là, ớt, hành, gia vị... bọc lá chuối rồi nướng trên bếp than. Thịt cá ngọt, ăn cùng với nước mắm nguyên chất làm cho món ăn thêm tròn vị.

Rau dạ hiến

Rau dạ hiến hay rau bò khai là loại rau mọc chủ yếu ở vùng núi đá, thường có ở Cao Bằng. Loại rau này thường mọc từ tháng 2 - 7 âm lịch; rau giòn, có vị ngọt, thơm và hấp dẫn đặc trưng. Rau thường được đem xào với thịt bò, trứng hoặc phở khô. Để không làm mất đi độ ngon và giòn, chỉ cần xào tái để giữ được màu xanh mơn mớn, giòn, ngọt và đậm đà hương vị. Ngoài ra, rau dạ hiến còn có tác dụng chữa một số bệnh như: viêm thận, viêm gan, viêm đường tiết niệu...



Ảnh: Trương Hoài Nam.

Hạt dẻ Trùng Khánh

Hạt dẻ Trùng Khánh cũng là món ngon làm nên tên tuổi của ẩm thực Cao Bằng. Với khí hậu và thổ nhưỡng trời ban, hạt dẻ

ở đây rất thơm và bùi, hạt to bằng ngón chân cái, có màu vàng sẫm. Ngoài rang và ăn trực tiếp, hạt dẻ Trùng Khánh còn được hầm chung với chân giò hoặc xay nhuyễn để làm nhân bánh.



Ảnh: Trương Hoài Nam.

Mận Bảo Lạc

Phần lớn các huyện ở Cao Bằng đều có mận nhưng ngon nhất vẫn là mận ở huyện Bảo Lạc. Mận Bảo Lạc khi chín có màu đỏ sẫm bắt mắt, vỏ nhẵn bóng, to bằng đầu ngón chân cái, khi ăn có vị ngọt đậm, mọng nước, hàm lượng vitamin rất cao. Mận máu Bảo Lạc được nhiều người “sành ăn” chờ đợi, sẵn lòng bỏ hương vị thơm ngon, giòn ngọt.

MỘT SỐ NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở CAO BẰNG

MAI THỊ NGUYỆT HÀ*

Cao Bằng không chỉ nổi tiếng là “gạo trắng, nước trong” mà còn là vùng đất của nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc, được lưu giữ qua nhiều thế hệ. Minh chứng rõ nhất là sự xuất hiện của nhiều nghề thủ công truyền thống.

Nghề rèn

Được mệnh danh là “xưởng rèn thủ công” lớn nhất miền Bắc, xã Phúc Sen (huyện Quảng Hòa) hiện có 6/10 xóm làm nghề rèn, với gần 200 lò rèn đang hoạt động, giải quyết việc làm cho hơn 300 lao động, mang lại thu nhập cao cho người dân.

Sản phẩm chủ yếu là các loại dao, kéo, búa, rìu, cuốc... có độ sắc, bền cao. Để có được một sản phẩm nông cụ hoàn chỉnh gồm rất nhiều công đoạn, nhưng có 4 công đoạn lớn: cắt thép, tôi thép, ram thép và mài thành phẩm. Trong đó, quá trình tôi thép và ram thép là 2 công đoạn chính, đòi hỏi sức khỏe, sự khéo léo, tỉ mỉ, kinh nghiệm, bí quyết riêng của những người thợ giỏi để tạo nên thương hiệu dao Phúc Sen nổi tiếng. Năm 2019, nghề rèn của người Nùng An, xã Phúc Sen được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 446/QĐ-BVHTTDL, ngày 29/01/2019.

* Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng.

Nghề làm hương

Trong đời sống tâm linh của người dân Cao Bằng, phong tục thắp hương thờ cúng tổ tiên vô cùng quan trọng. Chính từ nhu cầu đó, nghề làm hương đã được hình thành và duy trì trở thành nghề thủ công truyền thống. Hương Cao Bằng có mùi thơm dễ chịu, an toàn với sức khỏe người dùng vì được làm bằng các loại lá, vỏ cây, thân cây, nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên ở địa phương. Để làm ra sản phẩm phải trải qua nhiều công đoạn như: chẻ que, nghiền bột, tẩm bột tạo hình, nhuộm màu chân hương và phơi khô.

Nghề làm hương được biết đến nhiều nhất ở Cao Bằng là hai làng hương của người Nùng: Làng hương Phja Thấp, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa và làng hương thảo mộc Nà Kéo, xóm Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Khi đến thăm làng nghề, du khách sẽ cảm nhận được mùi thơm dịu nhẹ của thảo mộc và được trải nghiệm các hoạt động hấp dẫn như: xem quá trình sản xuất, tự tay làm những que hương hoàn chỉnh... để từ đó hiểu thêm về đời sống văn hóa của người dân nơi đây.

Nghề làm đường phen

Nghề làm đường phen nổi tiếng tại huyện Quảng Hòa. Cuộc sống của đồng bào Tày, Nùng nơi đây gắn liền với cây mía và nghề làm đường phen truyền thống. Để làm ra một miếng đường phen phải trải qua rất nhiều công đoạn. Ngay từ khi còn trồng ngoài đồng, mía đã được người dân chăm sóc cẩn thận để có được vị ngọt đậm đà. Đến khi thu hoạch, mía chặt về róc lá, ép lấy nước và lọc cặn. Người dân dùng chảo gang lớn để đun nước mía trong khoảng 4 - 5 tiếng. Sau đó, chảo mật được bắc xuống và đảo đều tay cho nguội rồi đổ ra khuôn. Khoảng 2 giờ sau cắt đường thành từng miếng và đóng gói cẩn thận.

Đường phen có chất lượng tốt phải rất đặc, thơm, có màu vàng đẹp. Loại đường nổi tiếng này được dùng làm các loại bánh

đặc sản của Cao Bằng như: bánh khảo, khẩu sli, bánh gai... và dùng làm gia vị trong nhiều món ăn.

Muốn thưởng thức đường phên và tận mắt xem các công đoạn làm ra sản phẩm, du khách có thể đến xóm Bó Tờ, thị trấn Hoà Thuận, huyện Quảng Hòa - nơi được coi là cái nôi của nghề làm đường phên truyền thống. Năm 2019, làng nghề đường phên Bó Tờ, thị trấn Hoà Thuận, huyện Quảng Hòa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng công nhận là làng nghề theo Quyết định số 1404/QĐ-UBND, ngày 28/8/2019.

Nghề dệt thổ cẩm

Thổ cẩm là sản phẩm dệt thủ công không thể thiếu trong đời sống của người Tày Cao Bằng. Sản phẩm thổ cẩm nổi tiếng với những hoa văn sắc sảo mang đậm bản sắc dân tộc được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Để tạo ra một tấm thổ cẩm phải trải qua các công đoạn như: quay sợi, mắc khung, dệt vải, tạo hoa văn. Nguyên liệu chính để dệt là sợi bông, sợi tơ tằm. Ngày nay, hầu hết bà con sử dụng sợi bông nhuộm chàm và tơ tằm nhuộm màu để dệt, vì vậy trồng bông, nuôi tằm, nhuộm sợi thủ công không còn phổ biến nữa.

Dệt thổ cẩm rất coi trọng yếu tố kỹ thuật, đòi hỏi người thợ phải có đôi bàn tay khéo léo và tính kiên nhẫn. Đặc biệt, hoa văn trên thổ cẩm được dệt ở mặt trái để hiện lên ở mặt phải của tấm vải. Trên tấm thổ cẩm thường có 5 màu chủ đạo: xanh, đỏ, vàng, tím, trắng. Hoa văn đưa vào thổ cẩm rất phong phú và đa dạng, chủ yếu là hình ảnh của những loài hoa, các con vật quen thuộc với đời sống thường ngày. Sản phẩm thổ cẩm chủ yếu là: mặt chăn, màn che, mặt đệm, vỏ gối, túi đeo... Ngày nay, cùng với quá trình hội nhập và phát triển, người Tày luôn cải tiến, sáng tạo, dệt ra những đường nét, hoa văn đặc sắc tạo ra sản phẩm chất lượng cao và thu hút nhiều du khách đến trải nghiệm, nâng cao thu nhập cho người dân.

Năm 2023, nghề dệt thổ cẩm của người Tày xóm Luống Nội, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1402/QĐ-BVHTTDL, ngày 01/6/2023.

Nghề in hoa văn bằng sáp ong

Người Dao Tiền Cao Bằng từ bao đời nay đã có nghề in hoa văn sáp ong truyền thống, công việc này chủ yếu do người phụ nữ đảm nhận. Người Dao Tiền có phương pháp in hoa văn bằng



Nghề in hoa văn sáp ong
của người Dao Tiền

Ảnh: Triệu Văn Lịch.

sáp ong hết sức độc đáo. Trên những tấm vải trắng được dệt từ sợi đay, sợi bông, họ dùng miếng đá phẳng mài nhẵn, chia thành nhiều ô, cột bằng nhau. Sáp ong được đun đến khi tan chảy rồi lọc bỏ tạp chất. Sau đó, họ dùng các dụng cụ làm từ cây tre vót mỏng chấm vào sáp ong rồi in lên mặt

vải để tạo hình khối như ý muốn. Sau khi hoa văn được hong khô rồi đem đi nhuộm chàm đến khi được màu như ý thì nhúng vào nước sôi, lúc này sáp ong bị nóng sẽ tan ra và hiện lên những hoa văn đã in có màu trắng nổi bật giữa nền chàm tạo nên hoa văn độc đáo.

Nghề đan lát

Ở Cao Bằng, đan lát là nghề thủ công nổi tiếng từ rất lâu đời được lưu giữ trong đời sống sinh hoạt của người dân. Những sản phẩm đan lát được sử dụng rộng rãi trong cuộc sống đã giúp cho

nghề không bị mai một. Các sản phẩm đan lát chủ yếu phục vụ trong sinh hoạt, lao động sản xuất như: dậu, thúng, nôi trẻ em, rổ, rá, nong, nia, chiếu, giỏ...

Với nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương cùng sự sáng tạo, khéo léo, người dân đã tạo ra những sản phẩm đan lát đa dạng.

Tre là nguyên liệu được sử dụng phổ biến, sau khi chặt về tre được cắt khúc và chẻ nan. Tùy theo từng sản phẩm mà nan được chẻ theo kích thước khác nhau và từng nan tre sẽ được đan theo kỹ thuật riêng của người làm, do vậy những sản phẩm đan lát của người dân luôn bảo đảm tính thẩm mỹ và bền, chắc.

Nghề làm giấy bản

Nổi tiếng giữa núi rừng Đông Bắc, xóm Dìa Trên, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa từ lâu đã lưu giữ nghề làm giấy bản truyền thống độc đáo. Giấy bản được dùng chủ yếu cho đời sống tâm linh, phục vụ cúng lễ, nhất là dịp Tết hằng năm. Ngày nay, từ giấy bản người dân cũng phát triển thêm những sản phẩm thủ công như: quạt giấy, hoa giấy, sổ tay, túi đựng quà tặng.

Nguyên liệu chính để làm giấy bản là cây giấy dó (tiếng Nùng gọi là cây mạy sla). Vỏ cây sau khi lấy về sẽ phải tước vỏ đen một lần nữa, đây cũng là công đoạn mất nhiều công và thời gian nhất, đòi hỏi sự tỉ mỉ, cần mẫn, bởi tước được phần vỏ đen càng sạch thì giấy làm ra sẽ càng trắng. Phần vỏ tước xong được đem ngâm nước vôi từ 2 đến 3 ngày, luộc, rồi ngâm lại vào nước lã



Nghề làm nón lá “chúp xà” của người Nùng tại xã Tự Do, huyện Quảng Hòa

Ảnh: Hoàng Khuyển.

trong 2 ngày và đập thật nát xuống bể mức. Khi khuấy đều, sẽ có một loại nước màu vàng nhạt, đặc sánh. Cuối cùng, đem khuôn xuống lẮc đều và nhấc lên dứt khoát để nước trải đều trên khuôn. Giấy ép xong được rải lên 2 mặt lò đun lửa nhỏ trong khoảng 1 tiếng để giấy khô.

Hơn cả những tờ giấy thông thường, giấy bản Dĩa Trẽn mang giá trị văn hóa và tinh thần to lớn. Từng đường nét, thớ giấy đều ẩn chứa sự tỉ mỉ, kiên nhẫn của người nghệ nhân, gìn giữ bí quyết truyền đời qua bao thế hệ. Nhiều hộ gia đình nhờ làm nghề giấy bản đã mua sắm được trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất phục vụ đời sống, xóa được nghèo.

Nghề chế tác đàn tính

Đàn tính (còn gọi là tính tẩu) là nhạc cụ độc đáo của đồng bào dân tộc Tày, Nùng ở Cao Bằng, gắn liền với đời sống văn hóa dân gian, âm nhạc dân tộc của đồng bào. Đàn tính gồm 3 bộ phận chính là bầu đàn, nắp đàn và cần đàn. Để có bầu đàn tốt, phải lựa chọn quả bầu già, tròn, bỏ ruột, ngâm nước, rửa sạch, phơi khô, sau đó ngâm vôi khoảng 2 - 3 ngày để không bị mốc. Tiếp theo là làm nắp đàn. Nắp đàn là một tấm gỗ nhẹ, dày khoảng 3 mm. Trong tất cả các công đoạn làm đàn tính, việc làm cần đàn đòi hỏi phải tỉ mỉ và cẩn thận. Cần được làm bằng các loại gỗ dẻo được dẻo công phu, đánh giáp cho bóng. Cần đàn có chiều dài trung bình từ 80 cm đến 1 m, tùy theo sở tay của người chơi. Cần đàn sau khi hoàn thành được gắn vào bầu đàn, đánh bóng và phơi khô. Cuối cùng là công đoạn lắp dây đàn. Đàn tính truyền thống thường có 3 dây, dây đàn thường được làm từ dây dù hoặc dây cước. Người thợ làm đàn ngoài đôi bàn tay khéo léo, còn cần phải biết hát các điệu then, những quãng âm, nhạc lý cơ bản để kiểm tra chất lượng âm thanh của đàn.

Từ khi Thực hành then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam (trong đó có nghi lễ then của người Tày Cao Bằng) được UNESCO

công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, cây đàn tính được sử dụng trong then biểu diễn, then văn nghệ nhiều hơn. Những người làm đàn tính không chỉ là nghệ nhân mà còn là người góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc.

Nghề làm ngói

Từ xa xưa ở Cao Bằng, người Nùng An tại xóm Lũng Rì, xã Tự Do, huyện Quảng Hòa đã rất giỏi nghề làm ngói âm dương. Ngói được làm thủ công hoàn toàn từ chọn đất, ủ đất, nhào đất, lọc sạn, tạo hình đến phơi, nung... giúp tạo ra sản phẩm đặc trưng, bền chắc theo thời gian. Ngói có ưu điểm mát vào mùa hè, ấm về mùa đông. Nguyên liệu chính để làm ngói là đất, nhưng phải từ 3 loại đất khác nhau. Sau khi đập mềm, đất được trộn nước rồi dùng sức trâu làm nhuyễn rồi ủ 5 - 6 ngày để sàng lọc những tạp chất. Lớp đất sau khi sạch tạp chất sẽ được xẻ để mang vào khuôn. Khuôn làm ngói có hình tròn, đường kính khoảng 25 cm, trên thân khuôn có 4 đường gờ chia đều nhau, mỗi khuôn sẽ cho ra 4 viên ngói. Tiếp đó, các khuôn ngói được phơi trên nền đất và cho vào lò nung. Ngói nung trong lò lửa đỏ bảy ngày đêm và luôn phải giữ nhiệt độ ở mức ổn định. Mỗi lò trung bình có thể nung được 15 - 18 nghìn viên. Nghề làm ngói nơi đây không chỉ giúp nhiều hộ dân thoát nghèo, ổn định kinh tế gia đình mà còn góp phần bảo tồn nghề truyền thống của địa phương.

Nghề làm miến dong

Cách trung tâm thành phố Cao Bằng tầm 45 km, huyện Nguyên Bình được nhiều người biết tới vì có nghề làm miến dong nổi tiếng và truyền thống lâu đời. Miến dong Phja Đén Nguyên Bình được đánh giá cao bởi chất lượng và giá trị của sản phẩm còn giữ được hương vị bản sắc truyền thống.



Các công đoạn làm miến dong

Ảnh: Hoàng Khuyển.

Nghề làm miến ở đây đòi hỏi từng công đoạn sản xuất phải thật cầu kỳ, tỉ mỉ, cẩn trọng ngay từ khâu chọn nguyên liệu. Loại dong để làm miến phải là loại củ to, đều và già, được cắt rế, rửa sạch rồi cho vào nghiền nát, lọc bỏ bã để lấy tinh bột. Sau đó, bột được lọc nhiều lần để loại bỏ sạn cát và tạp chất và lọc cho đến khi đạt độ trắng, dẻo cần thiết. Tất cả đều được làm với kỹ thuật chế biến cổ truyền, không có chất bảo quản, chất làm trắng.

Từ bột dong riêng, những sợi miến thành phẩm được làm ra bằng cách hòa bột dong với nước lạnh, rồi từ từ thêm nước đun sôi và quấy liên tục, đều tay để bột không bị vón cục. Bột dong chín tiếp tục được đưa vào máy ép để ép thành sợi miến dai ngon, thơm mềm. Ngoài yếu tố nguyên liệu và kỹ thuật chế biến, chất lượng và độ đẹp của miến còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết khi

phơi dưới ánh nắng và gió. Sợi miến Phja Đén có màu hơi đen hoặc trắng ngà, đây là màu sắc tự nhiên của bột khi làm chín mà không qua bất cứ công đoạn tẩy trắng hay sử dụng phẩm màu nào.

Với chất lượng, màu sắc, hương thơm đặc trưng, miến dong Nguyên Bình ngày càng trở thành một sản phẩm hàng hóa được đông đảo thực khách trong và ngoài tỉnh ưa chuộng. Nghề làm miến truyền thống không chỉ góp phần nâng cao thu nhập cho các hộ sản xuất mà còn mang đến hương vị ấm áp cho mỗi người, mỗi nhà trong dịp Tết đến, xuân về.

Nghề chạm bạc

Từ lâu đời, đồng bào Dao Đỏ ở huyện Nguyên Bình đã có nghề chạm bạc truyền thống. Ngoài chức năng làm đẹp, trang sức bạc của người Dao cũng được đánh giá như là sự thể hiện đẳng cấp, khả năng kinh tế của mỗi gia đình; bạc còn giúp họ tránh được bệnh tật như bệnh cảm, cúm... Với người Dao, trang sức bạc là vật không thể thiếu trong đời sống của họ.

Để có sản phẩm trang sức bạc ưng ý đòi hỏi cả một quy trình chế tác công phu của người thợ thủ công từ khâu chọn nguyên liệu. Bạc nguyên liệu phải là bạc trắng, bạc thỏi, có độ tuổi, độ dẻo, độ bóng cao. Nhiên liệu cho đun bạc phải là loại than củi lấy từ những cây gỗ tốt như gỗ nghiến, các loại gỗ cây núi đá đun đượm. Dụng cụ chế tác gồm: bễ thổi, kéo sắt, kim vặn, búa đập, bàn kéo sợi, đe sắt, nồi đun. Khi chọn nguyên, nhiên liệu xong, người thợ bắt đầu nhóm lò, thổi bễ, cho gió vào lò, chỉnh nhiệt độ. Bạc nguyên liệu cho vào nồi đun nóng chảy, sau đó đổ ra máng sắt cho nguội rồi bắt đầu công đoạn chạm sản phẩm. Với người làm nghề chạm bạc thì cần phải có đôi tay khéo léo, sự nhanh nhạy của đôi mắt, sự kiên trì, nhẫn nại của ý chí và sự cảm nhận bằng tâm hồn, óc thẩm mỹ để làm nên những sản phẩm đẹp mắt và tinh xảo.

Trải qua thời gian, đến nay nghề chạm bạc vẫn tồn tại và có một vị trí nhất định trong đời sống của đồng bào Dao Đỏ ở Cao Bằng.

Nghề chạm bạc không những tạo ra sản phẩm vật chất mà còn tạo nên sắc thái văn hóa riêng biệt của người Dao Đỏ trong nhịp sống hiện đại ngày nay.

Đến nay nghề thủ công truyền thống ở Cao Bằng vẫn được người dân giữ gìn và phát triển. Việc bảo tồn nghề truyền thống không chỉ đem lại thu nhập cho người dân mà còn có ý nghĩa quan trọng trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, là điểm nhấn hấp dẫn cho du lịch Cao Bằng.

PHÚC SEN ĐỎ LỬA NHỊP BÚA RÈN DAO

HOÀNG THỊ HỒNG XIÊM*

Mỗi nhịp búa quai dao bên lò rèn đỏ lửa rộn rã vang là sự hun đúc trí tuệ lao động sáng tạo và sự cần cù, chịu khó của bà con Nùng An, xã Phúc Sen (huyện Quảng Hòa). Nhịp sống làng nghề trăm năm đã làm nên thương hiệu dao Phúc Sen sáng ánh thép, chặt sắc lẹm... cuốn hút những ai đến đây đều muốn mua dao và trải nghiệm nghề rèn.



Người Nùng An, xã Phúc Sen (huyện Quảng Hòa) công phu, tỉ mỉ trong từng công đoạn rèn dao để làm ra sản phẩm dao sắc chất lượng cao

Ảnh: Nông Thế Vinh.

Bản làng người Nùng An, xã Phúc Sen là những nếp nhà sàn tựa lưng vào núi đá, bên đường quốc lộ 3, cách thành phố Cao Bằng 30 km. Nghề rèn được truyền từ đời này qua đời khác theo phương thức cha truyền con nối và thường truyền nghề cho con trai với những bí quyết riêng của từng gia đình. Bà con không

* Báo Cao Bằng.

biết rõ nghề rèn trong bản có từ bao giờ. Ngay từ khi còn nhỏ, những người con Nùng An đã được các bà, các mẹ bế trên tay ra xem cha ông rèn dao, rèn sắt. Lớn lên thì được truyền dạy kỹ lưỡng từng chi tiết, từng thao tác.

Ông Ngọc Văn Kim, người có tay nghề cao về rèn dao và nông cụ trong xóm Pác Ràng, chia sẻ: Để rèn dao, liềm, lưỡi cày, cuốc sắc bén, người thợ phải trải qua nhiều năm học nghề (khoảng 5 - 10 năm) nhằm nắm bắt kỹ thuật tỉ mỉ, có kinh nghiệm trong các quy trình rèn dao và các nông cụ khác. Khâu quan trọng đầu tiên người làm nghề rèn lành nghề phải xây được lò rèn giữ được nhiệt tốt. Nguyên liệu đá ong xanh rất cứng, chịu nhiệt cao, sau đó dùng rơm hoặc trấu trộn vào làm vữa rồi xếp khéo léo chất đá ong thành khuôn lò rèn vừa chịu nhiệt tốt, vừa làm điểm đe búa thuận lợi. Nhiên liệu đốt lò rèn phải là than củi từ những loại gỗ cứng để than giữ nhiệt lâu nhưng không bị quá nóng như dùng than đá nung nhiệt độ cao sẽ làm giòn chất thép, nước thép tôi bị giòn thì lưỡi dao khi dùng sẽ bị mẻ, vỡ.

Có lò rèn tốt, khâu quan trọng nữa là chọn được thép tốt từ những miếng nhíp của ô tô đã hỏng. Thường bà con nhập thép nguyên liệu từ bãi xe có loại chất thép 60 chứa nhiều cacbon để khi tôi thép không giòn, lưỡi thép dao sắc không bị mẻ gãy, dùng bền.

Sau khi chuẩn bị được lò rèn giữ nhiệt tốt, thép tốt, khâu quan trọng quyết định làm ra sản phẩm rèn chất lượng là kỹ xảo, kinh nghiệm, bí quyết rèn tôi thép sắc bén. Để có nước tôi thép tốt, người thợ dùng tro gỗ lim ngâm với nước vôi để qua đêm đến hôm sau chắt lấy phần nước nổi trên bề mặt để làm nước tôi phôi dao. Phải có nước tôi dao chuẩn, trong thì khi tôi mới biết chính xác độ sắc.

Chuẩn bị xong các điều kiện cho rèn nông cụ, khi bắt tay vào rèn, người thợ phải đạt đến độ “thần nhãn” tinh thông mới có thể cảm nhận mỗi lần đôi tay quai búa nước thép đổ rục đang ở mức

nào để điều chỉnh thép dần mỏng, đều, đúng độ nóng mới tôi nước thép. Đặc biệt, thời điểm tôi nước thép phải đúng nhiệt độ mới cho nước tôi thép vào để đạt được lưỡi thép sắc bén nhất, thân dao cứng đạt sức chịu lực tốt mà không bị giòn, gãy. Khi tôi thép, người thợ đưa lưỡi dao lướt nhanh qua mặt nước tôi, ngập chừng 1 - 2 cm. Nước tôi phải tốt lưỡi dao mới lâu cùn. Sau khi tôi nước thép dao xong, phải ngay lập tức đưa trở lại lò. Đây là công đoạn quan trọng nhất mà chỉ người thợ rèn có kỹ thuật cao, lành nghề mới làm được. Lưỡi dao khi tôi phải vừa độ phôi thép không già, không non, dần đều vừa đủ độ đem đi tôi thì lưỡi dao mới bén.

Sau khi hoàn thành nước tôi, dao đem đi mài phải bóng, phần lưỡi qua nước tôi có ánh xanh và vàng nổi trên nền bóng của lưỡi dao mới đạt yêu cầu về độ sắc và bền. Bí quyết rèn dao của người Nùng An khi nào rèn được lưỡi dao sắc ưng ý mới mài thô sạch xỉ, rồi chỉnh phần còn cong ở thân, sau đó đem dao mài bằng tay, lúc này, người thợ sẽ để ngón tay vào lưỡi dao để cảm nhận độ bám của lưỡi dao mới hoàn thành một con dao. Tùy thuộc từng loại dao dài ngắn, dao chặt hay thái... mà cách rèn, cách tôi khác nhau. Nhưng để rèn được một con dao, liềm, búa, lưỡi cày... người thợ phải kiên trì, tỉ mỉ từng thao tác, qua nhiều công đoạn kỹ thuật cùng với kinh nghiệm mới có sản phẩm chất lượng. Trước đây, khoa học kỹ thuật chưa phát triển, mọi công đoạn rèn làm bằng tay nên một người thợ rèn khỏe mạnh mỗi ngày chỉ rèn được 1 - 2 con dao. Đến nay, nghề rèn tuy có máy móc hỗ trợ nhưng thợ rèn Nùng An vẫn tỉ mỉ làm công phu nên nghề rèn dao Phúc Sen luôn được nâng tầm lên, dù người thợ nào rèn cũng đạt độ sắc bén và chỉ rèn được 3 - 4 con dao/ngày. Dao của thợ Phúc Sen làm xong nước thép tốt, khi chặt, thái đều sắc bén và bền, đạt tiêu chuẩn thương hiệu OCOP 3 sao và trở nên nổi tiếng, được người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh tin dùng.

Hiện nay, xã Phúc Sen có 6/10 xóm làm nghề rèn: Pác Ràng, Phja Chang trên, Phja Chang dưới, Đâu Cọ, Lũng Vài, Tỉnh Đông...

với gần 200 lò rèn/trên 220 hộ/550 thợ rèn có tay nghề cao. Hằng năm cả xã sản xuất 40.000 - 50.000 sản phẩm rèn bán ra thị trường cả nước. Tổng các nguồn thu xã Phúc Sen đạt trên 32 tỷ đồng, trong đó doanh thu sản phẩm rèn chiếm hơn 10 tỷ đồng, nhiều hộ vươn lên thoát nghèo và trở thành hộ khá giả. Từ năm 2011 đến nay, sản phẩm rèn của Phúc Sen được Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chọn tham gia nhiều hội chợ, triển lãm, phiên chợ hàng Việt Nam tại các tỉnh, thành phố trong cả nước. Sản phẩm “Dao Phúc Sen” đạt tiêu chuẩn OCOP, nhiều xưởng rèn không ngừng phát huy, cải tiến nên chất lượng sản phẩm luôn nâng cao, phong phú về chủng loại. Các xưởng rèn giới thiệu, bán sản phẩm trên các nền tảng mạng xã hội Facebook, Zalo, bán hàng trên chợ online... thu hút được nhiều khách hàng.

Nghề rèn - niềm tự hào của đồng bào Nùng An, xã Phúc Sen đã góp phần tích cực giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn xã Phúc Sen. Người dân nơi đây quan niệm, theo nghề rèn vừa góp phần nâng cao đời sống kinh tế, là nguồn thu nhập chính, cũng vừa là để giữ nét văn hóa riêng của địa phương vốn đã được truyền lại từ ngàn đời nay. Các sản phẩm đáp ứng một phần nhu cầu của nhân dân trong huyện, trong tỉnh và các vùng lân cận. Cũng chính vì có nghề rèn độc đáo này mà hằng năm, lượng khách du lịch đến với xã Phúc Sen tương đối lớn, mang lại thu nhập đáng kể cho người dân.

Với giá trị tiêu biểu và ý nghĩa lịch sử, văn hóa quan trọng trong đời sống người Nùng An. Nghề rèn của người Nùng An, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 446/QĐ-BVHTTDL, ngày 29/01/2019.

LƯU GIỮ TINH HOA NGHỀ DỆT THỔ CẨM LUỐNG NỘI

NÔNG THỊ LOAN*

Làng nghề dệt thổ cẩm Luống Nội, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng là điểm di sản văn hóa nằm trên tuyến phía Bắc “Hành trình về nguồn cội” của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Đây là điểm dừng chân hấp dẫn để du khách hiểu thêm về văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng và phong tục tập quán của người dân nơi đây.

Nghề dệt thổ cẩm của người Tày, xóm Luống Nội là nghề thủ công truyền thống có từ lâu đời, hình thành và phát triển tự nhiên trong quá trình lao động, xuất phát từ tập quán tự cung tự cấp. Từ bàn tay khéo léo, óc sáng tạo của người phụ nữ dệt nên những tấm vải thổ cẩm với nhiều họa tiết, hoa văn rực rỡ sắc màu, mang hồn cốt văn hóa truyền thống dân tộc.

Hoa văn, họa tiết trên những tấm thổ cẩm của người Tày Cao Bằng rất độc đáo, nó là những hình ảnh cách điệu từ các loại hoa thân thuộc trong đời sống hay cách điệu hình các con vật. Bố cục của một tấm thổ cẩm khá đơn giản gồm hai loại hoa văn cơ bản, đó là hoa văn nền và hoa văn nổi. Hoa văn nền gồm đường viền khung, đường viền xen giữa các ô hoa văn có màu sắc. Màu sắc hoa văn rực rỡ là sự phối hợp giữa các màu nguyên sắc và đa sắc. Mỗi tấm thổ cẩm là một họa tiết hoa văn khác nhau, phụ thuộc

* Báo Cao Bằng.

vào sự sáng tạo của người dệt, không theo nguyên tắc hay quy tắc nào.

Có thể nói, trên từng tấm thổ cẩm, với tình yêu bản làng, dân tộc, tình yêu lao động và sự đam mê bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, những thiếu nữ Tày, xóm Luống Nội đã thổi hồn vào từng tấm thổ cẩm màu xanh của núi rừng, màu vàng của cánh đồng thơm mùi lúa chín và màu nâu của mảnh đất quê hương. Màu sắc và hoa văn thể hiện trên tấm thổ cẩm là tinh hoa, là biểu tượng đặc trưng của mỗi dân tộc, mỗi địa phương, vì vậy thổ cẩm của mỗi vùng đều có sự khác biệt, không hòa lẫn vào nhau, kể cả của các làng, bản người Tày với nhau cũng có sự khác biệt.

Thổ cẩm của người Tày Cao Bằng được dệt theo phương pháp thủ công truyền thống, với kỹ thuật dệt mặt trái, đòi hỏi sự khéo léo, tính toán rất cẩn thận. Một tấm thổ cẩm hoàn chỉnh với nhiều họa tiết, hoa văn được bố trí xen kẽ nhau. Đó chính là nét cá tính, cái riêng, cái độc đáo mà bản thân những nghệ nhân tạo ra trong tác phẩm của mình, làm cho tấm thổ cẩm không nhòa lẫn trong các hoa văn thổ cẩm của dân tộc khác. Qua đó, chúng ta có thể biết được sự khéo léo, tinh tế của người con gái; là nét tinh hoa văn hóa, làm nổi bật thế giới quan, nhân sinh quan và tư duy thẩm mỹ của dân tộc Tày. Có thể nói, nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Tày, xóm Luống Nội là nét văn hóa độc đáo và đặc sắc, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân nơi đây.

Nguyên liệu chính để dệt thổ cẩm là sợi bông nhuộm chàm và tơ tằm nhuộm màu. Trên tấm thổ cẩm của người Tày thường có 6 màu chủ đạo (xanh, đỏ, vàng, tím, đen, trắng), từ đó người dệt pha chế thành các gam màu đậm, nhạt hay tương phản phù hợp theo ý tưởng sáng tạo cho từng sản phẩm chứ không bị gò bó trong một quy thức nhất định. Thông qua các họa tiết trang trí, hoa văn trên thổ cẩm, người Tày nơi đây còn gửi gắm tâm tư,

tình cảm và những khát vọng sống của bản thân; thể hiện tình yêu thương giữa con người với con người và mối liên hệ giữa con người với thế giới tự nhiên. Đây là nét riêng tạo nên thổ cẩm của người Tày, xóm Luống Nọi, đặc sắc và tinh tế không thể trộn lẫn với thổ cẩm của người Tày ở những địa phương khác.

Những năm 80 của thế kỷ XX, cả xóm Luống Nọi đều làm nghề dệt, nhà nào cũng có 1 - 2 bộ khung dệt. Phụ nữ Tày nơi đây đều tự tay dệt nên những bộ quần áo có họa tiết độc đáo, làm mặt địu, vỏ chăn, vỏ gối sử dụng trong gia đình, làm cửa hồi môn hoặc đem trao đổi tại các chợ phiên. Đến nay, trên địa bàn xóm Luống Nọi còn khoảng 30 hộ duy trì nghề dệt thổ cẩm truyền thống, hầu hết người biết dệt thổ cẩm đều trên 50 tuổi.

Lớn lên như bao thiếu nữ dân tộc Tày ở Luống Nọi, bà Nông Thị Thược được bà và mẹ truyền lại nghề dệt thổ cẩm. Gắn bó bên khung cửi từ năm 13 tuổi, hiện nay gia đình bà còn 3 bộ khung dệt đã trao truyền qua 4 thế hệ. Qua bàn tay khéo léo của bà Nông Thị Thược, những tấm thổ cẩm được dệt tinh xảo, thể hiện những nét tinh tế, sự hài hòa của một tâm hồn nghệ thuật. Bà là người dệt thổ cẩm dân tộc Tày đầu tiên ở Cao Bằng được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân làng nghề truyền thống. Năm



Nghệ nhân Nông Thị Thược trao truyền nghề dệt thổ cẩm cho thế hệ trẻ

Ảnh: Kim Xuân.

2016, gia đình bà Nông Thị Thược được Hiệp hội Làng nghề Việt Nam phong tặng “Bảng vàng gia tộc nghề truyền thống Việt Nam”; đồng thời, được công nhận là thành viên đối tác của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Với đam mê gìn giữ nét đẹp truyền

thống, nghệ nhân Nông Thị Thuộc đã và đang nỗ lực truyền niềm cảm hứng trong nghề dệt thổ cẩm của người Tày cho thế hệ trẻ.

Năm 2023, Nghề thủ công truyền thống dệt thổ cẩm của người Tày xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1402/QĐ-BVHTTDL, ngày 01/6/2023.

Ngày nay, với sự phát triển kinh tế thị trường, nghề trồng bông dệt vải của đồng bào người Tày bị mai một, người dân chủ yếu mua vải dệt công nghiệp về dùng. Tuy vậy, bằng sự nỗ lực của các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh và người dân địa phương trong công tác bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc đã gìn giữ và phát huy giá trị nghề dệt thổ cẩm truyền thống ở Luống Nọi. Ngành văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh đã tham mưu và triển khai nhiều giải pháp gắn nghề dệt thổ cẩm với phát triển du lịch bền vững tạo nên điểm di sản độc đáo thu hút khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm.

Nghề dệt thổ cẩm của người Tày là di sản văn hóa truyền thống độc đáo mang đặc trưng riêng dễ nhận biết, do đó thổ cẩm cũng như nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Tày ở Luống Nọi đã và đang góp phần to lớn vào việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc Tày Cao Bằng. Những người phụ nữ ở làng nghề dệt thổ cẩm Luống Nọi vẫn đang ngày đêm miệt mài truyền dạy và dệt nên những tấm thổ cẩm truyền thống - biểu tượng văn hóa cổ truyền đặc sắc của người Tày; cải tiến, sáng tạo ra nhiều kiểu hoa văn phù hợp hơn với nhu cầu và thị hiếu của thị trường. Đó là những hoạt động mang ý nghĩa quan trọng trong công tác bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống; chiến lược phát triển du lịch bền vững; đồng thời giúp giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân địa phương.

NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ HOA VĂN TRÊN TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI DAO ĐỎ XÃ VŨ MINH, HUYỆN NGUYÊN BÌNH

ĐỖ HỒNG CHUYÊN*

Với hai gam màu đen và đỏ, chuỗi bông đỏ được gắn trên áo cùng nhiều chi tiết thể hiện sự khéo léo và tài năng thêu thùa, trang phục phụ nữ Dao Đỏ luôn gây ấn tượng, thu hút sự chú ý của mọi người. Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Dao Đỏ, xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình gắn liền với sự hình thành và phát triển của dân tộc Dao, là kết quả của sự lao động cần cù, sáng tạo trong môi trường tự nhiên và không gian xã hội cụ thể.

Về lịch sử của người Dao, đến nay, trong cộng đồng dân tộc Dao vẫn còn lưu truyền câu chuyện Bàn Hồ - câu chuyện giải thích về nguồn gốc của người Dao. Người Dao tự nhận mình là con cháu Bàn Hồ (Bàn Vương), một nhân vật huyền thoại rất phổ biến và thiêng liêng của người Dao. Lý do di cư của người Dao vào Việt Nam được ghi chép trong cuốn *Quá sơn bản kỷ văn (Bình Hoàng khoán diệp)*. Theo đó, Bàn Hồ là con long khuyến mình dài ba thước, lông đen, vằn vàng, từ trên trời giáng xuống trần, được Bình Vương yêu quý, nuôi trong cung vua. Sau đó, Bàn Hồ lập công lớn, được Bình Vương gả công chúa, tặng cho nhiều vải đẹp và ban cho vùng đất rộng lớn ở núi Cối Kê (Chiết Giang, Trung Quốc) để làm ăn, sinh sống. Bình Vương căn dặn là số vải này sau khi sinh con cháu thì cắt khâu quần áo phải trang trí nhiều màu sắc

* Báo Cao Bằng.

để con cháu nhớ đến Bàn Hồ tướng quân đã biến mình thành Long khuyến mình rồng ngũ sắc. Cũng chính vì vậy, những sắc thái độc đáo trên trang phục truyền thống của người Dao Đỏ được bảo lưu lâu bền do gắn với ý niệm về thủy tổ xa xưa của dân tộc. Trang phục của người Dao Đỏ có màu sắc hoa văn sắc sảo với 5 màu cơ bản: đỏ, trắng, vàng, xanh, đen và được thêu trang trí các họa tiết hoa văn hình con chó, hình răng chó đều có nguồn gốc sâu xa từ ý niệm khởi nguyên sơ khai ấy. Điều này đã tạo nên sắc thái riêng biệt trong văn hóa trang phục của người Dao Đỏ.

Một trong những yếu tố tạo nên nét độc đáo và riêng biệt của người Dao Đỏ là trang phục truyền thống và nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục. Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục quyết định giá trị của bộ trang phục, là yếu tố không thể thiếu trong văn hóa trang phục cũng như văn hóa tộc người, trở thành phương tiện để biểu hiện nội tâm, biểu hiện thế giới quan, nhân sinh quan của người sáng tạo, sử dụng trang phục, kể cả ở góc độ cá nhân hay của cả cộng đồng.

Các màu sắc trên trang phục cũng mang ý nghĩa riêng, trong đó: màu đỏ giữ vị trí chủ đạo và chiếm diện tích lớn nhất trên trang phục, mang ý nghĩa đem lại hạnh phúc, ấm no, sự tươi vui, may mắn cho con người. Màu trắng được phối khéo léo với màu đỏ trong các mô típ họa tiết hình tam giác ngược xuôi hay chặn ngang, chặn dọc hoặc chen ngang, chen dọc. Sự phối hợp này đã làm cho màu trắng ở bất cứ vị trí nào cũng đảm nhận vai trò giúp cho các màu khác sáng rực rỡ hơn. Màu vàng tượng trưng cho “phúc”. Màu xanh biểu hiện cho “lộc”. Màu chàm là màu làm nền, giữ vai trò quyết định sự thành công trong nghệ thuật trang trí trang phục truyền thống của người Dao Đỏ. Màu chàm giúp năm màu sắc chủ đạo không bị chói lóa mà trở nên tươi tắn, lung linh và sinh động.

Để các họa tiết hoa văn trang trí trên trang phục thêm đa dạng, phong phú, nhưng vẫn giữ được nét mềm mại, người phụ nữ

Dao Đỏ phải kết hợp nhiều kỹ thuật thêu khác nhau như: thêu luôn sợi là kỹ thuật thêu luôn chỉ theo mắt sợi, thêu ở mặt trái nhưng các họa tiết hoa văn vẫn lại nổi lên trên mặt phải; thêu thắt nút là kỹ thuật thêu từng mũi một, mỗi mũi thêu là một lần thắt chỉ, cách thêu này được sử dụng để tạo các đường chỉ nổi lên trên nền vải theo chiều ngang dọc, phân cách giữa các mảng hoa văn; thêu đột là cách thêu chèn hay đè lên một phần họa tiết đã thêu để điểm xuyết hay bổ sung thêm. Các mũi thêu đột thường giấu phần lớn mũi chỉ vào nền thêu, tạo các chi tiết ẩn hiện, nhấn mạnh một số chi tiết và tăng thêm độ sáng tối, gần xa.

Người Dao Đỏ không cần khung mà cầm mảnh vải trên tay để thêu, do vậy người thêu có thể tranh thủ thêu được mọi lúc, mọi nơi, lúc nghỉ giải lao trên nương rẫy, lúc rảnh rỗi khi ở nhà. Khi thêu hoa văn, phụ nữ Dao Đỏ không thêu trên mẫu sẵn mà dựa



Phụ nữ Dao Đỏ tranh thủ
thời gian rảnh rỗi để thêu thùa

Ảnh: Ngô Hạnh Nguyên.

vào trí tưởng tượng để sáng tạo và dựa vào trí nhớ qua quá trình được trao truyền kinh nghiệm từ các bà, các mẹ, các chị từ khi lên 9, 10 tuổi.

Các họa văn trang trí trên trang phục rất phong phú, thường là những hình ảnh quen thuộc, gắn bó trong cuộc sống sinh hoạt hằng

ngày như: họa tiết cỏ cây, hoa lá - biểu hiện mối giao hòa giữa con người và thiên nhiên (hình cây thông, hoa cây bông, hoa bạc, hoa bầu bí...); họa tiết con vật - biểu tượng cho khát vọng tự do (dấu chân hổ, chó, chim); họa tiết hình con người mang tính khái quát cao thể hiện cuộc sống nội tâm và đời sống tâm linh của cộng đồng; họa tiết mặt trời là biểu tượng của thần linh, luôn mang đến cho

con người những điều may mắn, thường xuất hiện trên mũ của thầy cúng và trên đuôi thêu của phụ nữ; họa tiết hoa văn hình học - thể hiện tư duy mạch lạc, dứt khoát, rõ ràng (hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác); họa tiết sóng nước xuất hiện khá dày đặc là các đường thẳng nhiều màu kéo dài và liên tục kế tiếp, thường xuất hiện ở gấu quần, gấu áo, các đường bao quanh, làm viền bo cho tổng thể trang trí. Kỹ thuật thêu hoa văn và phối màu tinh tế, trau chuốt đến từng chi tiết, màu sắc trên trang phục truyền thống của người Dao Đỏ đều phụ thuộc vào bàn tay khéo léo, tài hoa, điều luyện và óc thẩm mỹ, tinh tế của người thêu.

Đặc biệt, người Dao Đỏ rất ưa chuộng đồ trang sức bằng bạc. Đồng bào cho rằng bạc vừa làm đồ trang sức để tôn thêm vẻ đẹp, sự sang trọng, quý phái cho người dùng, vừa có tác dụng tránh gió độc, đuổi được tà ma, đồng thời thể hiện sự thịnh vượng, sung túc. Các sản phẩm được làm từ bạc phối hợp với y phục của người Dao Đỏ như: vòng cổ, vòng tay, cúc bạc, xà tích, hoa tai, nhẫn...



Trang phục của cô dâu, chú rể của người Dao Đỏ (huyện Nguyên Bình)

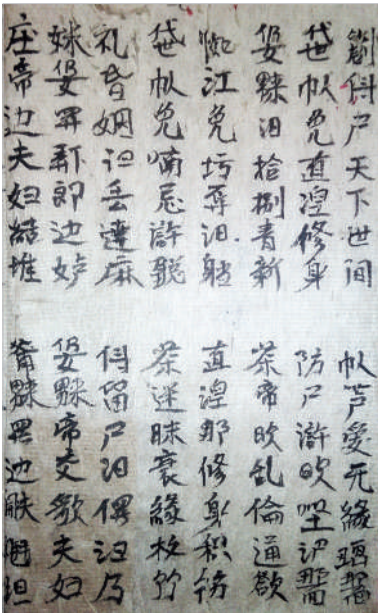
Ảnh: Đỗ Hồng Chuyên.

Trang phục nam giới Dao Đỏ khá đơn giản gồm có: khăn vấn đầu, áo, quần. Nhìn chung, trang phục này cơ bản giống với trang phục nam của các dân tộc Tày, Nùng, Lô Lô, Sán Chỉ... Tất cả đều được làm từ chất liệu vải chàm, có kiểu cách, màu sắc đơn giản.

Năm 2023, Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Dao Đỏ, xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 235/QĐ-BVHTTDL, ngày 14/02/2023.

GIÁ TRỊ CỦA CÁC VĂN BẢN CHỮ NÔM TÀY Ở CAO BẰNG

TS. TRIỆU THỊ KIỀU DUNG*



Truyện thơ Nôm Tày

“Giáo nam, giáo nữ”

Ảnh: Triệu Thị Kiều Dung.

trí thông minh, sáng tạo của những người dân lao động như “Khảm hải”, “Thạch Sanh”... Ca ngợi tình bằng hữu trung thực,

Văn bản viết bằng chữ Nôm Tày là một di sản văn hóa quý giá của đồng bào dân tộc Tày ở Cao Bằng nói riêng và của các cộng đồng dân tộc khác nói chung. Cùng với các loại văn bản khác, văn bản viết bằng chữ Nôm Tày đã lưu giữ lại trở thành nguồn tư liệu phong phú có giá trị về mọi mặt trong lịch sử hình thành và phát triển của đồng bào dân tộc Tày, đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

1. Giá trị của các kho truyện thơ viết bằng chữ Nôm Tày

Đó là những tác phẩm đề cao đạo đức truyền thống trung hiếu, tiết nghĩa, đức tính cần cù và

* Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Cao Bằng.

tình vợ chồng thủy chung son sắt như: “Đính Chi”, “Toạng Tương”... Những mối tình đẹp đẽ, trong sáng, lãng mạn, yêu đời của những đôi trai gái “Sam Péc - Eng Tài”... Đồng thời, đả kích những đôi phong bại tục, phản ánh hiện thực xấu xa của xã hội cũ, lên tiếng đấu tranh cho tự do hôn nhân như “Phạm Tài - Ngọc Hoa”...

Tiêu biểu như truyện *Giáo nam, giáo nữ* (sách dạy *Con trai, con gái*) là những đúc kết dạy bảo con người về việc tu dưỡng nhân cách đạo đức, tư tưởng, tình cảm, trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân với cộng đồng. Đối với con gái, *Giáo nam, giáo nữ* khuyên răn họ nên rèn luyện những đức tính chăm chỉ, biết lo toan thu vén gia đình và hết lòng yêu chồng thương con; đối với đấng nam nhi, phải có tấm lòng rộng mở, sẵn sàng giúp đỡ mọi người xung quanh và phải chăm lo thu xếp các công việc lớn trong gia đình; hiếu thảo với cha mẹ. Có thể nhận thấy *Giáo nam, giáo nữ* là tác phẩm có ý nghĩa giáo dục nhân cách, đạo đức cao và có giá trị đối với mọi thời đại.

2. Giá trị của các văn bản Nôm Tày ghi chép về sự kiện lịch sử, gia phả

Các sổ sách ghi chép mang tính biên niên sử về những sự kiện đáng chú ý xảy ra trong nước hay ở địa phương, như việc thay đổi ngôi vị của các triều đại, nạn giặc cướp, ngoại xâm như: *Sự tích Bảo Lạc*; một số địa phương chí như *Cao Bằng Tạp chí, Cao Bằng phong thổ phú*. Ngoài ra, còn có những văn bản gia phả các họ thổ ty mà tổ tiên phần lớn là các công thần hoặc con cháu của họ thuộc các triều đại phong kiến được phái lên miền núi đánh giặc, chiêu dân lập ấp, làm quan lại địa phương, dần dần hoà nhập với dân sở tại, gia nhập cộng đồng tộc người Tày mà trở thành người địa phương như gia phả dòng họ Bé, họ Hoàng ở huyện Hoà An; họ Ma ở các huyện Quảng Hòa, Trùng Khánh...

3. Giá trị của văn bản chữ Nôm Tày trong giáo dục, y dược

Chữ Nôm Tày đã có từ rất lâu, được truyền dạy lại bằng tiếng Tày. Minh chứng là trải qua các thời kỳ cho đến ngày nay, chúng ta vẫn còn thấy các tác phẩm viết tay bằng chữ Nôm Tày được các cụ người Tày tận tụy dịch chữ Nôm Tày ra tiếng Tày, đồng thời được ghi âm, phát lại trên Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng, như các câu văn, lời răn dạy thế hệ trước truyền lại cho con cháu được tập hợp lại trong cuốn *Minh tâm bảo giám...*

Bên cạnh đó, chữ Nôm Tày còn được dùng để ghi chép lại các bài thuốc và cách chữa bệnh thường gặp như: đau bụng, đau mắt, đau lưng, chữa bệnh gan, bệnh thận và một số bệnh của trẻ em như: suy dinh dưỡng, chảy máu cam, trúng gió... Các sách viết tay kể về các loài thực vật, động vật có thể làm thực phẩm và thuốc chữa bệnh; về võ thuật; về toán học với các cách tính diện tích ruộng đất...

4. Giá trị văn bản chữ Nôm Tày trong chính trị và hành chính

Theo tư liệu hiện nay còn lưu giữ, năm Nhâm Thìn 1592, Vua Mạc Kính Cung làm lễ đăng quang tại Cao Bình, lấy hiệu là Càn Thống. Sau khi đăng quang, Mạc Kính Cung đã củng cố thành lũy, chiêu binh mãi mã, mở các khoa thi, tuyển dụng nhân tài. Trong giai đoạn này, xuất hiện áng văn chữ Nôm Tày tiêu biểu *Tam Nguyên luận* của Bế Văn Phụng. Thông qua những lời văn mang tính triết lý sâu xa, Bế Văn Phụng đã đưa ra những lý lẽ khuyên nhủ Mạc Kính Cung, giúp vua khỏi được căn bệnh trầm uất và hiểu thêm rất nhiều điều về chính sự.

Bên cạnh đó, còn có các số văn bằng chữ Nôm Tày với nội dung vô cùng phong phú như: *Số luyện quan, Văn số đạo nhân sám hối...* Phần lớn những bài số này đều mang hàm ý tốt đẹp tấu dâng lên các quan bề trên tỏ lòng thành kính; một số số biểu khác

nói về triết lý sống, cách ứng xử giữa người với người, giữa quân vương với thần dân; đôi khi là những lời giáo huấn, răn dạy của kẻ bề trên đối với bề dưới; những bài số văn kêu gọi dân chúng thuận theo việc nghĩa... Không ít trường hợp chữ Nôm Tày được dùng để ghi chép các văn bản hành chính và luật pháp như: tờ trình, giao kèo, kế khoán, đơn từ, giấy tờ mua bán ruộng đất...

5. Giá trị của văn bản chữ Nôm Tày trong đời sống tín ngưỡng

Dân tộc Tày không có một tôn giáo chung chính thống mà người Tày thờ tổ tiên là chính. Bên cạnh đó, trong quan niệm tâm linh của người Tày còn có linh hồn (khoản), nên người ta còn thờ ma và cúng ma. Để giao tiếp với các loại Phi (ma), người ta phải nhờ đến ông Tào, bà Then (Pút) làm cầu nối giữa cõi trần gian với cõi âm thế, nên những người hành nghề hát then hoặc làm Tào, bằng sự am hiểu về phong tục tập quán sẽ giúp mọi người thấu hiểu nguyện vọng của ông bà, tổ tiên của mình ở thế giới bên kia; hoặc cầu mong những điều bình yên sẽ đến với mình từ khi sinh ra đến lúc mất đi. Rồi còn rất nhiều nghi lễ khác như: mừng thọ, nhà mới, nối số, cầu an... đều cần đến sự chỉ bảo giúp đỡ của ông Tào, bà Then (Pút). Khi các nghi lễ được tiến hành, phần lớn đều dùng chữ Nôm Tày để ghi chép các bài văn tế, văn cúng, số dâng... Vì thế, văn bản chữ Nôm Tày đồng hành với nghi thức tín ngưỡng và sống mãi trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Tày.

Văn bản Nôm Tày hình thành trong đời sống bắt đầu từ thế kỷ II (khi chữ Nôm Tày mới bắt đầu manh nha) đến thế kỷ V bắt đầu phổ biến và thịnh hành ở thế kỷ XVII do nhu cầu trong đời sống văn hoá xã hội đã được nâng cao. Những người có công đầu sưu tầm, ghi chép, biên soạn và tạo ra sức sống bền bỉ của văn bản Nôm Tày là các học giả: Lê Thế Khanh, Bế Văn Phụng, Nông Quỳnh Văn.

Các văn bản chữ Nôm Tày còn tồn tại rất nhiều trong cuộc sống đời thường và để lại dấu ấn vô cùng sâu đậm trong đời sống tâm hồn, tình cảm; trong đối nhân xử thế; trong chiến đấu và trong đời sống tâm linh... Chứng cứ là những văn bản chữ Nôm Tày đã được ghi lại trong sử sách, được lưu giữ truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ đời này sang đời khác, cứ thế cho đến hôm nay và cả mai sau.

NGHỆ THUẬT HÁT THEN, ĐÀN TÍNH CỦA ĐỒNG BÀO TÀY CAO BẰNG

BAN THỊ ÁNH NGUYỆT*

Hát then, đàn tính là loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc của người Tày ở Cao Bằng, được thẩm thấu qua đời sống, trong văn hoá tín ngưỡng và tâm linh. Những điệu then bao hàm những giá trị lịch sử, văn hóa lâu đời của cư dân bản địa, có vai trò là cầu nối giữa con người với thế giới thần linh. Những làn điệu then hòa trong tiếng đàn tính làm say đắm lòng người là “báu vật” của đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam nói chung và người Tày ở Cao Bằng nói riêng.

Nguồn gốc của hát then - đàn tính

Thực hành nghi lễ then xuất hiện lâu đời ở cộng đồng dân tộc Tày vùng cao, được bắt nguồn từ cuộc sống lao động cộng đồng người Tày cổ và lưu truyền dân gian. Theo nhiều tài liệu nghiên cứu nhận định, then tính gắn với giai đoạn lịch sử 85 năm khi nhà Mạc ở Cao Bằng. Giai đoạn đó có ông Bế Văn Phụng (làng Bản Vạn, châu Thạch Lâm, nay là xóm 1 Bế Triều, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An) được phong làm Tư thiên quản nhạc của triều đình, đã dày công viết nên tác phẩm *Tam Nguyên luận* nổi tiếng với 818 trang và dựa theo điệu then cổ truyền cải biên nghệ thuật hát. Tác phẩm kể chuyện chiêm tinh, hết bĩ cực đến thái

* Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng.

lai, hết suy đến thịnh, bàn luận kế sách, tiên đoán về tương lai, viết theo thể thơ thất ngôn trường thiên rất thuận cho trình diễn hát then, đàn tính. Bế Văn Phụng thành lập đội then tính nữ và thường xuyên luyện tập, hằng ngày trình diễn phục vụ triều đình nhà Mạc. Sau này, khi Bế Văn Phụng và Nông Quỳnh Văn (nay thuộc xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh), cũng là một người hát hay, giỏi thơ văn trở thành bạn tâm giao, đã lập nên đội then tính nam, thường xuyên cùng vào hát, múa phục vụ cung đình nhà Mạc. Bế Văn Phụng và Nông Quỳnh Văn đã có công lao trong việc phát triển loại hình nghệ thuật này từ lưu truyền trong dân gian trở thành nghệ thuật cung đình. Nhà nghiên cứu văn hóa Lê Chí Thanh, Chủ tịch Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng chia sẻ: Thực hành nghi lễ then xuất hiện nhiều ở khu vực các tỉnh Đông Bắc, nhưng chẳng nơi nào có được hai dòng then như tỉnh Cao Bằng. Đặc biệt, chất liệu nghệ thuật then tính đã phát triển ở mức cao, then miền Tây dịu ngọt, mềm mại, dung dị như người thiếu nữ dung nhan “nghiêng nước, nghiêng thành”. Đối lại, then miền Đông cất lên mạnh mẽ, trải lòng miền man, giai điệu rộn ràng khúc tứ như chàng trai tuấn tú, tài ba, hào phóng. Song khi kết hợp lại thì thành chỉnh thể đủ đầy, hoàn mỹ, khiến người ta linh cảm về một miền then gốc.

Dòng then nghi lễ - cầu nối giữa con người với thế giới thần linh và đất trời

Nghi lễ then là một hình thức văn hóa dân gian vừa mang tính nghệ thuật, vừa mang tính tâm linh của đồng bào Tày, Nùng, Thái ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có Cao Bằng. Thực hành nghi lễ then là một thành tố quan trọng trong cấu thành của then, với tính nghệ thuật gắn liền với yếu tố tâm linh. Then có nhiều nghi lễ, nghi thức như: then cầu an, giải hạn thường tổ chức vào dịp đầu năm, then Nàng Hai, then cúng mụ diễn ra vào dịp cúng đầy tháng, then thôi tang, lẩu then... trong số đó, nghi lễ then cấp cao nhất chính là then cấp sắc. Nếu trong lễ then thường,

các nghệ nhân chỉ biểu diễn chính là đàn và hát thì trong then cấp sắc, họ đã thực sự thể hiện hết mình thông qua các hình thức biểu diễn như múa, diễn trò, nhập đồng... Then cấp sắc là sự tập trung cao độ nghệ thuật nguyên hợp của người Tày với sự tham gia của nhiều thành tố nghệ thuật khác nhau mà tiêu biểu là nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật biểu diễn cộng với môi trường diễn xướng mang đậm màu sắc tâm linh. Đặc biệt, ở đây phải kể đến các điệu múa trong then. Chỉ có thông qua lễ cấp sắc, người xem mới thực sự được thưởng thức hết vẻ đẹp tinh tế, sự phong phú và cuốn hút của các điệu múa dân gian Tày. Và vì vậy, cũng có thể nói rằng, then đại lễ trong đó có then cấp sắc là một diễn xướng góp phần lưu giữ những giá trị văn hoá nghệ thuật tinh túy của người Tày.

Then có giá trị rất quan trọng trong đời sống đồng bào, thể hiện mối quan hệ thiêng liêng giữa con người và trời đất, thần linh. Theo tư liệu Cục Di sản, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì “Các lễ then diễn tả hành trình thầy then (ông then, bà then)



Thực hành nghi lễ then cấp sắc tại xã Lương Can, huyện Hà Quảng

Ảnh: Ban Thị Ánh Nguyệt.

điều khiển đoàn âm binh đi từ mừng đất lên mừng trời để dâng lễ vật và thỉnh cầu trong lễ cầu an, giải hạn, chữa bệnh, cầu mùa, chúc mừng năm mới... Khi các thầy then cất tiếng hát, gảy đàn tính tẩu là khởi đầu cuộc hành trình”. Hành trình này gặp rất nhiều gian nan thử thách, buộc đoàn then phải vượt qua. Sự kết hợp của tiếng đàn tính ngân nga, tiếng xóc nhạc diu dặt, lời hát khi khoan thai, khi mạnh mẽ, đã đưa tâm hồn người nghe vào chốn huyền ảo... Nhà nghiên cứu Triệu Thị Mai (thành phố Cao Bằng) cho biết: Về góc độ hành nghề, với tinh thần hành nghề cứu nhân độ thế, các thầy then không bao giờ nhảy cóc, mà phải tuân thủ từ đầu tới cuối và không thể nhảy cóc được bởi thực sự những người có khả năng đặc biệt này khi thấp hương lên thì mời Tổ sư then và nhập vào thầy then và bắt đầu hành trình từ nhà lên trời. Đó chính là nghi lễ then!

Thực hành nghi lễ then là hình thức nghệ thuật tổng hợp: có lời, có nhạc, có hóa trang và có biểu diễn. Nội dung thường gắn liền với vòng đời con người từ khi sinh ra đến khi trở về cát bụi. Trong không khí thiêng liêng, lời ca, điệu múa và âm nhạc hòa quyện rộn ràng, say đắm, đưa đến cho người nghe, người xem những cảm xúc thẩm mỹ cao.

Các điệu hát then, đàn tính trong dân gian

Dân ca then tính có nhiều làn điệu, trong đó, then miền Tây có 5 làn điệu gồm: Tàng bốc - Pây cảnh hoặc Pây tàng, Tàng bốc - Roọng khoắn, Tạng tính, Khảm hải, Đông mềng - Đông ngoảng. Then miền Đông có 7 làn điệu: Tàng bốc - Tàng cảnh, Tàng bốc - Pây mạ, Tàng nặm - Khảm hải (hoặc Pây ẻn, Hỉn ẻn), Thoảng hương, Giáp ba, Hả liệu, Khảm khắc. Tổng cộng có 12 làn điệu then tính trên phạm vi toàn tỉnh. Hầu hết các đường then đều có lời hát thất ngôn tứ tuyệt hay thất ngôn trường thiên, có bài và làn điệu theo thể ngũ ngôn.

Một số làn điệu then tính có tên gọi khá giống nhau giữa Then miền Đông và miền Tây, thậm chí về chủ đề nội dung miêu

tả, phản ánh có phần giống nhau, nhưng giai điệu có sự khác nhau rõ ràng. Nội dung và hình thức then ở Cao Bằng ngoài mang những đặc điểm chung, còn có những nét riêng của chất then Tày Cao Bằng thể hiện ở một số chi tiết trong cách đàn, hát, múa, y phục.

Then là tích hợp các giá trị văn hoá, phản ánh được nhiều nét đẹp truyền thống của người Tày, thể hiện tinh thần cộng đồng, sự đoàn kết tương trợ giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và rộng ra là trong làng bản. Ngoài ra, còn thấy được ở đó các giá trị thuộc về đạo đức, lối sống qua từng lời then.

Hát then - đàn tính và giá trị nghệ thuật độc đáo

Ra đời và phát triển lâu dài trong lòng dân tộc, then chứa đựng trong nó những dấu ấn về lịch sử xã hội người Tày. Điều đó được thể hiện rõ nhất qua diễn xướng then và đặc biệt là văn bản lời hát then. Trải qua những thăng trầm của thời gian và sự biến cải bởi phương thức truyền miệng, nhưng về cơ bản, diễn xướng then trong đó có lời hát then vẫn giữ được những nội dung phản ánh ban đầu. Mặt khác, then là sự hội tụ những tài hoa nghệ thuật trong dân gian. Những thầy then bằng công việc của mình đã góp phần đắc lực vào việc phổ biến và lưu truyền nghệ thuật biểu diễn then từ đời này sang đời khác.

Âm nhạc trong then là sự hội tụ các làn điệu dân ca của từng địa phương dân tộc Tày. Then tính có mặt trong tất cả các ngày vui như: dịp năm mới, mừng nhà mới, ngày cưới, mừng thượng thọ, mừng thăng quan, tiến chức; trong cả những lúc buồn, an ủi người ốm, động viên người đang phiền muộn... Tiếng then, tiếng tính hoà quyện phản ánh tâm tư, tình cảm của người chơi và người nghe. Lời hát then vốn là những câu chữ được dân gian chắt lọc, vừa là những câu thơ trữ tình, giàu nhạc điệu, vừa là lời khuyên răn, khích lệ, vừa là những kinh nghiệm về đối nhân xử thế... giai điệu lúc trầm, lúc bổng, khi trang nghiêm, khi rộn ràng, khi thanh tao, khi lâm ly, thống thiết... cuốn hút người nghe.

Để lời then, điệu tính mãi ngân vang

Cuối năm 2019, UNESCO đã ghi danh di sản “Thực hành then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam (trong đó có di sản Nghi lễ then của người Tày Cao Bằng) là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Sau niềm vinh dự, tự hào, cộng đồng các dân tộc Tày, Nùng, Thái, đặc biệt là những nghệ nhân dân gian có thêm trách nhiệm gìn giữ, lưu truyền và làm lan tỏa loại hình văn hóa dân gian đặc sắc này. Cùng với đó, những năm qua, ngành văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Cao Bằng đã thực hiện nhiều hoạt động bảo tồn và phát huy loại hình nghệ thuật hát then, đàn tính như: sưu tầm, ghi chép những bài then, điệu tính, các nghi lễ thực hành then và hát then cổ gắn với đời sống sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của đồng bào Tày. Hằng năm, khuyến khích các đơn vị, địa phương mở các lớp truyền dạy dân ca hát then, đàn tính trong cộng đồng. Tạo sân chơi thúc đẩy phong trào hát then, đàn tính phát triển, tổ chức liên hoan hát then, đàn tính và tăng cường quảng bá, giới thiệu hình ảnh hát then khi tham gia các sự kiện trong và ngoài tỉnh... Chú trọng bồi dưỡng, khuyến khích các nghệ nhân hát then, đàn tính truyền dạy sâu rộng di sản này trong cộng đồng, thành lập các câu lạc bộ hát then, đàn tính tại các xóm, các điểm du lịch... Qua đó, góp phần để lời then, tiếng tính của quê hương cùng những làn điệu dân ca tiếp tục sống mãi với thời gian.

Trải qua năm tháng thăng trầm của các thời kỳ lịch sử, then luôn hiện diện trong mọi mặt đời sống và vẫn giữ nguyên giá trị về lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa - nghệ thuật, quân sự..., có nội dung giáo dục nhân dân chung sống thuận hòa, răn dạy điều thiện, động viên mỗi người dân tu dưỡng đủ đức đủ tài, xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh. Chính từ những giá trị cốt lõi ấy, thực hành then trở thành một loại hình văn hóa nghệ thuật đặc sắc, độc đáo và tiêu biểu của người Tày.

Theo nhà nghiên cứu Hoàng Đức Hiền (thành phố Cao Bằng):
Truyền thống văn hóa dân tộc của mình, đời sống tâm linh cần



Hát then bên thác Bản Giốc

Ảnh: Triệu Văn Lịch.

được giải tỏa để có niềm tin. Mà niềm tin đó nhìn thì nhìn không thấy, lấy thì lấy không được. Những cái đó chỉ là ước vọng, trong tín ngưỡng dân gian cũng có sự ước vọng đó, nếu ước vọng đó giải tỏa được tinh thần, những băn khoăn, áy náy của cuộc đời mà người ta nghĩ rằng phải qua cuộc then giải hạn hay then chữa bệnh này để thành thời. Từ đó không chỉ trong đời sống tâm linh mà đã là văn hóa nghệ thuật. Nét dân ca và đàn tính là để phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ ngày lễ, ngày hội lớn của dân tộc. Thời kỳ nào cũng thế, dân còn thấy cần thì then sẽ còn.

Hát then, đàn tính là niềm tự hào của người Tày ở Cao Bằng. Chính bởi vậy nên then có sức sống mãnh liệt, trường tồn và được cộng đồng dân tộc Tày ở Cao Bằng quý trọng, gìn giữ, nâng niu, coi đó là nhu cầu tinh thần không thể thiếu trong đời sống tâm linh và được phát triển trong phong trào ca hát quần chúng ngày nay.

LƯỢN CỌI - DÂN CA TRỮ TÌNH CỦA NGƯỜI TÀY

LÊ CHÍ THANH*

Ai cũng biết rằng, trong dân ca Tày có một kho báu đồ sộ gồm nhiều thể lượn: lượn then, lượn sương, lượn ngàn, lượn cọi vô cùng phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc. Song, ta càng ngỡ ngàng và ngưỡng mộ hơn khi bất ngờ được khám phá những pho lượn cọi bằng chữ Nôm Tày dày trang thi lượn trữ tình đến thế. Lượn cọi thực đúng là loại hình dân ca giao duyên danh tiếng của người Tày.

Trên địa bàn Việt Bắc, lượn cọi có địa phận giáp lượn sương, đậm dần lên ở địa vực giữa ba con sông: sông Cầu, sông Năng - sông Gâm và sông Lô làm thành vùng lượn cọi nổi bật; nơi đây chính là cái nôi sinh ra, dung dưỡng và phát triển thể loại dân ca này. Trên miền non nước Cao Bằng, lượn cọi được phân bố chủ yếu ở vùng Bảo Lạc, Bảo Lâm. Bên cạnh những chương lượn cọi được truyền miệng trong đời sống xã hội, nhiều nhà Nho học đã ghi chép và viết thành sách bằng chữ Nôm Tày như các tác giả: Lãnh Văn Chàng, Tô Đức Nhân (xã Hồng Trị, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng); Nông Văn Phja (xã Cao Thượng, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn); Hoàng Kim Chung (xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang); Nguyễn Phúc Tông (xã Lam Vĩ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên)... Như vậy, các tác giả xuất hiện

* Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng, Chủ tịch Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

trên cùng dải đất lượn cọi thuộc địa bàn các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên.

Là thể loại dân ca hình thành lâu đời, được bắt nguồn từ cuộc sống lao động sản xuất nông nghiệp; đặc trưng chủ yếu là hát đối đáp giao duyên của nam, nữ thanh niên, nhưng trong đó, lượn cọi phản ánh nhiều nội dung phong phú, đa diện. Lượn cọi cơ bản là theo thể thơ thất ngôn trường thiên, bao gồm các bài lượn mô tả về thiên nhiên, con người, làng bản mộc mạc, chân thành, ca ngợi cảnh trí sơn thủy hữu tình của quê hương và những nét sinh hoạt, phong tục tập quán, lễ hội của người Tày. Hơn nữa, nội dung lượn cọi đã cho ta thấy thế giới quan, nhân sinh quan của tộc người Tày, đó là cấu trúc của ba tầng vũ trụ: trên trời, trên mặt đất và âm phủ với tư duy siêu thực đầy tính tâm linh.

Một quyển hát bằng chữ Nôm Tày, nhiều chương mục, dày trang hiếm thấy, đó là: 1. Lượn nai (Lượn mời); 2. Lượn khan (Lượn đáp); 3. Cốc Lùng (cây đa); 4. Dôm Pụt (mừng bụt); 5. Nặm Tả (nước sông); 6. Cọn (guồng nước); 7. Rẫy (nương); 8. Dôm Tổng (mừng cánh đồng hay ngắm cánh đồng); 9. Dôm cảnh (ngắm cảnh); 10. Vườn Mọn (bãi dâu); 11. Cầu kiều; 12. Phja Phúc (núi phúc); 13. Nặm bó (nước mạch); 14. Thôm pia (ao cá); 15. Thổ công; 16. Bản mường; 17. Dảo (kho thóc); 18. Sluôn miầu (vườn trâu); 19. Tu ảng (cổng ngõ); 20. Ma, mạ, pết, vại (chó, ngựa, vịt, trâu); 21. Dôm rườn (mừng nhà hay ngắm nhà); 22. Chũa rườn (chủ nhà); 23. Pỏ mẻ (bố mẹ); 24. Phua mả (chồng vợ); 25. Xo miầu (xin trâu); 26. Chũa phác slư (giấy viết thư); 27. Ngầu (mong ngóng); 28. Vọng bươn (ước thàng); 29. Tiểu tuyết, đại tuyết; 30. Phấn hăn (mơ thấy); 31. Lượn kết; 32. Lượn Piắc (Lượn già bạn chia tay); 33. Than ước; 34. Vuồn tứ quý (buồn tứ quý); 35. Khửn mừng bản (lên mừng trời); 36. Khẩu lửa đuổi Sláy (vào thuyền cùng thầy); 37. Lồng Long vương liễu (xuống Long vương chơi). Có cuộc lượn cọi chủ đề lên đến 43 chương mục bài hát. Thật là đồ sộ, dung lượng của nó chẳng kém cạnh lượn then, lượn sường

chút nào, nên cuộc lượn cọi kéo dài hai đến ba đêm cũng là lẽ thường tình. Nội dung phong phú như thế nhưng một cuộc lượn cũng có thể phân tách thành 4 cung đoạn, đó là: Phần mở đầu: Lượn nai (lượn mời) và Lượn khan (lượn đáp, đồng ý hát); Phần thứ hai: hát đối đáp giao duyên tâm tình; Phần thứ ba: Lượn kết, Lượn piắc; Phần thứ tư: các chương lượn về sau.

Khi có khách đến làng, thanh niên (nam hoặc nữ) với tư cách là chủ nhà chủ động lên tiếng trước, ngỏ ý mời khách hát và là người dẫn lượn trong đối đáp giao duyên. Mở đầu là những khúc lượn nai (lượn mời) đầy thành ý theo tập quán mến khách của dân tộc Tày bằng những lời lẽ thấu tình, đạt lý, thuyết phục đối phương, buộc họ bất khả kháng để rồi đồng ý lượn. “Cần tồn ga lục nhận mà nòn/Khéc lạ khẩu tỏ rườn xo cẳng/Cạ mẽ á táng bản cỏi slương/Dảo mẽ á táng mừng cỏi lỉn” (tạm dịch: Đồn rằng có con nhận qua đêm/Khách lạ vào trọ đây xin hỏi/Bảo cô em khác bản hãy thương/Gọi cô em khác mừng chơi đã).

Khi khách đã lên tiếng đáp lại đồng ý thì nội dung theo đúng quỹ đạo trong sách, trôi đi êm đềm, du dương, giai điệu mượt mà, đắm thắm của lượn cọi làm mê say lòng người. Khi gặp cây đa đầu bản, ai cũng lượn mừng bằng những câu thơ đầy hơi thở cuộc sống: “Mà thâng tỉ mạy lũng cảnh quý/Địa linh slinh pác về yêu đàng/Cẳng ngòi cẳng về vang piết miạc/Cáng nâng mùa Bảo Lạc, Nam Quang/Cáng nâng là mùa tàng Cao Bằng” (tạm dịch: Đến cây đa chốn này cảnh quý/Địa linh sinh trăm vẻ yêu thương/Càng trông, càng rõ càng đẹp đẽ/Một cảnh về Bảo Lạc, Nam Quang/Một cảnh chỉ về đường Cao Bằng).

Riêng về tình yêu đôi lứa là nội dung dài hơi nhất của lượn cọi. Dĩ nhiên, tình yêu nam nữ là hạt nhân của cả pho lượn cọi, tất cả các nội dung phản ánh về phong cảnh thiên nhiên, làng bản, con người, mừng trời, âm phủ đều hướng tới tình yêu đôi lứa: “Pỉ điếp bạn, pỉ phá slong thân/Pỉ vuồn pỉ ngòi đông đại ngàn” (tạm dịch: Yêu em anh bỏ thân làm đôi/Anh buồn ra ngắm

cảnh đại ngàn); hoặc là: “Chiêng nhị, slam mềng rọng gỏi slương/
Khắc khẩu slim chú thâng bạn pũa” (tạm dịch: Tiếng ong giêng,
hai, ba hãy thương/Tạc vào lòng nhớ nhung bạn cũ).

Đến mục lượn kết đã là lúc sắp chia tay, giã bạn, đôi bên ưu tư, sầu não khi phải rời xa nhau, họ đã lên tiếng từ tâm can, giải bày suy nghĩ của mình, làm người nghe cũng xúc động: “Slong duyên rà kết căn hội nỉ/Piắc căn pây táng tử nhằng slương/Pỉ piắc mùa táng muồng nhằng chú/Kin khẩu thật tối thú dú bôm/
Khoãn pỉ mà tốc lăng thâng các” (tạm dịch: Đôi duyên mình kết nhau em hỡi/Chia tay nhau khác chốn còn thương/Anh đi về khác muồng vẫn nhớ/Ăn cơm đặt đôi đũa cạnh mâm/Hồn anh đến sau sẽ vào nhà). Họ dặn dò nhau khi chia tay: “Noọng piắc mùa rườn chương mại mại/Pỉ tế mùa của đại rườn rà/Vần tâu pỉ tế mà cọi vọng/Nhân nghĩa là thuôn toọng đá lùm” (tạm dịch: Em rẽ về quê nhà mãi mãi/Anh lại về quê chốn nhà ta/Khi nào anh được qua sẽ gọi/Đường Nhân nghĩa là tấm lòng đừng quên).

Những chương lượn về sau nhằm để bày tỏ thêm tình yêu đôi lứa mặn mà, như các mục lượn sử, các tích truyện nói về những đôi nam thanh, nữ tú thời xa xưa như Tống Trân, Cúc Hoa cốt là nhắn nhủ nhau về tình yêu chung thủy trọn đời, trọn kiếp; các đoạn lượn lên trời, xuống âm phủ, hay lượn buồn tứ quý, ngưỡng vọng về nhau... đều diễn giải lòng mình theo mục đích đó.

Lượn cọi là pho thi ca giao duyên trữ tình của người Tày, dày trang, nội dung phong phú, đa dạng cùng với tiếng hát ngọt ngào, lắng sâu của các chàng trai, cô gái xinh đẹp miền non ngàn sơn cước đã làm đắm say lòng người. Vì thế, hầu hết các cuộc sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đón khách du lịch về tham quan làng bản quê nhà đều không thể thiếu lượn cọi - một loại hình dân ca du dương, đầm thắm đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Lượn cọi - tiếng gọi tình yêu của người Tày đã thành danh bao đời nay, rất cần được bảo tồn và phát huy, để những áng thơ tình mãi tươi nguyên theo dòng chảy thời gian, hữu ích cho đời.



Đội văn nghệ quần chúng xã Quảng Lâm
trình diễn tiết mục hát lượn cội mừng đầy tháng cháu

Ảnh: Nông Thị Loan.

Năm 2023, di sản Nghệ thuật trình diễn dân gian lượn cội của người Tày các xã: Yên Thổ, Nam Quang, Quảng Lâm (huyện Bảo Lâm) đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 234/QĐ-BVHTTDL, ngày 14/02/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở CAO BẰNG

LONG THỊ TRANG*

Non nước Cao Bằng hấp dẫn du khách bởi những nét sinh hoạt văn hóa đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc và độc đáo riêng có, trong đó hoạt động phong phú của các lễ hội như một bảo tàng sống về văn hoá đặc thù của dân tộc đã được lưu truyền, kế thừa qua nhiều thế hệ.

Là mảnh đất cội nguồn cách mạng, địa bàn sinh sống của nhiều thành phần dân tộc với hàng ngàn năm lịch sử, với một hệ thống di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên vô cùng đa dạng, Cao Bằng không chỉ nổi tiếng “gạo trắng, nước trong”, mà còn là một vùng văn hoá đa dạng, phong phú với sự giao hòa bản sắc của nhiều dân tộc. Nơi đây là miền đất của những lễ hội truyền thống độc đáo, mang giá trị văn hóa, lịch sử cần được bảo tồn, lưu giữ và phát triển. Các lễ hội của đồng bào các dân tộc Cao Bằng nhìn chung đều mang ý nghĩa cầu lộc, cầu mùa, cầu bình an, cầu sức khỏe, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, đời sống ấm no, hạnh phúc. Các lễ hội truyền thống, trò chơi dân gian, phong tục tập quán, nếp sống đẹp đã thực sự đem lại không khí tươi vui, thắm đẫm tình đoàn kết các dân tộc, nâng cao đời sống văn hoá

* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.



Lễ rước nước đầu nguồn tại Lễ hội về nguồn Pác Bó, huyện Hà Quảng

Ảnh: Trương Hoài Nam.

trình thần cho các tầng lớp nhân dân, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Cao Bằng có hơn 100 lễ hội, trong đó chủ yếu là lễ hội dân gian truyền thống, lễ hội gắn với di tích lịch sử - văn hóa. Tiêu biểu có hai lễ hội đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là Lễ hội Nàng Hai, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa và Lễ hội Tranh đầu pháo, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa. Trong thời gian gần đây, nhiều lễ hội đặc sắc, thu hút sự chú ý của du khách như Lễ hội du lịch thác Bản Giốc, Lễ hội Tranh đầu pháo, Lễ hội về nguồn Pác Bó..., qua đó tạo điều kiện thực hiện chiến lược phát triển du lịch góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Mùa xuân, mùa khởi đầu cho một năm, mùa sinh sôi nảy nở của vạn vật, cũng là mùa của các lễ hội. Đặc biệt, tháng Giêng và tháng Hai âm lịch, giữa tiết trời ấm áp, nhân dân các dân tộc

trên địa bàn tỉnh Cao Bằng lại rộn rã, nô nức vui xuân, trẩy hội để cầu lộc, cầu mùa, cầu cho một năm mưa thuận gió hòa. Mỗi lễ hội đều có những nét độc đáo riêng, gắn liền với bản sắc văn hóa từng địa phương và mang tính nhân văn sâu sắc, hướng tới cái thiện như cầu phúc, cầu mùa, mong muốn cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Lễ hội đền, chùa thường diễn ra vào tháng Giêng hằng năm. Các đền, chùa được xây dựng để tưởng nhớ, tôn vinh các anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử có công chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nhân dân trong vùng. Vào ngày lễ (âm lịch), người dân làm lễ cúng tế, thu hút đông đảo người dân trong vùng cũng như du khách thập phương đến tham dự như: Lễ hội Đền Vua Lê mừng 6 tháng Giêng (huyện Hòa An); Lễ hội chùa Đống Lân mừng 8 tháng Giêng, Lễ hội chùa Đà Quận mừng 9 tháng Giêng và Lễ hội Đền Kỳ Sầm mừng 10 tháng Giêng (thành phố Cao Bằng); Lễ hội chùa Sùng Phúc ngày 15 tháng Giêng (huyện Hạ Lang); Lễ hội Đền Hoàng Lục ngày 28 tháng Hai (huyện Trùng Khánh)...



Màn múa lân, múa rồng trong Lễ hội chùa Sùng Phúc, huyện Hạ Lang

Ảnh: Nông Thị Linh.

Lễ hội Xuân ở Cao Bằng là nơi bảo tồn, giữ gìn những giá trị của văn hóa truyền thống, mang những nét độc đáo và bản sắc riêng biệt của đồng bào miền biên ải. Các lễ hội đều gắn với tín ngưỡng, sinh hoạt văn hóa dân gian và nhiều nghi thức độc đáo, đặc sắc chứa đựng các giá trị văn hoá, lịch sử phong phú của các dân tộc trong tỉnh. Hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh được tổ chức gồm 02 phần: phần lễ và phần hội. Phần lễ thường được tổ chức từ đêm hôm trước; phần hội được tổ chức vào ngày hôm sau, các hoạt động diễn ra trong lễ hội mang đậm nét văn hóa truyền thống của các dân tộc như: tổ chức thi trưng bày gian hàng (các sản vật địa phương, các món ăn truyền thống...); biểu diễn văn nghệ với các tiết mục mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, các làn điệu dân ca như: hát then đàn tính, hát sli, hát lượn, phong slư, lượn cọi..., trình diễn trang phục dân tộc; thi đấu thể thao (bắn nỏ, ném còn, đẩy gậy, kéo co, lầy cỏ, thi đấu bóng đá, bóng chuyền, cờ tướng) và trò chơi dân gian (ném còn, kéo co, đánh quay, đánh đu và bịt mắt bắt dê...) diễn ra với không khí sôi nổi, thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương đến trải hội. Đây chính là những nét văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống cách mạng, truyền thống văn hóa, nâng cao ý thức gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hiện nay.

LỄ HỘI NÀNG HAI (XÃ TIÊN THÀNH, HUYỆN QUẢNG HOÀ)

TRIỆU THỊ MAI*

Lễ hội Nàng Hai (Nàng Trăng) là một trong những lễ hội dân gian truyền thống, là sinh hoạt văn hoá đặc sắc của người Tày Cao Bằng. Lễ hội diễn ra vào dịp đầu xuân, gắn với tín ngưỡng phồn thực, với mong muốn mùa màng tươi tốt, sinh sôi nảy nở. Thời gian tổ chức lễ hội phụ thuộc vào thời gian đã quy định của từng địa phương và tùy từng năm mà lễ hội diễn ra có quy mô lớn nhỏ khác nhau. Hiện nay, lễ hội vẫn còn được lưu giữ nguyên vẹn những giá trị truyền thống tại xã Tiên Thành, huyện Quảng Hoà và xã Kim Đồng, huyện Thạch An.

Lễ hội được sáng tạo từ chính cuộc sống sinh hoạt và lao động, sản xuất của người nông dân miền núi mang ý nghĩa mời nàng Hai về ban mùa màng bội thu và hạnh phúc cho dân bản. Mặt khác, theo tín ngưỡng dân gian dân tộc Tày, trên cung Trăng có mẹ Trăng và mười hai nàng Trăng (nàng Hai), như: nàng Bích Vân, Bích Ba, Lưỡng Tàm, Mạ Mỳ... Mẹ cùng các nàng hằng năm chăm lo, bảo vệ mùa màng cho dân chúng ở trần gian. Hội Nàng Hai được tổ chức với ý nghĩa tượng trưng các mẹ, các nàng ở dưới trần gian hành trình lên trời đón mẹ Trăng và các nàng tiên xuống thăm trần gian.

Các khúc hát lượn của Lễ hội Nàng Hai đã có từ rất lâu đời, nhưng trước đó chưa được gọi là lượn nàng Hai. Cuối thời nhà Mạc

* Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng.

(cuối thế kỷ XVII), công chúa Mạc Thị Tuyết Lan (Tiên Giao) - con gái cả của Vua Mạc Kính Vũ, khi phải ẩn náu dưới trướng tướng Đinh Văn Tả, đã khéo léo dùng lượn slương cổ của người Tày tổ chức vui chơi, giải trí giữa nhân dân địa phương với binh lính trong những đêm trăng sáng. Từ đó, những khúc hát lượn được nhân dân truyền tụng từ đời này qua đời khác và gọi là lượn nàng Hai.

Để chuẩn bị cho Lễ hội Nàng Hai, dân bản chọn hai cô gái xinh đẹp đóng vai nàng Gường mặc áo đỏ, nàng Sở mặc áo vàng. Hai nàng hoá thân tượng trưng là nàng Trăng ở trên trời xuống trần gian cùng cầu mùa. 18 cô gái được chọn đóng vai các mẹ nàng mặc áo chàm và chia làm hai tốp. Tốp theo nàng Gường đầu chít vải màu đỏ, tốp theo nàng Sở đầu chít vải màu vàng; chọn người có tuổi làm Mẹ Cốc. Mẹ Cốc là người thuộc các khúc hát cầu mùa và có nhiệm vụ truyền dạy cho đội hát các khúc ca cầu mùa. Sau đó, chọn hai thiếu niên đóng vai cụ Tiến, có nhiệm vụ mở đường cho đoàn nàng Trăng dâng lễ lên trời.

Lễ đón nàng Hai: Để chuẩn bị cho Lễ hội cầu mùa, dân bản dựng một căn lều nhỏ gọi là Thiêng Hai (Lều Trăng), trong lều kê một tám phản làm chỗ ngồi cho đoàn nàng Hai hát cầu mùa. Lễ đón nàng Hai được tổ chức vào đêm 30 tháng Giêng hoặc đêm rằm tháng Hai. Để chuẩn bị cho buổi lễ, hai cô gái vào rừng hái các loại hoa như: hoa mạ, hoa rôm, hoa lau, hoa chuối..., bó thành từng chùm treo lên cây sào ngang trước lều Trăng. Trước lều có mâm hương, ống hương cắm hình con chim én gấp bằng giấy màu, én là sứ giả đưa tin giữa cõi trần và cõi trời, một bát nước lá bưởi dùng để giải uế, một chiếc hũ nhỏ đựng các loại giống hoa màu, một đĩa nhỏ đựng trâu cau.

Lễ nhập hồn trăng vào hai cô gái: Lễ được bắt đầu thực hiện từ nhà Mẹ Cốc nàng Hai (nhà có người hành lễ Pháp sư trong bản). Tại đây, thầy tào cùng hai cô gái đứng trước bàn thờ gia chủ trình báo nội dung cuộc lễ với mẹ nàng Hai, mời mẹ xuống nhập vào hai cô gái là nàng Gường, nàng Sở. Từ hôm nhập hồn

trăng vào người đến hôm kết thúc lễ, hai cô gái này được coi là nàng Trăng trên trời giáng thế, nên phải kiêng không đụng đến những việc ế tạp.

Những đêm hát cầu mùa: Sau hôm nhập hồn trăng vào hai cô gái, các Mẹ Cốc và các nàng tham dự lễ tập trung ngoài lều Trăng hát những khúc ca kể về hành trình đưa lễ vật lên trời cúng các mẹ Trăng, cầu mẹ cho mưa thuận, gió hoà, cho các giống dâu tằm, cá... Mẹ giúp trông nom vật nuôi, cây trồng dưới trần gian để mùa màng bội thu... Những đêm múa hát cầu mùa đó, người già, người trẻ ăn cơm tối xong kéo nhau ra Thiêng Hai xem đội hành lễ múa hát.

Lễ cúng Thần Nông: Sau những đêm tổ chức hát cầu mùa, đến ngày lễ hội, dân làng sẽ tiến hành lễ cúng Thần Nông và tiễn đưa nàng Hai về trời. Thầy tào làm lễ trình báo với các vị thần ngự ở miếu và xung quanh miếu. Sau lễ hiến sinh, tại miếu Thần Nông, lễ vật lợn, gà được đem ra khu hội lễ tiễn nàng Trăng về trời tổ chức giữa cánh đồng ven suối nước.

Lễ tiễn nàng Hai về trời: Lễ tiễn nàng Hai được tổ chức ở lều Trăng ngoài đồng. Người ta đặt lễ cúng giữa sân, xung quanh dùng cây làm cọc thành hàng như cổng, phía trên lợp vải hoa gọi là trại Mùng Mèng (tượng trưng là con đường đưa lễ vật lên trời). Các khúc ca, điệu múa được đoàn nàng Hai thể hiện nhịp nhàng; múa lấy mâm cỗ, múa chèo thuyền đưa lễ qua biển, múa gieo vãi hạt giống... Chiều xế bóng, tốp người trần và tốp nàng Hai hát những khúc ca chia tay da diết. Nội dung hát là những lời hứa hẹn các nàng Hai giúp cho trần gian vụ mùa tươi tốt.

Kết thúc hội, đoàn nàng Hai đi vòng quanh lều Trăng gieo những hạt giống hoa màu ra bốn phương và hát khúc ca “Trụ Trại” xoá bỏ lều Trăng, chia tay về trời. Cả đoàn vừa đi vừa hát và dùng tay lắc mạnh cọc dựng lều cho đổ.

Kết thúc lễ, đoàn nàng Hai đưa sào hoa và các thuyền đem thả xuống suối dâng lễ vật lên trời cho mẹ Trăng. Nàng Gường,



Lễ tiễn nàng Hai về trời

Ảnh: Nông Thế Vinh.

nàng Sở xé từng dải quạt trên tay vút ra đằng sau, mọi người tranh nhau đón lấy lộc nàng ban. Thầy tào làm lễ thoát hồn trắng và nhập hồn người cho hai cô gái.

Lễ hội Nàng Hai của người Tày là một trong những sinh hoạt văn hoá truyền thống gắn với tâm linh. Ngoài giá trị tinh thần, lễ hội còn chứa đựng giá trị dân tộc học, giá trị văn hoá, giá trị lịch sử, giá trị giáo dục... Đây là một trong những lễ hội sinh hoạt mang tính cộng đồng tạo sự đoàn kết giữa mọi người trong làng, bản, đặc biệt phân mùa hát hướng tới truyền dạy cho lớp trẻ gìn giữ và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của địa phương, góp phần làm cho đời sống văn hoá cơ sở thêm phong phú.

Với những ý nghĩa nhân văn và tính đặc sắc, Lễ hội Nàng Hai của người Tày xã Tiên Thành, huyện Phục Hòa (nay là huyện Quảng Hòa) đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 2459/QĐ-BVHTTDL, ngày 20/6/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

LỄ HỘI TRANH ĐẦU PHÁO THỊ TRẤN QUẢNG UYÊN, HUYỆN QUẢNG HÒA

MAI THỊ NGUYỆT HÀ*

Lễ hội Tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà là lễ hội dân gian truyền thống có từ lâu đời và lớn nhất các huyện miền đông của tỉnh Cao Bằng, được tổ chức từ chiều 30 tháng Giêng đến hết ngày mùng 2 tháng Hai âm lịch, với ý nghĩa mở đầu cho mọi hoạt động của một năm mới, cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, cuộc sống thanh bình, thịnh vượng. Lễ hội cũng là dịp tưởng nhớ các vị tiên nhân có công với dân, với nước. Lễ hội Tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia theo Quyết định số 2745/QĐ-BVHTTDL, ngày 30/9/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Lễ hội gắn với đời sống văn hóa, tâm linh

Lễ hội Tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên là lễ hội truyền thống độc đáo với màn tranh pháo hoa đầu xuân của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Quảng Hòa. Lễ hội đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc nơi đây; được lưu giữ, truyền thụ qua nhiều thế hệ vẫn đậm đà bản sắc, là biểu tượng linh thiêng của dòng chảy văn hóa

* Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng.

truyền thống. Lễ hội mang ý nghĩa cầu mong cho một năm mới may mắn, phát tài, phát lộc.

Hàng năm, cứ vào ngày mùng 02 tháng Hai âm lịch, nhân dân và du khách thập phương lại nô nức về thị trấn Quảng Uyên trả hội. Tương truyền, lễ hội gắn với các yếu tố về lịch sử, tâm linh của miếu Bách Linh. Miếu được xây dựng lại theo kiến trúc thời Nguyễn. Trên tam quan đắp nổi hình rồng uốn lượn, có câu đối nhưng hiện tại đã bị mờ, chỉ còn dòng chữ “Bách Linh từ”. Miếu xây bằng gạch vồ (gạch thời Mạc), có bức cốn chạm đầu rồng ngậm ngọc.

Nét đặc sắc của lễ hội

Lễ hội Tranh đầu pháo được tổ chức với nhiều nghi thức độc đáo như khai quang mở mắt rồng, lễ khao quân, lễ tế thần, lễ rước thần. Phần đặc sắc nhất trong phần lễ là màn “khai quang” cho rồng mở mắt diễn ra vào chiều ngày 30 tháng Giêng âm lịch. Theo quan niệm dân gian, rồng bay từ dưới nước lên nên mở nước đầu nguồn Bó Cốc Chủ của thị trấn Quảng Uyên được chọn làm nơi khai quang mở mắt rồng từ xưa đến nay.

Các bậc cao niên đại diện cho những dân tộc sinh sống tại thị trấn giữ trọng trách làm thủ tục cất tiết gà, lấy tiết gà mở mắt rồng. Sau những hồi trống uy nghiêm, rồng uốn lượn bay lên dưới đôi tay uyển chuyển của các tráng sĩ cùng với kỳ lân múa lượn xung quanh mở nước 3 vòng, cầu cho mưa thuận, gió hòa. Lễ vật dâng lên tế lễ gồm 2 con lợn quay, 1 mâm xôi, 1 mâm trứng nhuộm phẩm đỏ, 1 mâm hoa quả. Phần lễ diễn ra long trọng với 4 đoàn rước kiệu, mỗi kiệu có 4 người khiêng, mặc lễ phục. Theo sau đoàn rước kiệu là đoàn rước rồng, sau khi làm thủ tục thắp hương tại miếu, đoàn rước rồng xuất phát đến đền thờ Nùng Trí Cao, đền thờ Trần Hưng Đạo, sau đó đi khắp phố tới từng nhà. Đi tới đâu rồng cũng được người dân tiếp đón rất nồng nhiệt, trang trọng.

Nhiều trò chơi dân gian hấp dẫn

Lễ hội gắn với huyền tích dân gian về thủ lĩnh Nùng Trí Cao. Sau khi đánh tan quân xâm lược nhà Tống, bảo vệ bờ cõi phía Bắc nước Đại Việt dưới thời nhà Lý thế kỷ XI, tại các địa phương đi qua, Nùng Trí Cao tổ chức khao quân ăn mừng chiến thắng.

Khi đến vùng đất Quảng Nguyên (nay thuộc huyện Quảng Hòa) đứng vào dịp Lễ hội Tranh đầu pháo, trong lễ khao quân, Nùng Trí Cao chọn bãi đất phẳng và huy động trai tráng trong vùng chia thành nhiều đội để tranh đầu pháo, đội nào thắng, tranh được đầu pháo sẽ gặp may mắn, tài lộc cả năm. Nùng Trí Cao cho quân lính quay lộn và làm rất nhiều mâm cơm đặt trước cửa các nhà trong vùng để tất cả những người đến chơi hội đều được ăn mừng chiến thắng.



Màn tranh đầu pháo -
một trong những hoạt động đặc sắc nhất của Lễ hội

Ảnh: Lương Thị Thủy Tiên.

Điểm nhấn trong phần hội là màn tranh đấu pháo. Các địa phương trong huyện thành lập đội gồm các chàng trai nhanh nhẹn, khỏe mạnh. Các đội sẽ cùng tranh đoạt 1 chiếc vòng được trang trí tua ngũ sắc rực rỡ, mang ý nghĩa may mắn, hạnh phúc, thành công. Các tráng sĩ trước khi tham dự cuộc thi sẽ tập hợp lại giữa một vòng tròn có đường kính rộng 30 m. Sau khi Ban Tổ chức lễ hội hoàn thành nghi thức nhận vòng ngọc, kiệu đấu pháo di chuyển vào trung tâm vòng tròn, 4 chiếc kiệu còn lại được để ở phần ngoài vòng tròn, trong đó kiệu bàn thờ thần đặt ở giữa.

Sau hiệu lệnh bắt đầu cùng với tiếng pháo giấy, tiếng trống nổi lên, chiếc vòng sắt được chủ lễ tung lên không trung, các tráng sĩ sẽ thể hiện sự khéo léo, thông minh, nhanh nhẹn của mình để có thể tranh, đưa chiếc vòng tới kiệu thờ thần và quỳ lạy. Các hoạt động tung vòng, tranh vòng sẽ diễn ra liên tục. Đội nào cầm được đầu pháo mang đến cho ban tổ chức sớm nhất là đội thắng cuộc.

Theo quan niệm của người dân địa phương, người nào bắt được vòng lộc pháo thì cả năm sẽ gặp may mắn, phát tài, phát lộc và đem lại vinh dự lớn cho xã mình. Xã nào thắng cuộc sẽ được phần thưởng là một con lợn quay trên kiệu trong lễ rước thần, cỗ kiệu cũng được để lại cho xã đó hương khói cầu lộc một năm. Đến lễ hội pháo hoa năm sau, địa phương này lại chuẩn bị một con lợn quay để lên kiệu, đoàn rước rồng sẽ đến lấy làm lễ rước thần, đồng thời làm phần thưởng cho đội thắng cuộc thi năm đó.

Bên cạnh màn tranh đấu pháo đặc sắc, tại lễ hội, còn có các gian hàng trưng bày, giới thiệu các đặc sản, sản phẩm OCOP của các xã, thị trấn trong huyện. Tổ chức các trò chơi dân gian như lầy cỏ, cờ tướng, tung còn, bịt mắt bắt vịt, nhảy bao bố, biểu diễn múa rồng, múa kỳ lân... sôi động, hào hứng.

Trải qua bao thăng trầm, lễ hội Tranh đấu pháo thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa đã tồn tại và duy trì trong tâm thức của nhiều thế hệ người dân nơi đây, đồng thời trở thành nét đẹp văn hóa tinh thần mỗi dịp xuân về.



TRUYỀN THỐNG, PHẨM CHẤT NGƯỜI CAO BẰNG



PHÁC HỌA VÀI NÉT VỀ TRUYỀN THỐNG VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NGƯỜI CAO BẰNG

PHẠM THANH THẮNG*

Cao Bằng - vùng đất “Địa linh nhân kiệt”, nơi gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Trải qua quá trình lịch sử lâu đời, các dân tộc Cao Bằng cùng chung sống đoàn kết, giao lưu, tiếp biến văn hóa, lắng đọng trầm tích, hình thành một số nét đặc trưng riêng có, tiêu biểu cho phong tục tập quán địa phương. Đây là một trong những yếu tố tạo nên truyền thống, nhân cách sống độc đáo, riêng biệt, là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của người Cao Bằng.

Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, được ví như tấm khiên che chắn cho biên cương phía Bắc của Tổ quốc, Cao Bằng luôn là mảnh đất diễn ra nhiều cuộc giao tranh giữa nước ta và giặc phương Bắc. Xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước đã không ngừng được hun đúc, trở thành truyền thống

* Phó Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng, Tổng Biên tập Tạp chí Non nước Cao Bằng.

tốt đẹp lưu truyền qua các thế hệ và là động lực mạnh mẽ nhất của nhân dân các dân tộc Cao Bằng trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Từ thời kỳ Thục Phán - An Dương Vương chống quân Tần thế kỷ III trước Công nguyên cho đến sau thế kỷ X, khi nước ta giành được độc lập đã liên tiếp diễn ra các cuộc đấu tranh chống phong kiến phương Bắc xâm lược. Nhiều chiến công oanh liệt ở Cao Bằng đã đi vào lịch sử gắn liền với những tên tuổi đầy nghĩa khí như Nùng Trí Cao, Hoàng Lục, Hoàng Thắng Hứa, Bế Khắc Thiệu... Thời Pháp thuộc, Cao Bằng trở thành vùng đất “đáng lo ngại” đối với thực dân Pháp, với những cuộc khởi nghĩa của các hào trưởng như Triệu Phúc Sinh, Pa Deng, Phù Nhị, Lãnh binh Lương Tuấn Tú...

Phát huy truyền thống chống giặc ngoại xâm của cha ông ta thời đại phong kiến, đến thời đại Hồ Chí Minh, nhân dân các dân tộc trong tỉnh dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã xây dựng Cao Bằng trở thành “cái nôi”, “cội nguồn” cách mạng, đóng góp sức người, sức của trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, để có ngày 03/10/1950 giải phóng Cao Bằng và góp phần xứng đáng vào Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Cao Bằng đã có nhiều cán bộ, sĩ quan, trí thức tài giỏi, cống hiến to lớn cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Tỉnh có 3.739 cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiên khởi nghĩa và người có công với nước; 30 cán bộ sĩ quan cao cấp của Quân đội, Công an được phong quân hàm cấp tướng; 415 bà mẹ được phong tặng, truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; 25 cá nhân được phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 53 tập thể được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong từng giai đoạn lịch sử, lòng yêu nước, tinh thần bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm luôn được người Cao Bằng thể hiện và phát huy mạnh mẽ.

Tinh thần đoàn kết dân tộc, văn hóa thống nhất trong đa dạng

Cao Bằng cũng được coi là chiếc nôi văn hóa của khu vực phía Bắc Việt Nam. Nhiều dân tộc đã cùng chung sống, gắn bó lâu đời và cùng chung tay xây đắp nền văn hóa đậm đà, vừa đa dạng, vừa thống nhất. Đây là vùng đất hội tụ nhiều nhóm ngôn ngữ, tộc người khác nhau như: Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô... Mỗi tộc người đều có tiếng nói và bản sắc văn hóa riêng.

Sự khác biệt và giàu sắc thái văn hóa không những không làm suy giảm mà ở chừng mực nào đó còn làm tăng thêm và củng cố tính thống nhất của văn hóa bản địa, tộc người và ý thức tộc người. Sự đồng điệu, nét đặc thù, điểm chung, nét riêng, dấu ấn của bản sắc văn hóa hiện hình trong sinh hoạt cộng đồng, trong nếp sống, trang phục, ẩm thực, cách ứng xử, giao tiếp hàng ngày của đồng bào các dân tộc. Một trong những nơi biểu hiện và hội tụ nhiều sắc thái văn hóa của đồng bào các dân tộc ở Cao Bằng chính là chợ phiên vùng cao, nơi tất cả các dân tộc cùng sinh hoạt đồng nhất, không phân chia dân tộc, vùng miền, địa vị thấp, cao. Đây cũng là minh chứng rõ nét cho sự hòa hợp dân tộc, thể hiện tinh thần đoàn kết cao đẹp.

Tiến trình lịch sử cũng ghi nhận, các dân tộc Cao Bằng luôn có sự giao thoa, tiếp biến văn hóa lẫn nhau trên tinh thần đoàn kết, không có xung đột văn hóa gây chia rẽ, bất hòa. Đối với các dân tộc Cao Bằng, đoàn kết đã trở thành truyền thống quý báu và giá trị văn hóa cốt lõi, là sức mạnh to lớn trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, chiến thắng thiên tai, địch họa. Đây là sức mạnh nội sinh được rèn đúc qua thời gian, có tính chủ đạo xuyên suốt, bền vững của vùng đất “địa linh nhân kiệt”.

Tinh thần đoàn kết trong cuộc sống sinh hoạt được thể hiện cao nhất trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Bỏ qua mọi khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, các dân tộc Cao Bằng thời kỳ nào cũng vậy, luôn đoàn kết trên một mặt trận, quyết tâm giữ vững độc lập, chủ quyền, đấu tranh cho tự do của nhân dân.

Lòng yêu thương con người thể hiện tinh thần nhân đạo, vị tha, hòa hiếu

Tính nhân đạo, lòng yêu thương của người Cao Bằng khởi nguồn từ văn hóa truyền thống phong phú, đa dạng. Mọi thành tố văn hóa truyền thống từ cách ứng xử với môi trường tự nhiên, ứng xử với môi trường xã hội đến văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng đều mang đậm bản sắc dân tộc và mỗi dân tộc đều mang vẻ đẹp hấp dẫn riêng. Trong quá trình phát triển, các dân tộc Cao Bằng đều có sự giao lưu, qua lại lẫn nhau cùng vùng, cận vùng, khác vùng. Điều đó đã làm cho bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc Cao Bằng càng đậm đà, phong phú.

Nhân cách sống của người Cao Bằng mang đặc tính của cư dân miền núi, thung lũng và nguồn nước (sông, suối, khe, lạch, mỏ nước) được coi là môi trường thân thiện và hữu ích của cuộc sống thường nhật. Trong tiến trình hình thành và phát triển, các dân tộc Cao Bằng luôn trân trọng và bảo vệ thiên nhiên, coi rừng và nguồn nước là thần hộ mệnh của bản làng. Đồng bào cùng nhau bảo vệ rừng cây, nguồn nước, xây đắp hệ thống mương, phai, dẫn nước vào đồng, đưa nước về nhà đem lại sự ấm áp cho dân bản. Từng khoảng rừng, khúc sông, suối, khe lạch đều được đưa vào nội dung hương ước, lệ làng chặt chẽ.

Thông điệp về tinh thần nhân đạo, vị tha, hòa hiếu được người Cao Bằng thể hiện qua lối sống, nếp sinh hoạt thường ngày, đó là giá trị văn hoá của từng cá nhân trong cộng đồng, qua lời ăn tiếng nói, cách ứng xử, là chén rượu mời khách, là nụ cười thân thiện trên môi... Sự giao hòa văn hóa, cũng thể hiện tinh thần

hòa hiếu, cao thượng trong việc mở rộng các mối quan hệ, lấy lễ đãi khách, luôn coi khách là người đặc biệt, quan trọng. Tình thần đó được thể hiện từ những điều nhỏ nhặt như bữa cơm hàng ngày, kể cả trong các gia đình người dân còn khó khăn, không đòi hỏi những vị khách giúp được gì trước mắt, người Cao Bằng vẫn nhiệt tình mang những gì quý nhất trong nhà ra mời. Không phải vì lợi lộc, không phải vì nhiệm vụ được giao, người Cao Bằng đón khách bằng tấm chân tình vốn có của mình, mộc mạc, bình dị mà chân thật. Đồng bào Tày có phong tục đón khách ngay ở chân cầu thang nhà sàn, điều đó thể hiện sự tôn trọng, phép lịch sự. Khi lên nhà, chủ mời khách ngồi ở vị trí trang trọng giữa nhà. Người Mông đón khách bên bếp lửa đầy thân tình...

Phẩm chất tốt đẹp của con người Cao Bằng là tấm gương phản chiếu bức tranh văn hóa cổ truyền đa sắc màu của cộng đồng các dân tộc, là minh chứng quan trọng thể hiện lòng yêu thương con người, tính nhân đạo, vị tha, hòa hiếu.

Đặc điểm tâm lý và quan niệm sống “vạn vật hữu linh”

Cộng đồng các dân tộc ở Cao Bằng có đặc điểm tâm lý và quan niệm sống độc đáo và hấp dẫn. Đối với các tộc người ở Cao Bằng, sinh hoạt ăn, mặc, ở của mỗi gia đình, tộc người vừa mang tính thống nhất, vừa mang tính đa dạng. Trước hết trong sinh hoạt ẩm thực chủ yếu sử dụng ngô, gạo, các loại rau, thịt, cá... do sản xuất tự cung, tự cấp. Để chống chọi với thú rừng, các tộc người ở Cao Bằng đã sáng tạo ra các kiểu kiến trúc nhà ở truyền thống phù hợp với đặc điểm địa hình từng vùng và trở thành bản sắc dân tộc như: Kiểu nhà sàn của dân tộc Tày, Nùng, Sán Chỉ, kiểu nhà đất như người Mông... Căn nhà được coi như một người bạn, có tinh thần, có linh hồn và được chăm sóc như một thực thể.

Mỗi dân tộc đều có những quan niệm riêng về sự sống và cái chết. Hầu hết các dân tộc tỉnh Cao Bằng đều quan niệm vạn vật hữu linh, sinh ra nhiều nghi lễ cúng thần rừng, thần núi, thần

sông có nhiều nét tương đồng như: lễ cơm mới của người Lô Lô, mừng lúa mới của người Tày; lễ rước thần lửa của người Mông, tục thờ thần bếp của người Tày... Các nghi lễ trong cưới hỏi, tang ma được coi là việc hệ trọng, là chuyện vui, buồn của gia đình, của cả dòng họ. Thông qua các nghi lễ, nhiều giá trị văn hóa truyền thống được hình thành, phát triển như quan niệm về báo ơn đấng sinh thành, các đấng siêu nhiên đã sinh ra, nuôi ta khôn lớn, dạy cho ta những điều hay, lẽ phải...

Cần cù, sáng tạo trong lao động

Trong quá trình phát triển, người Cao Bằng đã thể hiện rõ nét đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động. Ở vùng đồi núi thấp, người Tày, Nùng, Dao chăm chỉ làm ruộng, phát nương, làm rẫy trồng ngô, hoa màu; khi về nhà lại canh củi dẹt vải, thêu thổ cẩm, nuôi lợn, gà, vịt, xuống suối bắt cá, lên rừng hái măng gửi xuống bán tại chợ phiên... Người Mông trồng lúa trên những triền ruộng bậc thang nơi sườn núi cao, cần cù khai phá những vùng đất hoang để trồng bắp, trồng dưa, chăn nuôi trâu, bò... Khi đi đường, về nhà, những người phụ nữ luôn tay, thoăn thoắt se sợi để dệt nên những bộ váy áo tuyệt đẹp.

Tính cần cù, sáng tạo còn được thể hiện qua các nghề thủ công, mỹ nghệ, thổ cẩm truyền thống đã đạt đến độ tinh xảo và cuốn hút đến diệu kỳ, thể hiện rõ nét qua hệ thống các nghề truyền thống đa dạng, phong phú. Các nghề, làng nghề tại miền núi cao xuất hiện từ rất sớm, người dân luôn có ý thức lưu giữ, say mê với nghề. Hiện nay, tỉnh Cao Bằng có 21 làng nghề, chủ yếu sản xuất các sản phẩm như miến dong, làm hương, giấy dó, cơ khí nhỏ (nghề rèn đúc), đường phen, đan lát, dẹt thổ cẩm, làm bánh nướng, gói máng, chạm khắc bạc... Toàn tỉnh có 8 làng nghề được công nhận là làng nghề truyền thống gồm: làng nghề rèn xã Phúc Sen; làng nghề hương Phja Thấp; làng nghề giấy bản Quốc Dân, xã Phúc Sen; làng nghề làm đường phen Bó Tờ, thị

trấn Hòa Thuận; làng nghề ngói đất nung xóm Lũng Rì, xã Tự Do; làng nghề nón lá xóm Hoàng Diệu, xã Tự Do (huyện Quảng Hòa); làng nghề làm hương thảo mộc xóm Nà Kéo, xã Trường Hà (huyện Hà Quảng); làng nghề miến dong Phja Đén, xã Thành Công (huyện Nguyên Bình). Các sản phẩm của làng nghề đã gây dựng được danh tiếng, đưa sản phẩm đi khắp mọi miền Tổ quốc, một số sản phẩm thủ công như rèn Phúc Sen đã xuất khẩu sang các thị trường khó tính như châu Âu, thể hiện năng lực, độ tinh xảo, khéo léo của người thợ miền sơn cước.

Qua vài nét phác họa về truyền thống, đặc trưng của người Cao Bằng cho thấy, từ vị trí địa lý, hoàn cảnh tự nhiên, điều kiện sinh tồn cũng như lịch sử hình thành nên vùng đất, con người Cao Bằng vừa có yếu tố chung của cả nước, vừa có những nét riêng biệt của vùng đất Cao Bằng. Việc phát huy và phát triển những phẩm chất, truyền thống tốt đẹp của người Cao Bằng trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết, nhằm tạo ra động lực quan trọng quyết định đến sự phát triển của Cao Bằng trong thời gian tới.

CAO BẰNG - MẢNH ĐẤT “ĐỊA LINH NHÂN KIỆT”

LÊ CHÍ THANH*

Bên cạnh những đặc điểm chung về tự nhiên, kinh tế, xã hội và sự thống nhất đa dạng về lịch sử, văn hóa, cộng đồng dân tộc, Cao Bằng là một tỉnh có những đặc trưng riêng, là mảnh đất “địa linh nhân kiệt”. Toàn cảnh thiên nhiên non nước Cao Bằng toát lên vẻ đẹp kỳ vĩ, sơn thủy hữu tình, một dải đất thiêng, đặc địa để sản sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt, hiền tài, danh nhân văn hóa tài hoa trong trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Với bề dày lịch sử 525 năm hình thành và phát triển, trải qua nhiều lần chia tách, sáp nhập, Cao Bằng vẫn luôn giữ vai trò, vị trí chiến lược trọng yếu nơi biên cương phía Bắc của Tổ quốc; cộng đồng các dân tộc nơi đây luôn phát huy truyền thống đoàn kết, đấu tranh bảo vệ quê hương, đất nước.

Trong lịch sử phát triển của đất nước, hiếm có vùng đất nào có được vị thế như Cao Bằng, khi gần như liên tục mang tư cách kinh đô của một triều đại cả trong truyền thuyết, trong dã sử và trong thực tế. Các di chỉ khảo cổ, di tích được phát hiện ở các huyện Hòa An, Hà Quảng, Quảng Hòa... cùng huyền tích “Pú Luông - Giã Cải (hay “Báo Luông - Siao Cải”) đã minh chứng cho sự xuất hiện của người Việt cổ tại Cao Bằng từ thời tiền sử.

* Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng, Chủ tịch Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Nước Nam Cương¹ và câu chuyện thần thoại “Cầu chúa cheng vua” (Chín chúa tranh vua) đã cho thấy người thống nhất hai thành phần cư dân Âu Việt và Lạc Việt để lập nên nước Âu Lạc là Thục Phán - An Dương Vương đóng đô ở Nam Bình². Đó là quốc gia “tự trị” Trường Sinh của cha con Nùng Tôn Phúc, Nùng Trí Cao, thủ phủ đặt tại Na Lũ, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An (thế kỷ XI); thời nhà Mạc (1592 - 1677), vùng đất Cao Bằng tiếp tục giữ tư cách như một vương triều, chọn Na Lũ là đế đô, vương phủ ở Cao Bình, xã Hưng Đạo (thành phố Cao Bằng).

Thời nào cũng vậy, trên dải đất thiêng Cao Bằng đều sản sinh ra các bậc anh hùng hào kiệt nổi tiếng. Từ thời kỳ Thục Phán - An Dương Vương (vào khoảng thế kỷ III trước Công nguyên), mảnh đất biên cương này đã từng là chiến trường của những cuộc đọ sức quyết liệt của dân tộc Việt Nam chống lại ách đô hộ ngàn năm của các thế lực phong kiến phương Bắc. Thời phong kiến, tiêu biểu là cuộc đấu tranh chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất thời Lý (thế kỷ XI) của Khâu Sầm Đại vương Nùng Trí Cao và các tù trưởng Nùng Tôn Đản, An biên tướng quân Hoàng Lục. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược thời nhà Trần (thế kỷ XIII), ở Cao Bằng nổi tiếng là thủ lĩnh châu Thượng Lang Hoàng Thắng Hứa; cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược của các tù trưởng dân tộc Tày Bé Khắc Thiệu, Nông Đắc Thái (đầu thế kỷ XV); cuộc khởi nghĩa chống giặc phương Bắc của nhân dân tổng Trà Lĩnh dưới sự chỉ huy của ông Nông Thống Lệnh ở thời nhà Nguyễn (đầu thế kỷ XIX)...

1. Theo truyền thuyết dân gian dân tộc Tày, từ thế kỷ III trước Công nguyên, vùng Cao Bằng đã hình thành một nước, có tên gọi là Nam Cương của cư dân Âu Việt (Tây Âu). Kinh đô nước này là Nam Bình (nay là Cao Bình, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng).

2. Nay là Cao Bình, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bên cạnh các dũng tướng hào kiệt, dải đất “địa linh” còn sản sinh ra các văn nhân, thi sĩ, danh y tài giỏi; từ thời nhà Mạc lên Cao Bằng đã xuất hiện Tư thiên quản nhạc Bé Văn Phụng với tác phẩm nổi tiếng “Tam Nguyên luận”; thi nhân Nông Quỳnh Văn tục gọi là “vua ca đấng”, nghĩa là thơ văn đẹp mà hát hay, là tác giả thi tập “Tứ quý hồng nhan”. Hai ông đã đưa hát then vào cung đình và làm xuất hiện hai dòng then miền Tây và miền Đông của tỉnh, nâng cao nghệ thuật hát then - đàn tính. Hay như Trần Quý - Trần Kiên có tài bốc thuốc cứu người... Vào thời Mạc, vua Mạc Kính Cung mở trường Quốc học ở Bản Thanh, Cao Bình đào tạo được nhiều nhân tài. Đặc biệt, trong kỳ thi Hội năm Bính Thìn 1616¹, Nguyễn Thị Duệ (quê Kiệt Đặc, Chí Linh, Hải Dương) giả trai đi thi và đỗ đầu bảng tiến sĩ, đây là nữ tiến sĩ duy nhất trong lịch sử khoa bảng phong kiến Việt Nam. Thời Lê Trung hưng, thời Tây Sơn, xuất hiện nhiều trí thức dân tộc Tày, Nùng người Cao Bằng với nhiều công trình nghiên cứu quý giá: Năm 1810, Bé Hựu Cung, người làng Bắc Khê, châu Thạch Lâm là tác giả cuốn địa chí “Cao Bằng thực lục”. Đầu thế kỷ XX, Bé Huỳnh, quê Long Sơn, Lũng Thượng đã viết tác phẩm “Cao Bằng tạp chí” giới thiệu về diên cách các vùng miền, đền, chùa, các nhân vật lịch sử, dân tộc, ghi chép các trận đánh chống quân xâm lược; nhà thơ Hoàng Đức Hậu quê ở Lam Sơn, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tác giả của 150 bài thơ Nôm Tày đặc sắc, ý nhị, đậm đà nhân tình thế thái...

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, ngay từ những ngày đầu đã vấp phải sự phản kháng quyết liệt của nhân dân các dân

1. Theo sách *Nhà Mạc và dòng họ Mạc trong lịch sử* của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam do Viện Sử học phối hợp với Hội đồng lịch sử thành phố Hải Phòng, Xưởng in Viện Thông tin xuất bản, phát hành năm 1996, tr.486-487 thì khoa thi diễn ra năm Bính Thìn 1616, thời Vua Mạc Kính Cung. Theo *Hợp triều thế phả họ Mạc*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2007, tr.119 thì khoa thi này diễn ra vào năm Giáp Ngọ, năm 1594.

tộc Cao Bằng. Nổi bật với những trận đánh của nhân dân các xã phía đông nam châu Thạch An (1886 - 1907); phong trào do Phù Nhị - thủ lĩnh dân tộc Dao chỉ huy ở châu Nguyên Bình; Pa Deng - nữ thủ lĩnh dân tộc Mông chỉ huy tại tổng Thông Nông (châu Hà Quảng); quân của Triệu Phúc Sinh tại các châu Hòa An, Hà Quảng...; nghĩa quân do Bá hộ Lê Bá Tài chỉ huy tại Trùng Khánh... Ở các châu miền Đông là phong trào đấu tranh do các hào trưởng như Mã Quốc Anh, Đặng A Hợp... chỉ huy. Bên cạnh đó, thời kỳ này, nhân dân Cao Bằng dưới sự chỉ huy của Lãnh binh Lương Tuấn Tú tích cực tham gia phong trào Cần Vương do Phụ chính đại thần nhà Nguyễn là Tôn Thất Thuyết đứng đầu.

Lịch sử mãi khắc ghi, ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu mốc son chói lọi trên con đường đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Các đồng chí Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Nọn trở thành những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng và là những người cộng sản đầu tiên của Cao Bằng, có vai trò đặc biệt quan trọng, đặt nền móng đầu tiên xây dựng cơ sở cách mạng tại vùng biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Hoàng Đình Giong, ngày 01/4/1930, tại Nặm Lìn (thôn Hào Lịch, xã Hoàng Tung, châu Hoà An), Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập, do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư Chi bộ. Ngay từ khi thành lập, Chi bộ đã làm nhiệm vụ như Ban Tỉnh uỷ lâm thời, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhất tề đứng lên đấu tranh chống lại xiềng xích áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến tay sai. Chi bộ Nặm Lìn là một trong những Chi bộ Đảng Cộng sản ra đời sớm tại vùng miền núi biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc, nhanh chóng phát triển và nâng lên thành Đảng bộ tỉnh vào tháng 7/1933. Cao Bằng trở thành cầu nối quan trọng giữa Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng với phong trào cách mạng trong nước.

Sau 30 năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước, cứu dân, ngày 28/01/1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã trở về nước và đặt

bước chân đầu tiên lên mảnh đất Pác Bó, xã Trường Hà, châu Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, nơi hội tụ đủ các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” để xây dựng căn cứ địa đầu tiên, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Giai đoạn 1941 - 1945, trên dải đất “địa linh” Cao Bằng đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng ảnh hưởng sâu sắc đến sự thành công của cách mạng Việt Nam. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí cán bộ Trung ương như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh... đã về đây xây dựng nên khu căn cứ cách mạng vững chắc, đưa Cao Bằng trở thành nơi cội nguồn cách mạng cả nước. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, sự chỉ đạo trực tiếp của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám được tổ chức tại lán Khuổi Nặm (Pác Bó, xã Trường Hà, châu Hà Quảng) đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, chuẩn bị lực lượng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc; quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc... Trong khi đang diễn ra Hội nghị Trung ương 8, ngày 15/5/1941, Đội Nhi đồng cứu quốc (tiên thân của Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh) ra đời, người Đội trưởng là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân - liệt sĩ Nông Văn Dền (tức Kim Đồng).

Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám, Mặt trận Việt Minh phát triển lan rộng khắp các địa bàn trong tỉnh từ vùng thấp đến vùng cao, thu hút đông đảo các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Kinh vào các đoàn thể cứu quốc. Từ Cao Bằng, phong trào lan rộng đến các vùng phụ cận Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang. Tại các xã Việt Minh “hoàn toàn” đã xuất hiện mầm mống của một chế độ xã hội mới, đó là các Ban Việt Minh. Ban Việt Minh ở các xã hoạt động như một mô hình nhà nước tương lai, nắm toàn quyền về việc quản lý, điều hành mọi hoạt động của địa phương, có quan hệ đối nội, đối ngoại như một chính quyền thực thụ. Trên cơ sở đó, các “xã hoàn toàn”, “tổng hoàn toàn”,

“châu hoàn toàn” lần lượt ra đời, trở thành địa chỉ “đỏ”, niềm tin của cách mạng trong tỉnh và khu vực.

Ngày 22/12/1944, thực hiện chỉ thị của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - Đội quân chủ lực đầu tiên, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập tại khu rừng Trần Hưng Đạo, châu Nguyên Bình do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, đồng chí Hoàng Sâm làm Đội trưởng, đồng chí Dương Mạc Thạch (Xích Thắng) là chính trị viên. Trong 34 chiến sĩ đầu tiên của đội quân chủ lực đã có 25 người là con em các dân tộc Cao Bằng. Vừa mới ra đời, Đội đã đánh thắng liên tiếp hai trận Phai Khắt, Nà Ngần, mở ra trang sử hào hùng, truyền thống bách chiến, bách thắng của Quân đội ta. Sự kiện Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - Đội quân chủ lực đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập trên mảnh đất quê hương cội nguồn cách mạng Cao Bằng cũng như sự có mặt của 25 con em các dân tộc của tỉnh trong đội ngũ 34 chiến sĩ đầu tiên của Đội đã phần nào nói lên cống hiến to lớn của mảnh đất và con người Cao Bằng đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Với những đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ năm 1975 đến nay, tỉnh Cao Bằng đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều phần thưởng cao quý khác. Tính chung, toàn tỉnh được Đảng và Nhà nước tôn vinh 3.739 cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa và người có công với nước; 415 Bà mẹ Việt Nam anh hùng; có 3.391 thương binh, 6.838 liệt sĩ; 53 tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và 5 tập thể Anh hùng Lao động.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dải đất “địa linh” Cao Bằng đã không ngừng sản sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt. Đó là anh hùng liệt sĩ Hoàng Đình Giông, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng khóa I, phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên Khu 9, Khu Bộ trưởng Khu 6 đã đi vào lịch sử như một nhà lãnh đạo chính trị, quân sự tài năng được Đảng và Nhà nước công nhận là lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đó là đồng chí Hoàng Văn Nọn, cán bộ tiên bối tiêu biểu, nhà hoạt động chính trị xuất sắc, từng giữ chức vụ Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, Bí thư Liên Xứ ủy Bắc Trung Kỳ... Tỉnh có 30 tướng lĩnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có mặt hầu khắp các quân binh chủng. Nhiều đồng chí giữ trọng trách trong Quân đội, là chỉ huy tài năng của sư đoàn, quân đoàn, quân khu, điển hình như đồng chí Thượng tướng Đàm Quang Trung nguyên là Tư lệnh Quân khu 1, Bí thư Quân ủy Quân khu, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước kiêm Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, V, VI; đại biểu Quốc hội từ khóa V đến khóa VIII. Đồng chí Thượng tướng Vũ Lập, nguyên Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 2, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, V, VI, đại biểu Quốc hội khóa VII, VIII. Đồng chí Thượng tướng Bé Xuân Trường nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, XII, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; đại biểu Quốc hội khóa XII, XIII, hiện nay là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Đồng chí Trung tướng Đàm Ngụy là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân... Các vị tướng Cao Bằng đều nổi bật về đức độ, tài năng, lập công lớn, cống hiến hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cao Bằng còn tự hào là nơi “địa linh” sản sinh ra 25 Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và 3 Anh hùng Lao động, tiêu biểu như các Anh hùng - liệt sĩ Nông Văn Dền, Bé Văn Đàn, Hoàng Văn Nô...; Anh hùng La Văn Cầu, Phùng Văn Khầu...

Tỉnh có nhiều trí thức, nhà khoa học, cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn xuất sắc trên nhiều lĩnh vực. Trong giới văn học, nghệ thuật đương đại, tiêu biểu có nhà văn, nhà thơ Hoàng Triều Ân, nhà thơ dân tộc Dao Bàn Tài Đoàn, nhạc sĩ Hoa Cương, nhạc sĩ Đàm Thanh, nhà thơ Y Phương, nhà văn Cao Duy Sơn, Nghệ sĩ nhân dân Dương Liễu, Nghệ sĩ nhân dân Xuân Ái... Cùng với các đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Tỉnh uỷ viên, lãnh đạo tỉnh, huyện, thành phố qua các thời kỳ; tất cả đã làm rạng danh mảnh đất “địa linh nhân kiệt”, góp phần tạo nên sắc thắm của “vườn xuân hiền tài” Non nước Cao Bằng.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, Đảng bộ Cao Bằng luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ nhân lực hiền tài, chất lượng, tăng cường cho tỉnh và nguyên khí quốc gia; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, động viên mỗi người học tập, rèn luyện theo gương Bác Hồ vĩ đại. Vùng đất Cao Bằng “tụ linh khí, bền long mạch” để “sinh nhân kiệt” cho các thế hệ. Địa linh phát tích ra nhân kiệt, nhân kiệt làm cho đất địa thêm linh. Đảng bộ tỉnh đã và đang lãnh đạo nhân dân các dân tộc phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng và tiềm năng, thế mạnh của dải đất địa linh, sơn thuỷ hữu tình, tập trung phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, xây dựng nông thôn mới, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, làm cho Cao Bằng ngày càng giàu đẹp, văn minh, xứng danh là mảnh đất địa linh, đời đời phát tích nhân kiệt làm rạng danh cho quê hương, đất nước.

TRUYỀN THUYẾT PÚ LUÔNG - GIẢ CẢI

TRIỆU THỊ MAI*

Truyền thuyết Pú Luông - Giả Cải (hay còn gọi là Báo Luông - Slaο Cải) là một trong những huyền thoại nổi tiếng trong kho tàng văn hóa dân gian tỉnh Cao Bằng. Cùng với câu chuyện về cuộc sống sinh hoạt và sản xuất của đôi vợ chồng Pú Luông - Giả Cải, truyền thuyết giải thích về sự hình thành cuộc sống người Tày cổ trên địa vực Cao Bằng. Đây cũng là huyền tích ra đời của nghề nông trên đất Cao Bằng và có thể được coi là một dị bản của Đại Hồng Thủy và bọc trăm trứng của Lạc Long Quân và Âu Cơ.

Truyền thuyết Pú Luông - Giả Cải được kể lại như sau: Ngày xưa, tại huyện Hòa An ngày nay, dọc hai bên bờ sông là những sinh lầy âm u, cây cối nguyên sinh, lau lách mọc um tùm với nhiều muông thú hoang dã sinh sống. Lúc đó, xuất hiện hai người cao to, khỏe mạnh, đi men dọc dòng nước kiếm thức ăn. Người con gái theo con sông bên phải: tiếng Tày gọi Tả Sloa - nay nói chệch là Tả Sa (tức con sông Slam Luông đi xuống); người con trai men con sông bên trái xuôi về, tiếng Tày là Tả Slại (nay là sông Háng Bó). Họ gặp nhau chỗ ngã ba sông, nay gọi là Háng Cáp hoặc Nước Hai. Chỉ hai người nên chưa có tên, thường gọi nhau mày, tao (mẫu - câu). Cái tên Luông - Cải do đời sau căn cứ vào hình dáng mà đặt cho họ.

* Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng.

Ngã ba sông là vùng bằng phẳng, trải rộng, không có chỗ trú mưa, chống lạnh và đề phòng thú dữ khi đêm xuống. Họ đưa nhau sang dãy núi phía bên phải, tìm được hang Ngườm Bốc (tiếng địa phương nghĩa là Hang Khô, Hang Cạn) thuộc dãy núi Lam Sơn, xã Hồng Việt. Họ sinh sống ở đây một thời gian dài, ngày vào núi săn thú, bắn chim hoặc ra sông bắt cua, cá, tối về hang ngủ.

Sau một đêm giông tố, sấm sét, họ nhặt xác con vật chết cháy lấy về ăn thấy thơm ngon hơn. Họ bèn cầm một thanh cây cháy đem lửa về hang và chăm sóc suốt ngày đêm không cho lửa tắt, từ đấy họ biết dùng lửa và giữ lửa để sưởi ấm, để nướng các con vật ăn chín hàng ngày. Nơi lấy được lửa gọi là Lũng Phây (Lũng Lửa), thuộc xóm Lam Sơn, xã Hồng Việt.

Hai người sống với nhau đã sinh ra rất nhiều con. Người đông, hang thì chật, họ phải chuyển sang Khau Luông (đồi đất lớn) ở xã Đúc Long sinh sống.

Thời đó, dưới Nặm Thoong, xã Đúc Long, nước tràn tủa ra nhiều nhánh ngập bãi dốc thoải, một loại cỏ lạ mọc tốt xanh um. Sang thu cỏ ra đòng rồi dần dần chắc hạt. Hạt cứng nhọn ram ráp, đâm vào da thịt như một loại sừng côn trùng (người Tày gọi là coóc). Nguyên hạt cả vỏ không thể ăn được. Nhưng vì đói quá, mẹ Cải cứ lượm về, khi vùi vào than lửa thấy nổ lép lép thành những hạt bỏng trắng, ăn bùi ngon miệng. Từ đó, loại cây này trở thành thức ăn chính của gia đình.

Tuy nhiên, do cây mọc hoang nên nhiều cây không ra bông, hoặc bông thưa vài hạt. Chỉ những chỗ có xâm xấp nước hoặc nước sâu mới trở bông to và mẩy. Nhận ra điều đó, hai vợ chồng và các con đi đắp bờ giữ nước, “giữ nước” - tiếng Tày là Pảng Nặm, nên mới có Nà Pảng; khơi những chỗ nước quá trũng, “khơi” - tiếng Tày là Pác Đuốc, nên mới có Nà Đuốc; phải tủa nhỏ bớt các búi cây để thưa thì cây mới mọc tốt, “nhỏ, tủa bớt” - tiếng Tày gọi là Lòong, nên mới có Nà Lòong. Các địa danh này đều ở xã Đúc Long.

Khi đào đắp đất, họ phải tìm những cây cứng chịu được nước bùn, ẩm ướt, thì không gì tốt bằng lõi lim ở Khau Lim (đôi lim xã Nam Tuấn). Súc người có hạn, cả nhà bèn đi đuổi trâu, bò rừng về thuần hóa giúp dẫm ruộng ở Nà Vài (ruộng trâu ở xã Nam Tuấn), Nà Mò (ruộng bò ở thị trấn Nước Hai). Khi xong mùa vụ, họ đuổi trâu về Lũng Vài (lũng trâu ở xã Đại Tiến), đưa bò về Moóc Mò (u bò ở xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng) để chăn. Nhưng ruộng lúa thường bị voi rừng kéo đến phá, lũ voi tụ đàn ở Pò Sạng (đôi voi ở xã Đại Tiến). Bố Luông, mẹ Cải cùng các con đuổi đàn voi đến một hẻm núi đá, vắn đá chặn đầu chặn đuôi, làm chúng không xoay mình được để bắt sống. Nơi đấy gọi là Cặp Sạng (đèo chắn voi ở xã Hồng Việt).

Từ lối canh tác thô sơ, nguyên thủy như thế đã làm thóc, lúa tăng nhiều. Họ lập kho chứa ở Nà Coóc (ruộng thóc ở xã Đức Long), không thể cứ vùi thóc vào lửa để ăn, vì vậy tốn nhiều thời gian, họ bèn tìm một hòm đá, đưa thóc vào để giã tróc vỏ. Lỗ hòm đó nay là Dộc Tầm (cối giã ở xã Bình Long) rồi đem gạo ngâm ở một nơi gọi là Pò Má (nơi ngâm ở xã Đại Tiến). Sau đó họ đến một bãi phẳng đào hố, dùng lá lót dưới, đổ gạo giã ngâm vào, đập lá rồi đốt lửa, chờ cơm chín bới lên ăn. Nơi đó gọi là Nà Mỏ (ruộng nôi ở xã Đức Long).

Hoạt động của con người làm cho một số loài thú hoang đến gần, một số loài lại lánh tránh xa, như ma han (chó sói) trốn lên Khau Han (đôi sói - đường đi xã Trương Lương), còn chó nhà về làm ổ ở Phja Ma (núi chó ở thị trấn Nước Hai). Có chó giúp súc, Pú Luông - Giả Cải thuần hóa được rất nhiều gia súc, họ lên Nà Mèo (đồng mèo ở xã Dân Chủ) bắt mèo về thả vào kho thóc. Lũ chuột ở đây bị mèo bắt ăn thịt, hoảng sợ kéo nhau sang Nà Nu (ruộng chuột ở xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình).

Họ tổ chức bắt ngựa, lừa chúng tới Phja Mạ (núi ngựa ở xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng) đem về thuần hóa ở Nà Mạ (đồng ngựa ở xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng). Làm bấy bắt đàn

dê ở Cặm Bẻ (đường vào huyện Bảo Lạc) đưa về chăn nuôi ở Pò Bẻ (đôi dê ở phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng). Rồi họ đến Đông Giảo (đôi lợn cỏ ở xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng) đem lợn về nhốt ở thung lũng Goọc Mu (chuồng lợn ở xã Trường Hà, huyện Hà Quảng) hằng ngày đuổi chăn ở đồi Chông Mu (bòm lợn ở thị trấn Nước Hai); trồng khoai ở Nà Bon (ruộng môn ở xã Đại Tiến). Nhiều giống chim hoang được họ đem về nuôi trở thành gia cầm ở khe Khuổi Hán (suối ngỗng ở xã Hoàng Tung). Gia súc, gia cầm ngày càng nhiều, Pú Luông - Giả Cải sai các con vật lông mỡ thịt ở ngoài sông, suối nên có tên Vàng Cáy (vực gà ở thị trấn Nước Hai).

Khi có đủ cơm, đủ thịt, gia đình đem nhiều loại rau về trồng tập trung để tiện việc thu hái. Họ trồng nhiều rau ven con suối nhỏ tên là Khuổi Phjác (suối rau ở xã Bế Triều); gieo một đôi đậu đũa ở Khau Thúa (đôi đậu nay thuộc phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng); trồng đu đủ ở Khuổi Rẩu (suối đu đủ ở xã Hồng Việt); trồng gừng ở Lũng Khinh (lũng gừng ở xã Đa Thông, huyện Hà Quảng); riềng ở Nà Khá (ruộng riềng ở xã Nam Tuấn); chanh ở Khuổi Cheng (suối Chanh ở huyện Hà Quảng); cam ở Kéo Cam (đèo cam ở xã Trương Lương), Pác Cam (miệng cam ở xã Bình Long). Sau này, Pú Luông - Giả Cải còn biết trồng bông, nhuộm vải để may vá quần áo cho các con. Bông trồng ở Khau Phải (đôi bông ở gần thành phố Cao Bằng ngày nay), chàm trồng ở Khuổi Sỏm (khe chàm ở xã Lương Can, huyện Hà Quảng).

Các con trưởng thành, nhà đến định cư ở Bản Vạn (nay thuộc xóm 1 Bế Triều, thị trấn Nước Hai). Lũ con đi kiếm cột ngả cây ở Đông Pjảo (pjảo là loại cây to, thẳng ở thị trấn Nước Hai), sang Tổng Phấy (đồng tre đực ở xã Trương Lương) lấy tre về làm rui, mè; đến Pác Gà gần thị trấn Nước Hai cắt gianh về lợp, sang Roỏng Rượu (khe nước ở xã Hồng Việt) lấy nứa đập ra để rải sàn. Bản Vạn thành một làng nhiều hộ. Khi người, gia súc, gia cầm đông nên có hổ, cáo mon men đến rình mò,

Pú Luông - Giả Cải huy động các con đánh đuổi, họ đuổi hổ từ Khau Slưa (đồi hổ ở thị trấn Nước Hai) đến tận Ngườm Slưa (hang cọp ở xã Hoàng Tung).

Pú Luông - Giả Cải về già thì Bản Vạn đã đông đúc. Một hôm, hai cụ triệu các con đến bảo: “Giờ các con đã trưởng thành, gia đình cháu chất đầy đủ, quây quần một chỗ sẽ chật chội, đất ruộng ta rộng vậy nên chia ra ở các nơi. Nay ta chia như sau: Thằng Bé ở Bản Vạn, thằng Đoàn ở Bản Ngần, thằng Hoàng ở Đâu Ngả, thằng Mã ở Nà Mè, thằng Hà ở Tả Lạn, thằng Đàm sang Ảng Giàng... Còn các con: Nông, Dương, Phạm, Đinh, Lương, Lý, Bàn, Trương... lần lượt lập các bản rải rác suốt dọc thung lũng ven sông Bằng từ phía nam Hà Quảng đến phía bắc Hòa An sinh sống”.

Sau này, tên của các con Pú Luông - Giả Cải trở thành họ chính của các bản. Tất cả con, cháu của Pú Luông - Giả Cải đã nỗ lực sản xuất, góp phần xây dựng nên đất đai trù phú, trở thành vựa thóc trung tâm của tỉnh Cao Bằng. Khi hai cụ qua đời, họ lập miếu thờ, tưởng nhớ tổ tiên - người làm ruộng ở khu vực phía nam cánh đồng Bản Vạn, xóm 1 Bé Triều, thị trấn Nước Hai (huyện Hòa An). Đến nay, ta vẫn gọi đó là đền thờ Pú Luông - Giả Cải, hay còn gọi là đền Pú Lương Quân hoặc đền Thần Nông. Trải qua bao đời nay, truyền thuyết Slao Cải cùng chồng gây dựng nên Non nước Cao Bằng vẫn được lưu truyền mãi trong nhân dân từ đời này sang đời khác. Vào ngày mùng 02/02 âm lịch hàng năm, nhân dân trong vùng lại làm lễ dâng hương đền thờ Pú Luông - Giả Cải, tưởng nhớ công đức to lớn của hai ông bà thủy tổ Pú Luông, Giả Cải đã sinh thành nên con cháu người Tày từ thuở “khai thiên, lập địa” trên vùng đất Cao Bằng.

Với những giá trị về lịch sử, văn hoá bản sắc, di tích Đền thờ Pú Luông - Giả Cải, xóm 1 Bé Triều, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 885/QĐ-UBND, ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.



Đền thờ Pú Luông - Giả Cải
tại xóm 1 Bế Triều, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An

Ảnh: Phạm Thị Hà.

QUA TRUYỀN THUYẾT “CẦU CHỦA CHENG VÀA” TRỞ LẠI VẤN ĐỀ THỤC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

ĐINH NGỌC VIỆN*

Trong quá trình nghiên cứu, các học giả đều ghi nhận: Nước Âu Lạc kế tiếp nước Văn Lang và An Dương Vương kế ngôi Vua Hùng là sự kiện, nhân vật lịch sử có thật. Song về nguồn gốc Thục Phán - An Dương Vương còn có ý kiến khác nhau. Tài liệu cổ ở Trung Quốc như *Giao Châu Ngoại vực ký*, *Quảng Châu ký* ghi An Dương Vương là “Thục Vương Tử” (con vua Thục). Sách *Hậu Hán thư* chép về quận Giao Chỉ cũng chú thích: “Đây là nước cũ của An Dương Vương...”; một số sách cổ Trung Quốc ghi An Dương Vương con vua Thục, nhưng không biết xuất xứ của vua và vua Thục là ai.

Sách cổ Việt Nam như *Việt sử lược* (thế kỷ XIV) cũng khẳng định: “Cuối đời Chu, Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi mà lên thay. Phán đắp thành Việt Thường (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội) xưng hiệu là An Dương Vương, không thông hiếu với nhà Chu”¹. Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* (thế kỷ XV), sử gia Ngô Sĩ Liên dựa vào *Lĩnh Nam chích quái* chép về An Dương Vương

* Nguyên Trưởng phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng.

1. GS. Trần Quốc Vượng (dịch): *Việt sử lược*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960, tr.14.

gọi là “Kỷ nhà Thục”, ông viết: “An Dương Vương họ Thục, tên húy là Phán, người Ba Thục, ở ngôi 50 năm, đóng đô ở Phong Khê (nay là Cổ Loa). Giáp Thìn năm thứ nhất (257 TCN), vua đã kiêm tính nước Văn Lang đổi quốc hiệu làm Âu Lạc”¹.

Nhà sử học Ngô Thì Sĩ - cuối thế kỷ XVIII, viết về An Dương Vương nhắc lại như *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng bác bỏ giả thuyết An Dương Vương “họ Thục”. Ông khẳng định: “An Dương Vương húy Phán, người Ba Thục. Không đúng”².

Thời vua Tự Đức (1848 - 1883), bộ sử *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* nêu nghi vấn: “Nước Thục từ năm thứ 5 đời Thận Tĩnh Vương nhà Chu (316 TCN), đã bị nhà Tần diệt rồi, làm gì còn vua nữa? Huống chi từ Thục đến Văn Lang, còn có đất Kiến Vi, đất Cùg, đất Tác và đất Nhiễm Mang... cách hàng hai ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy nước Văn Lang”³. Ngô Tất Tố cũng khẳng định: “Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục”⁴. Các sử gia phong kiến Việt Nam nghi ngờ cả thời gian và không gian; qua đó thấy rõ: nước Thục đã bị diệt từ năm 316 trước Công nguyên. Sự thực cho biết: Vua Thục cuối cùng là Khai Minh đã bị giết ở Vũ Dương, Thái tử con vua Thục đã chết ở Bạch Lộ Sơn. Vì vậy không thể có “con vua Thục” vượt qua lãnh thổ của nhiều nước đánh chiếm nước Văn Lang. Sự khác biệt dẫn đến mâu thuẫn, cho nên có thể phủ định nguồn gốc Ba Thục của Thục Phán - An Dương Vương.

1. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr.64.

2. Ngô Thì Sĩ: *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.45.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.79.

4. Ngô Tất Tố: *Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục*, in trong Quốc sử quán triều Nguyễn: *Tào Đàn*, số 3, ngày 13/4/1939.

Việc nghiên cứu Thục Phán - An Dương Vương ngày càng được nhiều người quan tâm nên đã thu được một số kết quả mới, phát hiện thêm tư liệu, từ đó một số giả thuyết mới được đưa ra.

Năm 1963, các nhà dân tộc học phát hiện truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua” (Chín chúa tranh vua) là câu chuyện cổ rất phổ biến trong vùng đồng bào Tày ở Cao Bằng. Truyền thuyết cho biết: Cuối thời Hùng Vương, ở phía Nam Trung Quốc có một nước là Nam Cương, gồm 10 xứ Mường, Mường Trung tâm vua Thục Chế ở, nơi đóng đô gọi là kinh đô Nam Bình¹ (nay là Cao Bình, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng); còn 9 Mường xung quanh do 9 chúa cai quản. Thục Chế làm vua 60 năm thì mất, con là Thục Phán còn ít tuổi thay thế cha làm vua. Cả 9 chúa đem quân về bao vây kinh thành đòi nhường lại ngôi vua. Thục Phán tuy nhỏ tuổi nhưng thông minh, tài giỏi, trí tuệ hơn người. Thục Phán thách 9 chúa cùng nhau đấu võ, ai thắng sẽ được nhường ngôi vua, kết quả bất phân thắng bại. Thục Phán lại bày ra cuộc đua tài; ai giỏi nghề gì làm nghề đó, hẹn 3 ngày 3 đêm kết thúc, ai hoàn thành đúng hạn sẽ được làm vua. Mỗi chúa một việc thách nhau: Đi lấy trống đồng, dùng cung bắn trụ hết lá đa, làm một nghìn bài thơ, nhổ mạ bãi Phiêng Pha đem về cấy cánh đồng Tổng Chúp, đóng thuyền rồng, đẽo đá làm guốc, nung vôi và làm gạch xây thành, lấy lõi cày mài thành trăm chiếc kim.

1. “Hiện tại, còn dấu vết của một tòa thành ở Cao Bằng, dân gian gọi là thành Bản Phủ. Tương truyền đây là thành của Tục Pán (Thục Phán), người đã giành chiến thắng được tôn làm vua nước Nam Cương sau cuộc đua tài “Cầu chúa cheng vua” (Chín chúa tranh vua). Thành này có hai lớp tường thành đất bao bọc gọi ra truyền thống đắp thành Cổ Loa sau khi An Dương Vương rời Cao Bằng xuống đóng đô ở đồng bằng. Vị trí của thành Bản Phủ, Cao Bằng khá phù hợp với vị trí của Tây Âu ở thế kỷ III trước Công nguyên, hoặc vị trí của huyện Tây Vu sau khi bị nhập vào Nam Việt rồi Tây Hán” (dẫn theo Viện sử học: *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, t.1, tr.143).

Thục Phán một mặt ký giao kèo để các chúa thi đấu, mặt khác chọn chín cung nữ tài sắc, văn võ vẹn toàn, lên theo các chúa, dùng mỹ nhân kế làm thất bại cuộc đua tài của họ khi sắp thành công. Kết quả là không chúa nào thắng cuộc. Thục Phán vẫn giữ ngôi vua. Các chúa đều quy phục.

Nước Nam Cương trở nên cường thịnh. Đứng trước họa xâm lăng của nhà Tần, Thục Phán cùng nhiều thủ lĩnh người Âu Việt và Lạc Việt khác đã liên kết tổ chức cuộc chiến đấu chống quân Tần. Trước thế mạnh của quân Tần, người Việt “chọn người dũng mãnh mạnh dũ làm tướng lĩnh, đang đêm tấn công Tần”¹ mà tương truyền, trận chiến tại Hoàng Ngà (nay thuộc thành phố Cao Bằng) tiêu diệt hơn 300 quân Tần là một trong những chiến thắng lớn trong kháng chiến chống quân Tần xâm lược. Cuộc chiến đấu anh dũng kéo dài khoảng 5, 6 năm đã làm thất bại âm mưu xâm lược của quân Tần, buộc chúng phải rút quân khỏi đất nước ta. Thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến đã thắt chặt quan hệ đoàn kết gắn bó vốn có giữa người Âu Việt và Lạc Việt, càng củng cố, nâng cao uy tín của Thục Phán trong cộng đồng giữa người Âu Việt và Lạc Việt. Sau đó, Thục Phán thế ngôi Vua Hùng, hợp nhất hai bộ tộc Âu Việt và Lạc Việt thành lập nước Âu Lạc, hiệu là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội).

Truyền thuyết “Chín chúa tranh vua” còn được minh chứng bằng các di tích, di vật và địa danh cụ thể tại Cao Bằng như: Tổng Lăn (trống lăn) ở xã Thịnh Vượng và cánh đồng Phiêng Pha ở xã Mai Long (huyện Nguyên Bình); đôi guốc đá khổng lồ ở bản Thanh, cây đa cổ thụ ở Cao Bình và cánh đồng Tổng Chúp (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng); Khau Lừa (tức đôi thuyền) ở thị

1. Nguyễn Tôn Nhan: *Hoài Nam Tử, cuộc đời tư tưởng và toàn văn Hoài Nam Hồng Liệt, quyển 2, Thiên Mười tám: Nhân gian huấn (quan sát quan hệ chuyển hóa giữa họa và phúc, lợi và hại)*, Sđd, tr.513.

trấn Nước Hai (huyện Hoà An); các địa danh làm thợ, mài kim, đun gạch, xây thành đều tập trung ở Cao Bằng. Giả thuyết về nguồn gốc Thục Phán là người bản địa còn được phản ánh trong các thần tích, ngọc phả, trong các nghi thức thờ cúng, trong ký ức dân gian, An Dương Vương - Thục Phán luôn luôn là một người có công dựng nước, giữ nước, như một vị anh hùng được tôn kính.

Từ truyền thuyết trên, nhiều nhà nghiên cứu đã tập trung hướng về Cao Bằng và cho rằng Thục Phán là thủ lĩnh của liên minh bộ lạc người Âu Việt ở phía Bắc nước Văn Lang, đó là nước “Nam Cương, gồm 10 xứ Mường (9 Mường của chín chúa và một Mường trung tâm của Thục Phán), tức 10 bộ lạc hợp thành, với địa bàn cư trú gồm vùng nam Quảng Tây, Cao Bằng và có thể rộng hơn, cả vùng núi rừng, phía Bắc Bộ, mà trung tâm là Cao Bằng”¹. Giáo sư Đào Duy Anh đã khẳng định: “Sự phát hiện truyền thuyết của người Tày trên kia đã khiến chúng tôi thay đổi nhiều ý kiến tranh cãi ức thuyết về sự thành lập nước Âu Lạc mà chúng tôi đã trình bày trong sách lịch sử cổ đại Việt Nam. Chúng ta có thể nói một cách đại khái rằng miền nam sông Tả Giang và lưu vực sông Hữu Giang cùng với thượng lưu các sông Lô, sông Gâm, sông Cầu là địa bàn sinh tụ của những bộ lạc Tây Âu hợp thành bộ lạc liên hiệp Nam Cương mà Thục Phán là tù trưởng tối cao”².

Như vậy, mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc của Thục Phán, tuy nhiên các nhà nghiên cứu hiện nay trên căn bản đều thống nhất phủ định thuyết về nguồn gốc Ba Thục của Thục Phán và phần nhiều đều tin rằng ông là người Tày cổ, thủ lĩnh của liên minh bộ lạc Tây Âu mà trung tâm là Cao Bằng.

Mặc dù truyền thuyết đã được sửa sang, thêm thắt theo quan niệm dân gian, nhưng nó vốn là một truyền thuyết cổ và chứa

1, 2. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Khoa học xã hội, 1964, tr.22, 22.

đựng nhiều nhân tố hợp lý cần phải được khai thác triệt để và nghiên cứu kỹ lưỡng. Hơn thế, những tập tục, truyền thuyết dân gian sưu tập được tại Cổ Loa và vùng phụ cận cũng phù hợp với cách lý giải nguồn gốc Thục Phán - An Dương Vương là người Tày cổ giống như truyền thuyết Chín chúa tranh vua. “Trong tâm thức dân gian vùng Cổ Loa luôn ghi nhớ nguồn gốc “người thượng du, một tù trưởng miền núi” của Thục Phán. Thậm chí còn nói rõ quê gốc của Thục Phán - An Dương Vương là Cao Bằng”¹.

Ngày nay, các địa danh, câu chuyện gắn liền với Thục Phán - An Dương Vương vẫn còn in sâu đậm trong nhân dân, và nhân dân vẫn còn nhiều tập tục lưu lại, liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương và thành Cổ Loa. Đó là các biểu tượng Rùa vàng, Gà trắng, trong đó Gà trắng phá hoại còn Rùa vàng giúp xây thành Cổ Loa. Rùa vàng, Gà trắng là những linh vật có ý nghĩa biểu tượng trong dân tộc Tày. Từ những quan niệm đó đến những phong tục, tập quán của người Tày về Rùa vàng và Gà trắng, cho thấy rõ: “Sự tương đồng với những chi tiết trong truyền thuyết An Dương Vương xây thành Cổ Loa, những nét tương đồng ấy phải chăng có cội nguồn từ nguồn gốc Tày cổ của Thục Phán - An Dương Vương. Vì nhà vua là Tày cổ nên những quan niệm, phong tục cổ của người Tày đã được đưa đến vùng đất Cổ Loa”².

Trong những năm 1960, ở Cao Bằng còn lưu truyền “Slửa nộc soa” (áo lông chim trĩ) và “Slửa nộc cốt” (áo lông chim bìm bịp), loại sang hơn là “Slửa cáy nhùng” (áo lông gà công). Đó là những chiếc áo gần với chiếc “áo lông ngỗng” của My Châu - con gái An Dương Vương. Ngay cả My Châu cũng do biến âm tiếng Tày từ “Mẻ chữa” hay “Mẻ Chẩu” mà thành. Địa danh Cổ Loa được các nhà ngôn ngữ - dân tộc học phân tích nguồn gốc biến âm từ

1, 2. GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc: *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2006, tr.89, 90.

Kẻ Lũ; những địa danh có tên Kẻ ở Cao Bằng không thiếu, gần thành Bản Phủ có Kẻ Giẳng, Kế Nông... rồi Cả Lọ, Co Lỳ tương ứng với Cà Lồ, Cỏ Loa... Rất nhiều địa danh vùng Cỏ Loa và Bản Phủ cho thấy có thể có sợi dây liên hệ giữa hai kinh đô Nam Bình và Cỏ Loa.

Nhà sử học Ngô Sĩ Liên khi viết sử đặc biệt chú ý đến nguồn tài liệu dân gian. Ông là sử gia đầu tiên hệ thống hóa một số truyền thuyết về thời kỳ Hùng Vương chuyển tiếp sang Thục Phán - An Dương Vương và thận trọng bóc dần cái vỏ truyền thuyết tìm ra cái cốt lõi của sự thật lịch sử, để viết phần đầu của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, phần nói về nguồn gốc dân tộc, về sự nghiệp mở nước của tổ tiên. Sau này Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết trong bài “Nhân ngày giỗ tổ vua Hùng” (báo *Nhân Dân*, số 5494 ra ngày 29/4/1969) đã nói rõ ý nghĩa của truyền thuyết đối với công tác nghiên cứu thời đại Hùng Vương nói riêng và nghiên cứu lịch sử nói chung.

Chính vì vậy có thể khẳng định: Mặc dù là truyền thuyết nhưng gạt bỏ những yếu tố huyền thoại thì truyền thuyết “Cầu chửu cheng vua” vẫn chứa đựng những hạt nhân lịch sử hợp lý, là một trong những tư liệu quý cho các nhà sử học cần phải được khai thác triệt để và tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng. Đó là quá trình phát triển hợp lý, cả thời gian, không gian, vừa có tính liên tục, tính kế thừa của sự kiện lịch sử. Điều đó góp phần làm sáng tỏ và khẳng định giả thuyết: Thục Phán là một thủ lĩnh của người Âu Việt trên địa bàn phía Bắc nước Văn Lang lúc bấy giờ, mà trung tâm là Cao Bằng đã có công lớn đối với việc thành lập nước Âu Lạc, đóng góp vào quá trình dựng nước và giữ nước trong giai đoạn đầu tiên của lịch sử dân tộc. Nước Âu Lạc ra đời là một bước phát triển mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

THỦ LĨNH NÙNG TRÍ CAO TRONG TÂM THỨC NHÂN DÂN CAO BẰNG

NÔNG HẢI PÍN*

Nùng Trí Cao, người Tày, quê ở động Tượng Cần (nay là xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) là con của Nùng Tôn Phúc - thủ lĩnh châu Thảng Do¹. Nùng Trí Cao thời niên thiếu rất siêng năng học chữ và rất ham mê võ nghệ. Khi thấy các con đến tuổi học võ và mong muốn cho các con sớm có võ nghệ cao cường, thủ lĩnh Nùng Tôn Phúc đã mời riêng một võ sư về nhà chuyên dạy cho các con. Lên 8 tuổi, Nùng Trí Cao đã theo anh trai ra thao trường luyện tập múa kiếm, múa giáo, bắn cung, đua ngựa.

Bất bình với sự sách nhiễu cống phứ của triều đình, năm 1038, Nùng Tôn Phúc đã tổ chức quân đội, xây dựng thành trì, lập nước Trường Sinh; sau đó bị vua Lý Thái Tông trấn áp nên thất bại.

Năm 1039, vì bố và anh trai cả qua đời, Nùng Trí Cao sang bên ngoại nhờ cậu Đường Thanh - Động trưởng động Lô Hỏa dạy bảo thêm đường côn, đường kiếm. Mới 17 tuổi, Nùng Trí Cao đã to lớn, vạm vỡ, khỏe mạnh, lanh lợi, hoạt bát như những chàng trai

* Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng.

1. Châu Thảng Do thuộc châu Quảng Nguyên (châu Quảng Nguyên dưới thời nhà Lý gồm toàn tỉnh Cao Bằng ngày nay).

đôi mươi. Do miệt mài khổ luyện, Nùng Trí Cao đã nhanh chóng trở thành tay cung thiện xạ, huấn luyện con long mã thành con ngựa thiện chiến. Nùng Trí Cao đã trưởng thành, tự lượng sức; đã có đủ tài đứng ra làm việc dân, việc động, việc nước.

Năm 1041, Nùng Trí Cao cùng mẹ là A Nùng từ động Lôi Hỏa trở về châu Thăng Do tập hợp, chiêu tập binh mã dựng nước Đại Lịch. Nùng Trí Cao bị vua Lý bắt sống, được triều đình nhà Lý đưa về học hành tại kinh đô Thăng Long cùng tôn thất nhà Lý. Vua Lý phong ông làm Châu mục Quảng Nguyên và giao cho cai quản bốn động (Lôi Hỏa, Bình, An, Bà) và châu Tư Lang (thuộc các huyện Trùng Khánh và Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng ngày nay). Năm 1043, Nùng Trí Cao được nhà Lý phong chức Thái bảo, cấp ấn Đô tướng.

Châu Quảng Nguyên là một vùng đất giàu có, nhiều khoáng sản quý hiếm như vàng bạc. Tiếp giáp với Quảng Nguyên ở phía tây như Hà Giang, Tuyên Quang cũng là những địa phương có khả năng kinh tế to lớn dựa vào đồng, chì... Do đó, các triều đại phong kiến phương Bắc, nhất là nhà Tống luôn lăm le dòm ngó, âm mưu thôn tính xâm lược. Am hiểu sâu sắc vấn đề đó, Nùng Trí Cao đã thể hiện vai trò tích cực trong nhiệm vụ trấn giữ và làm phân giậu trên một vùng biên thùy trọng yếu.

Năm 1050, nhà Tống phát động cuộc chinh Nam. Khi quân Tống xâm phạm vùng biên giới, Nùng Trí Cao lập tức tập hợp lực lượng nổi dậy ở động Vật Ác, chiếm cả châu An Đức (Quảng Tây, Trung Quốc) làm căn cứ địa, xây dựng nước Nam Thiên, lấy hiệu là Cảnh Thụy, phát động chiến tranh chống Tống. Nùng Trí Cao bắt sống chỉ huy sứ Ung Châu là Kỳ Bân, đem quân đánh phá Quảng Đông, Quảng Tây làm quân Tống chống cự không nổi.

Sau khi chiếm châu An Đức, Nùng Trí Cao dựa vào địa hình rừng núi, lập căn cứ chiêu nạp quân sĩ, tích trữ lương thực, hoạch định hướng tiến công sang đất Tống. Khi lực lượng trở nên hùng hậu, tháng tư năm Nhâm Thìn (năm 1052), Nùng Trí Cao đem

5.000 quân tiến đánh thành Ung Châu (Nam Ninh ngày nay), giết tri châu Trần Cung và đô giám Quảng Tây Trương Lập.

Để nhanh chóng tập hợp quân chúng, quân Nùng Trí Cao phá nhà tù, ra lệnh đại xá, mở các kho lương thực phát cho dân và được quảng đại quần chúng hoan nghênh, dọc đường quân chúng đua nhau gia nhập đội ngũ Nùng Trí Cao. Lực lượng Nùng Trí Cao ngày càng phát triển và lan rộng khiến cho quân Tống ở vùng Lưỡng Quảng hoang mang lo sợ và chống cự yếu ớt, nhanh chóng quy hàng. Cuộc tiến công thắng lợi, Nùng Trí Cao lập nước Đại Nam, xưng là Nhân Huệ hoàng đế và đổi niên hiệu là Khải Lịch. Thanh thế của quân Nùng Trí Cao ngày càng lớn, chỉ trong vòng hai tuần đã tiến đến chiếm thành Quảng Châu. Nhà Tống lo sợ, nhiều lần đem quân tấn công nhưng đều thất bại, ngày một thêm mất đất, mất dân.

Năm 1053, vua Tống cử Tống Địch Thanh làm Tuyên phủ sứ đánh Nùng Trí Cao. Khi bị nhà Tống truy đuổi, mặc dù quân Nùng Trí Cao được sự tiếp viện của triều đình nhà Lý nhưng không cứu vãn nổi tình thế. Cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao hoàn toàn bị dập tắt. Sau khi ông mất, Vua Lý thương xót, cho lập đền thờ ông ở động Tượng Cẩn (Đền Kỳ Sầm, xóm 9, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng), đặc chiếu sắc phong là Khâu Sầm Đại vương (vua lớn của núi Khâu Sầm). Đền thờ được nhà Lý phong Thượng Đẳng thần, xuân thu nhị kỳ quốc tế; các triều đại sau gia phong mỹ tự: Khâu Sầm tế thế, an dân hãn ngoại, ninh thủy trấn dịch, anh nghị quả đoán hiển ứng thùy hư, hộ quốc an dân Đại Vương.

Nùng Trí Cao đã phát huy tốt vai trò người lãnh đạo, người đứng đầu, tổ chức, cai quản vùng đất châu Quảng Nguyên. Triều Tống thường cho quân quấy nhiễu vùng biên giới, âm mưu xâm lược, cướp bóc nguồn tài nguyên khoáng sản của Quảng Nguyên. Xuất phát từ lòng yêu quê hương, bảo vệ biên cương của đất nước, Nùng Trí Cao xây dựng lực lượng hùng mạnh nhằm chống lại nhà Tống xâm lược. Cuộc nổi dậy và chiến tranh kéo dài từ năm 1048

đến năm 1053 của Nùng Trí Cao trên đất Tống (vùng Quảng Tây, Quảng Đông ngày nay) vừa có tính chất chống lại chế độ áp bức, bóc lột của triều đình Tống, đồng thời, quan trọng hơn là thực hiện nhiệm vụ tự vệ, tiến công để tự vệ với mục đích chính là gây thiệt hại nặng về hậu cần kỹ thuật, tiêu diệt lực lượng quân Tống, làm nhụt chí và làm phá sản tham vọng bành trướng của nhà Tống xuống phía Nam. Có lẽ trên cơ sở kinh nghiệm này, hơn 20 năm sau, nhà Lý đã mở cuộc tấn công thành Ung Châu để chủ động tiêu diệt các căn cứ chuẩn bị xâm lược của quân Tống đối với nước ta.

Cuộc nổi dậy chống quân Tống của Nùng Trí Cao được ghi dấu ấn đậm nét trong những trang sử đấu tranh của dân tộc và ông cũng là người đại diện cho ý chí và sức mạnh của nhân dân Cao Bằng trong việc bảo vệ và giữ vững biên cương của Tổ quốc ở thế kỷ XI. Nhân dân tôn vinh những thành tựu xây dựng, bảo vệ quê hương của ông gắn với cuộc kháng chiến chống quân Tống của Đại Việt dưới triều Lý.

Trong tâm thức nhân dân, Nùng Trí Cao là thủ lĩnh thanh liêm, có đức độ. Do đó, các quan, tướng lĩnh của Nùng Trí Cao cũng liêm khiết và chăm lo tu dưỡng đức độ, không gây phiền hà, sách nhiễu dân chúng. Chiến thắng trở về, Nùng Trí Cao lo việc chấn chỉnh bộ máy. Ông chọn những người ở địa phương có uy tín, có đức độ, tài năng, biết chữ nghĩa ra làm việc. Ông cấm ngặt các quan ăn hối lộ, biếu xén, cấm sách nhiễu dân để dân được yên ổn làm ăn. Nùng Trí Cao chăm lo mở mang nhiều ngành nghề, sắp xếp việc làm, khuyến khích khai hoang. Ông tập hợp những người làm thuốc, biết nghề thuốc lập ra những nhà chữa bệnh cho dân. Ông nhắc các động, các châu lưu ý mở nhiều trường, nhiều lớp dạy chữ cho các cháu nhỏ trong độ tuổi cần học...

Với tư tưởng, hành động, việc làm nêu trên, cộng đồng người Tày, Nùng ở châu Quảng Nguyên cho rằng Nùng Trí Cao là người có công vô cùng lớn, người tràn đầy sự dũng cảm, một người anh hùng dân tộc.



Nhân dân trải hội đền Kỳ Sâm,
xóm 9, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng

Ảnh: Nông Thế Vĩnh.

Trong quan niệm và niềm tin của nhân dân, Nùng Trí Cao là vị thần giúp nhân dân làm ăn sung túc, mùa màng bội thu, nuôi lợn, gà, trâu, bò sinh sôi đàn đống, tạo ra mưa thuận gió hòa, chống được hạn hán, lũ lụt... Nùng Trí Cao mang hình ảnh của một vị thần sáng tạo trong nông nghiệp.

Trong văn hóa, tín ngưỡng dân gian, Nùng Trí Cao từ một nhân vật lịch sử đã trở thành một biểu tượng văn hóa, một vị thần sáng tạo, một anh hùng huyền thoại trong đời sống tâm linh của người dân Cao Bằng.

Để tưởng nhớ ơn đức của Nùng Trí Cao, nhân dân nhiều nơi lập nhiều đền thờ cúng ông: đền Kỳ Sâm ở Bản Ngân (nay là xóm 9), xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng (được xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 43-VH/QĐ, ngày 07/01/1993 của Bộ Văn hóa - Thông tin); đền thờ Nùng Trí Cao tại thị trấn

Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa (được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 63/QĐ-UBND, ngày 13/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng); đền thờ Nùng Trí Cao tại xóm Cốc Vườn, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng (được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 2821/QĐ-UBND-VX, ngày 26/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng); đền thờ Nùng Trí Cao tại xóm Bản Hà, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng (được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 1430/QĐ-UBND-VX, ngày 27/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng); đền Bà Hoàng thuộc phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, thờ Minh Đức Hoàng hậu A Nùng, vợ của Nùng Tôn Phúc, mẹ của Nùng Trí Cao (được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 2485/QĐ-UBND, ngày 04/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng). Vào dịp đầu xuân hàng năm, tại các điểm này, nhân dân trong vùng tổ chức lễ hội. Đến dự đông vui nhất là Lễ hội đền Linh Ấn (hay đền Kỳ Sầm) được tổ chức vào ngày 10 tháng Giêng, nhân dân ở nhiều vùng, miền đến trải hội. Việc thờ cúng Nùng Trí Cao bao gồm các quy tắc, nghi thức, hành lễ nghiêm trang trong các ngày lễ hội biểu thị sự tôn sùng của nhân dân với Nùng Trí Cao.

Việc tổ chức lễ hội, tôn thờ Nùng Trí Cao hiện nay ở các địa phương mang ý nghĩa tích cực, là hoạt động tri ân, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của nhân dân. Đồng thời thể hiện tư tưởng, tình cảm, truyền thống tốt đẹp của nhân dân địa phương đối với Nùng Trí Cao - người có công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Tống dưới thời Lý ở thế kỷ XI.

TƯ THIÊN QUẢN NHẠC BẾ VĂN PHỤNG

LÊ CHÍ THANH*

Một vị quan Tư thiên quản nhạc nổi tiếng gắn liền với thời nhà Mạc đóng đô ở Cao Bình từ những năm 1592 - 1677, đó là ông Bế Văn Phụng, người dân tộc Tày, sinh ra và lớn lên tại làng Bản Vạn, châu Thạch Lâm (nay thuộc thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng). Ông được nhà Mạc tuyển dụng và tiến cử Trạng nguyên, phong làm Tư thiên quản nhạc của triều đình. Lại có tương truyền trong dân gian rằng, Bế Văn Phụng cùng học với bà Tĩnh Phi Hoàng hậu Nguyễn Thị Duệ, quê làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Năm 10 tuổi, Bà cùng gia đình theo nhà Mạc chạy lên Cao Bằng và đã giả trai vào học Trường Quốc học Bản Thành, Cao Bình, châu Thạch Lâm. Năm 1616, Bà thi đỗ tiến sĩ - nữ tiến sĩ duy nhất của lịch sử khoa bảng phong kiến Việt Nam. Sau đó, Nguyễn Thị Duệ được vua Mạc Kính Cung mời vào triều đình để dạy các phi tần, cung nữ. Bế Văn Phụng trong nhóm thí sinh đỗ đầu, được nhà Mạc tấn phong làm Tư thiên quản nhạc, phụng sự triều đình. Cuộc đời, thân thế và sự nghiệp của ông nổi tiếng với văn chương, thơ phú, đặc biệt là có công lớn đưa dân ca hát then - đàn tính vào cung đình, được triều đình nhà Mạc và nhân dân quý trọng, đánh giá cao. Trong tâm thức dân gian, ông là một trong những

* Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng, Chủ tịch Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

ông tổ hát then - đàn tính (gọi tắt là then tính), thuộc dòng then nữ của Cao Bằng.

Cuối thế kỷ XVI, năm Quang Hưng thứ 15 (năm 1592), triều Mạc sụp đổ. Nghe theo lời Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm: “Cao Bằng nhất thốn thổ khả dung sở thế” (một tấc đất Cao Bằng có thể dung thân vài đời), nhà Mạc lên Cao Bằng cố thủ, dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở để xây dựng căn cứ, chọn Na Lữ (xã Hoàng Tung, huyện Hòa An ngày nay) là đế đô, vương phủ ở Cao Bình (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng). Nhà Mạc ở Cao Bằng trải qua ba đời vua bắt đầu từ Mạc Kính Cung (1592 - 1625), Mạc Kính Khoan (1625 - 1638) đến Mạc Kính Vũ (1638 - 1677). Do thua trận, trong hoàn cảnh hàn vi, ly tán, vua Mạc và triều đình rất buồn, tâm trạng nặng nề khổ đau khi phải rời xa Thăng Long kinh kỳ. Mạc Kính Cung do buồn phiền mà phát bệnh ốm đau liên miên, thái y chữa không khỏi.

Bế Văn Phụng sống cùng thời với vua Mạc Kính Cung (1592 - 1625). Để làm khuây khỏa vua, quan nhà Mạc, giải nỗi ưu phiền đang bao trùm lên triều đình, ông đã dày công viết nên tác phẩm *Tam Nguyên luận* nổi tiếng với 800 câu thơ và lập ra đội hát then nữ (then tính nữ) đến hát, múa ở cung đình. Đội then tính nữ còn gọi là Đội then bụt (Pụt, vụt) để chỉ nghệ nhân nữ hát. *Tam Nguyên luận* gồm năm đoạn: Hạ nguyên, Trung nguyên, Thượng nguyên, Thất thế, Đắc thế; thực chất là kể chuyện chiêm tinh, hết bỉ cực đến thái lai, hết suy đến thịnh, bàn luận kế sách, tiên đoán về tương lai, được viết theo thể thơ thất ngôn trường thiên rất thuận cho trình diễn hát then - đàn tính. Đội then tính nữ thường xuyên luyện tập và hằng ngày trình diễn phục vụ cho vua quan triều đình nhà Mạc. Ông còn là tác giả của cuốn *Giáo nam, giáo nữ* khuyên trai gái siêng năng làm ăn, biết ứng xử trong các mối quan hệ gia đình và xã hội. Tác phẩm đề cao luân lý, được nhân dân truyền tụng đến ngày nay.

Thời ấy, ở xã Nga Ổ, châu Thượng Lang (nay là xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh) có người nghệ nhân là Nông Văn Noọng (tức Nông Quỳnh Văn) nổi tiếng tài hoa hiểu nhiều, biết rộng, được nhân dân địa phương mệnh danh là “Phù Cá đàng” nghĩa là vua quạ khoang (vừa ca đàng), ý nói là người hát hay, giỏi thơ văn. Với các tác phẩm nổi tiếng như *Lượn Ba chu (Ba châu)*, *Tứ quý hồng nhan*, ông được nhân dân địa phương tôn sùng là Trạng nguyên và danh tiếng nhanh chóng lan truyền khắp các nơi trong tỉnh. Ngay từ lần đầu tiên gặp nhau, hai ông Bế Văn Phụng và Nông Quỳnh Văn mới quen biết mà đã thân tình, cùng tâm đắc về văn chương và nghệ thuật hát then, đàn tính. Là Tư thiên quản nhạc, xem trọng nhân tài, nên Bế Văn Phụng coi Nông Quỳnh Văn như người bạn thân thiết, tri kỷ và tha thiết mời ông vào cung đình cùng phụng sự triều Mạc. Nông Quỳnh Văn xúc động trước đức độ của Bế Văn Phụng, làm quan trong triều đình mà ứng xử bằng hữu với mình. Hai người đều khâm phục tài năng của nhau và đã kết tồng (kết bạn tri kỷ).

Những ngày tháng kề vai sát cánh bên Bế Văn Phụng, Nông Quỳnh Văn đã lập nên đội then tính nam còn gọi là đội then giàng. “Giàng” ở đây ám chỉ nghệ nhân nam hát. Cũng như đội then nữ, đội then nam luyện tập chăm chỉ, thường xuyên cùng vào hát múa phục vụ cung đình nhà Mạc. Điều đặc biệt là, nội dung hát then - đàn tính (gọi tắt là then tính) chính là tập thơ *Tam Nguyên luận* của Bế Văn Phụng. Sau mỗi buổi biểu diễn, hai đội đều được vua quan tâm đắc, ngợi khen. Dần dà, Vua Mạc Kính Cung khỏi bệnh, làm thanh thoát tâm tưởng, con người trở nên mạnh mẽ, phóng khoáng, vương triều như cởi được gông xích tinh thần. Tiếng then tính càng ngọt lành, bay xa, được mọi người nâng niu, quý trọng và nhiệt thành đón nhận. Then tính đã trở thành điểm tựa tinh thần của nhà Mạc, là “món ăn” tinh thần không thể thiếu của nhân dân Cao Bằng. Then tính vào cung đình nhà Mạc đã góp phần tạo nên sự giao thoa mạnh mẽ giữa hai luồng văn hóa kinh

đô đồng bằng và miền núi Cao Bằng. Đó là quá trình được nâng cao về nghệ thuật trình diễn, tạo nên hai dòng then nữ (bụt) và then nam (giàng).

Đến khi triều Mạc tan rã, các nghệ nhân chia tay nhau trở về quê cũ. Cây đàn tính ba dây (then tính nữ) theo Bế Văn Phụng trở về vùng quê Hòa An và các huyện miền Tây, còn then tính nam cùng cây đàn tính hai dây theo Nông Quỳnh Văn về quê hương Trùng Khánh và các huyện miền Đông. Từ đó, hình thành nên hai dòng then miền Tây và miền Đông của Cao Bằng. Người sáng lập ra then tính miền Tây (còn gọi là bụt - then nữ) là Tư thiên quản nhạc - Trạng nguyên Bế Văn Phụng và người lập ra then tính miền Đông (còn gọi là giàng - then nam) là nghệ nhân tài hoa Nông Quỳnh Văn. Then tính hai miền được cắt nghĩa rõ ràng bằng một giai đoạn lịch sử 85 năm khi nhà Mạc đóng đô ở Cao Bằng. Từ sự hiểu biết về then tính ở cung đình, các ca sĩ, pháp sư đã truyền dạy cho bao lớp học trò làm mo then, giàng, đòi nợ tiếp đòi kia cho đến ngày nay và họ vẫn thờ tổ sư Bế Văn Phụng và Nông Quỳnh Văn.

Hát then - đàn tính có sức sống mãnh liệt, trường tồn và được nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng quý trọng, gìn giữ nâng niu, coi đó là nhu cầu tinh thần không thể thiếu trong đời sống, sinh hoạt cộng đồng. Hầu hết các làn điệu then tính đều được sử dụng và phát triển tại các lễ hội dân gian truyền thống, trên sân khấu chuyên nghiệp và trong phong trào ca hát quần chúng ngày nay. Nói đến hát then - đàn tính là người ta nhắc nhớ về một vị Tư thiên quản nhạc Bế Văn Phụng tài năng, đức độ, trọn đời cống hiến tâm sức của mình trong gây dựng, phát triển kinh tế - xã hội thời nhà Mạc trên quê hương Cao Bằng; người có tầm ảnh hưởng lớn, sâu rộng trong văn hóa dân gian truyền thống của Cao Bằng, là biểu tượng ngời sáng mãi mãi hiện hữu trong tâm thức của nhân dân.

ĐỒNG CHÍ HOÀNG ĐÌNH GIONG - NHÀ LÃNH ĐẠO TIÊN BỐI TIÊU BIỂU CỦA ĐẢNG VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS.TS. LÝ VIỆT QUANG*



Đồng chí Hoàng Đình Giông

Ảnh tư liệu.

Đồng chí Hoàng Đình Giông, người dân tộc Tày, sinh ngày 01/6/1904 trong một gia đình có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, tại làng Thôm Hoáng, xã Hạ Hoàng, sau chuyển sang làng Nà Toàn, xã Xuân Phách, châu Hoà An (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng). Từ một người thanh niên yêu nước nhiệt thành, đồng chí đã đến với lý tưởng cộng sản và trở thành một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng; đã đảm nhiệm các cương vị Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa I, trực tiếp phụ trách Xứ uỷ Bắc Kỳ, Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến,

* Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Chủ nhiệm Chính trị Bộ (Chính uỷ) Giải phóng quân Nam Bộ, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên Khu 9, Khu Bộ trưởng Khu 6. Đồng chí là một trong những nhà lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con ưu tú của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Những cống hiến của đồng chí Hoàng Đình Giông với sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc Việt Nam và quê hương Cao Bằng được thể hiện trên những nội dung chủ yếu sau:

1. Đồng chí Hoàng Đình Giông - người đảng viên cộng sản lớp đầu tiên đã chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng ở Cao Bằng, Lạng Sơn

Đồng chí Hoàng Đình Giông có những đóng góp to lớn và đặc biệt quan trọng, đặt nền móng đầu tiên cho phong trào cách mạng và tổ chức đảng ở hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Tháng 6/1928, đồng chí được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Từ nửa sau năm 1928 đến năm 1929, khi vẫn đang hoạt động ở Long Châu (Trung Quốc), đồng chí vừa giúp việc cho Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tham gia chuẩn bị cho các lớp huấn luyện lý luận chính trị, vừa trực tiếp chỉ đạo xây dựng cơ sở cách mạng, tích cực chuẩn bị cho sự ra đời tổ chức đảng cộng sản ở Cao Bằng. Tháng 12/1929, đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Văn Nộn được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng và thành lập Chi bộ Hải ngoại ở Long Châu (Trung Quốc). Với tư cách là Bí thư Chi bộ, đồng chí được Đảng trực tiếp giao nhiệm vụ chỉ đạo việc tổ chức, gây dựng và phát triển phong trào cách mạng ở Cao Bằng và Lạng Sơn. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập (03/02/1930), đồng chí Hoàng Đình Giông trở thành một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng, là một trong những người cộng sản đầu tiên của Cao Bằng. Đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu

tiên của Cao Bằng (ngày 01/4/1930) do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư Chi bộ. Cuối năm 1932, “Đảng bộ đặc biệt Long Châu” được thành lập trên cơ sở Chi bộ Hải ngoại Long Châu, đồng chí Hoàng Đình Giông được cử làm Bí thư Đảng bộ. Trên cơ sở đó, nhiều tổ chức đảng và cơ sở cách mạng trên địa bàn tỉnh được thành lập, phong trào cách mạng phát triển rộng khắp ở vùng Cao Bằng và Lạng Sơn.

2. Đồng chí Hoàng Đình Giông - người cán bộ tiên phong tham gia khôi phục hệ thống tổ chức đảng và phong trào cách mạng ở Bắc Kỳ

Sau Cao trào cách mạng 1930 - 1931, trước sự khủng bố tàn bạo của thực dân Pháp, phong trào cách mạng rơi vào thoái trào. Tháng 4/1932, đồng chí Hoàng Đình Giông bắt liên lạc được với đồng chí Lê Hồng Phong - người được Quốc tế Cộng sản cử về Đông Dương để chủ trì tái lập Ban Chấp hành Trung ương Đảng và hệ thống tổ chức đảng.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Đình Giông, cơ sở đảng, phong trào cách mạng Cao Bằng phát triển nhanh chóng. Tháng 7/1933, Đảng Cộng sản Đông Dương công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Đồng chí đã chỉ đạo xây dựng Cao Bằng thành một trong những cơ sở vững chắc để chấp nối liên lạc giữa Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng - cơ quan đóng vai trò là Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng - với bộ phận lãnh đạo Trung ương đang hoạt động trong nước và các cơ sở đảng trong phạm vi toàn quốc, nhất là trong quá trình tái lập hệ thống tổ chức đảng và phong trào cách mạng sau thời kỳ bị khủng bố trắng những năm 1931 - 1932.

Trong những năm 1932 - 1935, đồng chí Hoàng Đình Giông hoạt động thường xuyên, liên tục ở trong nước và ngoài nước, vừa tổ chức các lớp huấn luyện, vừa trực tiếp tham gia giảng dạy và có những thời điểm trực tiếp về hoạt động tại Cao Bằng, Hải Phòng,

vùng mỏ Đông Bắc để nắm tình hình và tham gia xây dựng cơ sở cách mạng. Với những hoạt động tích cực của đồng chí, các chi bộ Đảng tại Hải Phòng, vùng mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả (thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay) dần được tái lập và trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân.

Tháng 3/1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng diễn ra ở Ma Cao (Trung Quốc), với uy tín cao, đồng chí Hoàng Đình Giông đã được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ.

3. Đồng chí Hoàng Đình Giông - một cán bộ quân sự tài năng của Đảng và cách mạng Việt Nam

Sau khi thoát khỏi nhà tù đế quốc trở về Tổ quốc, đồng chí Hoàng Đình Giông được phân công cùng Tỉnh ủy Cao Bằng xây dựng lực lượng vũ trang, mở rộng vùng giải phóng, ngăn chặn quân Nhật tiến công, đồng thời tiêu trừ phi, bảo vệ vững chắc vùng căn cứ cách mạng và tích cực chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Tháng 8/1945, trên cương vị Trưởng Ban khởi nghĩa tỉnh Cao Bằng, đồng chí đã quyết đoán và khéo léo lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Cao Bằng thành công.

Cuộc kháng chiến Nam Bộ bắt đầu. Ngày 01/10/1945, đồng chí Hoàng Đình Giông được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng giao nhiệm vụ làm Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến với tên mới Võ Văn Đức do Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt. Trên cương vị là Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến, rồi Chủ nhiệm Chính trị Bộ (Chính ủy) Giải phóng quân Nam Bộ, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên Khu 9, đồng chí Hoàng Đình Giông đã xây dựng được khối đoàn kết vững chắc giữa nhân dân và bộ đội các địa phương; chỉ đạo xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và gắn bó cùng quân dân Nam Bộ bám trụ chiến đấu kiên cường, góp phần làm phá sản bước đầu âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.

Trên cương vị Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) Khu 6, chỉ huy các lực lượng vũ trang Ninh Thuận, Bình Thuận, đồng chí Hoàng Đình Giông đã chỉ đạo tăng cường đoàn kết quân dân, xây dựng căn cứ mới của Khu và tổ chức huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang về cách đánh du kích, xây dựng lực lượng kháng chiến ngày càng phát triển.

4. Đồng chí Hoàng Đình Giông - người cộng sản có đạo đức mẫu mực, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Đồng chí Hoàng Đình Giông là tấm gương tiêu biểu của một thanh niên trí thức với lòng yêu nước nồng nàn đã đến với lý tưởng cộng sản và trở thành một chiến sĩ cộng sản kiên trung, người con ưu tú của dân tộc và quê hương Cao Bằng.

Bị thực dân Pháp bắt, tra tấn dã man, giam cầm, đày ải tại nhiều nhà tù, như Đê lao Hải Phòng, Nhà giam Cao Bằng, Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Sơn La, Bắc Mê (Hà Giang), rồi bị đày đi Madagátxca (từ tháng 02/1936 đến tháng 10/1944), đồng chí vẫn nêu cao tinh thần kiên trung, bất khuất. Trong quá trình công tác, đặc biệt là sau khi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí luôn khắc ghi lời dạy ân cần và sâu sắc của Người trong lần gặp trước khi vào Nam: “Chú cầm quân ra chiến trường, văn, võ đều cần, nhưng phải chú trọng cái đức của người cán bộ cách mạng”¹ và tên gọi mới Võ Văn Đức ra đời từ đó. Học tập, quán triệt tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công tác và lối sống, đồng chí luôn đặt lợi ích của dân tộc, của Đảng và cách mạng lên trên hết, trước hết, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tuyệt đối phục tùng sự phân công của tổ chức,

1. Tỉnh ủy Cao Bằng: *Hoàng Đình Giông - Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng (1904 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.124.

sống giản dị, chân thành, gần gũi, gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân, chú ý lắng nghe và tôn trọng ý kiến của quần chúng nhân dân, được quần chúng nhân dân đặc biệt yêu mến, tin tưởng và cảm phục.

Ghi nhận những cống hiến và công lao to lớn của đồng chí Hoàng Đình Giong đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc, năm 1998, đồng chí được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh; năm 2009 được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, năm 2018 được công nhận là lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Với quá trình hoạt động cách mạng liên tục và trải rộng các địa bàn từ Bắc đến Nam, đồng chí Hoàng Đình Giong đã có những công lao to lớn với Đảng và cách mạng Việt Nam, nêu tấm gương ngời sáng của một nhà lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân học tập, noi theo.

HOÀNG VĂN NỌN - NGƯỜI BÍ THƯ LIÊN XỨ ỦY BẮC - TRUNG KỲ TRỌN ĐỜI CỐNG HIẾN CHO CÁCH MẠNG VIỆT NAM

ĐINH NGỌC VIỆN*



Đồng chí Hoàng Văn Nọn

Ảnh tư liệu.

Hoàng Văn Nọn (tức Hoàng Như, Hoàng Tú Hưu, Tú Hưu, Hoàng Ngọc Như, Văn Tân, Hoàng Lương Hữu, Thiết, Hoàng Vĩnh Tuy), người dân tộc Tày, sinh ngày 02/01/1907 ở làng Nà Toàn, xã Xuân Phách, châu Hòa An (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng).

Khi còn nhỏ, Hoàng Văn Nọn được gia đình cho đi học, được giáo dục về truyền thống yêu nước của dân tộc. Năm 1926, Hoàng Văn Nọn và một số thanh niên được Hoàng Đình Giông giác ngộ đi theo cách mạng. Tháng 9/1928, Hoàng Văn Nọn sang Long Châu, Quảng Tây (Trung Quốc) theo thư mời của đồng chí Hoàng Đình Giông đang hoạt động cách mạng ở Long Châu. Tại đây, đồng chí

* Nguyên Trưởng phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng.

đã được đồng chí Hoàng Đình Giong, Bùi Ngọc Thành là đại diện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bồi dưỡng về lý luận cách mạng. Sau đó, Hoàng Văn Nọn về nước hoạt động tại nhiều vùng ở Cao Bằng.

Tháng 10/1929, đồng chí Hoàng Đình Giong tiếp tục có thư mời Hoàng Văn Nọn và Lê Đoàn Chu sang Long Châu học tập, nghiên cứu lý luận cách mạng khoảng 10 ngày. Kết thúc kỳ học, đồng chí Lê Hồng Sơn kết nạp hai đồng chí: Hoàng Văn Nọn, Lê Đoàn Chu vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và giao nhiệm vụ về Cao Bằng hoạt động, tiếp tục vận động một số thanh niên ưu tú sang Long Châu học tập.

Tháng 12/1929, cùng các đồng chí Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Thụ, đồng chí Hoàng Văn Nọn được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng và thành lập Chi bộ Hải ngoại ở Long Châu (Trung Quốc). Sau đó, đồng chí Hoàng Văn Nọn được các đồng chí Lê Hồng Sơn, Hoàng Đình Giong giao nhiệm vụ và cử về Cao Bằng hoạt động, lựa chọn những cán bộ ưu tú để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng, tiến tới thành lập chi bộ Đảng ở Cao Bằng. Sau một thời gian hoạt động, thử thách, ngày 01/4/1930, đồng chí Hoàng Văn Nọn tổ chức lễ kết nạp hai đồng chí Lê Đoàn Chu (Lê Mới, Nam Cao) và Nông Văn Đô (Bích Giang, Cát Lợi) vào Đảng và thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của tỉnh Cao Bằng tại Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, châu Hoà An do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư. Chi bộ ra đời như một Tỉnh uỷ lâm thời lãnh đạo phong trào cách mạng toàn tỉnh.

Từ khi Chi bộ ra đời và chỉ đạo, phong trào cách mạng phát triển mạnh, các cơ sở đảng ngày càng phát triển, các chi bộ lần lượt ra đời ở nhiều xã tại các châu: Hòa An, Hà Quảng, Thạch An, Quảng Uyên... Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, từ năm 1930 đến năm 1932, hàng loạt cuộc đấu tranh, tổ chức rải truyền đơn tại thị xã Cao Bằng và các châu: Hòa An, Nguyên Bình, Quảng Uyên... đặc biệt là các cuộc đấu tranh, biểu tình chống bắt phu,

đòi quyền lợi khi đi phu diễn ra thường xuyên và mạnh mẽ. Năm 1933, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, trực tiếp là đồng chí Hoàng Văn Nọn, nhân dân 4 tổng: Tượng Yên, Hà Đàm, Nhượng Bạ, Tĩnh Oa¹ đã góp tiền và cử một đoàn đại diện cho nhân dân Cao Bằng, do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Trưởng đoàn đưa đơn kiến nghị về Hà Nội gặp Thống sứ Bắc Kỳ, với các yêu sách không được bắt đi phu ngày mùa, đi phu phải được cấp tiền, gạo. Sau ba lần đấu tranh kiên quyết, kiên trì, cuộc đấu tranh đã giành thắng lợi, từ đó, mỗi người đi phu được nhận ngày 3 hào, được phát gạo, muối đủ ăn trong thời gian đi phu. Thắng lợi trên đã khích lệ nhân dân các địa phương tiếp tục đấu tranh mạnh mẽ hơn. Trải qua đấu tranh, tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh ngày càng lớn mạnh, có hệ thống vững chắc từ tỉnh xuống cơ sở. Tháng 7/1933, Ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư.

Sự lớn mạnh của Đảng bộ tỉnh càng củng cố thêm lòng tin của nhân dân, phong trào cách mạng ở Cao Bằng tiếp tục phát triển mạnh mẽ và ngày càng sâu rộng, là một trong những điều kiện để Ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định cử đồng chí Hoàng Văn Nọn, Bí thư Tỉnh uỷ Cao Bằng làm đại biểu chính thức tham gia đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva (Liên Xô trước đây) vào tháng 7/1935. Tại Đại hội, đồng chí Hoàng Văn Nọn đã trình bày bài tham luận quan trọng về công tác vận động các dân tộc thiểu số ở Đông Dương tham gia cách mạng.

Trước khi tham dự Đại hội, hai đồng chí: Hoàng Văn Nọn và Nguyễn Thị Minh Khai được giới thiệu vào học Trường Đại học

1. Nay là phường Đề Thám và các xã Vĩnh Quang, Hưng Đạo thuộc thành phố Cao Bằng; thị trấn Nước Hai và các xã: Hoàng Tung, Hồng Việt, Bình Long, Đức Long, Nam Tuấn thuộc huyện Hoà An.

Phương Đông tại Mátxcova (Liên Xô), được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đến thăm và nói chuyện. Sau Đại hội, hai đồng chí tiếp tục học đến năm 1937 được bố trí qua Đức, Pháp, Italy,... về Hồng Kông (Trung Quốc) để về nước. Sau khi đến Hồng Kông, đồng chí Hoàng Văn Nọn đi Thượng Hải gặp đồng chí Lê Hồng Phong là đại diện của Quốc tế Cộng sản đang triệu tập hội nghị phổ biến chủ trương mới của Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng.

Sau khi họp hội nghị, đồng chí Lê Hồng Phong cử đồng chí Hoàng Văn Nọn làm đặc phái viên của Trung ương về nước củng cố Xứ uỷ Bắc Kỳ. Giữa năm 1937, đồng chí Hoàng Văn Nọn về Cao Bằng rồi xuống Hà Nội gặp các đồng chí Xứ uỷ cũ. Tháng 9/1937, Xứ uỷ Bắc Kỳ họp tại phố Hàng Bột để lập lại Xứ uỷ chính thức, bầu Ban Thường vụ Xứ uỷ gồm 3 đồng chí, do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư Xứ uỷ. Đến tháng 11/1937, Hội nghị thành lập Liên Xứ uỷ Bắc - Trung Kỳ được tổ chức bao gồm đại biểu Đảng bộ Bắc Kỳ và đại biểu của các Đảng bộ Bắc Trung Kỳ bàn các biện pháp khôi phục, xây dựng tổ chức đảng ở các địa phương, đồng chí Hoàng Văn Nọn được bầu làm Bí thư Liên xứ uỷ Bắc Kỳ - Bắc Trung Kỳ.

Với vai trò của mình, đồng chí Hoàng Văn Nọn tích cực đi các địa phương chỉ đạo củng cố, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng. Khoảng cuối năm 1937, đồng chí Hoàng Văn Nọn với tên mới là Hoàng Lương Hữu, trong vai một thợ ảnh mở hiệu ảnh Dân Chúng tại Hà Đông làm cơ sở hoạt động, chỉ đạo tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh. Trong hai tháng 01 và 02/1938, Liên Xứ uỷ Bắc Kỳ - Bắc Trung Kỳ tổ chức 2 hội nghị tại Hà Nội kiểm điểm tình hình tổ chức đảng, quân chúng ở Bắc Trung Kỳ, bàn về nhiều vấn đề quan trọng khác và bàn biện pháp tổ chức lại Liên Xứ uỷ. Tháng 4/1938, thực hiện chủ trương của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (họp tháng 3/1938), Xứ uỷ Trung Kỳ được thành lập, các tỉnh Bắc Trung Kỳ đặt dưới sự chỉ đạo của

Xứ uỷ Trung Kỳ. Liên xứ uỷ Bắc Kỳ - Bắc Trung Kỳ giải thể. Xứ uỷ Bắc Kỳ được lập lại, đồng chí Hoàng Văn Nọn tiếp tục làm Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Hoàng Văn Nọn trên cương vị Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ, Bí thư Liên xứ uỷ Bắc Kỳ - Bắc Trung Kỳ, phong trào đấu tranh của công nhân, nhân dân lao động các giới, thanh niên, học sinh ở nội thành và phong trào đấu tranh của nông dân ngoại thành Hà Nội phát triển mạnh mẽ, với nhiều hình thức phong phú. Đặc biệt là sự kiện tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 01/5/1938, đồng chí Hoàng Văn Nọn cùng các đồng chí Xứ uỷ Bắc Kỳ đã vận động nhân dân Hà Nội, Hà Đông tổ chức cuộc mít tinh lớn để biểu dương lực lượng tại khu Đấu Xảo, Hà Nội, thu hút 25.000 người tham dự, đánh dấu một bước tiến lớn trong công tác vận động, tổ chức quần chúng, tổ chức đấu tranh của Xứ uỷ Bắc Kỳ, của Đảng bộ Hà Nội.

Cuối năm 1938, với cương vị là Bí thư Xứ uỷ, đồng chí Hoàng Văn Nọn về Hà Đông trực tiếp chủ trì Hội nghị thành lập Đảng bộ tỉnh Hà Đông tại làng Vạn Phúc, sau đó, nhiều cơ sở đảng xung quanh Hà Nội phục hồi và đẩy mạnh đấu tranh. Trước tình hình đó, thực dân Pháp khủng bố ráo riết. Xứ uỷ Bắc Kỳ bị đánh phá và tổn thất, ngày 01/01/1939, đồng chí Hoàng Văn Nọn bị thực dân Pháp bắt tại phố Hàng Điếu, Hà Nội và đưa về Cao Bằng giam một năm, song không tìm được chứng cứ khép tội, thực dân Pháp buộc phải thả đồng chí. Ra khỏi trại giam, đồng chí Hoàng Văn Nọn đã xuống Hà Nội gặp Xứ uỷ Bắc Kỳ và được Xứ uỷ giao nhiệm vụ làm Bí thư Khu B (gồm các tỉnh Hải Dương, Quảng Yên (nay thuộc Quảng Ninh), Kiến An và Hải Phòng). Để bảo đảm bí mật, đồng chí Hoàng Văn Nọn đã lấy bí danh mới là Thiết. Trên cương vị mới, đồng chí Hoàng Văn Nọn đang tích cực hoạt động, khôi phục phong trào đấu tranh thì tháng 8/1940, thực dân Pháp giăng lưới bắt được đồng chí tại Hải Phòng, bị kết án 5 năm tù giam tại trại Bá Vân (Thái Nguyên), nhưng thực dân

Pháp cho rằng Hoàng Văn Nọn là đầu sỏ, là trùm cách mạng nên đưa về nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội).

Đầu năm 1945, đồng chí Hoàng Văn Nọn cùng các đồng chí: Đỗ Mười, Trần Đăng Ninh... vượt ngục về huyện Chương Mỹ, Hà Đông (nay thuộc Hà Nội) hoạt động, sau đó về Cao Bằng tiếp tục hoạt động, tham gia lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Hoàng Văn Nọn chuyển sang bí danh mới là Hoàng Vĩnh Tuy, trải qua nhiều cương vị công tác khác nhau. Đến năm 1961, đồng chí được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng. Ở bất cứ cương vị công tác nào và ở bất cứ nơi đâu, đồng chí Hoàng Văn Nọn vẫn thể hiện tinh thần sẵn sàng cống hiến, hy sinh, đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc, của nhân dân lên trên hết, trước hết; khó khăn, gian khổ nào cũng vượt qua, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành. Năm 1968, do sức khoẻ yếu và căn bệnh hiểm nghèo, đồng chí từ trần trong niềm thương tiếc vô hạn của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Cao Bằng, hoàn thành cuộc đời một chiến sĩ cộng sản vẹn toàn, suốt đời cống hiến sức lực, tài trí cho dân, cho Đảng.

Đồng chí Hoàng Văn Nọn đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp cách mạng, có nhiều đóng góp không chỉ đối với Cao Bằng mà còn với sự nghiệp cách mạng của đất nước. Với những công lao và cống hiến đó, đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập và nhiều phần thưởng cao quý khác. Đảng bộ và nhân dân tỉnh Cao Bằng đã đặt một đường phố to đẹp tại trung tâm thành phố Cao Bằng mang tên Hoàng Như - một trong những bí danh của đồng chí.

THƯỢNG TƯỚNG ĐÀM QUANG TRUNG - VỊ TƯỚNG TÀI BA CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

LÊ CHÍ THANH*



Thượng tướng
Đàm Quang Trung

Ảnh tư liệu.

Thượng tướng Đàm Quang Trung tên thật là Đàm Ngọc Lưu, người dân tộc Tày, sinh ngày 12/9/1921 tại làng Nà Nghiêng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Đàm Ngọc Lưu là thanh niên ưu tú, sớm ý thức sâu sắc thời cuộc, có lòng yêu nước nồng nàn, căm thù thực dân Pháp xâm lược và phong kiến phản động. Năm 16 tuổi, Đàm Ngọc Lưu tiếp bước theo gương hai anh ruột Đàm Văn Lý (tức Quý Quân), Đàm Minh Viễn (tức Đức Thanh) tham gia hoạt động cách mạng tại địa phương. Là người con hiếu thảo của gia đình, được làng bản yêu quý, Đàm Ngọc Lưu không quản khó khăn, gian khổ, bền bỉ, kiên trung, nỗ lực rèn

* Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng, Chủ tịch Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

luyện, phấn đấu và trở thành vị tướng lĩnh danh tiếng tài ba của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

Những năm 1936 - 1939, phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đòi quyền dân sinh, dân chủ lên cao, nhất là các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng các giai tầng đứng lên mạnh mẽ chống lại chế độ hà khắc, áp bức, bóc lột, phu phen, tạp dịch bất công của thực dân Pháp và đòi giảm thuế khóa, giảm giờ làm, tăng lương, cải thiện đời sống. Trước tình hình đó, năm 1937, người thanh niên yêu nước Đàm Ngọc Lưu tình nguyện tham gia hoạt động cách mạng trên địa bàn xã Sóc Hà. Từ lúc khởi đầu đến với cách mạng, Đàm Ngọc Lưu một lòng tin tưởng vào con đường đã chọn, noi gương hai anh, đem tuổi xuân phụng sự cho công tác Đảng giao.

Tháng 02/1939, trong lúc phong trào đấu tranh phản đế dâng lên mạnh mẽ, đồng chí Đàm Ngọc Lưu vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây là dấu ấn quan trọng, bước ngoặt tiến bước trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của ông. Trong hàng ngũ của Đảng, đồng chí Đàm Ngọc Lưu như được “chấp cánh đại bàng”, hăng hái cống hiến cho công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng quê hương, đất nước.

Với tinh thần hoạt động cách mạng nhiệt huyết không ngừng nghỉ, bọn địch đã để ý, tình nghi, theo dõi sát sao đồng chí Đàm Ngọc Lưu. Tháng 5/1940, đồng chí bị thực dân Pháp bắt giam nhưng với tinh thần kiên trung, một lòng với Đảng, chúng không khai thác được gì; tháng 3/1941, đồng chí được tổ chức giúp đỡ thoát khỏi sự quản thúc sang Tỉnh Tây (Trung Quốc) làm liên lạc cho cơ quan lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương. Tại đây, đồng chí đã được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được Người đặt cho tên mới là Đàm Quang Trung và cử đi học ở Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) cùng với các đồng chí Hoàng Văn Thái, Hoàng Sâm, Hoàng Minh Thảo, Vũ Lập... và tiếp tục hăng hái

hoạt động. Đến tháng 9/1944, đồng chí về nước trực tiếp tham gia huấn luyện du kích ở các xã biên giới.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập và nhanh chóng phát triển đội viên thành các đơn vị chủ lực đầu tiên. Đồng chí Đàm Quang Trung gia nhập vào đội ngũ đó và trở thành cán bộ Trung đội, Đại đội trưởng, Chi đội trưởng Đội Tuyên truyền giải phóng quân tại Thái Nguyên.

Tháng 8/1945, đồng chí được phân công chỉ huy Đại đội Việt - Mỹ cùng các lực lượng vũ trang tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, tiến về Hà Nội trực tiếp bảo vệ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, trong đại lễ Quốc khánh 02/9/1945. Tháng 3/1946, đồng chí được Đảng giao nhiệm vụ làm Khu đội trưởng Đặc khu Hà Nội.

Tháng 4/1946, đồng chí là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 31, Khu 5, Chỉ huy trưởng Mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng. Khi Liên khu 5 được thành lập, tháng 10/1948, đồng chí được bổ nhiệm làm Phó Tư lệnh kiêm Trung đoàn trưởng Trung đoàn chủ lực của Liên khu 5. Dưới sự chỉ huy của đồng chí, quân và dân Liên khu 5 đã mở chiến dịch, tổ chức các trận đánh phối hợp với chiến trường miền Bắc nhằm tiêu hao sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng và lập nhiều chiến công xuất sắc.

Từ tháng 01/1951 - 1952, đồng chí tham dự khóa đào tạo cán bộ trung cấp Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam. Kết thúc khóa học (khóa 6), đồng chí được bổ nhiệm Đại đoàn phó Đại đoàn 312, một trong những đơn vị chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong Chiến dịch Hòa Bình, Đại đoàn 312 đã hiệp đồng tác chiến cùng các Đại đoàn chủ lực 304, 308, 315 đập tan âm mưu, kế hoạch của thực dân Pháp, giải phóng thị xã Hòa Bình, tiêu diệt địch trên đường số 6, lập chiến công xuất sắc trên địa bàn Tu Vũ, Ba Vì,...

Sau đó, Đại đoàn 312 bước vào Chiến dịch Tây Bắc, Đại đoàn vinh dự được Bác Hồ đến thăm và ân cần động viên cán bộ, chiến sĩ. Bác đến thăm là nguồn động viên lớn, tạo động lực, sức mạnh cho đoàn quân, Đại đoàn 312 với khí thế hùng dũng đã phối hợp với Đại đoàn 308, 316, các lực lượng vũ trang tham gia chiến dịch và lập công lớn, phá tan âm mưu “Xứ Thái tự trị” của thực dân Pháp. Đại đoàn 312 đi đến đâu cũng được nhân dân cư mang, đùm bọc.

Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại đoàn 312 được giao nhiệm vụ mở màn tiêu diệt cứ điểm Him Lam, phối hợp cùng các đơn vị bạn thọc sâu vào tập đoàn cứ điểm, bắt sống toàn bộ chỉ huy, góp phần quan trọng giải phóng Điện Biên ngày 07/5/1954. Trong khí thế chiến thắng vang dội nức lòng cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Tây Bắc, tại lễ duyệt binh ở Mường Phăng ngày 13/5/1954, đồng chí vinh dự được thay mặt các đơn vị lập công nhận lá cờ “Quyết chiến, quyết thắng” từ tay Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến của dân tộc, mở ra kỷ nguyên mới độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam. Đồng chí Đàm Quang Trung luôn có mặt trong những thời khắc lịch sử trọng đại của dân tộc và cống hiến hết mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Những năm 1955 - 1966, đồng chí liên tục được nắm giữ những cương vị trọng trách: Tư lệnh Đại đoàn 312, Tư lệnh Quân khu Đông Bắc, sau đó là Phó Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn; Thường vụ Quân khu uỷ - Tư lệnh Quân khu Việt Bắc. Từ năm 1966 đến năm 1967, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của cả nước bước vào giai đoạn quyết liệt, chúng bắt đầu gây hấn “leo thang” ra miền Bắc, đồng chí Đàm Quang Trung lại được điều động về làm Tư lệnh Bộ Tư lệnh tiền phương kiêm Phó Tư lệnh Quân khu 4, sau đó là Bí thư Khu uỷ - Tư lệnh Quân khu.

Tháng 4/1974, đồng chí Đàm Quang Trung vinh dự được Đảng và Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Đến tháng 5/1976, đồng chí được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân khu 1, Bí thư Quân uỷ Quân khu. Đồng chí còn là một chính khách chính trị, nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Uỷ viên Trung ương Đảng khóa IV, V, VI; đại biểu Quốc hội từ khóa V đến khóa VIII. Tháng 01/1980, đồng chí được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Bước vào thời kỳ đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đồng chí vinh dự được phong quân hàm Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đồng thời, đồng chí được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Chiến công hạng nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba và Huy chương Quân kỳ Quyết thắng cùng nhiều danh hiệu cao quý. Thượng tướng Đàm Quang Trung là niềm quý trọng, tự hào của nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay, tên Đàm Quang Trung được đặt tên cho một con đường ở Thủ đô Hà Nội, nối từ đầu phía Bắc cầu Vĩnh Tuy đi qua trung tâm thương mại Aeon Long Biên đến chân cầu vượt Vĩnh Tuy. Tại trung tâm thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng có một đường phố mang tên Đàm Quang Trung. Tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng cũng có một ngôi trường trung học phổ thông mang tên Đàm Quang Trung.

KIM ĐỒNG - NGƯỜI ANH HÙNG TUỔI THIẾU NIÊN

LỤC THỊ NGA*

Tham gia làm cách mạng

Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền, sinh năm 1929, người dân tộc Nùng, sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Cha là Nông Văn Y, mẹ là Lân Thị Hồ¹, có 1 anh trai, 2 chị gái; gia đình có lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc. Cha bị thực dân Pháp bắt đi phu không rõ tung tích, anh trai là đội viên giải phóng quân chiến đấu và hy sinh tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Từ hoàn cảnh gia đình, chứng kiến cảnh người dân chịu sự áp bức, bóc lột, cuộc sống cơ cực đã sớm hun đúc trong Nông Văn Dền lòng căm thù giặc sâu sắc.

Ngày 28/01/1941, sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, cứu dân, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước, xây dựng Cao Bằng thành căn cứ địa cách mạng đầu tiên của cả nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tại Pác Bó, Người đã viết nhiều tác phẩm nhằm tuyên truyền, giác ngộ cách mạng trong nhân dân, trong đó tác phẩm *Nhi đồng cứu quốc* nhằm tập hợp các em nhỏ

* Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Đội tỉnh Cao Bằng (2002 - 2006).

1. Mẹ Lân Thị Hồ có 2 người con hy sinh cho cách mạng. Năm 1995, Mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” tại Quyết định số 438-KT/CTN, ngày 24/4/1995 của Chủ tịch nước.

sớm có lòng yêu nước tham gia bảo vệ cách mạng. Tháng 5/1941, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đội Nhi đồng cứu quốc. Ngày 15/5/1941, nhận nhiệm vụ của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao, anh Đức Thanh triệu tập và thành lập Đội Nhi đồng cứu quốc tại Pò Đoi dưới chân núi Thoong Mạ thuộc thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, châu Hà Quảng. Đội gồm 5 thiếu nhi: Nông Văn Dền - bí danh Kim Đồng (đội trưởng), Nông Văn Thàn - bí danh Cao Sơn, Lý Thị Nì - bí danh Thuỷ Tiên, Lý Thị Xậu - bí danh Thanh Thuỷ, Lý Văn Tịnh - bí danh Thanh Minh. Mục đích của đội là tham gia “đánh Tây, đuổi Nhật, giành độc lập cho nước nhà” với nhiệm vụ: làm giao thông liên lạc, đưa đón, bảo vệ cán bộ, canh gác các cuộc họp bí mật trong thôn...

Với vai trò đội trưởng, Kim Đồng thường mặc bộ quần áo chàm, đầu đội mũ nồi, tay xách lồng chim hoặc cần câu cá, luôn nhanh nhẹn, mưu trí và bảo đảm bí mật trong mọi hành động; đã nhiều lần đưa, chuyển thư, đưa đường cho cán bộ lọt qua sự bao vây, canh gác của địch. Tháng 8/1942, Kim Đồng vinh dự được gặp Bác Hồ tại hang Nộc Én. Bác khen đội trưởng Kim Đồng mưu trí, nhanh nhẹn, dũng cảm. Tại đây, Bác đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho Kim Đồng làm liên lạc cho Bác trong thời gian Bác hoạt động tại Pác Bó.

Sự hy sinh anh dũng

Ngày 14/02/1943, trong một lần Kim Đồng được giao nhiệm vụ đưa tài liệu mật về Đào Ngạn và đưa một cán bộ cấp cao trở về Pác Bó ngay trong đêm. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Kim Đồng trở về nhà, đi đến Bản Hoong bỗng rộ lên tiếng chó sủa, Kim Đồng sinh nghi có giặc đang lùng sục bắt cán bộ và nhớ đêm nay có cuộc họp của Tổng bộ Việt Minh liền nhanh chóng chạy về Nà Mạ báo tin cho các đội viên, đồng thời nhanh trí chạy theo hướng bờ suối để đánh lạc hướng và tập trung lực lượng của địch về phía mình. Khi chạy đến đầu Phai Mực, một tiếng súng vang lên...

Kim Đồng ngã xuống. Chính tiếng súng đã báo hiệu cho các đồng chí cán bộ rút lui về núi rừng an toàn. Lúc đó là rạng sáng ngày 15/02/1943, Kim Đồng anh dũng hy sinh khi vừa tròn 14 tuổi.

Ngày chiều 15/02/1943, thi hài Kim Đồng đã được chôn cất dưới chân núi Tèo Lài (thường gọi là núi Kim Đồng). Đến năm 1966, Huyện đoàn Hà Quảng phối hợp với các ngành chức năng xây dựng lại khu mộ. Mộ Kim Đồng được chuyển sang chỗ mới chùng khoảng 15 m.

Ghi công người anh hùng dân tộc nhỏ tuổi

Ngày 02/9/1944, Tổng bộ Việt Minh đã truy tặng liệt sĩ Nông Văn Dền (Kim Đồng) Bằng “Có công với nước”¹. Năm 1997, Nông Văn Dền (Kim Đồng) được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Để ghi nhớ công ơn liệt sĩ Kim Đồng, xứng đáng với tâm vóc và ý nghĩa lịch sử, mùa xuân năm 1984, báo Thiếu niên Tiền phong đã phát động thiếu nhi cả nước hưởng ứng phong trào “Kế hoạch nhỏ”, đóng góp tôn tạo Khu di tích lịch sử Kim Đồng. Ngày 15/5/1986, nhân dịp kỷ niệm 45 năm Ngày thành lập Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Khu di tích lịch sử Kim Đồng đã được khánh thành.

Năm 2011, nơi thành lập Đội Nhi đồng cứu quốc ở Pò Đoi và Khu lưu niệm Kim Đồng đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia². Khu di tích Kim Đồng cùng Nhà bia tưởng niệm nơi thành lập Đội Nhi đồng cứu quốc, tiền thân của Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh nằm trong quần thể Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó, được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt năm 2012.

1. Hiện nay, Bảo tàng Lịch sử quốc gia đang lưu giữ và trưng bày.

2. Tại Quyết định số 1723/QĐ-BVHTTDL, ngày 02/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Cuối năm 2012, Hội đồng Đội Trung ương phát động phong trào “Kế hoạch nhỏ” để thiếu nhi cả nước quyên góp tôn tạo, xây dựng khu mộ¹. Ban Bí thư Trung ương Đoàn và tỉnh Cao Bằng đã phê duyệt Dự án đầu tư, tôn tạo, mở rộng Khu di tích lịch sử Kim Đồng, giao Tỉnh Đoàn Cao Bằng làm chủ đầu tư với tổng kinh phí 47 tỷ đồng thực hiện từ năm 2012 đến năm 2018 chia thành 2 giai đoạn.

Dự án tôn tạo, mở rộng diện tích 12 ha với các hạng mục: khu mộ, tượng anh Kim Đồng; bức phù điêu gồm phía sau mộ, sân lễ hội, đường vào khu di tích, bãi đỗ xe, điện thờ, cầu không có mái và cầu có mái.

Để ca ngợi về người đội trưởng đầu tiên của Đội, đã có nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật về Kim Đồng. Tiêu biểu nhạc sĩ



Khu di tích lịch sử Kim Đồng

Ảnh: Hoàng Khuyển.

1. Gồm: mộ Kim Đồng và mộ mẹ Kim Đồng được đắp bằng đá hoa cương, sau mộ là tượng đài Kim Đồng trong bộ quần áo Nùng với tư thế một tay tựa đá, một tay hướng cánh chim lên cao, xung quanh tượng là 14 phiến đá, 14 cột đèn xung quanh mộ, 14 cây thông đều tượng trưng cho độ tuổi 14 của Kim Đồng.

Phong Nhã đã sáng tác bài hát *Kim Đồng* vào năm 1945 để ca ngợi những cống hiến của anh, bài hát đã lọt vào danh sách 50 bài hát thiếu nhi hay nhất thế kỷ XX của Việt Nam. Kế thừa Tủ sách Kim Đồng xuất bản trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1948 và để có một nhà xuất bản chuyên về sách văn học thiếu nhi của Việt Nam lấy tên người anh hùng trẻ tuổi, ngày 17/6/1957, Nhà xuất bản mang tên Kim Đồng được thành lập. Tháng 5/2001, nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, nhạc sĩ Hoàng Lê và Hoàng Long đã sáng tác, phổ nhạc bài hát *14 tuổi đời anh* với những lời ca, điệu nhạc hào hùng. Năm 2015, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặt hàng với Hãng phim hoạt hình Việt Nam sản xuất bộ phim hoạt hình "*Kim Đồng - người anh hùng nhỏ tuổi*" để làm tư liệu tuyên truyền, giáo dục trong thanh thiếu nhi cả nước.

Hình tượng người anh hùng dân tộc nhỏ tuổi liệt sĩ Kim Đồng mãi mãi khắc sâu trong tâm trí của thiếu nhi Việt Nam. Tên tuổi Kim Đồng đã gắn liền với núi sông, trở thành niềm tự hào, động lực phấn đấu cho lớp lớp thế hệ thiếu niên nhi đồng trên khắp cả nước và thiếu nhi trên quê hương cách mạng Cao Bằng học tập và noi theo.

LA VĂN CẦU - NGƯỜI SÁNG TẮM GƯƠNG ANH HÙNG

TRIỆU VĂN THỰC*



Anh hùng La Văn Cầu

Ảnh: Báo Quân khu 2.

Đồng chí La Văn Cầu (tên thật là Sầm Phúc Hương) sinh năm 1932 tại xã Đình Phong, trú quán tại xã Phong Nặm, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; người dân tộc Tày, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ

trang nhân dân, đồng chí là tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 671 Tiểu đoàn 73 Đại đoàn 316.

La Văn Cầu sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo, cha mất sớm do đi phu cho thực dân Pháp, đồng chí sống trong tình yêu thương, đùm bọc của mẹ, ngay từ khi còn nhỏ đã nung nấu lòng căm thù giặc và tình yêu quê hương, đất nước, quyết tâm khi lớn lên sẽ chiến đấu trả thù cho cha. Năm 1948, khi mới tròn 16 tuổi, La Văn Cầu đã khai tăng lên 18 tuổi để

* Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng, Thư ký Bí thư Tỉnh ủy, nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng.

tham gia bộ đội. Ban đầu tham gia vào đơn vị bộ đội địa phương tỉnh Cao Bằng, được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự sau đó được biên chế vào Đại đội 671, Tiểu đoàn 251, Trung đoàn 174. Được thoả lòng mong ước, vui mừng phấn khởi, sau khi nhập ngũ, đồng chí đã khắc phục mọi khó khăn, luôn gương mẫu tự rèn luyện và giúp đỡ, dìu dắt đồng chí cùng tiến bộ, được cấp trên và đồng đội rất quý mến.

Đồng chí đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu 29 trận đánh lớn, nhỏ, trong quá trình chiến đấu luôn xác định rõ ba quyết tâm là: 1- Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, trái tim còn đập, còn chiến đấu; 2- Đoàn kết, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ; 3- Nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật chiến trường. Trận nào đồng chí cũng nêu cao tinh thần gương mẫu, mưu trí, dũng cảm, chấp hành mọi mệnh lệnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, kiên cường, quên mình xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc và lập nhiều chiến công xuất sắc.

Trong trận phục kích trên quốc lộ 4, tại đèo Bông Lau - Lũng Phây (huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn), đồng chí tình nguyện xung phong vào tổ xung kích và đã tiêu diệt, loại khỏi vòng chiến đấu 10 tên địch, góp phần vào thắng lợi của quân ta trên trận địa phục kích đường số 4 Bông Lau - Lũng Phây. Khi ấy đồng chí mới 17 tuổi.

Đầu năm 1950, quân Pháp rút khỏi các đồn lẻ tập trung quân về thị xã Cao Bằng và thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An), chúng tăng cường binh lực, vũ khí, đạn dược nhằm cố thủ và bảo toàn lực lượng, hòng tránh sự tập kích bất ngờ trong chiến tranh du kích của ta. Sau khi phân tích đánh giá tình hình, ta chủ động mở Chiến dịch Phan Đình Phùng đánh đồn Đông Khê lần thứ nhất ngày 26/5/1950. Trong trận đánh này, đồng chí tuy đã bị thương nhưng vẫn kiên quyết xin được tham gia chiến đấu. Khi trận đánh gặp khó khăn, đơn vị bạn bị thương vong khá nhiều, đồng chí động viên anh em bằng bố cứu thương

và công thương binh về nơi tập kết an toàn. Trên đường rút về căn cứ, địch nhảy dù phản kích, dù bị thương nhưng đồng chí vẫn cùng đồng đội vác khẩu súng 12,7 ly thu được của địch về tới đơn vị. Chiến dịch Phan Đình Phùng kết thúc thắng lợi.

Để đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới, đưa cách mạng Việt Nam hòa nhịp với cách mạng thế giới, tháng 6/1950, Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở Chiến dịch Biên giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi đồng bào Cao - Bắc - Lạng” và trực tiếp ra trận đã làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ toàn quân. Trong trận đánh Đông Khê lần thứ hai, Tiểu đội phó La Văn Cầu được phân công chỉ huy tổ bộc phá. Đến tối 17/9/1950, tổ bộc phá bắt đầu đánh địch, nhiệm vụ của tổ (gồm 5 người) là tiêu diệt lô cốt mẹ (lớn nhất, có thể chứa được 1 trung đội). Bước vào chiến đấu, khi mở đường qua hai hàng rào thì hai đồng chí của tổ ôm bộc phá lên trước hy sinh, không hoàn thành được nhiệm vụ, hai đồng chí tiếp theo bị thương ở đùi không thể di chuyển được, chỉ còn một mình đồng chí La Văn Cầu. Đồng chí La Văn Cầu đã dũng cảm ôm bộc phá 12 kg lao lên phía trước giữa làn đạn vây ép sáng rực của kẻ thù, hỏa lực địch bắn xối xả, đạn của địch bắn trúng cánh tay phải, đồng chí La Văn Cầu ngã xuống và ngất đi trong mấy phút. Khi tỉnh lại thấy đã bị thương, tay phải bị đạn bắn gãy nát lủng lảng, má phải bị đạn sượt qua sưng tấy lên đau đớn, gói bộc phá 12 kg còn nguyên vẹn, vị trí này còn cách địch chừng 10 m, đồng chí đã gượng dậy bằng lên nhưng cánh tay bị thương vướng lủng lảng, đau đớn, rất khó vận động. Nghĩ đến nhiệm vụ chưa hoàn thành, đồng chí đã quay trở lại nhờ đồng đội giúp chặt bỏ cánh tay bị thương và băng bó. Sau đó, đồng chí tiếp tục quay trở lại nhằm thẳng lô cốt địch xông lên lần nữa và nhét bộc phá vào lỗ châu mai. Địch dùng súng đẩy bộc phá ra, vì chỉ còn một tay nên đồng chí phải dùng chân đẩy vào, rất may khối bộc phá hình chữ nhật nên bị mắc lại. Đồng chí giật liền một lúc hai kíp nổ rồi nhanh chóng chạy ngay xuống chiến

hào quân ta đang chiếm giữ. Một tiếng nổ dữ dội vang lên, sức ép quả bộc phá đẩy đồng chí đi khá xa và ngất đi. Khi tỉnh dậy, đồng chí thấy lô cốt đầu cầu cháy rừng rực cùng tiếng thét xung phong của đồng đội, đồng chí đứng lên tìm Ban chỉ huy xin tiếp tục lao lên để đánh tiếp lô cốt thứ 2 nhưng Ban chỉ huy không đồng ý và ra lệnh cho đồng chí rút về phía sau để cấp cứu điều trị vết thương, do máu chảy nhiều từ cánh tay nên đồng chí cũng đã kiệt sức. Khi vừa xuống tới chân đồi thì mấy quả đạn đại bác của địch trút xuống gần nơi đồng chí đứng, bị áp lực đạn hất tung và ngất đi trong mấy phút, tỉnh dậy đồng chí được các chị cứu thương chuyển cáng đến để cáng về, nhưng do thấy thương binh khá nhiều, đồng chí không chịu nằm lên cáng thương mà tự mình vượt đồi núi về đến trạm xá quân y (cách 4 km). Đến chiều ngày 18/9/1950, do vết thương bị nhiễm trùng nặng, các bác sĩ phải tháo đến khớp tay bả vai mới cứu sống được đồng chí.

Tổng kết Chiến dịch Biên giới năm 1950, đồng chí La Văn Cầu được Đại tướng Võ Nguyên Giáp khen ngợi là một trong những “lá cờ đầu trong phong trào giết giặc lập công”. Sau đó, đồng chí cùng một số chiến sĩ vinh dự được gặp Bác Hồ tại Chiến khu Việt Bắc năm 1951. Với những chiến công anh dũng trong trận đánh Đông Khê, tại Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất tháng 5/1952, đồng chí vinh dự được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 10/8/1952, đồng chí được trao tặng danh hiệu Anh hùng thi đua ái quốc theo Sắc lệnh số 107/SL.

Sau khi bị thương, đồng chí La Văn Cầu được cử đi học văn hóa và tham gia nhiều vị trí công tác khác nhau, sau này, đồng chí lên tới quân hàm Đại tá và nguyên là Ủy viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đến năm 1996, đồng chí nghỉ hưu, cư trú sinh hoạt tại Khu dân cư số 7, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Ngày nay, mặc dù tuổi đã cao, sức

khỏe yếu, không còn làm được nhiều việc như trước, song đồng chí vẫn tâm niệm “ngày nào còn tồn tại trên trái đất này thì phải đóng góp gì đó có ích cho cộng đồng và xã hội, ngay đơn giản như trở thành chiến sĩ bảo vệ môi trường, quét dọn ngõ, xóm sạch sẽ tôi cũng sẵn sàng”; “Tôi luôn có suy nghĩ làm việc với tinh thần giữ vững bản chất “Bộ đội Cụ Hồ”, không làm điều gì có hại đến cộng đồng, đến nhân dân, dù chỉ là một sợi tóc”. Với sự tham gia tích cực tại khu dân cư và địa phương nơi cư trú, năm 2019, đồng chí La Văn Cầu được thành phố Hà Nội trao tặng danh hiệu Công dân tiêu biểu Thủ đô. Đồng chí cũng là anh hùng duy nhất được thành phố Hà Nội và nhiều địa phương trong cả nước đặt tên đường khi còn sống như các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nam Định, Hải Dương, Tây Ninh, Quảng Ninh, Khánh Hòa.

Với những cống hiến trong suốt cuộc đời và sự nghiệp của mình, dù ở cương vị công tác nào, đồng chí vẫn luôn gương mẫu, tỏa sáng phẩm chất cao đẹp của Bộ đội Cụ Hồ. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân La Văn Cầu sẽ mãi là tấm gương sáng ngời cho lớp lớp thế hệ hôm nay và mai sau học tập và noi theo, là niềm tự hào của quê hương cội nguồn cách mạng Cao Bằng.

BẾ VĂN ĐÀN - NGƯỜI ANH HÙNG LẤY THÂN MÌNH LÀM GIÁ SÚNG

TÔ PHƯƠNG CHI*



Anh hùng liệt sĩ Bé Văn Đàn

Ảnh tư liệu

*Bảo tàng lịch sử Quốc gia,
nguồn: baotanglichsu.vn.*

Quê hương cội nguồn cách mạng Cao Bằng đã nuôi dưỡng, sản sinh ra nhiều anh hùng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Trong đó không thể không nhắc đến Anh hùng liệt sĩ Bé Văn Đàn - người chiến sĩ lấy thân mình làm giá súng để đồng đội tiếp tục chiến đấu.

Từ người con yêu nước đến người chiến sĩ cách mạng

Bé Văn Đàn sinh năm 1931, người dân tộc Tày, quê ở xã Quang Vinh, sau này là xã Triệu Ấu, huyện Phục Hoà (nay là xã Bé Văn Đàn, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng).

Bé Văn Đàn xuất thân trong gia đình nghèo khó có truyền thống cách mạng, cha làm thợ mỏ, mẹ mất sớm. Là người con có tình yêu

* Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, nguyên Phó Bí thư Thường trực Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Cao Bằng.

quê hương, đất nước sâu sắc, từng tận mắt chứng kiến hình ảnh quê hương thân yêu bị giặc đốt phá, tháng 01/1948, khi ấy Bé Văn Đàn vừa 17 tuổi đã xung phong tham gia cách mạng với mong muốn được trực tiếp ra trận chiến đấu, giải phóng quê hương. Ngày 15/01/1950, Bé Văn Đàn nhập ngũ vào bộ đội thuộc đơn vị Đại đội 674, Tiểu đoàn 251, Trung đoàn 174, Đại đoàn 316 (nay là Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 147, Sư đoàn 316, Quân khu 2). Trong suốt cuộc đời chiến đấu của mình, Bé Văn Đàn đã cùng đơn vị tham gia nhiều trận đánh trong các chiến dịch với tinh thần dũng cảm, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không ngại hy sinh, gian khổ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Người chiến sĩ kiên trung, bất khuất, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang ở giai đoạn quyết liệt, đầu tháng 11/1953, một bộ phận của Đại đoàn 316, Quân đội nhân dân Việt Nam hành quân lên Tây Bắc giải phóng Lai Châu. Nhận được tin này, tướng Nava (H. Navarre) - Tổng chỉ huy Quân đội Pháp ở Đông Dương đã quyết định đánh chiếm Điện Biên Phủ để ngăn chặn bộ đội Việt Nam đánh Lai Châu, từ đó có thể bảo vệ Thượng Lào và Luông Pha Bông (Lào).

Ngày 20/11/1953, thực dân Pháp cho quân nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ. Lúc này, Nava vẫn chỉ coi đây là “cuộc hành binh thứ yếu có tính chất phòng vệ chiến lược và tính chất chính trị địa phương”. Ngày 06/12/1953, tướng Cônhi (René Cogny), Chỉ huy lực lượng Pháp tại miền Bắc Việt Nam ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi Lai Châu. Một bộ phận quân Pháp rút bằng đường hàng không về Hà Nội, còn một số rút theo đường bộ về Điện Biên Phủ.

Về phía ta, được tin quân Pháp rút từ Lai Châu và co cụm về Điện Biên Phủ, ngày 07/12/1953, tại Sở chỉ huy tiền phương (lúc bấy giờ đặt ở hang Thẩm Púa, km15 đường Tuần Giáo - Điện Biên) đã ra lệnh cho Đại đoàn 316 nhanh chóng cho một đơn vị theo đường 41 đánh vào thị trấn Lai Châu, còn đại bộ phận đến

Tuần Giáo theo đường tắt qua đèo Pa Phong cắt ngang đường Lai Châu - Điện Biên để tiêu diệt quân Pháp rút lui.

Sáng ngày 12/12/1953, Đại đội 674, Tiểu đoàn 251, Trung đoàn 174, Đại đoàn 316 tiến xuống Mường Pồn thì phát hiện trong bản có nhiều quân Pháp từ Lai Châu rút về đang tập trung tại đây. Đại đội lập tức tiến hành bao vây và chặn đánh quân Pháp. Lúc đó, khi thấy lực lượng quân ta ít, quân Pháp tập trung lực lượng có máy bay yểm trợ liên tiếp phản kích, đánh bật quân ta để mở đường lui. Cuộc chiến đấu diễn ra căng thẳng và quyết liệt. Quân Pháp liều chết xông lên, các chiến sĩ của ta kiên quyết ngăn chặn, chốt giữ. Trước tình hình đó, ta cần có lệnh cho đại đội quyết tâm giữ ở Mường Pồn bằng bất cứ giá nào, để các đơn vị khác triển khai lực lượng. Mặc dù khi ấy, đồng chí Bé Văn Đàn vừa đi công tác về nhưng sẵn sàng nhận nhiệm vụ xuống truyền đạt mệnh lệnh cho đơn vị. Đồng chí đã dũng cảm vượt qua làn mưa bom, bão đạn của quân Pháp, xuống truyền đạt mệnh lệnh cho đại đội kịp thời, chính xác. Trong khi đó, trận chiến đấu diễn ra ngày càng ác liệt hơn, đồng chí được lệnh ở lại đại đội chiến đấu.

Quân Pháp phản kích lần thứ ba, chúng điên cuồng mở đường tiến, các chiến sĩ của đại đội bị thương vong nhiều, chỉ còn 17 người, bản thân đồng chí Bé Văn Đàn cũng bị thương, nhưng đồng chí vẫn tiếp tục chiến đấu. Trong khi đang chiến đấu, một khẩu trung liên của đơn vị không bắn được vì xạ thủ hy sinh; khẩu trung liên của đồng chí Chu Văn Pù cũng chưa bắn được vì không có chỗ đặt chân súng. Trước tình thế hết sức khẩn trương, không ngần ngại, đồng chí Bé Văn Đàn đã chạy lại nhấc hai chân súng đặt lên vai mình và hô đồng đội bắn. Đồng chí Chu Văn Pù còn do dự thì đồng chí Bé Văn Đàn đã nói: *“Kẻ thù trước mặt, đồng chí có thương tôi thì bắn chết chúng nó đi, trả thù cho đồng đội”*. Nghe vậy, đồng chí Chu Văn Pù nghiêng rãnh nĩa đạn vào đội hình quân Pháp quật ngã hàng chục tên. Quân Pháp hoảng hốt bỏ chạy, đợt phản kích của quân Pháp bị bẻ gãy. Nhưng trong lúc lấy thân mình làm giá súng, đồng chí Bé Văn Đàn bị thêm hai vết thương nữa và đã anh dũng

hy sinh trong tư thế hai tay vẫn còn ghì chặt hai chân súng trên vai mình. Tấm gương dũng cảm của đồng chí Bé Văn Đàn đã cổ vũ cán bộ, chiến sĩ trên toàn mặt trận hăng hái thi đua giết giặc lập công, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Khi hy sinh, đồng chí Bé Văn Đàn là tiểu đội phó, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại Đại hội mừng công của đơn vị, đồng chí Bé Văn Đàn được bầu là Chiến sĩ thi đua số 1 của Đại đoàn 316. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, tại Đại hội anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 2 (ngày 31/8/1955), đồng chí được Chủ tịch nước truy tặng Huân chương Quân công hạng Nhất và danh hiệu Anh hùng quân đội (nay là danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

Bé Văn Đàn - Sáng mãi tên anh

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, tên tuổi của đồng chí Bé Văn Đàn đã đi vào lịch sử trong những trang sách học trò, trở thành niềm tự hào của lớp lớp thế hệ thanh niên Việt Nam; sự hy sinh của đồng chí đã tạc nên một tượng đài bất tử, tô thắm thêm lá cờ cách mạng vẻ vang của Đảng để đất nước ta nở hoa độc lập, kết trái tự do.

Với mục đích tưởng nhớ và tri ân những hy sinh to lớn của Anh hùng liệt sĩ Bé Văn Đàn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, nhiều tỉnh, thành trong nước trân trọng đặt tên đồng chí cho đường, phố, trường học và các địa danh khác. Ngày 21/7/2019, Nhà tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ Bé Văn Đàn được khánh thành và đưa vào sử dụng tại xóm Bản Bưởi, xã Triệu Ấu (nay là xã Bé Văn Đàn), huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Với những giá trị về lịch sử, Địa điểm lưu niệm Anh hùng liệt sĩ Bé Văn Đàn được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 1725/QĐ-UBND, ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đây chính là địa chỉ đở đỡ nhân dân, đoàn viên, thanh thiếu nhi trong và ngoài tỉnh tri ân, tưởng nhớ công ơn của đồng chí Bé Văn Đàn với Tổ quốc; thôi thúc thế hệ trẻ ngày nay tiếp bước truyền thống cha anh dựng xây đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

BÀN TÀI ĐOÀN - NGỌN ĐUỐC SÁNG CỦA NGƯỜI DAO

Nhà văn CAO DUY SƠN*



Nhà thơ Bàn Tài Đoàn

Ảnh: Hữu Huyền.

Trong cuộc đời làm thơ có lẽ nhà thơ Bàn Tài Đoàn để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng đồng nghiệp và thế hệ độc giả qua các thời kỳ. Ấn tượng về ngôn ngữ, hình tượng trong thơ, những liên tưởng đậm bản sắc văn hóa về vùng đất, con người nơi ông sinh ra không lẫn với ai, không giống ai trước, hay sau này. Ông là duy nhất, sáng tạo nên một giọng thơ riêng. Lối viết đó thuộc về ông. Có ai cố tạo vẻ cho giống bóng chữ của ông cũng trở nên thô vụng, lạc lõng.

Thơ ông không bọc vỏ ngôn ngữ bóng bẩy, cao xa, hay làm điệu, nó đến thẳng trái tim con người một cách giản dị, chân thành. Ông xác lập vị trí riêng, độc đáo trong thi ca Việt Nam.

Ngày còn nhỏ khi đất nước dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, tại nơi ông được sinh ra, bản Xlí Kềng (nay thuộc xóm Quang Trung, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng),

* Phó Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

ông và gia đình cùng dân bản đã trải qua những tháng ngày đói cơm, thiếu muối triền miên. Dấu ấn đó luôn ám ảnh ký ức, khuấy động tâm hồn, thôi thúc ông viết nên những vần thơ mộc mạc nhưng có sức lay động lòng người, thức tỉnh những thân phận bao năm chịu áp bức, đói nghèo cùng đoàn kết, đứng lên đấu tranh giành độc lập cho nước nhà. Đó là cảm hứng, nguồn cơn sáng tạo từ buổi đầu tập làm thơ của ông. Sau này thơ ông vẫn luôn thế. Đảng, Bác Hồ, đồng bào Dao, quê hương Cao Bằng, núi rừng Việt Bắc tươi đẹp luôn là nguồn cảm hứng để ông sáng tạo nên những tác phẩm.

Trải lòng về chặng đường sáng tác, thể hiện tình cảm biết ơn sâu nặng với Đảng, cách mạng và Bác Hồ, ông thành thực: “Không có cách mạng, không có Đảng, không có Bàn Tài Đoàn, càng không có nhà thơ Bàn Tài Đoàn...”. Lời tâm can đó đâu phải cho riêng ông, còn đại diện cho cả tộc người Dao quê hương ông. Những ngày tăm tối ấy, nếu không có Đảng, Bác Hồ chỉ đường, dẫn lối đâu có ngày nay.

Cùng lắng lại để tìm hiểu thêm về cuộc đời, chặng đường hoạt động, cống hiến cho cách mạng của ông. Bàn Tài Đoàn tên thật là Bàn Tài Tuyên, sinh ngày 29/8/1913 tại bản Xlí Kềng, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, người Dao Tiền, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1957 ông đã là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Ông tham gia cách mạng từ năm 1942; sau năm 1945 công tác tại Phòng tuyên truyền, Cục Chính trị, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ năm 1951 đến lúc nghỉ hưu, ông từng trải qua các chức vụ: Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Khu tự trị Việt Bắc; Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Việt Bắc; Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam. Ông được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất. Bằng những cống hiến và sáng tạo không mệt mỏi, năm 2001 ông được nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật đợt 1.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo, Bàn Tài Tuyên sớm gia nhập Mặt trận Việt Minh. Tại khu rừng Slam Cao (nay là rừng Trần Hưng Đạo), Bàn Tài Tuyên đã được gặp các “anh cách mạng”, trong đó có đồng chí Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) người trực tiếp dìu dắt và giác ngộ ông. Sớm nhận ra năng khiếu của chàng trai trẻ người Dao, đồng chí Văn đã đặt bí danh cho ông là Đoàn Kết, giới thiệu ông với cơ quan tuyên truyền để bồi dưỡng trở thành cán bộ nòng cốt; vừa khuyến khích ông làm thơ, những câu thơ bằng chữ Nôm Dao được ông dùng mũi dao khắc lên lá chuối, truyền tới quần chúng. Những tác phẩm thơ trên chất liệu đặc biệt đó, mang nội dung tuyên truyền cách mạng, kêu gọi người dân đoàn kết, ủng hộ Việt Minh, đứng lên đánh đuổi thực dân đế quốc đã lan rộng khắp các thôn, xóm người Dao núi rừng Việt Bắc. Từ đó, cái tên Bàn Tài Đoàn dần trở nên quen thuộc với người dân nơi căn cứ cách mạng.

Có thể nói bước đường đến với thơ của Bàn Tài Đoàn là độc đáo, không giống ai. Thuở nhỏ nhà nghèo không được đi học, vốn liếng chỉ có ít chữ Nôm Dao, nhưng ẩn sâu trong ông là một tâm hồn thơ, năng khiếu thơ. Trước yêu cầu của tổ chức, cần có những bài thơ viết bằng chữ tiếng Việt để tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong quần chúng, ông quyết tâm vừa làm thơ vừa học chữ. Với ông đó là cuộc cách mạng. Một cuộc cách mạng mang ý nghĩa và giá trị lớn đã làm thay đổi ngôn ngữ sáng tạo. Quá trình phấn đấu đầy gian nan, thử thách đó đã được ghi nhận. Nếu coi những vần thơ khắc trên lá chuối mang nội dung tuyên truyền trong quần chúng khi còn hoạt động bí mật, thì ông chính là nhà thơ dân tộc thiểu số đầu tiên của nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

Thơ ông hồn nhiên, trong sáng, sâu nặng nghĩa tình tựa như đất, người quê hương: *“Đất châu Nguyên Bình bao la rộng/Ruộng đồng thì ít, núi nhiều thay/Phía Nam núi đất rừng xanh biếc/Phía Bắc núi nhọn chọc trời mây...”*

Viết về người Dao, ông bày tỏ niềm tự hào, yêu mến vô cùng những con người hiền lành, thủy chung, tâm trong như con nước đầu nguồn đã có những đóng góp quan trọng cho cách mạng kháng chiến: “Người Dao nghèo khổ mà hiền ngang/Dũng cảm, yêu thương lòng chân thật/Thủy chung với bạn, với nước non...”.

Với Khu di tích lịch sử Pác Bó trong một dịp đến thăm, ông đã cảm tác: “Núi rừng nghe lời ca, tiếng hát/Xuân về nở rộ hoa kim anh/Măng vầu, măng trúc cùng cao vút/Như giáo, như gươm giữ rừng xanh...” (Suối Lê Nin, núi Các Mác).

Không chỉ ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, lòng tận tụy, thủy chung, bản tính cần cù của người Dao, Bàn Tài Đoàn còn có nhiều bài thơ ngợi ca Đảng, Bác Hồ. Nhờ có Đảng, có Bác, đồng bào dân tộc thiểu số nay đã có cuộc đời ấm no, được đi trên con đường hạnh phúc: “Có ai muốn lên Đông Văn chơi/Ra đường lên xe đi nghe thấy/Còn muốn ngồi thêm đã đến nơi/Đường này Chính phủ, Cụ Hồ mở/Mở thành đường tốt cho người dân...” (Đường lên Đông Văn).

Với người từng dìu dắt mình đến với cách mạng, trong lần gặp lại Đại tướng Võ Nguyên Giáp sau bao năm xa cách, Bàn Tài Đoàn đã xúc động thốt lên những vần thơ: “Đồng chí tình thân như ruột thịt/Dìu dắt tôi đi bước đường thơ/Giấy bằng lá chuối, dao làm bút/Ngày nay nên người nhớ lại xưa” (Gặp đồng chí Văn).

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ có bài “Muối Cụ Hồ”, ông còn có tác phẩm “Bác Hồ ở trong ta” viết ngày Bác mất (1969): “Sáng nay cháu ở trên rừng/Nghe tin như sét đánh tối trời/Tin báo về Bác Hồ đã mất/Nghe xong như đứt ruột Bác ơi/Người Dao xưa đời đời nghèo khổ/Bác về đời người Dao đổi thay/Mọi dân tộc bình quyền, bình đẳng/Cuộc đời người Dao mới từng ngày”.

Trên chặng đường sáng tác, nhà thơ Bàn Tài Đoàn đã cho xuất bản 13 tập thơ, 3 tập văn xuôi, trong đó có hồi ký “Đời người Dao” năm 1948; “Khu Quang Trung” năm 1994; một tiểu luận

“Vấn đề văn nghệ miền núi” năm 1998. Trong 13 tập thơ của ông cho xuất bản có thể kể đến những tác phẩm tiêu biểu: “Muối Cù Hồ” năm 1960; “Có mắt thấy đường đi” năm 1962; “Kể chuyện đời” năm 1968; “Chùm sậy cầu” năm 1969; “Sáng cả hai miền” năm 1975; “Gửi đồng bào Dao” năm 1979; “Bước đường tôi đi” năm 1985;...

Với tập thơ song ngữ Việt - Dao “Bó đuốc sáng” do Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc in và phát hành năm 2002 cũng đã để lại ấn tượng sâu sắc trong bạn đọc. Ở tập này, Bàn Tài Đoàn kể với mọi người về cuộc đời ông, một cuộc đời đã gắn với số phận người Dao xưa đói nghèo, bệnh tật. Từ ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, người Dao cùng đồng bào cả nước đã được hưởng tự do, độc lập, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; được học chữ, được tôn trọng, bình đẳng với các dân tộc khác. Có thể nói, cuộc đời hoạt động cách mạng và sáng tác thơ của Bàn Tài Đoàn là một thể thống nhất. Ông đã dùng tác phẩm của mình vận động quần chúng, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; động viên, cổ vũ đồng bào đoàn kết, chung tay xây dựng, bảo vệ một nước Việt Nam thống nhất, giàu mạnh.

Với ông trước đây và sau này vẫn luôn một tâm thế sáng tạo như vậy. Sáng tác thơ là để phục vụ đồng bào. Những bài thơ mộc mạc, giản dị kể về cuộc đời, vẻ đẹp tự nhiên, trong sáng đậm phong vị người Dao. Cả không gian văn hóa, phong tục, tập quán, nếp ăn, ở, cư xử với nhau, vẻ đẹp tiêu biểu tự ngàn đời của người Dao đã được Bàn Tài Đoàn lựa chọn đưa vào tác phẩm. Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị hiện ra từ ý nghĩ, mang phẩm chất tư duy cá thể. Một cá thể từ thể chất đến tâm hồn đều mang đậm cốt cách người Dao. Kể về dân tộc mình, thời đại mình đã sống, chứng kiến mà viết thành thơ; những câu thơ về khổ đau, gian khó, hy sinh của bao người, mới có được một Việt Nam như ngày nay. Vậy không thể coi thơ ông như một cách nói thông thường. Đó là thơ được chiết ra từ tâm hồn của người con dân tộc. Được trình diễn

bằng ngôn ngữ tiếng Việt đã tạo ra phong cách riêng, độc đáo, có giá trị nghệ thuật được ghi nhận. Vậy nên, ngày nay, thơ ông vẫn được đồng bào Dao đem hát páo dung trong những ngày lễ hội, cưới hỏi, vào nhà mới. Ông vẫn sống trong lòng đồng bào Dao những lúc vui, khi buồn. Ông là nhà thơ, là người bạn lớn của người dân. Thơ ông cho con người niềm tin và lẽ sống.

Hay với bài *“Muối Cự Hồ”*: *“Từ khi cán bộ Cự Hồ đến/Ngoài chợ có bán nhiều thứ hàng/Có hàng bán muối tha hồ chọn/Có hàng bán vải đỏ, vải xanh/Cự Hồ mang áo về dân mặc/Cự Hồ đem muối về dân ăn/Nay Bác bảo ta đi đào đất/Mở thêm đường cái lên Đồng Văn/Có xe mang thêm nhiều muối đến/Người Mèo ta không sợ đói nghèo”*.

Đây là bài thơ được lấy tên đặt cho tập tác phẩm đầu tiên của Bàn Tài Đoàn in năm 1960. Vậy là kể từ ngày đó đến nay đã 64 năm, tập thơ với những câu thơ đầy nước mắt, cả niềm hân hoan vui sướng khi được sống trong hòa bình ngày nào còn in sâu tâm trí bao thế hệ.

Làm thơ để ghi lại thời đại mình, là điều nhà thơ Bàn Tài Đoàn đã làm và làm được. Đó là sự tự nguyện của thi sĩ, gánh trên vai trách nhiệm với Đảng, với dân. Làm thơ là nói lên vẻ đẹp tâm hồn con người, quê hương, đất nước và còn là trọng trách tuyên truyền chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước tới người dân, cho dân biết, dân tin, dân làm theo. Thơ về quá khứ để không ai quên những ngày sống kiếp nô lệ, vươn lên làm chủ đất nước. Đó là bản chất, là lẽ sống của nhà thơ dân tộc Dao Bàn Tài Đoàn. Ông chính là ngọn đuốc sáng của người Dao trên đất nước Việt Nam, trước đây, sau này sẽ mãi là vậy.

Nhà thơ Bàn Tài Đoàn mất ngày 17/11/2007 thọ 95 tuổi. Nhưng với người dân Cao Bằng, người yêu thơ ông trên khắp đất nước, ông và những vần thơ mộc mạc, giản dị, thấm tình người như cuộc đời ông sẽ còn mãi trong niềm yêu quý và kính trọng.

TÔ THỊ RỈNH - “CÔ GIÁO TÀY CẦM ĐÀN LÊN ĐỈNH NÚI”

HOÀNG THỊ NHIỆM*



Cô giáo Tô Thị Rỉnh

Ảnh gia đình cung cấp.

Cô giáo Tô Thị Rỉnh (1940 - 1992), người dân tộc Tày, quê ở xã Đồng Mu (nay là xã Xuân Trường), huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Sinh ra trong một gia đình nghèo ở huyện biên giới giàu truyền thống cách mạng, nơi đồng chí Xuân Trường - liệt sĩ đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam hy sinh, ngay từ nhỏ, cô bé Tô Thị Rỉnh đã mang trong mình lòng yêu nước sâu sắc. Đến năm 17 tuổi, cô đã ghi danh đi bộ đội và trở thành cô thanh niên xung phong làm nhiệm vụ sửa chữa cầu đường tại huyện Phục Hòa (nay là huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng.

Trong những năm tham gia chiến đấu chống Mỹ, cô Rỉnh đã biết đến “chiến dịch diệt dốt” do Ủy ban hành chính tỉnh Cao Bằng phát động trong toàn tỉnh nhằm hưởng ứng “Chiến dịch

* Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng.

Diện Biên Phủ diệt dốt” của Trung ương những năm 1957 - 1958. Đến năm 1960, ngành giáo dục Cao Bằng thực hiện chủ trương vận động vùng thấp giúp vùng cao xóa nạn mù chữ. Chính vì vậy, ngay sau khi rời đội thanh niên xung phong, cô Rĩnh đã hăng hái tham gia đội “Thanh niên xuất quân diệt dốt”. Cô tạm biệt quê hương Xuân Trường để tình nguyện lên đỉnh núi Nà Pù ở xã Tân Việt, huyện Bảo Lạc (nay là xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm) dạy chữ cho các em nhỏ.

Ngày cô Tô Thị Rĩnh đến với bản Nà Pù, dân trong bản ngạc nhiên khi thấy một cô gái trẻ mới khoảng 20 tuổi trong bộ trang phục Tày, tay cầm nải hành lý, vai đeo cây đàn tính đến bản bày tỏ nguyện vọng dạy chữ cho các em nhỏ.

Những ngày đầu về bản Nà Pù vốn chỉ toàn người Mông (xưa gọi là người Mèo) sinh sống, có biết bao gian nan đến với cô giáo trẻ người Tày. Cuộc sống người dân nơi đây vất vả, thiếu thốn trăm bề. Ngôn ngữ bất đồng; lớp học đổ nát; người dân trong bản không một ai biết chữ, cũng không có mấy ai quan tâm đến việc cho con đi học; trẻ em không màng đến việc học hành, chỉ thích đùa nghịch, trèo cây, lội suối, bắt chim... Không có mấy ai hào hứng với mong muốn được dạy học của cô Tô Thị Rĩnh. Nhưng, những khó khăn ấy không làm chùn bước cô giáo trẻ. Khát vọng cháy bỏng đem ánh sáng văn hóa tới bản làng cùng với sự kiên cường của người chiến sĩ đã thôi thúc cô hành động. Cô đã tự tay chặt tre làm vách, đan gianh để lợp mái cho lớp học. Thấy vậy, bà con trong bản mới chung tay, góp sức cùng cô giáo dựng lớp học mới. Có lớp rồi mà vẫn không thấy học sinh tới học. Cô không quản ngại sương sớm, nắng chiều, ngày ngày đi vào các xóm, đến từng gia đình để vận động đồng bào cho các con đến lớp học.

Ban đầu, lớp học chỉ có 1, 2 em, nhưng cô Rĩnh vẫn không nản chí. Khi đó, mặc dù mỗi tháng chỉ có tiêu chuẩn 13 kg gạo nhưng cô đã nhận đỡ đầu các em học sinh nghèo, nhà ở xa cùng ở lại trường với cô. Có hôm cô ăn cháo, có ngày cô chỉ ăn rau, củ mài...

để nhường phần cơm cho các em. Cô bảo: “Cô đói một chút cũng không sao, nhưng để học sinh ở với cô đói, lỡ các em bỏ trường về thì sao?”. Không những thế, cô còn dành toàn bộ đồng lương ít ỏi của mình để mua giấy bút, sách vở cho các em.

Ngày ngày, cô không chỉ dạy chữ mà còn dạy hát, dạy đàn và biết bao điều mới lạ cho các em. Lớp học của cô lúc nào cũng vui vẻ, rộn vang tiếng cười. Hết giờ lên lớp, cô lại dẫn học sinh ra suối tắm giặt sạch sẽ. Đêm khuya, dưới ánh đèn dầu, cô ngồi vá quần áo cho các em. Những lúc rảnh rỗi, cô tranh thủ học tiếng Mông để tiện cho việc giảng dạy và giao tiếp với bà con dân bản. Dần dần, tấm lòng nhân ái và tâm huyết của cô giáo trẻ đã khiến dân bản cảm động, ai cũng tin yêu, quý mến cô giáo người Tày, xem cô như con của bản mình. Lớp học của cô ngày càng thu hút được nhiều trẻ em tới học, lúc đông nhất có đến 30 học sinh.

Sau gần hai năm ở Nà Pù, cô giáo Rĩnh nhận được quyết định đi mở trường ở nơi khác. Cô không muốn phải xa các em học sinh thân yêu mà cô đã gắn bó như những người ruột thịt của mình và không muốn xa nơi đây. Bà con dân bản Nà Pù cũng không muốn xa cô. Ngày chia tay, tất cả dân bản cùng nhau góp rượu, lợn, gà, gạo nếp đến trường tổ chức liên hoan tạm biệt cô giáo người Tày. Trưởng bản Lý Trần Pu không nén nổi xúc động nắm chặt tay cô Rĩnh bảo rằng: “Từ lúc con lên đây chưa biết nói tiếng của ta, thế mà bây giờ con đã là anh em, là con một nhà của người Mèo ta rồi, người Mèo Nà Pù này biết ơn con nhiều lắm”.

Với những thành tích trên, năm 1962, cô giáo Tô Thị Rĩnh đã được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành giáo dục. Năm 1964, cô được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 01/1967, cô giáo Tô Thị Rĩnh vinh dự được cử đi dự Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IV được tổ chức tại Hà Nội. Tại Đại hội, cô Rĩnh đã vinh dự được chụp ảnh với Bác Hồ. Đồng thời, thành tích xuất sắc của cô giáo trẻ người Tày Cao Bằng đã để lại nhiều ấn tượng cho các đại biểu dự Đại hội, đặc biệt là nhạc sĩ

Văn Ký - một tên tuổi lớn của nền âm nhạc cách mạng Việt Nam. Tấm gương của cô giáo Rĩnh đã khơi nguồn cảm hứng cho ông viết nên ca khúc “Cô giáo Tày cầm đàn lên đỉnh núi” ngay trong thời gian dự Đại hội. Bài hát đã được tốp nữ diễn viên Đoàn Ca múa nhân dân Trung ương khảm trưng tập và hát phục vụ bế mạc Đại hội. Bài hát không chỉ khắc họa sống động hình ảnh cô giáo Tô Thị Rĩnh mà còn hình tượng hóa những người giáo viên vùng cao ngày đêm vượt khó, đem cái chữ đến cho các em thơ. Bài hát đã khiến cho tất cả các đại biểu dự Đại hội bồi hồi xúc động, cảm phục tinh thần và ý chí của cô giáo Tô Thị Rĩnh. Sau khi được phổ biến rộng khắp, bài hát đã trở thành động lực tinh thần mạnh mẽ để nhiều giáo viên đã và đang dạy học ở những vùng núi cao, vùng đặc biệt khó khăn tiếp tục yêu trẻ, yêu nghề, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong những năm tháng chiến tranh ác liệt: “Cô giáo Tày cầm đàn lên đỉnh núi. Tính tình tang, đàn cô hát bên nương, trên bản Mèo. Cô tìm ai? Tìm người yêu đang đứng đợi bên bờ suối chắt? Không, không, không. Cô đi tìm dạy đàn em nhỏ chưa biết chữ trên đỉnh núi cao. Ở... Cô giáo Tày chăm quá. Đảng đưa lên đây giúp người Mèo. Từ bàn tay cô dựng nên ngôi trường mới đấy. Tay đóng bàn, tay đóng ghế, tay cầm sách, tay cầm đàn. Nghe cô giáo đàn vui các em đến trường đi học. Giờ học xong, bên suối trong, dưới nắng chiều, cô tắm giặt cho các em...”.

Với những cống hiến cho sự nghiệp giáo dục vùng cao, năm 1967, cô Tô Thị Rĩnh vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Tấm gương kiên trì, vượt khó, yêu thương học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số của cô giáo Tô Thị Rĩnh đã trở thành nguyên mẫu để nhà biên kịch và đạo diễn Nông Ích Đạt, Xưởng phim Hà Nội dựng nên bộ phim truyện “Cô giáo vùng cao” (năm 1969) được đông đảo người xem trân trọng đón nhận.

Từ năm 1970 đến năm 1982, cô giáo Tô Thị Rĩnh tiếp tục dạy học tại Trường cấp I Khau Đôn và Trường cấp I Đê Thám,

huyện Hòa An (nay thuộc thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng. Trong suốt 22 năm công tác, cô giáo Rĩnh đã có nhiều đóng góp tích cực, nổi bật cho sự nghiệp giáo dục trong những năm tháng chống Mỹ, cứu nước ác liệt và thời kỳ xây dựng đất nước sau chiến tranh với vô vàn khó khăn, thách thức.

Cho đến ngày nay, cô giáo Tô Thị Rĩnh vẫn luôn là tấm gương tiêu biểu cho sự nỗ lực, kiên trì thực hiện khát vọng mang ánh sáng văn hóa tới các bản làng nơi vùng sâu, vùng xa của quê hương, đất nước đối với nhiều thế hệ giáo viên của tỉnh Cao Bằng. Theo gương cô, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ngành giáo dục và đào tạo Cao Bằng hiện nay đang tiếp tục kiên trì, nỗ lực vì sự nghiệp trồng người, đẩy mạnh xây dựng, triển khai hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn nhằm tạo chuyển biến đột phá về chất lượng giáo dục, phát triển thế hệ trẻ Cao Bằng ngày càng tự tin, năng động, sẵn sàng hội nhập và phát triển, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Những lời ca tha thiết mang cảm hứng ngợi ca sâu sắc “*Cô giáo Tày như nương mùa xuân, người Mèo ta đã trồng bên dòng thác lớn, như hoa ban xinh tươi nở rộ trên đồi, càng đẹp khi nắng mới soi tỏa khắp nơi*” vẫn còn nguyên giá trị tiếp thêm sức mạnh và nhiệt huyết cho lớp lớp thế hệ nhà giáo hát vang bài ca lên đường, sẵn sàng đi khắp mọi miền của đất nước thực hiện sứ mệnh “trồng người” cao cả để tiếp tục công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay.

ĐẠI TÁ, GIÁO SƯ, BÁC SĨ, THẦY THUỐC NHÂN DÂN BÀNH KHÌU - NGƯỜI THẦY THUỐC “SÁNG VỀ Y ĐỨC, SÂU VỀ Y LÝ, GIỎI VỀ Y THUẬT”

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC*



Đại tá, giáo sư, bác sĩ, Thầy thuốc nhân dân Bành Khiu tại nhà riêng

Ảnh: Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Người con dân tộc Nùng Cao Bằng đã làm rạng danh quê hương, người đầu tiên của các tỉnh Việt Bắc cũ được phong hàm giáo sư y học và được bà con gọi bằng cái tên trìu mến “Thầy thuốc của Việt Bắc” chính là Đại tá, giáo sư, bác sĩ, Thầy thuốc nhân dân Bành Khiu - một trong

những bác sĩ đi đầu trong lĩnh vực khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền của Việt Nam, tác giả của khẩu hiệu “Sáng về y đức, sâu về y lý, giỏi về y thuật”, hiện đã trở thành phương châm hành động của Bệnh viện Y học cổ truyền Quân đội, nơi ông có gần 30 năm gắn bó.

* Phó Tổng Biên tập Báo Cao Bằng.

Giáo sư Bành Văn Khiếu (Bành Khiếu) sinh năm 1941 tại thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Sau khi tốt nghiệp lớp 10 (lớp 12 trung học phổ thông hiện nay) tại Trường cấp 3 Trùng Khánh, ông về quê ở Co Xàu tham gia công tác Đoàn thanh niên của thị trấn. Thời điểm đó, Nhà nước có chủ trương đưa một số cán bộ trẻ đi đào tạo dài hạn ở nước ngoài để phục vụ đất nước, ông được chọn và đăng ký nguyện vọng theo học nghề y tại Học viện Trung y Bắc Kinh (Trung Quốc) với suy nghĩ đơn giản là học nghề thuốc. Sau 5 năm học tập ở Trung Quốc, năm 1971, ông trở về nước, là một trong những bác sĩ được đào tạo cơ bản về lĩnh vực đông y của Việt Nam; được Quân đội tuyển chọn và cử về công tác tại Viện Quân y 108 (nay là Bệnh viện Trung ương Quân đội 108). Năm 1981, ông giữ chức Trưởng Phòng khám tại Bệnh viện Y học dân tộc Quân đội (nay là Bệnh viện Y học cổ truyền Quân đội). Trong thời gian này, ông và các đồng nghiệp đã tổ chức một phòng khám trị theo phương pháp kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền do ông phụ trách, để rồi sau này phương pháp điều trị của ông đã trở thành một trong những mũi nhọn về chuyên môn của bệnh viện. Năm 1990, ông đảm nhận chức Viện trưởng. Với cương vị là chỉ huy đơn vị, ông luôn chú trọng công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên ngành giỏi về y thuật, sáng về y đức và sâu về y lý, đáp ứng mọi nhiệm vụ trong tình hình mới. Vừa làm công tác điều trị, ông vừa có nhiều đề tài khoa học được đánh giá cao như: “Nghiên cứu điều trị trĩ và rò hậu môn”, “Tác dụng phòng, chống sứa lửa cho bộ đội đặc công nước của thuốc DAP”, “Nghiên cứu áp dụng bài thuốc đông y điều trị phì đại tuyến tiền liệt”...; đặc biệt, giai đoạn 2003 - 2005, đề tài “Nghiên cứu tác dụng của thuốc Salamin trong điều trị hỗ trợ bệnh nhân ung thư” được Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước đánh giá đạt loại xuất sắc. Ông còn là chủ nhiệm nhiều đề tài và dự án cấp Bộ, cấp Nhà nước, tham gia nhiều hội đồng thẩm định các dự án, tham gia giảng dạy,

hướng dẫn học viên cao học, biên soạn giáo trình... Tính đến năm 2006, ông đã trực tiếp đào tạo 38 khóa học chuyên ngành y học cổ truyền y sĩ, bác sĩ và thạc sĩ với 1.036 học viên; hướng dẫn 1 thạc sĩ, 4 tiến sĩ, trong đó đã bảo vệ thành công 1 thạc sĩ, 2 tiến sĩ. Ông cũng là người đầu tiên của ngành y học cổ truyền toàn quân được phong học hàm phó giáo sư (năm 1992), giáo sư (năm 2006) và danh hiệu Thầy thuốc nhân dân (năm 1999) - người duy nhất của các tỉnh Việt Bắc cũ được phong học hàm giáo sư y học. Ngoài ra, với những đóng góp của bản thân vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, ông được Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhất; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; Giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông...

30 năm gắn bó với đơn vị, trong đó có 17 năm là Viện trưởng, ông đã góp phần đào tạo nên một đội ngũ y, bác sĩ kế cận có chuyên môn, y đức. Khi đã nghỉ ông vẫn dành thời gian tham gia nghiên cứu một số đề tài cùng các đồng nghiệp, giữ vai trò Phó Chủ tịch các hội: Đông y, Châm cứu, Hội hậu môn - trực tràng Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Khoa học kỹ thuật Viện Y học cổ truyền Quân đội... Ở cương vị nào, ông cũng tận tâm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tài năng, nổi tiếng nhưng với lối sống giản dị, nghĩa tình, nhiều người bệnh ở khắp nơi tin tưởng đã tìm đến các cơ sở khám, chữa bệnh của ông, nhờ ông trực tiếp bắt mạch, bốc thuốc; những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, ông khám, chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ tiền thuốc. Năm 1990, với tâm huyết của mình, ông thành lập Đông Y An Việt, là cơ sở khám, chữa bệnh đa khoa bằng phương pháp y học cổ truyền có uy tín.

Nỗ lực phấn đấu, thành danh nơi xa quê nhưng đối với ông, quê hương luôn gắn sâu vào tiềm thức, được giữ gìn và trân trọng.

Từ tình cảm đối với quê hương, ông đặt tên nhiều đề tài nghiên cứu gắn với tên gọi các vị thuốc theo tiếng dân tộc như: đề tài nghiên cứu cấp Bộ Quốc phòng “Nghiên cứu thừa kế một số bài thuốc y học cổ truyền trong điều trị một số bệnh”, trong đó có nhánh nghiên cứu tác dụng làm giảm enzym Transaminase trên bệnh nhân viêm gan mạn hoạt động của MC (tên một vị thuốc đông y, tiếng Tày gọi là “mác cuối”); đề tài nghiên cứu về hội chứng dạ dày tá tràng - KD (một vị thuốc, tiếng Tày gọi là “khau rằng”)... Ngoài ra, ông còn hỗ trợ một số trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng; giúp Bệnh viện đào tạo thạc sĩ, bác sĩ chuyên về trí... Nghĩa tình đối với quê hương còn biểu hiện qua lần ông cùng Bệnh viện xây dựng 2 căn nhà tình nghĩa tại xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình; tham gia các hoạt động của Hội đồng hương Cao Bằng... Giáo sư Bành Khiêu mất năm 2016, thọ 85 tuổi.

Y PHƯƠNG - NGƯỜI TÀY KỂ CHUYỆN QUÊ HƯƠNG

PGS.TS. Nhà văn LÊ THỊ BÍCH HỒNG*



Nhà thơ Y Phương

Ảnh: Nguyễn Đình Toán.

Nhà thơ Tày “tự đục đá kê cao quê hương”

Hứa Vĩnh Sước sinh ngày 24/12/1948 trong một gia đình nông dân ở xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Tên cha mẹ đặt cho anh như ký thác những điều tốt đẹp, nhân văn, “đặt cược” niềm tin vào cậu con trai duy nhất sáng dạ, hiếu học và hiếu động.

Bước vào con đường văn chương, Hứa Vĩnh Sước đặt bút danh cho mình là Hứa Hiếu Lễ, Chu Văn Păn, Y Phương. Nhưng bút danh Y Phương bền bỉ, chung thân gắn với nghiệp văn và làm nên tên tuổi như chính lời tự bạch của nhà thơ Tày: “Tôi dùng bút danh Y Phương xuất phát từ ý nghĩa trong Hán tự được thừa hưởng chút chữ nghĩa từ cha. Chữ Y gồm có bộ “Kỳ” đi cùng với bộ “Vi” hợp thành. Y là điều tốt đẹp. Căn cứ vào điều

* Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh, nguyên Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương.

tốt đẹp mà thực hiện. Còn “Phương” có thảo đầu, tôi lấy chữ cuối của bức hoành phi Đức Lưu Phương ý nghĩa về văn hóa. Đức là đạo đức. Phương là thơm. Lưu là lưu truyền, để lại. Lưu phương là để lại tiếng thơm”.

Muộn hơn so với bạn bè cùng trang lứa, lên 9 tuổi, anh mới tập nói tiếng Kinh. Ngày đầu tiên mẹ đưa đến trường học, cậu bé Vĩnh Sước lạ lẫm nhìn thầy cô, bạn bè, cứ bám riết mẹ nằng nặc đòi về. Sự nghiêm khắc, kiên trì của ba mẹ đã làm anh quen dần trường lớp.

Là con trai một trong gia đình chỉ có hai chị em, đang học dở Trường cấp 3 Trùng Khánh, ngày 16/4/1968, chàng trai Tày nhập ngũ. Lý do rời làng được anh chia sẻ: “Tôi là đứa con làng Hiếu Lễ. Từ bé chỉ quanh quẩn ở làng, chưa bao giờ ra khỏi đất Co Xâu. Con đường phía trước thế nào vẫn chưa thể biết trước, song tôi quyết tâm nhập ngũ. Lá đơn của tôi nhanh chóng được Ban Tuyển quân huyện Trùng Khánh chấp nhận. Tôi sung sướng gác bút nghiên, khoác ba lô lên đường đánh giặc như bao thanh niên cùng thế hệ khi chiến trường giục giã bước hành quân. Đành gác lại mộng văn chương và thi đại học...”. Anh được biên chế vào Tiểu đoàn 4, Sư đoàn 305, Binh chủng Đặc công. Sau thời gian huấn luyện ở miền Bắc, anh vào chiến trường B2.

Sau khi miền Nam giải phóng, từ mặt trận trở về, anh khuôn theo một tải sách. Người cha đứng lặng, trân trân nhìn con ầng ậng nước mắt. Một nỗi xúc động dâng trào khi thấy mụn con trai duy nhất may mắn sống sót trở về, lại mang theo sách. Nguồn sách ấy theo người trai Tày, chấp cánh tình yêu văn chương, hối thúc anh tiếp tục học tập. Trong thời gian chờ vào học ở Trường Viết văn Nguyễn Du, năm 1976, anh đầu quân vào học Trường Điện ảnh Việt Nam. Năm 1982, anh là học viên của Trường Viết văn Nguyễn Du khóa II.

Năm 1985, đang chuẩn bị tác phẩm tốt nghiệp, anh bị bệnh viêm dây thần kinh mạng nhện. Phần lớn bệnh nhân mắc căn

bệnh hiểm thấy này đều để lại dị tật. Sau 3 tháng điều trị, với tinh thần mãnh liệt vượt lên số phận, vịn thơ như vịn niềm tin, anh đã trở lại Trường, tiếp tục thi tốt nghiệp. Song bước đi không còn vững chắc như chàng lính đặc công “đạp muôn rào gai sắc” năm xưa mà “chung thân” bước đi lệt rệt, chậm chạp. Anh dí dỏm tự giễu dáng đi độc đáo của mình như “hai chiếc que rang lạc”.

Tốt nghiệp Trường Điện ảnh Việt Nam, Y Phương chỉ có nguyện vọng trở về quê. Trong lúc tạm “nghỉ chân” ở Quân khu 1, anh được điều động về Quân đoàn 26. Tình yêu quê hương Cao Bằng lúc nào cũng da diết khôn nguôi. Năm 1986, nhận công tác tại Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Cao Bằng, anh hiểu trọng trách đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản ở vùng biên viễn Đông Bắc từng là kinh đô, có bề dày lịch sử - văn hóa. Từ năm 1991 đến năm 1993, anh đảm nhận cương vị Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Cao Bằng. Từ năm 1993, anh được tổ chức phân công làm Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng cho đến năm 2002, rời Cao Bằng về Hà Nội tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa VI.

Khởi nghiệp con đường thi ca trình làng hai bài thơ “Bếp nhà trời” và “Dáng một con sông” đăng Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* (số 6/1973) đã khích lệ, tạo men say như ong say phấn “*Mùa hoa*”. Không ngoại lệ, thời kỳ đầu thơ anh có chất giọng hào sảng, giàu chất sử thi vốn đã chi phối cả một thế hệ nhà thơ chống Mỹ: “*Câu hát thiêng liêng lắm chú/Hát bây giờ còn để hát mai sau*”. Nhưng chỉ sau các tập *Lửa hồng một góc*, *Lời chúc*, *Đàn then*, anh đã tạo nên một lối đi riêng, một phong cách với một gia tài thi ca “săn chắc, vạm vỡ”.

Với quan niệm “Văn chương là một việc làm trả ơn những người sinh thành và nuôi dưỡng mình”, hơn 30 năm, anh lặng lẽ sáng tác, thử nghiệm, không ngừng sáng tạo để công bố gia tài, gồm 1 tập kịch; 9 tập thơ, trường ca; 3 tập tản văn và 1 tập phê bình. Tên tuổi anh gắn với “*Mùa hoa*” những giải thưởng: Giải A

cuộc thi thơ Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* (năm 1984); Giải A của Hội Nhà văn Việt Nam cho tập thơ “Tiếng hát tháng Giêng” (năm 1987); Giải A của Hội đồng Văn học dân tộc - Hội Nhà văn Việt Nam với tập thơ “Lời chúc”; Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam; Giải B của Bộ Quốc phòng với trường ca “Chín tháng” (năm 2001). Và năm 2007, “Người trai làng Tày” vinh dự nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật.

Thành công trong sự nghiệp thi ca, nhưng anh vẫn không ngừng khắc khoải tìm kiếm một cách viết mới, ngoài thơ. Vượt qua cảm giác lóng loáng, rỗng ruột, anh vịn câu nói của cổ nhân người Tày: “Chỗ nào còn nước thì làm ruộng, hết nước thì làm rẫy”, thế là “con tầm” lại “rút ruột nhả tơ”, hết mình “cày bừa trên cánh đồng trinh nguyên” để tìm một cách thể hiện mới. Từ thơ, đến trường ca, anh tiếp tục thử sức với tản văn - loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc, dài ngắn tùy ý, lối thể hiện đời sống mang tính chất chấm phá, tái hiện nét chính của các hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội, bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩ mang đậm bản sắc cá tính tác giả. Anh chọn thể loại này vì có nét gần thơ - gần với thể mạnh bản năng trời cho vốn tiềm ẩn trong từng thớ thịt, từng mạch máu nhà thơ dân tộc Tày dưới chân núi Bo Păn.

Người bảo tồn văn hóa Tày

Dấu ấn, bản sắc văn hóa Tày hiện lên đậm nét trong tác phẩm, trong trải nghiệm, ở mỗi tầng vĩa phát lộ chiều sâu văn hóa. Văn hóa là sức mạnh nội sinh, là cội nguồn giá trị của làng Tày “Vách nhà ken câu hát” với niềm tin “Còn quê hương thì làm phong tục”. Nhưng sự trân quý ở Y Phương là không bó hẹp chỉ trong cuộc sống sinh hoạt của người Tày mà vượt lên, vươn xa như một dấu nối với thơ ca các dân tộc khác. Tác phẩm vì thế mà mở rộng biên độ, phong phú đề tài về cuộc sống, con người... và điều quan trọng là thấm đẫm bản sắc văn hóa “người đồng mình”.

Sinh ra dưới chân núi Bo Păn ở gần biên giới Việt - Trung, nhà thơ Tày luôn ý thức hòa nhập cùng đại gia đình các dân tộc Việt ngay từ những bài thơ đầu đời: *“Thương anh bạn người Kinh leo không quen/Đeo nặng trên lưng lên xuống lên...”*. Vì thế, dẫu mở mắt thấy sông Bằng, nhìn lên thác Bản Giốc, đắm mình trong động Ngườm Ngao... nhưng anh đã hướng ra khỏi dòng chảy sông quê để thấy sông Cầu, sông Thương, sông Hồng, sông Cửu Long cuộn đỏ phù sa; thấy Động Thiên Cung, Phong Nha Kẻ Bàng... Mở ra ngoài vùng văn hóa Tày, anh nhập dòng sông thi ca quê hương với dòng sông đất Việt: *“Chúng con là lính Bác Hồ/Là con đẻ trăm miền phù sa đỏ/Những vùng quan họ/Những miền si lượn trên cao”*. Anh định nghĩa đất nước bằng thơ, bằng văn hóa thấm sâu cội nguồn dân tộc. Anh mang đến những xúc cảm thẩm mỹ tinh tế, đó là Nước Việt như *“Mười ngón tay búp măng/Đêm Trung thu chị tôi ngồi vò cốm”*... Thừa kế và sở hữu một kho tàng văn hóa Tày truyền thống và vững chắc, anh nương vào các thể loại thơ, tản văn để giải bày, truyền tải những lát cắt muôn màu về đời sống, sinh hoạt, phong tục tập quán... của quê hương. Anh chăm chút viết về những kỷ niệm sinh hoạt thường ngày ở ngôi làng người Tày của mình với những phong tục tập quán từ đời này truyền sang đời khác với niềm tự hào chân chính: *“Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/Sống trong thung không chê thung nghèo đói”*.

Thơ anh đậm bóng dáng quê hương, vùng văn hóa mà ở đó có những con người giản dị, hồn nhiên như đất đai, cây cỏ, trong đó bao yêu thương, trân quý tôn vinh người phụ nữ. Không ai dám nghĩ phụ nữ là “phái yếu” khi đọc câu thơ của anh: *“Người đàn ông tựa lưng người đàn bà/Còn người đàn bà tựa lưng biển cả”*. Tựa vào văn hóa dân gian, anh vận dụng rất khéo léo chất dân ca Tày để tạo nên câu thơ theo cách tư duy và xây dựng hình tượng của người Tày đậm chất liên tưởng. Dựa trên bài dân ca Tày giàu yếu tố phồn thực, anh đã sáng tạo bài thơ “Mùa hoa” mang đến

hơi thở mới về cấu tứ và phát triển ý tưởng. Anh thổi cảm xúc yêu thương đắm say vào các lễ hội từ mùa xuân tới mùa thu, vắt qua mùa đông và kéo sang mùa hạ. Văn hóa lễ tết người Tày trong tản văn của anh vừa trong dòng chảy lễ tết của “ngôi nhà chung”, mang bản sắc Tày khá đậm với “*Tết thanh minh*”, “*Tết Slíp Slí thịt vịt*”, “*Tết trâu*”, “*Tết cốm*”, “*Tết Tày có gì khác*”... Tản văn có nỗi háo hức, bận rộn của “*Tết tháng Giêng hẹn từ tháng Bảy*”; có lễ “pây tái” độc đáo khi chàng rể sắm đôi vịt béo biếu bên ngoài...

Sống cùng đá, thở cùng cây, xênh xang chốn non nước Cao Bằng, anh khéo léo giới thiệu văn hóa ẩm thực như một “vị đại sứ” quảng bá văn hóa Tày với “*Nghe hạt dẻ rơi*”, “*Trám mang thai*”, “*Tết cốm*”, “*Bánh xì chen chạy lung tung*”... Nhờ đó, bạn đọc biết mâm cúng rằm tháng Bảy của người Tày không thể thiếu thịt vịt: “*Bươn Chiêng kin nửa cáy, bươn Chết kin nửa pết*” (Tết tháng Giêng ăn thịt gà, Tết tháng Bảy ăn thịt vịt). Y Phương tự hào khoe bánh cuốn và tình người Cao Bằng: “Bánh cuốn là đặc sản Cao Bằng không sai. Nhưng đúng ra phải gọi bánh cuốn là hồn cốt Cao Bằng thì mới hẳn” (Ăn cái tình)...

Trả ơn nơi đã sinh ra - Trùng Khánh là vùng đất đầy tinh thần thượng võ và giàu truyền thống văn hóa, là nơi bảo tồn những làn điệu dân ca dung dưỡng tâm hồn nhà thơ để anh viết nên những “*Lên Cao Bằng*”, “*Phòng tuyến Khau Liêu*”, “*Tên làng*”, “*Nói với con*”, “*Chợ Co Xâu*”, “*Dân Co Xâu hát*”, “*Từ Phủ Trùng xa xôi tôi đến*”...

Thơ Y Phương mang khát vọng bảo tồn những giá trị tốt đẹp của văn hóa Tày. Anh tự hào với một bầu khí quyển văn hóa Tày độc đáo để thỏa sức sáng tạo. Tuy nhiên, cảm hứng chủ đạo trong sáng tác vẫn hiện lên sự tiếc nuối. Tiếc sinh hoạt văn hóa làng Tày đang dần dần mai một. Tiếc lời ăn tiếng nói đậm đà mặn ngọt, tiếng Tày cứ rơi rụng đến rơi nước mắt. Tiếc chữ “Slu Nam” (Nôm Tày) nay đang dần hao hụt. Tiếc biểu tượng văn hóa trong trang phục phụ nữ Tày cứ vơi dần. Nỗi buồn lan khi làng Tày

vắng dần tiếng ru... Rồi Cao Bằng về sống giữa thủ đô vẫn vời vợi nỗi nhớ quê da diết: “Tôi yêu cái làng Tày như da bọc lấy người tôi. Người ở Hà Nội mà hồn lại trở về làng”. Kẻ tha hương yêu dân tộc da diết tự nhận mình là một “que thủ”, dù “búng ra khỏi đất Tày, nhúng xuống thành phố vẫn cứ xanh một màu rừng”. Ý thức được sáng tác thơ bằng tiếng mẹ đẻ đã hồi thúc anh viết thơ song ngữ “Ngược gió” (*Thất tàng lôm*) và “Vũ khúc Tày” (*Tùng Tày*). Đó cũng là một cách tốt nhất để góp phần bảo tồn văn hóa. Điểm tựa của tập thơ “Vũ khúc Tày” là bầu khí quyến tình yêu với tuyên ngôn “Không có tình yêu, loài người sao sống đến bây giờ”. Nhưng xa hơn tập thơ vẹn nguyên tình đời, tình người, tình yêu quê hương nồng đượm. Tình yêu và lòng tự hào về dân tộc mình, quê hương mình luôn tha thiết, đậm đà, đằm đuối...

Hứa Vĩnh Sước - Y Phương là một gương mặt thơ tiêu biểu, một phong cách riêng, độc đáo, tràn đầy sức sống về văn hóa Tày trong sự giao thoa với văn hóa của các dân tộc trong “Ngôi nhà chung”. Cùng đội ngũ nhà văn các dân tộc thiểu số như Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Triều Ân, Vi Hồng, Nông Minh Châu, Lò Ngân Sủn, Cao Duy Sơn..., Hứa Vĩnh Sước - Y Phương vừa góp phần làm giàu bản sắc văn hóa “người đồng mình”, vừa rộng mở giao hòa với vùng văn hóa rộng lớn để hợp lưu thành con sông văn chương Việt Nam.

NGHỆ SĨ NHÂN DÂN DƯƠNG LIỄU - CHIM SƠN CA CỦA NÚI RỪNG ĐÔNG BẮC

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC*



Nghệ sĩ nhân dân Dương Liễu

Ảnh: Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Nghệ sĩ nhân dân Dương Liễu (1956 - 2022) tên thật là Nguyễn Thị Dương Liễu - một giọng ca mượt mà, chứa đầy cảm xúc gắn liền với những ca khúc cách mạng, những bài hát về quê hương, đất nước. Với lòng yêu nghề và sự đam mê nghệ thuật, bà đã đem tiếng hát của mình biểu diễn phục vụ xã hội, đồng bào, chiến sĩ khắp các vùng miền trong tỉnh, góp phần không nhỏ vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc nơi cội nguồn cách mạng. Dương Liễu là nghệ sĩ đầu tiên của

Cao Bằng được Nhà nước tôn vinh danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

Sinh ra và lớn lên tại vùng quê Phục Hòa (nay là huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng trong một gia đình không có ai làm nghệ thuật chuyên nghiệp, nhưng lại có năng khiếu và nhiều

* Phó Tổng Biên tập Báo Cao Bằng.

đóng góp trong các phong trào văn hóa văn nghệ ở địa phương. Ngay từ khi còn bé, Dương Liễu thường xuyên tham gia các hoạt động văn nghệ của nhà trường cũng như thôn, xóm. Xinh xắn, hát hay, bà thường được chỉ định làm người lĩnh xướng trong đội hình biểu diễn. Lớn lên, theo học ngành sư phạm mẫu giáo nhưng niềm đam mê nghệ thuật luôn ấp ủ đã khiến Dương Liễu từ bỏ nghề dạy học gia nhập Đoàn văn công Cao Bằng (nay là Đoàn Nghệ thuật tỉnh) vào cuối năm 1979, bắt đầu con đường nghệ thuật.

Giai đoạn đó đất nước gặp rất nhiều khó khăn, là một tỉnh miền núi nơi địa đầu Tổ quốc, Cao Bằng gặp khó khăn hơn cả về kinh tế cũng như đời sống văn hóa, xã hội. Đoàn văn công thành lập một đội xung kích đi biểu diễn phục vụ đồng bào khắp nơi trong tỉnh, vừa làm công tác tuyên truyền, vừa gây dựng phong trào văn hóa cơ sở, Dương Liễu là một trong những thành viên đầu tiên của đội xung kích đó. Ngày ấy, khó khăn nối tiếp khó khăn, trang phục, nhạc cụ biểu diễn thiếu thốn, gần như không có; những chuyến đi biểu diễn dài ngày tới các đồn biên phòng, bản làng vùng sâu, vùng xa phải đi bộ cả ngày đường. Với sức trẻ, tình yêu quê hương, bà và những đồng nghiệp của mình đã động viên nhau vượt qua, mang lời ca, tiếng hát của mình phục vụ chiến sĩ, đồng bào. Mọi người biết và nhớ đến một Dương Liễu trẻ trung, xinh đẹp, có giọng ca ngọt ngào, cao vút gắn với những ca khúc: *Lên ngàn, Nhịp cầu nối những bờ vui, Bài ca tặng anh pháo thủ...* Giọng hát trong trẻo đó đã góp phần động viên các chiến sĩ giữ chắc tay súng bảo vệ đường biên mốc giới, động viên bà con hăng say lao động xây dựng cuộc sống mới. Mộc mạc và chân tình, cùng với giọng hát truyền cảm, Dương Liễu đã để lại nhiều ấn tượng sâu đậm trong lòng khán giả và bà con. Ngoài các ca khúc ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước, Đảng, Bác Hồ, bà còn chịu khó sưu tầm, tìm hiểu và học hỏi từ những nghệ nhân các làn điệu dân ca mang đậm bản sắc các dân tộc như các điệu

then, đá hai, phong sử, chơi đàn tính... làm phong phú thêm các tiết mục biểu diễn của mình. Giai điệu, ca từ của mỗi bài hát, làn điệu được bà thể hiện bằng tất cả niềm đam mê, cảm xúc của mình, thắt chặt thêm tình đoàn kết gắn bó với bà con tại mỗi địa phương. Chính vì vậy, giọng ca mượt mà, trong sáng của bà không có người nào thay thế được. Theo thời gian, giọng ca đó ngày càng tỏa sáng và rực rỡ hơn bao giờ hết. Tên tuổi của bà đã đi vào lòng khán giả bao thế hệ; nhiều năm gắn bó với Đoàn Nghệ thuật tỉnh nhưng mỗi khi Dương Liễu xuất hiện từ những chương trình lớn đến những buổi biểu diễn phục vụ bà con vùng sâu, vùng xa, mọi người đều cảm nhận được ngọn lửa nhiệt huyết từ người nghệ sĩ luôn gắn bó với nhân dân, với quê hương cách mạng.

Với năng khiếu và chất giọng tốt, cùng sự ham học hỏi kinh nghiệm từ những thế hệ đi trước, giọng ca Dương Liễu ngày càng trau chuốt, tỏa sáng đi vào lòng người nghe và khẳng định được vị trí của mình. Giải thưởng đầu tiên bà đạt được vào năm 1983 tại Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc ở Hà Nội, đó là giải diễn viên trẻ xuất sắc nhất do Trung ương Đoàn trao tặng và tiết mục “Pác Bó Làng Sen” tham gia hội diễn đoạt Huy chương Bạc. Thành công nối tiếp thành công, năm 1985, Dương Liễu giành 2 Huy chương Vàng trong Hội diễn chuyên nghiệp tại Hải Phòng; năm 1995, giành 1 Huy chương Vàng tại Hội diễn chuyên nghiệp ở Hải Phòng với tiết mục “Nhìn trăng nhớ bạn”; năm 1997, đoạt 1 Huy chương Vàng Liên hoan các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp tại Thái Nguyên; năm 1999, tiết mục “Đá hai đợi chờ” trong Hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc ở Hà Nội đoạt Huy chương Vàng; năm 2004, đoạt 1 Huy chương Vàng Hội diễn chuyên nghiệp tại Điện Biên... và nhiều Huy chương Vàng, Huy chương Bạc trong các kỳ liên hoan, hội diễn khu vực và toàn quốc. Đó chính là những phần thưởng xứng đáng cho sự lao động nghiêm túc, miệt mài và tài năng của bà. Ghi nhận sự đóng góp đó, năm 1997, bà vinh dự được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú; năm 1998,

được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; năm 2000, được công nhận Chiến sĩ thi đua toàn quốc; năm 2011, được Ban Tuyên giáo Trung ương tặng Bằng khen có thành tích trong cuộc vận động sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” giai đoạn 2008 - 2010; ngày 19/6/2012, Nghệ sĩ ưu tú Dương Liễu được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

Hơn 43 năm làm nghệ thuật, Nghệ sĩ nhân dân Dương Liễu luôn nhận được sự yêu mến từ khán giả và các đồng nghiệp của mình. Giọng hát vẫn ấm và mượt mà như thuở nào, là một giọng ca chủ lực không thể thiếu trong các chương trình biểu diễn quan trọng của Đoàn Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng. Với cương vị là Phó Trưởng đoàn phụ trách chuyên môn, bà đã có nhiều sáng kiến trong việc xây dựng các chương trình và kế hoạch biểu diễn của Đoàn, tập trung vào mảng văn hóa dân tộc. Các diễn viên trẻ rất thích được cô Dương Liễu hướng dẫn luyện thanh, chọn bài hát, chỉ bảo các tiết mục biểu diễn. Nhìn thái độ ân cần, chăm chú uốn nắn từng câu hát cho các cháu trên sân tập mới thấy được niềm đam mê hết mình vì nghệ thuật của bà. Ngoài công tác chuyên môn, bà còn dành thời gian sáng tác, dàn dựng chương trình cho một số ngành, đơn vị tham gia các hội diễn của khu vực, Trung ương đạt nhiều giải cao.

Gặt hái được nhiều thành công trên con đường nghệ thuật, được Nhà nước trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, nhưng đối với Dương Liễu, niềm hạnh phúc lớn nhất trong cuộc đời của người nghệ sĩ là được nhân dân yêu mến và quan tâm, được sống trong lòng khán giả. Năm 2022, Nghệ sĩ nhân dân Dương Liễu - sơn ca của núi rừng Đông Bắc đã trở về với gió núi, mây ngàn ở tuổi 66.

LAN TOẢ GIÁ TRỊ VĂN HOÁ, CON NGƯỜI CAO BẰNG, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN QUÊ HƯƠNG TRONG THỜI ĐẠI MỚI

BẾ LAN PHƯƠNG*

Với vị trí địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc, Cao Bằng tự hào là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá; giàu truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc và bảo vệ quê hương. Non nước Cao Bằng hội tụ nhiều giá trị lịch sử, văn hoá đặc sắc, đậm đà bản sắc dân tộc, kết tinh nhiều giá trị văn hoá độc đáo, có sức sống lâu bền, giá trị nhân văn cao đẹp. Truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh hoa văn hóa truyền thống đặc sắc đó chính là môi trường nuôi dưỡng, hun đúc nên tâm hồn, lý tưởng và nhân cách con người Cao Bằng. Trải qua những biến cố, thăng trầm của lịch sử, người Cao Bằng luôn kiên cường trong xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước; không quản ngại hy sinh, gian khổ, phát huy truyền thống, đoàn kết đứng lên đấu tranh chống ách đô hộ của các thế lực phong kiến phương Bắc, sau đó là chủ nghĩa thực dân, phát xít, đế quốc bảo vệ quê hương, đất nước, viết nên những trang sử vàng chói lọi, những chiến công hào hùng, làm nên bề dày truyền thống lịch sử rất đáng tự hào, gắn liền với lịch sử Việt Nam. Cao Bằng trở thành quê hương cội nguồn cách mạng, gắn liền với cuộc đời hoạt động cách mạng của

* Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày đầu sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, Người trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Vùng đất sinh ra nhiều người con ưu tú, những danh nhân, tướng lĩnh tiêu biểu, đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, đặc biệt là vai trò của đồng chí Hoàng Đình Giông - lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng luôn phát huy truyền thống quê hương, coi trọng xây dựng và phát triển yếu tố con người; nhìn nhận sâu sắc về những hạn chế, tồn tại trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, trong phát triển kinh tế - xã hội; phân tích nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân căn bản, sâu xa xuất phát chính từ yếu tố con người, thể hiện từ tư duy, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp uỷ, chính quyền và cá nhân người đứng đầu một số địa phương, đơn vị; cách nghĩ, cách làm của một số cán bộ, đảng viên trong từng lĩnh vực và một bộ phận nhân dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại, chưa có ý chí vươn lên. Từ đó, tiếp tục khẳng định nhiệm vụ khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đoàn kết các dân tộc và khát vọng vươn lên xây dựng quê hương của nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng luôn là nhiệm vụ căn cốt, quan trọng. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 khẳng định một trong những quan điểm hết sức quan trọng, đó là: *Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, sức mạnh đoàn kết của các dân tộc, đổi mới, sáng tạo, kỷ luật, kỷ cương, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong toàn xã hội, đưa Cao Bằng trở thành tỉnh giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng - an ninh, ổn định về xã hội, phát triển về văn hoá trong khu vực miền núi Bắc Bộ.*



Đồng chí Trần Hồng Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng trao Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho học sinh, giáo viên đạt thành tích cao tại các kỳ thi, cuộc thi cấp quốc gia, quốc tế năm học 2023 - 2024

Ảnh: Nguyễn Thùy Linh.

Cụ thể hoá quan điểm chỉ đạo đó, việc lan toả giá trị văn hoá, con người Cao Bằng cần phải được tiếp tục tăng cường, với những trọng tâm, trọng điểm, làm cho những giá trị truyền thống của văn hoá, con người Cao Bằng ngày càng rõ, sáng và được phát huy mạnh mẽ trong giai đoạn hiện nay.

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong xây dựng và phát triển văn hoá, con người Cao Bằng đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện tốt các nội dung trong Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

các nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX đã đề ra.

Các cấp uỷ đảng, chính quyền, đơn vị phải xác định xây dựng và phát triển văn hoá, con người Cao Bằng đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững là mục tiêu hàng đầu, là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục để giữ vững ổn định và tạo động lực cho sự phát triển. Cụ thể hoá nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân về thực hiện các nghị quyết, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh về phát triển văn hóa, về xây dựng đội ngũ cán bộ trong kế hoạch công tác thường xuyên và hàng năm; đồng thời, tiếp tục ban hành các chủ trương, nghị quyết, các văn bản thực hiện các vấn đề, lĩnh vực có tính chiến lược. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ đột phá: “Chủ động, trách nhiệm; nói đi đôi với làm; chống tư tưởng trông chờ, ỷ lại”.

Công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cần được tiếp tục đẩy mạnh hơn bao giờ hết, với những cách làm thiết thực nhất, nhằm tạo bước chuyển biến căn bản về tư duy, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, của cả hệ thống chính trị; làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân Cao Bằng, nhất là thế hệ trẻ đều biết rõ lịch sử truyền thống cách mạng, những giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc, nguồn gốc các điểm di tích lịch sử, danh thắng của tỉnh; tôn vinh, giữ gìn và phát huy những giá trị lịch sử, văn hoá đặc sắc của dân tộc; nắm rõ tiềm năng, lợi thế và những định hướng phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm của tỉnh, của huyện (thành phố). Từ đó, nhìn nhận một cách nghiêm túc trách nhiệm của tập thể, của cá nhân; biến niềm tự hào về truyền thống của quê hương thành hành động cụ thể. Mỗi người dân là một thành viên tích cực, một hướng dẫn viên du lịch thân thiện, chân tình, mến khách. Tích cực và chủ động tham gia giữ gìn, khôi phục, bảo vệ và phát huy truyền thống, phát huy giá trị

của các di tích, xây dựng Cao Bằng trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách và các nhà đầu tư.

Thứ hai, xây dựng con người Cao Bằng phát triển toàn diện, kết hợp chặt chẽ, hài hòa giá trị truyền thống và hiện đại.

Triển khai thực hiện tốt việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện có hiệu quả Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.

Văn hoá, đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thực hiện nghiêm và thực chất ở mỗi địa phương, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên; nhất là cán bộ, đảng viên, người đứng đầu; người có chức vụ càng cao, cương vị càng lớn càng cần phải nêu gương trong rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách làm việc, học tập, sinh hoạt; khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong gương mẫu.

Tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc và cụ thể hoá Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Xây dựng, hoàn thiện các chuẩn mực giá trị phẩm chất, đạo đức người Cao Bằng, trong đó chú trọng các yếu tố: *Yêu nước, kiên định, đoàn kết, trọng nghĩa, cương trực, thân thiện, chân tình, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và các quy định ở địa phương, quy ước của cộng đồng dân cư.*

Chú trọng phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, thể dục, thể thao, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao tầm vóc, trí tuệ, tuổi thọ, tâm hồn, tình cảm cao đẹp của con người Cao Bằng. Gắn giáo dục tri thức với giáo dục đạo đức, thể chất, kỹ năng sống, đáp

ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuẩn bị các tiền đề cần thiết để có thể làm việc trong môi trường “đa văn hóa” trong hội nhập quốc tế, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hoá, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với việc thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm đạt chuẩn thực chất về các tiêu chí văn hoá. Mỗi gia đình, cộng đồng, địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hoá phong phú, lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người phát triển toàn diện, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá và đời sống tinh thần của nhân dân. Gắn xây dựng môi trường và đời sống văn hoá với việc bảo vệ môi trường sinh thái.

Thứ ba, tăng cường mạnh mẽ công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hoá, con người Cao Bằng đến bạn bè trong nước và quốc tế.

Chú trọng phát triển những loại hình, mô hình, phương thức hoạt động văn hóa đối ngoại đa dạng, hiệu quả để giới thiệu, quảng bá bản sắc văn hóa con người Cao Bằng đến với bạn bè quốc tế thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật, các hoạt động xúc tiến, quảng bá văn hóa - du lịch với các tổ chức, địa phương trong nước, trong khu vực và trên thế giới. Duy trì và đưa các quan hệ quốc tế của tỉnh về văn hóa đã được thiết lập đi vào chiều sâu; xây dựng, phát triển biểu tượng văn hóa và một số sản phẩm văn hóa Cao Bằng mang tính thương hiệu khu vực, quốc gia, quốc tế.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về văn hóa nói chung và văn hóa đối ngoại nói riêng trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tăng cường bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, con người, quảng bá hình ảnh của tỉnh ra nước ngoài. Xây dựng cơ chế, chính sách về văn hóa

đối ngoại; đồng thời, chú trọng đẩy mạnh công tác văn hóa đối ngoại gắn kết chặt chẽ với cộng đồng người Cao Bằng ở các địa phương trong nước và nước ngoài. Mỗi thanh niên, sinh viên, mỗi doanh nhân và bà con đồng hương Cao Bằng sinh sống, lao động và học tập trên khắp mọi miền đất nước, ở nước ngoài, chủ động đồng hành cùng với tỉnh, lan tỏa hình ảnh tốt đẹp về văn hóa, con người Cao Bằng với bạn bè muôn phương, làm cầu nối, giúp tỉnh thu hút đầu tư để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Nâng cao chất lượng công tác thông tin đối ngoại, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên internet và mạng xã hội. Cung cấp và định hướng kịp thời thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Cao Bằng với báo chí, cộng đồng người Cao Bằng ở nước ngoài, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức, cá nhân; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan báo chí và phóng viên trong và ngoài nước được tiếp cận, tìm hiểu, góp phần quảng bá, giới thiệu về Cao Bằng với bạn bè quốc tế.

Bề dày lịch sử, văn hoá, phẩm chất, nhân cách, tri thức và sức sáng tạo của con người chính là nguồn lực nội sinh to lớn trong mọi giai đoạn cách mạng, quyết định sự thành bại của cách mạng. Đối với Cao Bằng, nguồn lực đó càng phải được nêu cao hơn bao giờ hết; đó là trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền và mỗi người dân Cao Bằng, hướng tới mục tiêu tạo được bước phát triển đột phá, mạnh mẽ hơn về kinh tế - xã hội, để Cao Bằng không chỉ được biết đến là mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, anh hùng trong kháng chiến, là “địa chỉ đỏ” trong hành trình tri ân, về nguồn của cả nước; mà còn là một địa phương có thành tựu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.



TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH



XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỈNH CAO BẰNG PHÁT TRIỂN VỮNG MẠNH

TRẦN HỒNG MINH*

Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XX đã đánh dấu nhiều mốc son chói lọi, gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là các sự kiện dân tộc ta đứng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc, lật đổ chế độ thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); vừa kháng chiến vừa kiến quốc, thống nhất đất nước. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, Đảng tiếp tục thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, luôn đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc, nhân dân lên trên hết, trước hết. Để đạt được những thành tựu đó, Đảng ta đã không ngừng đổi mới, không ngừng hoàn thiện về mọi mặt, trong đó đặc biệt chú trọng và quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Đặc biệt, tại Đại hội XIII của Đảng (năm 2021), Đảng ta đã bổ sung những nhận thức mới về công tác xây dựng, chỉnh

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng.

đốn Đảng; nhấn mạnh tới việc gắn xây dựng, chỉnh đốn Đảng với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của cả nhiệm kỳ Đại hội XIII và những năm tiếp theo: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh”¹.

Nhận thức sâu sắc vai trò trọng yếu của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; kế thừa những kinh nghiệm và thành quả từ các nhiệm kỳ trước, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 khẳng định: phải “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy mạnh mẽ nội lực, đổi mới, sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt tạo đột phá mới..., xây dựng Cao Bằng năng động, phát triển nhanh và bền vững”.

Đến tháng 12/2024, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng có 15 đảng bộ trực thuộc (10 đảng bộ huyện, thành phố; 1 đảng bộ khối, 3 đảng bộ lực lượng vũ trang; 1 đảng uỷ cơ sở trực thuộc Tỉnh uỷ); 539 tổ chức cơ sở đảng (261 đảng bộ cơ sở, 278 chi bộ cơ sở); 9 đảng bộ bộ phận; 2.809 chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở với trên 63.600 đảng viên. 100% xóm, tổ dân phố có đảng viên và 100% xóm, tổ dân phố có chi bộ.

Trong những năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu, quyết tâm, quyết liệt của các cấp uỷ đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đảng bộ tỉnh luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng để trên cơ sở đó dự báo những vấn đề thuận lợi, những điểm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.199-200.

nghe của địa phương, đồng thời hoạch định đường lối, chính sách phát triển phù hợp với thực tiễn của tỉnh; trong đó có nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách, dự án, đề án quan trọng mang tính đột phá, quyết định cho sự phát triển vững chắc và lâu dài của tỉnh. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy nội lực, năng động, sáng tạo, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, quyết liệt, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; ban hành nhiều chương trình, chỉ thị, nghị quyết lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị ở địa phương.

Tỉnh uỷ đã tập trung chỉ đạo đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tổ chức quán triệt và chỉ đạo các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể nghiên cứu, học tập, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ với trên 95% cán bộ, đảng viên tham gia. Ban hành, triển khai thực hiện hiệu quả 6 đề án thuộc lĩnh vực công tác chính trị, tư tưởng, lý luận chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Tổ chức sâu rộng các đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ tỉnh với chủ đề “tự soi, tự sửa” và nội dung các tác phẩm của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Tăng cường, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nắm bắt, định hướng dư luận xã hội. Triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ việc nghiên cứu, biên soạn, xuất bản các ấn phẩm lịch sử đảng bộ địa phương, lịch sử truyền thống ngành. Xác định chủ đề về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cả nhiệm kỳ; biên soạn và xuất bản các cuốn tài liệu học tập chuyên đề phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh... Việc thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

góp phần làm cho các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên nâng cao ý thức, tính tiên phong, gương mẫu; chủ động ngăn chặn, đẩy lùi biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao.



Đồng chí Trần Hồng Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng phát biểu kết luận cuộc họp Tiểu ban văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Ảnh: Nguyễn Thị Xoa.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành, triển khai thực hiện các chương trình, đề án nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực ở nông thôn nhằm khắc phục điểm nghẽn, nút thắt về chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên mới; rà soát, sàng lọc đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng;

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội...; đồng thời, chỉ đạo rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều quy định, hướng dẫn để tổ chức thực hiện bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Cao Bằng là một trong những tỉnh hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ mới sớm nhất cả nước. Chỉ đạo tổ chức thành công đại hội chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở, nhiệm kỳ 2022 - 2025. Hằng năm, trên 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; từ năm 2021 đến tháng 10/2024, toàn Đảng bộ tỉnh đã kết nạp 7.864 đảng viên mới (trung bình kết nạp trên 2.000 đảng viên/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra), nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh lên 63.264 đảng viên.

Trên cơ sở Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và các quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành nhiều văn bản quan trọng về công tác cán bộ để cụ thể hoá các quan điểm, nguyên tắc, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ. Việc phân công, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu cán bộ ứng cử được Tỉnh uỷ và các cấp uỷ đảng thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, khách quan. Hoàn thành việc xây dựng quy hoạch và hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các chức danh chủ chốt cấp tỉnh và quy hoạch lãnh đạo các sở, ngành và lãnh đạo các huyện, thành uỷ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý. Thực hiện tốt công tác đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bảo đảm nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định.

Tỉnh uỷ kịp thời cụ thể hóa và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Kết luận số 21-KL/TW, ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW,

ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị và các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; qua đó, tác phong công tác, lề lối làm việc của cấp uỷ, chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên có nhiều chuyển biến tích cực. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và những vấn đề bức xúc, lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm; qua đó chỉ ra từng nội dung triển khai chậm, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở các cấp, các ngành và chỉ đạo uốn nắn, khẩn trương khắc phục; xử lý nghiêm các sai phạm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh và bước đầu phát huy được hiệu quả hoạt động.

Công tác dân vận của hệ thống chính trị được đẩy mạnh theo hướng gần dân, sâu sát cơ sở; khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố, tăng cường. Xây dựng và duy trì được 550 mô hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chủ động phối hợp giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, tham gia đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả các hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh và một số hiện tượng tôn giáo mới.

Công tác xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng; tập trung lãnh đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 229 nghị quyết để triển khai thực hiện các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện hiệu quả nghị quyết của Chính phủ, của tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình trọng tâm, nội dung đột phá; đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phát huy vai trò người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát và phản biện xã hội, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Kết quả đạt được của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là cơ sở để tiếp tục khẳng định chủ trương và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh là đúng đắn, phù hợp; đây cũng là nhân tố quyết định tạo nên những kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh thời gian qua. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) được khởi công; sân bay Cao Bằng được bổ sung vào quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... tạo điều kiện thúc đẩy liên kết giữa Cao Bằng với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt góp phần tạo hành lang vững chắc, mở rộng tầm nhìn và khát vọng để Cao Bằng khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển nhanh, năng động, xanh, bền vững và toàn diện trong thời kỳ mới. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, quốc phòng - an ninh được củng cố, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Hoạt động đối ngoại được tăng cường. Niềm tin của nhân dân với Đảng và chính quyền tiếp tục được củng cố.

Dự báo thời gian tới, tình hình thế giới và trong nước sẽ có nhiều khó khăn, thử thách, tác động trực tiếp, nhiều chiều đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh phải đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; trong đó tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm:

(1) Tiếp tục quán triệt, thực hiện quyết liệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và các chỉ thị, nghị quyết, đề án, kết luận của Trung ương, của tỉnh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Lãnh đạo, chỉ đạo việc chuẩn bị, tổ chức thành công đại hội đảng các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

(2) Nâng cao chất lượng, nội dung, hình thức công tác định hướng, tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng. Thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; biên soạn, xuất bản các ấn phẩm lịch sử đảng bộ địa phương, lịch sử truyền thống ngành; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng.

(3) Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế trong hệ thống chính trị của tỉnh hoạt động hiệu lực, hiệu quả; củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên. Thực hiện chặt chẽ các khâu trong công tác cán bộ. Chú trọng đào tạo, quy hoạch, kiện toàn, bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tạo nguồn phát triển đảng viên mới.

(4) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng và công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận; đẩy mạnh

các phong trào thi đua yêu nước và nhân rộng các mô hình điển hình “Dân vận khéo”; thực hiện tốt chủ trương, giải pháp xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

(5) Đổi mới phương thức quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; tăng cường vai trò, chức năng của Hội đồng nhân dân các cấp. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, chỉ đạo chuẩn bị và tổ chức tốt đại hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng theo nhiệm kỳ...

Với quyết tâm chính trị cao, cùng với sự đoàn kết thống nhất, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và những năm tiếp theo, xây dựng Cao Bằng sớm trở thành tỉnh phát triển nhanh, bền vững và toàn diện.

ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG - 95 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TRIỆU ĐÌNH LÊ*

Theo tiến trình cách mạng, 95 năm qua, dù phải trải qua những bước thăng trầm của lịch sử, cả khi khó khăn cũng như thuận lợi, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng luôn đoàn kết một lòng, hướng về Đảng, Bác Hồ kính yêu, cống hiến và hy sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Năm 2025, kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh, đây là dịp để cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng ôn lại lịch sử vẻ vang, rất đỗi tự hào để cùng đoàn kết thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội Đảng các cấp, với khát vọng đưa quê hương cội nguồn cách mạng phát triển nhanh, bền vững.

Ngược dòng lịch sử, ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc. Sau đó, chỉ trong thời gian ngắn, ngày 01/4/1930, Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh được thành lập tại Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An. Chi bộ làm nhiệm vụ như “Tỉnh uỷ lâm thời”, lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Song song với việc phát triển

* Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

các cơ sở đảng, Tỉnh uỷ còn chủ trương củng cố Đảng về mặt tổ chức, kiện toàn các cấp bộ đảng từ cơ sở cho tới Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhằm mục đích bảo đảm sự hoạt động và chỉ đạo được thống nhất. Đến tháng 7/1933, Ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng hợp với quy luật, hợp với xu thế phát triển của thời đại và của dân tộc, đã tỏ rõ vai trò và trách nhiệm lớn lao của những người cộng sản Cao Bằng mà không có tổ chức chính trị nào có thể thay thế được. Việc Đảng bộ tỉnh Cao Bằng được thành lập sớm đã có tác động tích cực đến quá trình hình thành và phát triển của các tổ chức cộng sản trên toàn quốc cũng như thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa sự phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở Cao Bằng diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.



Đồng chí Triệu Đình Lê, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng (người đứng thứ 9 từ trái sang, hàng đầu tiên) và các đại biểu chụp ảnh lưu niệm tại Khu di tích lịch sử Nặm Lìn, xóm Hào Lịch, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An (ngày 01/4/2023)

Ảnh: Phạm Thị Hà.

Sau 30 năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài, ngày 28/01/1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc, xây dựng căn cứ địa trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Cao Bằng vinh dự được Người chọn làm căn cứ địa cách mạng đầu tiên của cả nước, nơi thành lập Mặt trận Việt Minh, khai sinh Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, đội quân chủ lực đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Từ Cao Bằng, phong trào cách mạng lan rộng đến các tỉnh Việt Bắc, tạo thế và lực, chớp thời cơ để tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, Cao Bằng đã hình thành đội quân Nam tiến, bao gồm những người con ưu tú nhanh chóng lên đường vào Nam sát cánh cùng nhân dân Nam Bộ quyết tâm chiến đấu với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Cao Bằng đã góp phần quan trọng vào Chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947. Cũng tại Cao Bằng đã diễn ra Chiến dịch Biên giới tháng 10/1950 mà Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp ra mặt trận, làm nên chiến thắng to lớn, mở rộng vùng giải phóng Việt Bắc nối liền biên giới nước bạn, thông thương đến các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến thắng Biên giới đã mở ra những tiên đề, điều kiện thuận lợi, để dân tộc ta làm nên Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến của dân tộc; chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Sau khi hoà bình được lập lại ở miền Bắc năm 1954, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh xây dựng hậu phương vững chắc, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện sức người, sức của cho miền Nam ruột thịt, góp phần làm nên cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giành

độc lập cho dân tộc, thống nhất Tổ quốc và ngày nay đang lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thực hiện có hiệu quả sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Trải qua 95 năm xây dựng và phát triển, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã không ngừng phát triển và lớn mạnh về mọi mặt. Từ chỉ bộ chỉ có 03 đồng chí do đồng chí Hoàng Văn Nọn (Hoàng Như) làm Bí thư, qua 95 năm với 19 kỳ Đại hội, đến tháng 12/2024, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã có trên 63.600 đảng viên, với 539 tổ chức cơ sở đảng, có 15 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ. Qua tiến trình của lịch sử, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ tỉnh vẫn thể hiện được phẩm chất tiên phong cách mạng, kiên định lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, kiên cường trước mọi thử thách, dũng cảm trong chiến đấu, sáng tạo trong lao động, mẫu mực trong đạo đức, lối sống, được nhân dân tin yêu, quý trọng. Đảng bộ tỉnh Cao Bằng luôn luôn thể hiện là một bộ phận của Đảng Cộng sản Việt Nam, gắn bó mật thiết với nhân dân, biết phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân. Các thế hệ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ luôn nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, không ngại hy sinh gian khổ, khắc phục mọi khó khăn, kế tiếp nhau gánh vác và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ do Đảng và nhân dân giao phó...

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng bộ tỉnh, đến nay Cao Bằng từ một tỉnh nghèo nàn, lạc hậu, đã từng bước phát triển và đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá. Giai đoạn 2021 - 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 4,42%/năm, GRDP bình quân đầu người đạt trên 60 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch đúng hướng, sản xuất công nghiệp bình quân tăng 11,1%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,95%/năm; tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu qua địa bàn tăng 16%/năm. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng

bình quân 12,06%/năm. Dự kiến đến hết năm 2025, tỉnh sẽ có 25 xã, 150 xóm đạt chuẩn nông thôn mới.

Công tác giáo dục, đào tạo được quan tâm đổi mới, nâng cao chất lượng, đến hết năm 2024, tỉnh có 187/503 cơ sở giáo dục - đào tạo đạt chuẩn quốc gia, ngày càng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, kiểm soát tốt dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh có 91,3% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tiếp tục duy trì 15 bác sĩ/vạn dân, 35 giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 97%. Các phong trào văn hóa, thể dục, thể thao được đẩy mạnh; chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di sản văn hóa. Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu. Khu di tích lịch sử Pác Bó, Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo và Di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt. Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) được khởi công, sân bay Cao Bằng được bổ sung vào quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tạo điều kiện thúc đẩy liên kết giữa Cao Bằng với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt góp phần tạo hành lang vững chắc, mở rộng tầm nhìn và khát vọng để Cao Bằng khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển nhanh, năng động, xanh, bền vững và toàn diện trong thời kỳ mới. Tỉnh đã tích cực triển khai, thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm trên 4%. Huy động các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện công tác “đền ơn, đáp nghĩa”, chăm sóc các đối tượng chính sách, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia.

Tình hình chính trị ổn định, công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại đạt những kết quả toàn diện.

Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực đã khẳng định vai trò lãnh đạo to lớn của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng cùng sự chung sức, đồng lòng, thống nhất ý chí của cả hệ thống chính trị và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Cùng với quan điểm chỉ đạo đúng đắn, nhất quán, phương pháp lãnh đạo khoa học, phù hợp với tình hình thực tiễn, quá trình lãnh đạo luôn thể hiện rõ phương châm “nói đi đôi với làm”, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở có sự đoàn kết, thống nhất cao, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Với những thành tựu đạt được, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận và phong tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý như: Huân chương Sao Vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng Nhất; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; nhiều tập thể và cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động... Đặc biệt, năm 2018, đồng chí Hoàng Đình Giọng, người con ưu tú của quê hương Cao Bằng đã vinh dự được Đảng, Nhà nước công nhận là lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. Những thành tích vẻ vang đó đã khẳng định sự đúng đắn của chiến lược phát triển tỉnh Cao Bằng.

Nhìn lại chặng đường 95 năm xây dựng và phát triển nhằm ôn lại truyền thống, hướng tới tương lai và để mỗi chúng ta thêm yêu, tự hào về những địa danh lịch sử, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng luôn ghi nhớ công lao to lớn của lớp lớp cha anh đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và giải phóng quê hương, luôn tri ân các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, người dân đã

đóng góp trí tuệ, công sức để xây dựng quê hương Cao Bằng ngày càng giàu đẹp.

Nhiệm vụ đặt ra đối với Đảng bộ, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn mới là nặng nề, song cũng vô cùng vẻ vang. Phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, với ý chí, nghị lực, quyết tâm cao, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng nhất định vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên trên con đường đổi mới, xây dựng Cao Bằng trở thành tỉnh vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng - an ninh và đẹp về văn hoá trong khu vực miền núi phía Bắc, thực sự là “phên giậu” vững chắc phía Đông Bắc của Tổ quốc. Góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, xứng đáng với truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng.

ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ TỈNH CAO BẰNG

HOÀNG XUÂN ÁNH*

Cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số được coi như một xu hướng tất yếu trong thời kỳ này. Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, tại Việt Nam, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước, trong các ngành, lĩnh vực đã và đang diễn ra mạnh mẽ. Chính phủ, chính quyền các cấp đã và đang xây dựng chính phủ điện tử, chính quyền điện tử, từng bước hướng tới phát triển chính phủ số, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, tinh thần chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển chính quyền số là lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và là động lực của chuyển đổi số; người dân, doanh nghiệp cũng phải tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

Là tỉnh miền núi, biên giới, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn nên đối với Cao Bằng, chuyển đổi số là một giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Vì vậy, thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã ưu tiên nguồn lực thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền số tại địa phương với mục tiêu dài hơi, nhằm mang lại một sự thay đổi có tính tổng thể và toàn diện. Ban Chấp hành

* Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đảng bộ tỉnh khóa XIX đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 07/3/2022 về xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, xác định ba mục tiêu lớn là: hoàn thiện chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số - phát triển kinh tế số - phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số. Nghị quyết xác định mục tiêu gắn quá trình chuyển đổi số, phát triển chính quyền số với hiện đại hoá nền hành chính nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; phát triển môi trường số an toàn, rộng khắp để hình thành công dân số, xã hội số; phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Cao Bằng thuộc nhóm phát triển khá về chuyển đổi số.



Các đại biểu thực hiện nghi thức ấn nút khai trương các nền tảng số

Ảnh: Lê Thu An.

Cùng với việc ban hành các kế hoạch, đề án giai đoạn, tỉnh đã ban hành các quy hoạch, kiến trúc tổng thể về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, phát triển đô thị thông minh như: kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Cao Bằng phiên bản 2.0; kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Cao Bằng phiên bản 1.0;

ban hành các kế hoạch chuyển đổi số hằng năm để làm cơ sở cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương tổ chức, triển khai xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

Với sự quyết tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự đồng hành, tham gia chuyển đổi số của các doanh nghiệp, người dân, Cao Bằng đã đạt được những kết quả quan trọng trong phát triển chính quyền số. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ đang ngày càng được hoàn thiện, bảo đảm phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và hoạt động của các cơ quan, đơn vị; xây dựng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, các nền tảng số phục vụ chính quyền điện tử; tạo lập các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, từng bước được kết nối, chia sẻ, đồng bộ; công tác đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số được triển khai thường xuyên; an toàn, an ninh mạng ngày càng được tăng cường. Kinh tế số, xã hội số có sự phát triển, chuyển dịch. Internet cáp quang tốc độ cao đã phủ đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn; 100% doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; gần 89% dân số toàn tỉnh có điện thoại thông minh; 98% dân số có số sức khỏe điện tử. Nhiều bệnh viện, trường học, tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Các tiện ích của Đề án 06 được đẩy mạnh ứng dụng vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Việc đẩy mạnh chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đã và đang góp phần cho tỉnh tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Tuy đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận nhưng quá trình triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số nói chung, xây dựng, phát triển chính quyền số nói riêng trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số khó khăn, thách thức. Chỉ số chuyển đổi số của tỉnh

Cao Bằng vẫn ở nhóm các tỉnh có thứ hạng thấp của cả nước. Kết cấu hạ tầng chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng thực hiện chuyển đổi số; toàn tỉnh còn 169 thôn, xóm “trắng sóng”, “lõm sóng” di động, chưa có mạng internet; trình độ nhận thức của người dân về công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế. Nguồn lực đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, chưa thu hút được các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển vào chuyển đổi số. Thiếu nguồn nhân lực thực hiện công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang được xây dựng với quy mô chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều thông tin dữ liệu cần thiết chưa được tạo lập, chuẩn hóa, số hóa để phục vụ việc tra cứu và chia sẻ...

Trước bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng phổ biến, mà còn là yêu cầu tất yếu, khách quan đối với mỗi quốc gia và trong mọi lĩnh vực. Nhiều văn kiện và nghị quyết của Đảng đã đề cập sâu sắc về chuyển đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong các mục tiêu, quan điểm phát triển và đột phá chiến lược. Trong thời gian tới, chuyển đổi số sẽ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, được thực hiện toàn diện, đồng bộ trên nhiều lĩnh vực.

Trong đó, phát triển chính quyền số như một nền tảng của chuyển đổi số, làm động lực và “dẫn dắt” phát triển kinh tế số, xã hội số. Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của các cơ quan, trước hết là các cơ quan nhà nước lên môi trường số, coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định, chuyển đổi số phải toàn trình, từ đầu đến cuối trong triển khai hoạt động của cơ quan. Cơ quan sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để ra quyết định và quản lý kinh tế - xã hội hiệu quả hơn. Muốn vậy, người đứng đầu cấp uỷ

đảng, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp và người dân phải nhận thức đầy đủ, thống nhất, có trách nhiệm và quyết tâm thực hiện quá trình chuyển đổi số; đồng thời cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, chuyển đổi nhận thức. Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số, chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ “truyền thống” sang sử dụng dữ liệu số. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế. Có cơ chế, chính sách mạnh mẽ thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, khuyến khích đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Theo thẩm quyền được giao, các cấp chính quyền địa phương hoàn thiện thể chế, xây dựng hành lang pháp lý cho chuyển đổi số; thường xuyên rà soát, ban hành mới, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, bảo đảm khung pháp lý không trở thành rào cản phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Thứ ba, tập trung phát triển hạ tầng số và dữ liệu số phục vụ phát triển chính quyền số, dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số. Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng internet, kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp từ Trung ương đến cấp xã. Hoàn thiện, phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh phục vụ chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số; tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu rộng khắp tạo cơ sở phục vụ chuyển đổi số. Đẩy nhanh tốc độ phủ

mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân sinh trên toàn tỉnh. Tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nên tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất.

Thứ tư, huy động và phát huy tối đa mọi nguồn lực xã hội phục vụ chuyển đổi số. Ngoài nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số từ ngân sách nhà nước, tăng cường sự ủng hộ, huy động nguồn lực doanh nghiệp trong triển khai chuyển đổi số qua hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công - tư; tạo điều kiện để các doanh nghiệp có thể tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ công, khai thác hiệu quả dữ liệu mở của cơ quan nhà nước để phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng. Nâng cao năng lực về bảo đảm an toàn, an ninh mạng, chủ động sẵn sàng ứng phó với các nguy cơ, thách thức từ không gian mạng nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng và công cuộc chuyển đổi số, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng.

Với sự nỗ lực, quyết tâm, quyết liệt của các cấp, các ngành, trong thời gian tới, tỉnh Cao Bằng sẽ có những bước tiến mới, đạt nhiều kết quả đáng mong đợi hơn nữa về chuyển đổi số, mang lại nhiều tiện ích thiết thực về hoạt động điều hành, quản lý nhà nước của chính quyền cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TỈNH CAO BẰNG PHÁT HUY VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

HÀ NGỌC GIÁP*

Thực tiễn cách mạng Việt Nam sau 95 năm từ ngày thành lập Đảng đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, luôn xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc ta, được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định:

*“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công”¹.*

Với vai trò là trung tâm khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội XI của Đảng đã khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân,

* Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.120.

tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước”¹. Trải qua chặng đường 95 năm xây dựng và phát triển, sự kiện thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Cao Bằng (ngày 01/4/1930) đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trên con đường đấu tranh giải phóng quê hương của quân dân Cao Bằng. Qua từng thời kỳ cách mạng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Cao Bằng đã và đang không ngừng phát huy vai trò nòng cốt tập hợp và tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nền tảng vững chắc cho sự ổn định và phát triển của tỉnh, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Trong bối cảnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, tập hợp chặt chẽ trong Mặt trận Tổ quốc, mà hạt nhân lãnh đạo là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, nêu cao tinh thần đoàn kết, quyết tâm, quyết liệt, đổi mới, năng động, sáng tạo, bản lĩnh, khắc phục khó khăn, phát huy nội lực; biến khó khăn, thách thức thành cơ hội, tận dụng tiềm năng, lợi thế, cùng chung sức đồng lòng vươn lên, xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh và bền vững.

Trong những năm qua, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Cao Bằng luôn bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cấp chính quyền và các sở, ngành liên quan. Cùng với sự thống nhất hành động của các tổ chức thành viên và hệ thống Mặt trận các cấp trong tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng đã không ngừng đổi mới về nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, nắm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.86.

bất tâm tư, nguyện vọng, vận động, tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, chăm lo cho người nghèo... Qua đó, góp phần quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc của tỉnh, tăng cường niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.



Đồng chí Trần Hồng Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng (người đứng thứ 9 từ trái sang, hàng đầu tiên) và các đồng chí lãnh đạo tỉnh tặng hoa, ghi nhận các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” tỉnh Cao Bằng năm 2023

Ảnh: Nông Thị Hậu.

Trong 5 năm 2019 - 2024, công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân thông qua việc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua như phong trào “Đoàn kết, sáng tạo”, “Chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” gắn với thực hiện chương trình an sinh xã hội được Mặt trận Tổ quốc và tổ chức thành viên các cấp trong tỉnh triển khai thực hiện

có hiệu quả, bằng nhiều nội dung cụ thể, thu hút sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân. Công tác tuyên truyền được chú trọng với nhiều hình thức khác nhau như: mở chuyên mục “*Mặt trận lắng nghe nhân dân nói*” trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, xây dựng đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên tại các xã, phường, thị trấn và khu dân cư với 1.618 thành viên; đẩy mạnh chương trình phối hợp với Báo Cao Bằng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh mở các chuyên mục “*Đại đoàn kết toàn dân tộc tỉnh Cao Bằng*”, “*Chấp cánh ước mơ*”, “*Giảm nghèo bền vững*”, đăng tải 1.482 tin, bài trên Báo Cao Bằng và Trang thông tin điện tử của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, trên 100 phóng sự phản ánh các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp, gương cán bộ Mặt trận tiêu biểu, gương điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất, kinh doanh giỏi; học sinh nghèo hiếu học có hoàn cảnh khó khăn; phát hành 48.000 cuốn Bản tin Công tác Mặt trận đến 1.462 khu dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin thông qua sử dụng Trang thông tin điện tử của Mặt trận Tổ quốc, Fanpage, Facebook, zalo,... Qua đó nâng cao hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

Việc tổ chức Ngày hội đại đoàn kết ở khu dân cư hằng năm được quan tâm đặc biệt, nhằm tiếp tục xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời kỳ mới. Thông qua ngày hội, các nét văn hóa đặc sắc của các tầng lớp dân cư, các dân tộc trên địa bàn tỉnh tiếp tục được bảo tồn và phát huy; tinh thần đoàn kết, gắn bó, tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Từ đó, góp phần thực hiện tốt các phong trào “*Xây dựng gia đình văn hóa*”, “*Xây dựng văn hóa ở khu dân cư*”, xây dựng các gia đình điển hình có “*Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền*”... Trong 5 năm 2019 - 2024, toàn tỉnh

đã có 152.535 lượt gia đình tiêu biểu, cá nhân tiêu biểu; 4.624 khu dân cư được biểu dương tại ngày hội.

Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tích cực phát động các phong trào thi đua, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia như: phát triển kinh tế gia đình, xoá đói, giảm nghèo của Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động; phong trào xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; phong trào Thanh niên lập nghiệp của Đoàn Thanh niên... Nổi bật là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh đã đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia. Theo đó, với phương châm kiên trì, bền bỉ, giải thích, thuyết phục, đã vận động nhân dân ủng hộ Quỹ “Xây dựng nông thôn mới” các cấp được trên 26.655 triệu đồng, phân bổ từ Quỹ cấp tỉnh, huyện hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới với tổng số tiền 13.109 triệu đồng; tuyên truyền, vận động nhân dân hiến đất, góp ngày công lao động, hiến vật liệu xây dựng, xi măng để làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, làm nhà văn hóa và các công trình phúc lợi, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, thay đổi diện mạo nông thôn trên địa bàn tỉnh. Đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 17/139 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Dự kiến đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 50 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 1 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 150 xóm đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố Cao Bằng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, 5 năm (2019 - 2024), thông qua Quỹ “Vì người nghèo” và các chương trình an sinh xã hội, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã vận động được

trên 181 tỷ đồng¹. Từ nguồn kinh phí vận động được và các nguồn hỗ trợ khác đã kịp thời hỗ trợ xây mới 2.022 ngôi nhà và sửa chữa 32 nhà đại đoàn kết trị giá 82,4 tỷ đồng; hỗ trợ khác gần 60 tỷ đồng giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, khu vực bị phong tỏa do dịch bệnh... Ngoài ra, triển khai chương trình an sinh xã hội như xây dựng trường học, trạm y tế, nhà văn hóa với tổng giá trị 24,8 tỷ đồng, thông qua các chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) của tỉnh bình quân trên 4%/năm.

Công tác giám sát, phản biện xã hội được thực hiện theo hướng chuyên sâu, có trọng tâm, trọng điểm, được triển khai đồng bộ, thực chất, hiệu quả. Mặt trận Tổ quốc các cấp đã chủ trì 582 cuộc giám sát (cấp tỉnh 17 cuộc, cấp huyện 81 cuộc, cấp xã 484 cuộc); phối hợp, tham gia giám sát liên ngành được 1.573 cuộc (cấp tỉnh 83 cuộc, cấp huyện 473 cuộc, cấp xã 1.017 cuộc). Hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể các cấp ngày càng đi vào chiều sâu, cụ thể hơn, phát huy hiệu quả thiết thực, được cấp uỷ, chính quyền ghi nhận, đánh giá cao. Kết quả, Mặt trận Tổ quốc chủ trì tổ chức phản biện xã hội đối với 19 dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trong đó, tổ chức hội nghị phản biện đối với 6 dự thảo nghị quyết; tổ chức phản biện bằng hình thức gửi văn bản đối với 13 dự thảo nghị quyết theo đề nghị của các cơ quan tham mưu soạn thảo. Thông qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đã góp phần tăng cường sự phối hợp thống nhất hành động giữa các thành viên của Mặt trận, phát huy dân chủ và tạo sự đồng thuận trong nhân dân, nhất là ở cơ sở.

1. Trong đó: Quỹ “Vì người nghèo” trên 163 tỷ đồng; Quỹ “Cứu trợ” 5 tỷ đồng; Quỹ “Phòng, chống dịch Covid-19” trên 7,5 tỷ đồng; Quỹ “Chung tay xây dựng Cao Bằng” và Quỹ “Trường Sa” trên 6,2 tỷ đồng.

Công tác đối ngoại nhân dân được quan tâm thực hiện với nhiều nội dung thiết thực. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp tăng cường hoạt động đối ngoại, vận động nhân dân các xã, xóm vùng biên ký kết nhiều thoả thuận hợp tác, tổ chức giao lưu nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, thể thao... góp phần phát huy tinh thần đoàn kết, hữu nghị trong công tác quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới. Các hoạt động phối hợp với các Đoàn Biên phòng tuyên truyền ba văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; hội đàm, hội thảo, ký kết hợp tác phát triển kinh tế, văn hoá, giao lưu quốc phòng biên giới hai nước Việt Nam - Trung Quốc, giao lưu các xóm, bản hai bên biên giới được đẩy mạnh. Thông qua các hoạt động đã góp phần thắt chặt tình đoàn kết, hữu nghị, làm sâu sắc thêm mối quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược giữa tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), góp phần xây dựng khu vực biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Với niềm tin, khát vọng vươn lên, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương cội nguồn cách mạng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Cao Bằng quyết tâm khắc phục khó khăn, cùng chung sức, đồng lòng, đổi mới, sáng tạo trong thực thi các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống với tinh thần dám nghĩ, dám làm. Đồng thời, không ngừng phát huy dân chủ, sức sáng tạo và khả năng cống hiến của các thành viên của Mặt trận; quyết tâm giữ vững vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy và phát huy lòng yêu nước của mỗi người dân, tập hợp và tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm xây dựng và phát triển quê hương Cao Bằng trở thành tỉnh giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng - an ninh, ổn định về xã hội, phát triển về văn hóa trong khu vực miền núi Bắc Bộ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

CÔNG AN TỈNH CAO BẰNG PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG, GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

Đại tá **VŨ HỒNG QUANG***

Trái qua 79 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Công an, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Công an Cao Bằng đã phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng, Tổ quốc và Nhân dân giao phó.

Cách đây 79 năm, vào ngày 22/8/1945, chính quyền cách mạng tỉnh Cao Bằng được thành lập. Ngay sau đó, Uỷ ban nhân dân lâm thời tỉnh Cao Bằng đã thành lập Ty Liêm phóng do đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (tức Hồng Kỳ) phụ trách với quân số khoảng 10 người được chia thành 2 bộ phận: Văn phòng và Trinh sát làm nhiệm vụ điều tra nắm tình hình; thành lập Ban Cảnh sát do đồng chí Nông Quang Vinh phụ trách với quân số chỉ có khoảng 20 người được chia làm 2 bộ phận: Văn phòng hành chính và Cảnh sát trật tự, đảm nhận nhiệm vụ giữ gìn trật tự. Ngày 22/8/1945 được xác định là Ngày thành lập Công an Cao Bằng. Từ khi thành lập, lực lượng Công an Cao Bằng đã tham mưu kịp thời cho cấp uỷ, chính quyền địa phương thực hiện những đổi

* Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Công an tỉnh Cao Bằng.

sách khôn khéo chống “thù trong, giặc ngoài”. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc địa phương chiến đấu ngoan cường, mưu trí, dũng cảm, truy quét, dập tắt, làm tan rã những toán phỉ và các tổ chức phản động, trừng trị bọn đầu sỏ.

Tháng 10/1947, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống thị xã Cao Bằng và chiếm đóng một số huyện trong tỉnh, chia cắt Cao Bằng thành nhiều vùng khác nhau. Bọn tề, ngụy, phỉ cũ ngóc đầu dậy, các loại tội phạm khác cũng lợi dụng thời cơ này nổi lên chống phá chính quyền cách mạng. Công an Cao Bằng đã phối kết hợp với các đơn vị vũ trang trong tỉnh, hiệp đồng chặt chẽ, chiến đấu với tinh thần tiến công kiên quyết, dũng cảm, cầm chân, tiêu diệt địch.

Năm 1950, Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới. Thực hiện sự chỉ đạo của Nha Công an Trung ương, Công an Cao Bằng đã tích cực phối hợp tham gia bảo vệ chiến dịch, bảo vệ các kế hoạch hành quân, các đoàn dân công, bảo vệ giao thông vận tải, phát động phong trào “Phòng gian bảo mật” trong nhân dân. Chiến dịch Biên giới năm 1950 giành thắng lợi, Cao Bằng được hoàn toàn giải phóng. Công an Cao Bằng đã tiếp nhận, quản lý, khai thác, giáo dục, phân loại và đề xuất các biện pháp xử lý hàng ngàn tù binh Pháp và tay sai, xử lý nhiều tên gián điệp và tay sai đế quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần từng bước ổn định mọi mặt đời sống nhân dân trong tỉnh.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lực lượng Công an Cao Bằng đã làm hết sức mình để bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi toàn tỉnh. Vào thời điểm đế quốc Mỹ tăng cường ném bom bắn phá miền Bắc, bao vây, phong tỏa các cảng biển cũng như các tuyến giao thông đường bộ của ta, Cao Bằng lại trở thành cửa ngõ quan trọng trong việc tiếp nhận hàng viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an toàn cho

gần 30.000 lượt xe quá cảnh, vận chuyển trên 82.000 tấn hàng viện trợ, kịp thời chi viện cho chiến trường miền Nam, góp phần quan trọng trong giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc tháng 02/1979, Công an Cao Bằng đã phối hợp, kết hợp với lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị biên phòng chiến đấu kiên cường bám trụ, tiêu diệt địch, tổ chức cho dân sơ tán và bảo vệ an toàn cho nhân dân tại các khu hậu cứ.

Trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng như các liệt sĩ: Bùi Khắc Khuê, Lâm Xuân Nhượng, Phạm Hồng Anh, Bé Văn Bính...; nhiều tấm gương dũng cảm ngoan cường đã được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân như: đồng chí Hoàng Văn Quân, Trưởng Công an huyện Hòa An; tập thể Công an huyện Hòa An; Công an huyện Trà Lĩnh (trước đây); Công an xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh...



Đại tá Vũ Hồng Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công an tỉnh phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị giao ban công tác Công an tháng 7/2024

Ảnh: Lục Văn Canh.

Trong thời kỳ đổi mới, Công an Cao Bằng đã làm tốt chức năng tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Chủ động nắm, phân tích, dự báo tình hình, đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội, phản động, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Bảo đảm an ninh nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, truyền thông, an ninh xã hội, an ninh nông thôn...

Đấu tranh, xoá bỏ hoàn toàn hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh ra khỏi đời sống của cộng đồng dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh sau 34 năm tồn tại; xoá bỏ hoàn toàn hoạt động lợi dụng, núp bóng tôn giáo, tín ngưỡng “Ân điển cứu rỗi” sau 10 năm; “Chữ thập vãi đỏ” sau 27 năm... góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ năm 2020 đến hết năm 2023, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự hằng năm đạt từ 90% trở lên, năm sau cao hơn năm trước, vượt chỉ tiêu công tác đã đề ra¹ (trong đó án đặc biệt nghiêm trọng đều đạt 100%). Đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm kinh tế, ma tuý, môi trường, tội phạm công nghệ cao...; đặc biệt đã phát hiện, bắt giữ 1.395 vụ, 2.005 đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma tuý, thu giữ tang vật tương đương khoảng 217 bánh heroin cùng nhiều tang vật khác và tài liệu liên quan. Quyết liệt đấu tranh, phát hiện, khởi tố 38 vụ, 144 bị can phạm tội về tham nhũng, chức vụ, liên quan đến nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức. Qua đó, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng và Nhà nước.

1. Tỷ lệ điều tra, khám phá án về trật tự xã hội năm 2020 đạt 90,3%; năm 2021 đạt 92%; năm 2022 đạt 95%; năm 2023 đạt 95,7%.

Không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; tai nạn giao thông giảm cả ba tiêu chí; công tác quản lý, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ; công tác phòng cháy, chữa cháy được bảo đảm; phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm, nhân rộng; nhiều mô hình, điển hình tiên tiến được xây dựng và củng cố; công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng hậu cần có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ vững ổn định trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho nhân dân.



Lực lượng Công an ra quân thực hiện cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023

Ảnh: Nguyễn Hoàng Tiến.

Với sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính đã nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, tạo chuyển biến tích cực, rõ nét. Chỉ tính riêng năm 2023, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến của Công an tỉnh đạt 87,17%, góp phần đưa chỉ số cải cách hành chính của

Công an tỉnh tăng 8 bậc (xếp thứ 33/63 Công an tỉnh, thành phố), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương tăng 10 bậc so với năm 2022 (xếp thứ 3/27 sở, ngành).

Với tinh thần “Vì nhân dân phục vụ”, bám sát chỉ đạo của Bộ Công an, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, lực lượng Công an từ tỉnh đến cơ sở đã chủ động triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tính đến ngày 10/6/2023, đã hoàn thành 100% cấp căn cước công dân theo chỉ tiêu Bộ Công an giao; đến ngày 25/8/2023 hoàn thành chỉ tiêu kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Ngoài ra, Công an tỉnh đã chủ động triển khai công tác an sinh xã hội, tích cực tham gia hỗ trợ các hoạt động phòng, chống và khắc phục hậu quả, thiên tai, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói, giảm nghèo, đi đầu trong tham mưu và triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được đẩy mạnh, chú trọng giáo dục truyền thống cách mạng, bồi đắp niềm tự hào, tự tôn dân tộc; kịp thời triển khai có hiệu quả việc phổ biến, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là các văn bản chỉ đạo về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; chuyên đề về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và cuộc vận động “Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ”...; tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ; không ngừng phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Công tác cán bộ, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng được triển khai đồng bộ; công tác hậu cần kỹ thuật bảo đảm phục vụ

kip thời các mặt công tác, chiến đấu; tăng cường lực lượng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho cơ sở, nhất là Công an xã, thị trấn. Đặc biệt, quán triệt và thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Đảng uỷ Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an, Công an tỉnh đã chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu với Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã; đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp với tinh thần quyết tâm cao nhất, hoàn thành mục tiêu bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã tại 100% xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh trước thời gian Bộ Công an yêu cầu. Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ Công an xã, thị trấn bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng; tăng cường xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong hình hình mới; triển khai nhiều giải pháp đột phá, sáng tạo trong việc nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm của Công an xã được lãnh đạo Bộ Công an biểu dương; đóng góp quan trọng trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự ngay từ cơ sở, được cấp uỷ, chính quyền địa phương và quần chúng nhân dân ghi nhận, đánh giá cao. Qua đó xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân; giữ vững phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, giản dị, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, điều lệnh Công an nhân dân, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Từ năm 2020 đến năm 2023, Ban Thường vụ Đảng uỷ và Đảng bộ Công an tỉnh liên tục được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nhất trí đánh giá, xếp loại mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; hàng năm, Đảng bộ Công an tỉnh được Tỉnh uỷ tặng Bằng khen “Tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu, tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu. Chặng

đường lịch sử 79 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Công an tỉnh đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Hồ Chí Minh, 1 Huân chương Độc lập, 1 Huân chương Quân công hạng Nhì, 1 Huân chương Quân công hạng Ba; ngoài ra, đã có hàng chục nghìn lượt tập thể, cá nhân vinh dự được các cấp khen thưởng.

Trong thời gian tới, toàn Đảng bộ và lực lượng Công an Cao Bằng sẽ tiếp tục phát huy những thành tích đạt được, thống nhất ý chí và hành động, đoàn kết, nỗ lực, chủ động, nêu gương, kỷ cương, trách nhiệm, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, gắn với việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; đẩy mạnh học tập và thực hiện *Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân* để xây dựng Công an Cao Bằng thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, xứng đáng với truyền thống vẻ vang và danh dự của lực lượng Công an nhân dân trên quê hương cội nguồn cách mạng.

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH CAO BẰNG - 80 NĂM “XÂY LẬU THẮNG LỢI TRÊN NỀN NHÂN DÂN”

Đại tá NÔNG TIẾN DŨNG*

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, Quân đội nhân dân Việt Nam kể từ ngày thành lập đến nay, được sự đùm bọc, che chở của nhân dân đã không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, trở thành một quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng, xứng đáng với niềm tin mà nhân dân ta gửi gắm “*Quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu...*”. Trong niềm vinh dự, tự hào lớn lao ấy có phần đóng góp của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ là con em các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Tỉnh đội bộ dân quân Cao Bằng (nay là Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng) ra đời ngày 15/4/1947 do đồng chí Nguyễn Như Thanh làm Tỉnh đội trưởng, đồng chí Hoàng Nghiệp làm Chính trị viên. Sự ra đời của Tỉnh đội bộ dân quân đã đánh dấu bước phát triển mới của quá trình tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ, đảng viên Tỉnh đội cùng nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng bước vào cuộc kháng chiến chống thực

* Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ Quân sự, Chính uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng.

dân Pháp xâm lược với tinh thần sẵn sàng, không sợ hy sinh, gian khổ, quyết tâm bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân, bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc. Ban Chỉ huy Tỉnh đội đã phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành tham mưu cho Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh thực hiện nhiều giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, động viên thanh niên nam, nữ trong tỉnh xung phong gia nhập bộ đội, dân quân du kích; kêu gọi nhân dân tăng gia sản xuất, tiết kiệm, góp phần giải quyết những khó khăn về lương thực, thực phẩm cho bộ đội và du kích đánh giặc; chỉ đạo quân và dân các huyện thực hiện “vườn không nhà trống”, huy động lực lượng dân quân, du kích và tự vệ làm nòng cốt cùng toàn dân thực hiện công tác tiêu thổ kháng chiến, quyết tâm đánh thắng quân xâm lược, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vừa giành được.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Liên chi và Tỉnh đội, năm 1949, quân và dân Cao Bằng đã đánh 489 trận lớn nhỏ với nhiều hình thức khác nhau, đạt hiệu quả cao. Ngày 07/7/1950, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở Chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực địch, giải phóng một phần đất đai vùng Đông Bắc, mở đường giao lưu quốc tế, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc. Đồng chí Võ Nguyên Giáp, Tổng Tư lệnh trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng uỷ chiến dịch. Đúng 6 giờ ngày 16/9/1950, ta nổ súng đánh Đông Khê mở màn chiến dịch. Sau hai ngày đêm chiến đấu ác liệt, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm này, tiêu diệt 300 tên địch, cổ vũ khí thế chiến đấu và tạo thuận lợi mới cho chiến dịch. Phối hợp với mặt trận Đông Khê, tại thị xã Cao Bằng, quân ta đã nổ súng giam chân và tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch. Trong trận mở màn này, xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu và phục vụ chiến đấu dũng cảm. Sáng chói nhất là chiến sĩ La Văn Cầu đã nhờ đồng đội dùng lưới lê chặt đứt cánh tay bị thương của mình tiếp tục xông lên phá lô cốt địch, trở thành ngọn cờ đầu trong phong trào thi đua giết giặc lập công; chiến sĩ dân công Đinh Thị Dậu nhiều lần băng qua lửa đạn cứu thương binh đưa về hậu cứ...

Mất cứ điểm Đông Khê, quân địch rơi vào tình thế vô cùng nguy khốn, buộc Tổng Tư lệnh Quân đội Pháp ở Đông Dương từ Sài Gòn ra Hà Nội, lên Cao Bằng ra lệnh rút quân khỏi Cao Bằng. Ngày 03/10/1950, Cao Bằng hoàn toàn được giải phóng.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, lực lượng thanh niên xung phong vào bộ đội cầm súng lên tới 7.100 người, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã diễn ra 1.047 trận đánh lớn nhỏ, tiêu diệt 8.484 tên địch, bắt 3.143 tên, làm bị thương 119 tên, gọi hàng 61 tên, phá huỷ 208 xe cơ giới, 8 xe tăng, 181 khẩu đại bác, bắn rơi 5 chiếc máy bay, thu hàng nghìn tấn quân trang, quân dụng, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Ghi nhận những chiến công xuất sắc ấy, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, 31 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, 89 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, 4 Huân chương Kháng chiến hạng Ba. Có 7 người con ưu tú của đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân mà vẻ vang nhất, sáng chói nhất là anh hùng liệt sĩ Bế Văn Đàn, anh hùng Phùng Văn Khầu...

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng cùng với nhân dân cả nước đã huy động sức người, sức của “tất cả cho tiền tuyến, tất cả vì miền Nam ruột thịt”, chi viện cho đồng bào miền Nam đánh giặc. Nhằm động viên quân và dân cả nước sẵn sàng đánh thắng chiến lược chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, “ra sức tăng cường công tác phòng thủ, trị an bảo vệ miền Bắc...”, cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh đã làm tốt công tác hậu phương quân đội của cán bộ, chiến sĩ trước, trong và sau khi nhập ngũ. Phong trào ủng hộ các đợt thanh niên tòng quân được đẩy mạnh ở hầu khắp các cơ quan, xí nghiệp, bản làng. Cũng trong thời gian này, Tỉnh đội bộ dân quân đã xây dựng Tiểu đoàn I Phai Khắt để chi viện cho miền Nam. Thực hiện khẩu hiệu

của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng”¹, Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu cho tỉnh đẩy mạnh công tác tuyển quân và hàng nghìn thanh niên các dân tộc từ vùng núi đến vùng đồng bằng, từ thị xã, thị trấn đến các vùng nông thôn, từ các nhà máy, công trường, xí nghiệp đến các trường học, cơ quan nhà nước đã hăng hái lên đường làm nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước.

Ngày 02/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu vĩnh biệt chúng ta về với “thế giới Người Hiền”. Biến đau thương thành hành động cách mạng, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cùng nhau siết chặt đội ngũ, củng cố niềm tin cùng cả nước thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người. Tỉnh Cao Bằng đã phát động nhiều đợt thi đua, ra sức khôi phục, củng cố, ổn định đời sống về mọi mặt, tích cực xây dựng lực lượng ngày càng lớn mạnh, xứng đáng là căn cứ địa cách mạng của cả nước. Các đơn vị bộ đội ngày đêm miệt mài trên các bãi tập, lực lượng dân quân tự vệ cũng được củng cố và nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật chiến đấu. Đến cuối năm 1969, toàn tỉnh có 42.326 người tham gia tổ chức dân quân tự vệ; phong trào tuyển quân diễn ra rầm rộ, nam nữ thanh niên các dân tộc ai ai cũng xung phong tòng quân, mong muốn được “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”.

Suốt 21 năm với tinh thần “tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, Cao Bằng cùng cả nước đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Chỉ tính riêng giai đoạn 1965 - 1975, toàn tỉnh có 26.862 thanh niên nhập ngũ, xung phong vào Nam chiến đấu. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, toàn tỉnh được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng Nhất, 1 Huân chương Hồ Chí Minh. Mỗi thắng lợi trên chiến trường miền Nam đều thấm đẫm mồ hôi, nước mắt và xương máu của nhân dân cả nước, trong đó có đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.657.

Chiến thắng ngày 30/4/1975 mãi mãi đi vào lịch sử, khẳng định tầm vóc vĩ đại và ý nghĩa lớn lao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thể hiện rõ ý chí độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và khát vọng hoà bình của dân tộc Việt Nam.

Niềm vui Bắc - Nam sum họp một nhà chưa được bao lâu thì cả nước lại bước vào cuộc trường chinh mới bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Với vai trò của một tỉnh miền núi biên giới, là phen giậu phía Bắc của Tổ quốc, quân và dân Cao Bằng lại tập trung sức củng cố, kiện toàn các đơn vị thường trực chiến đấu, dân quân tự vệ, dự bị động viên thường xuyên huấn luyện, diễn tập theo kế hoạch phòng thủ bảo vệ an ninh biên giới, đồng thời bổ sung kịp thời phương án tác chiến, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc vùng biên cương của Tổ quốc. Những ngày đầu năm 1979, tình hình an ninh dọc biên giới rất căng thẳng, các thế lực thù địch nước ngoài đẩy mạnh hoạt động xâm lấn chủ quyền lãnh thổ. Trước tình hình đó, ngày 09/01/1979, Bộ Tư lệnh Quân khu 1 lệnh cho các đơn vị vũ trang của tỉnh chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu lên cấp I. Các đơn vị bộ đội chủ lực, tiểu đoàn đặc công, bộ đội địa phương, công an vũ trang, biên phòng với sự giúp đỡ của nhân dân đã quyết tâm chiến đấu không quản ngại hy sinh, gian khổ, thực hiện thế trận cài răng lược mà đánh địch. Từ ngày 17/02/1979 đến ngày 20/3/1979, sau 33 ngày đêm chiến đấu anh dũng, kiên cường bảo vệ biên giới Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Đảng uỷ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chỉ huy lực lượng vũ trang trực tiếp chiến đấu và phối hợp với các đơn vị bạn chiến đấu một cách kiên cường, quả cảm, buộc đối phương phải rút về nước. Với những thành tích nêu trên, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 2 Huân chương Độc lập, 10 Huân chương Quân công, 174 Huân chương Chiến công, 1.487 Bằng khen, 11 tập thể và 3 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Tính chung, đã có hơn 80.000 người con ưu tú của quê hương Cao Bằng lên đường đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên khắp các chiến trường, trong đó nhiều đồng chí trở thành cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội; hơn 8.000 người con đã anh dũng hy sinh. Với những thành tích xuất sắc trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh. Toàn tỉnh có 53 tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; 415 bà mẹ được phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng, 25 người con ưu tú được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; 30 người vinh dự được Đảng, Nhà nước và Quân đội phong quân hàm cấp tướng.

Nhìn lại gần nửa thế kỷ qua, đất nước đã sạch bóng quân thù, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta hân hoan bước vào công cuộc đổi mới và hội nhập nhưng làm sao có thể quên được những mùa đông kháng chiến, các mẹ, các chị thức thâu đêm may áo rét gửi ra tiền tuyến. Mỗi vụ mùa, với khẩu hiệu “thóc không thiếu một cân,



Chiến sĩ mới Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 852, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng tuyên thệ trước Quân kỳ Quyết thắng

Ảnh: Phương Quyên.

quân không thiếu một người”, bà con nông dân ở miền xuôi cũng như miền ngược đã đổ mồ hôi và cả máu giành giật với kẻ thù từng hạt thóc để nuôi quân. Máy bay Mỹ đánh phá đường giao thông, nhân dân sẵn sàng dỡ nhà để sửa đường cho xe ra tuyến lửa. Cán bộ và chiến sĩ ta, những thế hệ đã trải qua những cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, không ai là không thấm thía rằng hàng ngàn, hàng vạn chiến công lớn nhỏ của Quân đội ta không



Huấn luyện khắc phục vật cản của cán bộ, chiến sĩ Đại đội Trinh sát Cơ giới, Phòng Tham mưu, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng

Ảnh: Phương Quyên.

chiến công nào là không có sự đóng góp của nhân dân. Chính những nghĩa tình sâu nặng đó đã hun đúc thêm ý chí “trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân”.

Như vậy, bài học “Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” sau 77 năm xây dựng và trưởng thành của Bộ Chỉ huy

Quân sự tỉnh Cao Bằng và 80 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng là tài sản quý báu đến nay vẫn còn nguyên giá trị để lớp lớp thế hệ cán bộ, chiến sĩ hôm nay và mai sau tiếp tục kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo. Nhằm phấn đấu xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh Cao Bằng ngày càng vững mạnh toàn diện, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy sức mạnh tổng hợp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH CAO BẰNG QUYẾT TÂM GIỮ VỮNG CHỦ QUYỀN, AN NINH BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Đại tá ĐẶNG HỒNG QUÂN*

Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới phía Bắc, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng và an ninh. Khu vực biên giới của tỉnh gồm 37 xã, 3 thị trấn thuộc 7 huyện biên giới, có 512 xóm hành chính, trong đó có 119 xóm sát biên, có 28.516 hộ/123.557 khẩu với 7 dân tộc đông dân là Tày, Nùng, Mông, Dao, Kinh, Sán Chỉ, Lô Lô (95% là đồng bào dân tộc thiểu số); quản lý, bảo vệ đoạn biên giới dài 333,125 km, gồm 634 cột mốc, đối diện với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); có 1 cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh; 2 cửa khẩu chính Tà Lùng, Sóc Giang; 3 cửa khẩu phụ Lý Vạn, Pò Peo, Hạ Lang; 1 lối mở biên giới Bản Giốc - Đức Thiên; 1 lối thông quan vận chuyển hàng hóa Nà Đổng - Nà Ráy.

Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng thành lập ngày 28/4/1959 (với tên gọi ban đầu là Công an nhân dân vũ trang Cao Bằng); có chức năng quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn khu vực biên giới của tỉnh; kết hợp chặt chẽ quản lý, bảo vệ biên giới với tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, góp phần ổn định đời sống nhân dân trong khu vực biên giới.

* Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng.

Giai đoạn 1959 - 1964, nổi lên các hoạt động biệt kích, tình báo gián điệp, thổ phỉ, các hoạt động xâm nhập bằng máy bay của đế quốc Mỹ. Với tinh thần quyết tâm cao, Bộ đội Biên phòng tỉnh đã phối hợp với các lực lượng chiến đấu anh dũng, đập tan mọi âm mưu của kẻ thù, góp phần bảo vệ vững chắc biên giới và bảo vệ an toàn các mục tiêu ở nội địa. Giai đoạn 1965 - 1975, Bộ đội Biên phòng tỉnh không ngừng củng cố lực lượng, nâng cao chất lượng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ biên giới và tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, góp phần chi viện cho miền Nam. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, lựa chọn 187 cán bộ, chiến sĩ lên đường chi viện cho các tỉnh miền Nam; phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương các huyện biên giới mở cuộc vận động “Toàn dân tham gia quản lý biên giới” bảo vệ vững chắc chủ quyền. Tháng 02/1979, trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc Tổ quốc, lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh luôn bám chắc địa bàn, vừa chiến đấu, vừa bảo vệ nhân dân sơ tán; tiêu diệt 2.669 tên địch, bắt sống 4 tên địch, phá huỷ 8 xe tăng, 2 xe quân sự, thu 4 súng cối 83 ly, 3 súng cối 120 ly, 3 đại liên, 2 trung liên, 1 DKZ, 8 B41, 7 AK, 75 con lừa, ngựa và nhiều quân trang, quân dụng của địch. Với những chiến công xuất sắc, các Đồn 179 Tà Lùng, 167 Sóc Giang và Trạm kiểm soát Cửa khẩu Đồn 171 Trà Lĩnh được Nhà nước phong tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Thượng úy Hoàng Văn Khoáy được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1987, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng ở 6 huyện biên giới (Quảng Hoà, Hạ Lang, Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Hà Quảng, Bảo Lạc) và thêm 27 đồn biên phòng được thành lập, nâng tổng số thành 39 đồn biên phòng. Giai đoạn 1989 - 1994, Bộ đội Biên phòng tỉnh từng bước chuyển hướng từ hoạt động tham gia chiến đấu bảo vệ đường biên mốc giới sang đấu tranh giữ gìn một dải biên giới hoà bình hữu nghị.

Trong thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, Bộ đội Biên phòng tỉnh đã nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng xây dựng kế hoạch hiệp đồng triển khai các mặt công tác nghiệp vụ, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động tình báo gián điệp, phá hàng chục chuyên án chính trị nhen nhóm tổ chức hoạt động, cải tạo tại chỗ hàng trăm đối tượng, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn biên giới.

Trên cơ sở điều kiện thực tiễn, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu trong tình hình mới, Đảng uỷ, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã làm tốt công tác tham mưu cho Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh trong xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện. Đồng thời, Bộ đội Biên phòng tỉnh đã tham mưu ban hành Chỉ thị số 03-CT/TU, ngày 01/02/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Cao Bằng về việc lãnh đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 04/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc lãnh đạo xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện giai đoạn 2016 - 2020. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; chủ động đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; quản lý, kiểm soát tốt các hoạt động xuất - nhập cảnh; duy trì nghiêm kỷ luật, xây dựng đơn vị chính quy, vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”; duy trì tốt quan hệ với lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ngày càng phát triển; tích cực tham mưu, phối hợp với cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương các cấp xây dựng

cơ sở chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trong khu vực biên giới¹.



Lực lượng bảo vệ biên giới hai nước Việt Nam - Trung Quốc
tuần tra song phương đoạn biên giới
trên địa bàn Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Tà Lùng

Ảnh: Đức Thịnh.

Trong phòng, chống dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo quản lý chặt chẽ đường mòn, lối mở trên biên giới, thành lập, duy trì 130 tổ, chốt dọc chặn cố định, 11 tổ tuần tra, kiểm soát lưu động biên giới bảo đảm trực 24/24; mỗi ngày duy trì trên 600 lượt cán bộ, chiến sĩ cùng hơn 200 lượt cán bộ các đơn vị liên quan phối hợp tổ chức tuần tra, kiểm soát. Từ đầu năm 2020 đến tháng 3/2024, đã phát

1. Giai đoạn 2019 - 2023, các đơn vị trong Bộ đội Biên phòng tỉnh đã tổ chức tuần tra bảo vệ biên giới được 11.120 lần/95.216 lượt người tham gia; phát quang 1.896 km đường tuần tra; phối hợp với lực lượng quản lý biên giới, cửa khẩu phía Trung Quốc tuần tra song phương được 3 lần/65 cán bộ, chiến sĩ tham gia.

hiện, tiếp nhận và xử lý 57.952 trường hợp công dân Việt Nam từ Trung Quốc trở về theo đúng quy định; đã có nhiều đồng chí gác lại việc riêng của bản thân, gia đình để tham gia chống dịch trên biên giới. Thực hiện công tác xác lập, đấu tranh chuyên án, vụ án về xuất - nhập cảnh trái phép, đã chủ động nắm tình hình từ sớm, từ xa để tăng cường lực lượng, xây dựng các phương án, xác định kế hoạch cụ thể, kết quả: 52 vụ/130 đối tượng về hành vi tổ chức, môi giới cho người khác xuất - nhập cảnh trái phép; 5 chuyên án có liên quan đến xuất - nhập cảnh trái phép; xử phạt 5.230 vụ/45.250 đối tượng/trên 80 tỷ đồng về hành vi xuất - nhập cảnh trái phép. Triển khai kế hoạch, tổ chức lực lượng đấu tranh với các loại tội phạm, đã kịp thời phát hiện, xử lý hiệu quả 1.655 vụ việc/2.885 đối tượng bảo đảm đúng thẩm quyền, quy trình, thủ tục pháp luật.

Thực hiện nghị quyết của Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng về nâng cao chất lượng công tác của khẩu của Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới, Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 1219-NQ/ĐUBP, ngày 21/4/2022 về lãnh đạo nâng cao chất lượng công tác của khẩu và xây dựng lực lượng của khẩu vững mạnh, chính quy, chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Qua đó, công tác quản lý của khẩu được nâng lên; đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên trách công tác của khẩu được củng cố, kiện toàn, phát huy hiệu quả; phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra liên quan đến an ninh biên giới quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và vi phạm pháp luật về xuất - nhập cảnh bảo đảm đúng chức năng, thẩm quyền và quy định của pháp luật. Đã tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh phối hợp tổ chức thành công Lễ công bố lối mở và chính thức vận hành Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc); nâng cấp Cửa khẩu Trà Lĩnh lên cửa khẩu quốc tế và mở, nâng cấp cửa khẩu, lối mở trên địa bàn tỉnh theo đúng trình tự, thủ tục, quy định.

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng, Bộ đội Biên phòng tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiều nội dung, hình thức đối ngoại biên phòng, duy trì thường xuyên các hoạt động trao đổi, gặp gỡ, chúc mừng, giao lưu với các đơn vị Bộ đội Biên phòng, Công an Biên phòng Trung Quốc. Đã tạo điều kiện cho 633 đoàn khách với 3.937 lượt người từ các nước đến giao lưu hữu nghị, trao đổi, hợp tác đầu tư, khảo sát, tìm hiểu thị trường, cùng nhiều hoạt động khác. Tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân với chính quyền địa phương nước láng giềng, triển khai chương trình kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới. Ký kết nghĩa cấp huyện được 1 cặp; cấp xã, thị trấn được 2 cặp; cấp xóm được 13 cặp, góp phần xây dựng biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển.

Với truyền thống “Đồn là nhà, biên giới là quê hương, đồng bào các dân tộc là anh em ruột thịt”, Bộ đội Biên phòng tỉnh luôn tích cực đi đầu trong công tác an sinh xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; phát động, triển khai nhiều phong trào, mô hình, chương trình, việc làm, tiêu biểu như: Phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”¹, “Bộ đội Biên phòng Cao Bằng chung sức xây dựng nông thôn mới”, Chương trình “Nâng bước em tới trường - con nuôi Đồn biên phòng”², Công trình “Thắp sáng vùng biên”... Đồng thời, có nhiều chủ trương, giải pháp tham gia xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực giỏi, sát dân, gần dân, sâu sát cơ sở để củng cố vững chắc thế trận lòng dân. Bộ đội

1. Cán bộ, chiến sĩ đóng góp trên 850 triệu đồng và 4.120 ngày công/20.600 lượt cán bộ, chiến sĩ.

2. Các đồn biên phòng nhận nuôi 31 cháu, nhận nâng bước 73 cháu, hàng tháng hỗ trợ mỗi cháu 500.000 đồng; thực hiện Dự án “Cán bộ, chiến sĩ Quân đội nâng bước em tới trường” giai đoạn 2021 - 2030, đã lựa chọn, hỗ trợ 250 cháu với tổng số tiền gần 2 tỷ đồng.

Biên phòng tỉnh đã thống nhất giới thiệu, điều 97 lượt cán bộ tăng cường cho các xã biên giới, trong đó có 9 đồng chí là Huyện uỷ viên; 16 đồng chí giữ chức danh Bí thư Đảng uỷ, Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã; có 15 đồng chí tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã); giới thiệu 145 lượt đảng viên Bộ đội Biên phòng tham gia sinh hoạt tạm thời tại các chi bộ xóm biên giới; phân công 453 đồng chí cán bộ, đảng viên tại các Đồn biên phòng phụ trách 1.964 hộ gia đình ở khu vực biên giới.



Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng tham gia giúp dân làm đường giao thông nông thôn

Ảnh: Huy Dương.

Bên cạnh đó, Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng cũng luôn chú trọng việc xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị. Thực hiện Đề án số 465-ĐA/ĐUBP, ngày 06/4/2013 của Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng tỉnh về

phát triển đảng viên là chiến sĩ nghĩa vụ trong Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng, công tác phát triển đảng viên đạt kết quả quan trọng. Từ năm 2012 đến năm 2023 đã kết nạp được 956 đảng viên là chiến sĩ nghĩa vụ quân sự là người dân tộc thiểu số; phối hợp mở 16 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và quản lý nhà nước cho đảng viên mới là chiến sĩ nghĩa vụ.

Duy trì thực hiện nghiêm các quy định về sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, phương án, tình huống bảo vệ cơ quan, đơn vị bảo đảm chủ động xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác huấn luyện; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện 3 khâu đột phá; tổ chức ôn luyện, luyện tập tham gia diễn tập khu vực phòng thủ huyện, tỉnh và diễn tập chiến thuật cấp đồn biên phòng bảo đảm chặt chẽ, an toàn, sát yêu cầu nhiệm vụ, được địa phương đánh giá cao. Duy trì nghiêm chế độ trực cứu hộ, cứu nạn, tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, các đơn vị đã cử trên 2.000 cán bộ, chiến sĩ tham gia giúp dân khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn.

Với những thành tích đã đạt được, Bộ đội Biên phòng tỉnh đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng như: 1 tập thể được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 1 tập thể được tặng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba, 1 tập thể và 2 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; nhiều tập thể, cá nhân được các cấp, các ngành tôn vinh, khen thưởng.

Trải qua 65 năm xây dựng và trưởng thành (1959 - 2024), Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng đã vượt qua khó khăn, gian khổ, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở khu vực biên giới, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực tiêu biểu”...; đóng góp vào thành tựu chung của tỉnh trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh.



Phần thứ ba

Cao Bằng

**ĐIỂM ĐẾN, KẾT NỐI,
HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN**



CAO BẰNG - ĐIỂM ĐẾN, KẾT NỐI, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

TRỊNH TRƯỜNG HUY*

Cao Bằng là địa phương có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đặc thù, có nhiều tiềm năng đang được khai thác có hiệu quả và đóng góp lớn trong tăng trưởng GRDP của tỉnh, nhiều tiềm năng đang là lực hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư như: du lịch, phát triển nông, lâm nghiệp, kinh tế cửa khẩu và các lợi thế về tài nguyên khoáng sản khác. Với quyết tâm biến khó khăn thành lợi thế, tỉnh tập trung phát huy mạnh mẽ nội lực, khai thác tối đa tiềm năng sẵn có; xây dựng và đổi mới cơ chế, chính sách; đẩy mạnh liên kết... đưa Cao Bằng trở thành “điểm đến” của nhân dân và du khách thập phương, “điểm đến” đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, từng bước kết nối và thúc đẩy phát triển bền vững.

Cao Bằng có 333,125 km đường biên giới tiếp giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc; nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, đa dạng sinh học, địa chất; có nền văn hóa đặc sắc với trên 95% dân số là người dân tộc thiểu số... Những điều kiện đó tạo nên tiềm năng, thế mạnh trong triển khai các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá của tỉnh.

* Tỉnh uỷ viên, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ngành du lịch được Đảng bộ, chính quyền tỉnh Cao Bằng quan tâm, chú trọng phát triển với các cơ chế, chính sách phù hợp để hiện thực hóa mục tiêu phát triển du lịch Cao Bằng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng bền vững. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định du lịch - dịch vụ bền vững là một trong ba nội dung đột phá chiến lược. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các chính sách, chương trình, đề án thúc đẩy phát triển du lịch như: Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách “Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025”; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 - 2030; Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025...

Công tác xúc tiến quảng bá du lịch ngày càng được quan tâm đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Cao Bằng đã tổ chức nhiều sự kiện du lịch có quy mô lớn, tiêu biểu như: Hội nghị “Giới thiệu Cao Bằng” với chủ đề “Cao Bằng điểm đến - kết nối và phát triển” và Ngày hội Du lịch Non nước Cao Bằng tại thành phố Hà Nội; Lễ hội du lịch thác Bản Giốc với màn đồng diễn hát then, đàn tính với sự tham gia của 1.000 người; công bố tuyến du lịch trải nghiệm thứ 4 “Một thời hoa lửa” Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng... Đặc biệt, từ ngày 15/9/2023, Cao Bằng đã triển khai vận hành thí điểm cho du khách qua lại Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đúc Thiên (Trung Quốc) và chính thức vận hành Khu cảnh quan từ ngày 15/10/2024; xây dựng cơ sở vật chất, xúc tiến phát triển tuyến du lịch trải nghiệm số 5 - tuyến du lịch kết nối 2 Công viên địa chất Non nước Cao Bằng và Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang...

Thông qua các sự kiện, góp phần quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến đối tác trong nước và quốc tế, thu hút đầu tư và thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực, tiến tới xây dựng tuyến tham quan du lịch trọng điểm của tỉnh và trở thành sản phẩm đặc thù có sức hấp dẫn cao đối với du khách trong nước và quốc tế.



Lãnh đạo tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) thực hiện nghi thức bấm nút chính thức vận hành Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc), ngày 15/10/2024

Ảnh: Vũ Tiệp.

Với các chính sách, hoạt động thúc đẩy phát triển du lịch đúng hướng, phù hợp, trong những năm qua, ngành du lịch tỉnh Cao Bằng từng bước phát triển. Giai đoạn 2016 - 2020, lượng khách đến Cao Bằng đạt trên 5 triệu lượt, tăng 98% so với giai đoạn 2011 - 2015, trong đó khách quốc tế đạt trên 420.000 lượt, tăng 213% so với giai đoạn 2011 - 2015; doanh thu đạt trên 1.200 tỷ đồng, tăng 192% so với giai đoạn trước; tăng trưởng du lịch bình quân đạt 25,8%. Năm 2023, du lịch Cao Bằng có sự tăng trưởng

ấn tượng: tổng lượt khách du lịch đến Cao Bằng đạt 1.945.142 lượt, bằng 176% so với năm 2022 (đạt 150% kế hoạch năm). Tổng doanh thu du lịch đạt 1.334 tỷ đồng, bằng 215% so với năm 2022 (đạt 148% kế hoạch năm).

Ngoài du lịch, tỉnh cũng đang khai thác dư địa trong lĩnh vực nông nghiệp, tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường; chú trọng xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo tiêu chuẩn, hình thành các vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu của Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng thị trường, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm nông sản của tỉnh tại các thị trường lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước châu Âu...

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Cao Bằng đã triển khai thực hiện chương trình đột phá phát triển kinh tế cửa khẩu và Đề án tổng thể phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021 - 2025 với các giải pháp như: Hoàn thiện cơ sở pháp lý tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại biên giới; tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng cửa khẩu, hạ tầng giao thông để sớm hình thành tuyến đường bộ quốc tế kết nối giữa ASEAN và các tỉnh Tây Nam, Trung Quốc thông qua cửa khẩu Trà Lĩnh (Cao Bằng); tăng cường hợp tác xúc tiến thương mại với các nước; duy trì mối quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển...

Ngày 10/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 1452/QĐ-UBND ban hành danh mục dự án kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2025 với 102 dự án trong các lĩnh vực phát triển đô thị, giao thông, kinh tế cửa khẩu, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ... Đây là cơ sở để tỉnh xúc tiến, kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư tiềm năng, chiến lược, góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.



Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng trao biên bản ký kết thỏa thuận hợp tác với đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam tại Hội nghị “Giới thiệu Cao Bằng”

Ảnh: Nguyễn Thị Xoa.

Xác định vị trí của tỉnh trong mối liên hệ liên vùng quốc gia và khu vực, đặc biệt là quyết tâm xây dựng Cao Bằng trở thành tỉnh năng động, phát triển nhanh và bền vững, Cao Bằng đang đẩy mạnh giải bài toán về rút ngắn khoảng cách địa lý, nâng cao hơn nữa năng lực giao thương với các trung tâm hành chính kinh tế khu vực phía Bắc và cả nước nhằm tương xứng với các tiềm năng của tỉnh. Trong đó tập trung đẩy nhanh triển khai xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); thực hiện tốt công tác quy hoạch tỉnh, huyện, quy hoạch vùng; nỗ lực cải thiện cơ chế, chính sách, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến đầu tư tại tỉnh. Trên tinh thần

hỗ trợ tối đa các nhà đầu tư, doanh nghiệp và các đối tác nhằm khai thác hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội ổn định và bền vững.

Với khát vọng vì một Cao Bằng phát triển, với phương châm “nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài”, ngoại lực là quan trọng trong đột phá, tỉnh tiếp tục nỗ lực khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển nhanh và bền vững, nâng cao năng lực phối hợp, liên kết, tăng cường mở rộng hợp tác phát triển trên mọi lĩnh vực, đưa Cao Bằng trở thành “điểm đến, kết nối, hội nhập và phát triển”.

XÂY DỰNG THÀNH PHỐ CAO BẰNG PHÁT TRIỂN NĂNG ĐỘNG, GIÀU BẢN SẮC

LÊ HẢI HÒA*

*“Ba mặt tam giang trôi cuộn cuộn
Bốn bề tứ trụ đứng chon von”.*

Thị xã Cao Bằng xưa là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử - văn hóa, nằm trong lòng máng trũng, là nơi giao lưu và hợp quyện của 3 dòng sông, bốn bề có núi non bao quanh. Thành phố Cao Bằng hôm nay được mở rộng, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Cao Bằng, giữ vị trí trọng yếu, có tính chiến lược toàn vùng Đông Bắc, diện mạo ngày càng đổi mới và đang từng bước hình thành đô thị “một trục ba trung tâm” phát triển năng động, giàu bản sắc.

Vùng đất giàu truyền thống lịch sử - văn hóa

Sau khi nhà Lê - Trịnh đánh dẹp nhà Mạc ở Cao Bằng năm 1677, chính quyền phong kiến cho xây dựng phố Mục Mả (phường Hợp Giang ngày nay) là bán đảo rộng hơn 1 km², có ba phía giáp sông thành lỵ của sở trấn Cao Bằng và chuyển các dinh sở về đây, lấy Mục Mả làm trung tâm quản lý hành chính và trấn thủ quân sự. Thế kỷ XVIII - XIX, triều Lê và triều Nguyễn đã xây hai thành cổ bằng đất đắp để phòng thủ quân sự. Khi còn là phủ Cao Bằng, nhà Lê đã cho xây thành “Mục Mả trấn dinh” (còn gọi

* Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Cao Bằng.

là “Cao Bằng trấn thành”). Đến triều Nguyễn, được thay bằng thành “Cao Bằng tỉnh thành”. Có thể nói, trong cả đất nước Việt Nam, ít có một nơi nào liên tục trong lịch sử, được mang tư cách làm kinh đô, tùy theo quy mô rộng hẹp như Cao Bằng.

Năm 1858 thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, Cao Bằng bị Pháp đánh chiếm, phố Mực Mã vẫn là trung tâm hành chính. Năm 1915, thực dân Pháp cho xây cầu sông Hiến, năm 1940 xây cầu sông Bằng và xây pháo đài kiên cố lớn nhất Đông Dương trên đồi Khau Cáo (nay là Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) để chống lại sự thôn tính của phát xít Nhật và âm mưu chiếm đóng lâu dài nước ta. Sau nhiều năm đấu tranh cách mạng, ngày 03/10/1950, thị xã Cao Bằng được giải phóng khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Từ đây, chính quyền và nhân dân thị xã Cao Bằng đã ra sức xây dựng thị xã ngày càng mở rộng, phát triển.

Thị xã Cao Bằng xưa nhỏ hẹp, hình thể vùng trung tâm thị xã (phường Hợp Giang) trông tựa một bán đảo, phía đông có sông Bằng và suối Cũn, phía tây là sông Hiến; phía nam thị xã là pháo đài quân sự do thực dân Pháp xây dựng; toàn cảnh ba mặt có sông bao bọc, vườn rau, ruộng lúa, cây ăn quả xanh tốt, um tùm; bốn bề có núi: vùng ngoại ô phía bắc là núi Kỳ Sầm, phía nam là núi Luân Sơn, phía đông là núi Kim Pha (còn gọi là núi Bà Hoàng), phía tây là dãy Khấu Sơn (Khau Khấu).

Là vùng đất địa linh nhân kiệt, đến nay, thành phố Cao Bằng vẫn còn lưu giữ quần thể di tích, thành quách, đền chùa, miếu mạo, địa danh đậm dấu tích lịch sử. Xã Hưng Đạo có thành Bản Phủ, cánh đồng Tổng Chúp, đôi guốc đá, giếng Bó Phủ... tương truyền từ thời Thục Phán - An Dương Vương. Tại đây còn nhiều di tích thời nhà Mạc lên Cao Bằng (1592 - 1677) như: thành nhà Mạc, chợ Háng Ség, trường Quốc học, kế tiếp là thành Na Lũ, chùa Đống Lân, quần thể di tích Đà Quận (xã Hưng Đạo), đền Kỳ Sầm thờ Khấu Sầm Đại vương Nùng Trí Cao (xã Vĩnh Quang)...

Nhiều di tích, địa danh gắn với cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Pháo đài (nay là Bộ Chỉ huy Quân sự

tỉnh) - nơi Người quan sát toàn cảnh thị xã Cao Bằng năm 1950, sau ngày 03/10/1950, Cao Bằng được giải phóng; di tích miếu Khau Roọc, phường Đề Thám - nơi tháng 3/1951, Người nói chuyện với cán bộ tỉnh và xã Đề Thám phổ biến Nghị quyết Đại hội II của Đảng; phố Vườn Cam, trụ sở Tỉnh uỷ Cao Bằng - nơi Bác Hồ ở và làm việc ngày 19/02/1961, thăm và chúc Tết đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng sau 20 năm xa cách; sân vận động tỉnh Cao Bằng, phố Vườn Cam, sáng ngày 21/02/1961, Bác Hồ dự cuộc mít tinh nói chuyện với cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Cao Bằng.

Thành phố trẻ, phát triển năng động, giàu bản sắc

Ngày 25/9/2012, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 60/NQ-CP về việc thành lập thành phố Cao Bằng thuộc tỉnh Cao Bằng. Sau hơn 10 năm thành lập, với sự đoàn kết, thống nhất và sự chung sức, đồng lòng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đến nay thành phố Cao Bằng đã có bước phát triển, diện mạo thành phố ngày càng đổi mới và từng bước hình thành đô thị “một trục ba trung tâm” phát triển năng động, giàu bản sắc.

Thành phố Cao Bằng đã và đang thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng đáp ứng yêu cầu trở thành trung tâm liên kết, vùng động lực kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong giai đoạn 2012 - 2023, thành phố thực hiện hoàn thành trên 100 công trình, đưa vào sử dụng nhiều công trình trọng điểm như: Dự án đường phía Nam (đường Võ Nguyên Giáp), khu trung tâm hành chính của tỉnh, hệ thống kè sông Bằng và sông Hiến; tuyến Phố đi bộ Kim Đồng, chợ đêm ẩm thực, tuyến phố đi bộ ven sông Bằng. Ngoài ra, các tập đoàn lớn trong và ngoài tỉnh đầu tư hàng nghìn tỷ đồng xây tòa nhà cao ốc, khu dân cư cao cấp..., hình thành trung tâm đô thị đa dạng dịch vụ, thương mại sôi động với các cửa hàng dịch vụ, khách sạn, nhà hàng, công viên, quảng trường, nâng cao đời sống người dân và phục vụ phát triển du lịch.

Điểm nhấn nổi bật đó là thành phố đã xây dựng tuyến phố đi bộ Kim Đồng và tuyến phố đi bộ ven sông Bằng gắn với các hoạt động



Phố đi bộ Kim Đồng trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng

Ảnh: Nông Thế Vinh.

văn hóa, văn nghệ, vui chơi, giải trí, ẩm thực, được tổ chức đa dạng theo từng chủ đề, chủ điểm phù hợp với mọi lứa tuổi. Thông qua những sự kiện được tổ chức tại không gian phố đi bộ, giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng được tôn vinh, quảng bá. Từ đây, du khách có thể tìm hiểu nhiều thông tin trên chặng đường khám phá vẻ đẹp độc đáo của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

Thành phố đã tập trung quan tâm đầu tư, phát triển du lịch gắn với bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa như: Đôi chuông chùa Viên Minh và đền Quan Triều (xã Hưng Đạo) tại quần thể di tích lịch sử - văn hóa Đà Quận được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật quốc gia; di tích lịch sử văn hóa đền Kỳ Sầm (xã Vĩnh Quang). Hình thành điểm du lịch tâm linh gắn với sản xuất nông nghiệp, thu hút đông đảo nhân dân, du khách đến tham quan. Năm 2023, thành phố đón trên 1.844.800 lượt khách trong nước và quốc tế. Tổng mức

lưu chuyển hàng hóa và doanh thu thương mại, dịch vụ là 2.702 tỷ đồng. Tổng số hộ kinh doanh trên địa bàn có trên 5.000 hộ.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai quyết liệt, huy động trên 400 tỷ đồng đầu tư xây dựng các nội dung hạng mục công trình. Công tác giáo dục và đào tạo của thành phố tiếp tục là điểm sáng dẫn đầu trong phong trào thi đua giảng dạy và học tập của tỉnh nhà. Thành phố là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh về công tác giảm nghèo với tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2023 giảm còn 0,16%.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục được tăng cường trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đến hết năm 2024, Đảng bộ thành phố Cao Bằng có 345 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, trong đó có 16 đảng bộ cơ sở và 19 chi bộ cơ sở, 219 chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở, với tổng số 8.404 đảng viên. Đảng bộ thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng; công tác phát triển đảng viên mới hoàn thành vượt mức kế hoạch.



Diện mạo khu đô thị mới Đê Thám, thành phố Cao Bằng

Ảnh Nông Thế Vĩnh.

Để xây dựng thành phố Cao Bằng phát triển năng động, giàu bản sắc theo tinh thần và quyết tâm chính trị được thể hiện tại Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 03/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng thành phố Cao Bằng trở thành đô thị loại II, giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Đảng bộ thành phố Cao Bằng triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể sau:

- Tiếp tục xác định phát triển thương mại - dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ phục vụ du lịch là ngành chính.

- Tiếp tục chủ động tham mưu, đề xuất với tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội làm động lực phát triển cho thành phố.

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển đô thị mang đậm bản sắc đặc trưng “Non nước Cao Bằng”, trong đó tập trung rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện lập đồ án quy hoạch chi tiết tại các phường, xã.

- Khai thác hiệu quả lợi thế về hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, tạo tính linh hoạt, chủ động, kịp thời với nhịp sống đô thị.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt công tác quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình trọng tâm, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thành phố tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất, chủ động, sáng tạo, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tận dụng tốt cơ hội và lợi thế, xây dựng thành phố Cao Bằng phát triển năng động, giàu bản sắc.

NHỮNG TIỀM NĂNG, LỢI THẾ ĐỂ CAO BẰNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRƯƠNG THÚY XOAN*

Trong giai đoạn phát triển mới, Cao Bằng hướng đến mục tiêu xây dựng nền kinh tế năng động, bền vững, với nhịp độ tăng trưởng cao; đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất và từng bước hoàn thiện mô hình phát triển cân bằng giữa kinh tế - xã hội và môi trường. Với lợi thế vị trí địa lý thuận lợi và điều kiện tự nhiên phong phú, Cao Bằng đã và đang khai thác hiệu quả các tiềm năng sẵn có, đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP của tỉnh. Nhằm phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, tạo sức hút mạnh mẽ đối với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, trong thời gian tới, Cao Bằng tiếp tục tập trung phát triển các lĩnh vực có thế mạnh như du lịch, nông, lâm nghiệp và kinh tế cửa khẩu.

Tiềm năng phát triển du lịch

Cao Bằng được thiên nhiên ưu ái với vẻ đẹp hoang sơ, hùng vĩ của núi rừng cùng với những danh lam thắng cảnh độc đáo, nổi bật như động Ngườm Ngao, hồ Thăng Hen... và đặc biệt là thác Bản Giốc - thác nước tự nhiên lớn nhất Đông Nam Á, được

* Phó Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng.

xếp vào danh sách 21 thác nước đẹp nhất thế giới. Năm 2018, UNESCO đã công nhận Công viên địa chất Non nước Cao Bằng là Công viên địa chất toàn cầu; bên cạnh đó, Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén được thành lập, đã khẳng định giá trị địa chất, địa mạo và đa dạng sinh học của vùng đất này.

Để khai thác thế mạnh du lịch, Cao Bằng hiện là tỉnh đầu tiên trong cả nước thực hiện mô hình hợp tác du lịch liên quốc gia, thúc đẩy phát triển du lịch xanh, bền vững và là điểm đến tiềm năng trong khu vực. Ngày 15/10/2024, Lễ vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đúc Thiên (Trung Quốc) đã được tổ chức sau một năm thực hiện thí điểm. Mô hình hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đúc Thiên (Trung Quốc) là mô hình đặc biệt mới; mô hình 2 khu, 2 nước cùng bảo vệ và khai thác sử dụng chung. Điều đó đã khẳng định sự tin cậy chính trị, thúc đẩy hài hòa lợi ích giữa hai nước, tăng cường giao lưu hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc, góp phần quan trọng thúc đẩy quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc phát triển và đi vào chiều sâu. Mô hình hợp tác này không chỉ mang lại cơ hội trải nghiệm cho du khách mà còn là điểm nhấn để Cao Bằng trở thành khu du lịch trọng điểm của Việt Nam.

Cao Bằng còn có các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của nhiều dân tộc, mỗi dân tộc đều có những di sản văn hóa độc đáo, nét đặc trưng về tập quán sản xuất, tập tục sinh hoạt truyền thống, kho tàng văn nghệ dân gian đặc trưng riêng như hát then, nghệ thuật ca tuồng Dá Hai, múa khèn Mông... Hơn nữa, Cao Bằng còn được biết đến bởi những món ẩm thực đặc trưng vùng Đông Bắc như: vịt quay, Lạp sườn, xôi trám, bánh cuốn, bánh áp chao... Nhiều ngành, nghề thủ công truyền thống như: nghề rèn, nghề làm hương, dệt thổ cẩm... Có 7 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, nổi bật là di sản “Thực hành then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam”

(trong đó có di sản Nghi lễ then của người Tày Cao Bằng) được UNESCO ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Nét sinh hoạt văn hóa độc đáo, phong phú, âm thực đa dạng, tạo nên sự giao thoa, hình thành văn hóa dân tộc bản địa và trở thành nét đặc trưng riêng của vùng đất Cao Bằng.

Cao Bằng xác định du lịch là một trong những trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu đến năm 2030, tỉnh sẽ cơ bản định hình ngành du lịch với các giá trị đặc trưng, đồng thời xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, các sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao và mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Đây sẽ là ngành kinh tế quan trọng, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng của tỉnh, đồng thời tạo nên thương hiệu du lịch Cao Bằng mạnh mẽ và bền vững trên bản đồ du lịch Việt Nam.

Tiềm năng phát triển lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

Cao Bằng có 670.038,95 ha đất tự nhiên, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm 16,4%, đất lâm nghiệp chiếm tới 76,45%¹, với độ che phủ rừng trên 55%. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, khí hậu và thổ nhưỡng đặc biệt so với các tỉnh miền núi khác, Cao Bằng có tiềm năng lớn để phát triển đa dạng các loại cây trồng và vật nuôi có giá trị. Hơn nữa, tỉnh đã và đang phát triển các sản phẩm nông sản đặc trưng và sản phẩm OCOP như gạo nếp, hạt dẻ, miến dong, thạch đen - những sản phẩm không chỉ nổi tiếng trong tỉnh mà còn được thị trường trong nước đón nhận và đánh giá cao.

Về vật nuôi, khí hậu Cao Bằng tạo điều kiện phát triển các giống vật nuôi có ưu thế như lợn đen và bò Mông, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường về các sản phẩm chăn nuôi chất lượng cao. Về trồng trọt, tỉnh có nhiều tiềm năng để mở rộng

1. Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng: *Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2023, Sđd*, tr.33-34.

các vùng sản xuất đặc hữu như trúc sào, hồi, quế, mía, chè, thuốc lá, cây lê, hà thủ ô, sâm và các loại cây dược liệu khác. Các sản phẩm nông, lâm nghiệp tại Cao Bằng mang nét đặc trưng vùng miền, không chỉ tạo nên giá trị kinh tế mà còn làm phong phú, đa dạng sinh học địa phương.

Cao Bằng hướng tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, nâng cao năng suất cây trồng và vật nuôi thế mạnh, đặc sản địa phương, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu. Tỉnh cũng khuyến khích phát triển kinh tế rừng, sản xuất và chế biến lâm sản, dược liệu quý dưới tán rừng, tạo thành nguồn thu nhập bền vững và việc làm cho người dân. Bên cạnh đó, Cao Bằng đang có những đề án khoa học về cây dược liệu quý như tam thất, thất diệp nhất chi hoa, hà thủ ô, linh chi... với khả năng mở rộng sản xuất dược liệu có giá trị cao.

Ngoài ra, Cao Bằng còn có tiềm năng lớn trong việc phát triển các loại thủy sản trên hệ thống sông, suối tự nhiên như: sông Quây Sơn có thể phát triển cá trắm hương và cá trắm xanh, trong khi vùng Bảo Lạc và Bảo Lâm nổi tiếng với cá chiên. Các dự án phát triển nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là mô hình nuôi cá lồng tại huyện Quảng Hòa đã góp phần đa dạng hóa ngành thủy sản và tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển bền vững ở vùng nông thôn.

Việc thu hút đầu tư vào các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản không chỉ tận dụng tối đa tiềm năng tự nhiên mà còn mang lại nhiều cơ hội phát triển, tạo ra sản phẩm có giá trị cao, góp phần nâng cao thu nhập của người dân Cao Bằng.

Tiềm năng phát triển kinh tế cửa khẩu

Cao Bằng có đường biên giới dài 333,125 km tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), với 1 cửa khẩu quốc tế, 2 cửa khẩu chính, 3 cửa khẩu phụ và 1 lối mở

biên giới, đây là điều kiện thuận lợi, mang lại lợi thế lớn để phát triển kinh tế cửa khẩu và kết nối với thị trường Trung Quốc, một trong những thị trường lớn nhất khu vực và hỗ trợ triển khai các chương trình du lịch biên giới, du lịch liên quốc gia.

Dựa trên các lợi thế tự nhiên và các mối liên kết phát triển kinh tế - xã hội, Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng được định hướng phát triển thành mô hình chuỗi kết nối dọc tuyến hành lang biên giới. Hệ thống này kết nối trực tiếp với hệ thống của khẩu Trung Quốc thông qua các tuyến giao thông chính, như đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) và các quốc lộ 3, 4, và 34, giúp mở ra nhiều cơ hội cho phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại và dịch vụ, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế biên mậu.

Với các tiềm năng, lợi thế nổi bật kể trên, tỉnh Cao Bằng đã xác định 03 nội dung đột phá gồm: (1) Phát triển du lịch - dịch vụ bền vững, đưa du lịch - dịch vụ Cao Bằng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng Cao Bằng trở thành trung tâm du lịch của các tỉnh khu vực trung du, miền núi phía Bắc; (2) Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến nhằm xây dựng thương hiệu, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp, hướng đến xuất khẩu ra thị trường trong và ngoài nước; (3) Phát triển kinh tế cửa khẩu nhằm khai thác và phát huy tối đa lợi thế đường biên giới với nhiều cặp cửa khẩu thông thương với Trung Quốc.

Phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng, xác định rõ tiềm năng, lợi thế cơ bản, tinh thần đoàn kết, sáng tạo và những định hướng chiến lược phù hợp, kỳ vọng trong thời gian tới, Cao Bằng sẽ phát triển nhanh, bền vững, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của cả nước.

CAO BẰNG: CƠ HỘI HỢP TÁC KINH TẾ, DU LỊCH, ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN

PHẠM VĂN CAO*

Cơ hội hợp tác về kinh tế

Cao Bằng là tỉnh có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế với nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng như: vàng, kẽm, chì... Khí hậu Cao Bằng có những đặc trưng riêng so với các tỉnh miền núi khác trong vùng, tạo ra nhiều lợi thế để phát triển cây trồng, vật nuôi đặc sản có giá trị kinh tế cao như: hạt dẻ, thuốc lá sợi vàng, đỗ tương, chè đắng, trúc, hồi, quế, bò Mông, lợn đen, thạch đen, nếp thơm...

Cao Bằng có lợi thế lớn để phát triển kinh tế cửa khẩu do nằm giữa hai hành lang kinh tế Đông (Nam Ninh, Trung Quốc - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng) và Tây (Côn Minh, Trung Quốc - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng). Đường biên giới dài tiếp giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), với 1 cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh (bao gồm cả lối mở thông quan hàng hóa Nà Đổng); 2 cửa khẩu chính (Tà Lùng, Sóc Giang); 3 cửa khẩu phụ (Lý Vạn, Pò Peo, Hạ Lang) và 1 lối mở biên giới (Bản Giốc) đã tạo cho Cao Bằng có tiềm năng lớn trong việc mở ra một tuyến hành lang kinh tế mới nối các tỉnh Tây Nam (Trung Quốc) với trục đường Hồ Chí Minh, tuyến đường xuyên Á và kết nối với các nước

* Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Cao Bằng.

ASEAN qua địa phận tỉnh. Cao Bằng có cơ hội trở thành điểm nối quan trọng trong giao lưu hàng hóa giữa Hà Nội, các tỉnh vùng Đông Bắc nói riêng và thị trường các nước ASEAN nói chung với thị trường Trung Quốc. Khu kinh tế cửa khẩu Cao Bằng được quy hoạch là khu kinh tế cửa khẩu đa chức năng, đa lĩnh vực, có khả năng gắn kết được với các địa phương khác để tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch động lực của toàn vùng trung du miền núi phía Bắc; là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia.



Lễ thông xe tại khu vực lối thông quan Nà Đổng (Việt Nam) - Nà Ráy (Trung Quốc) trong chương trình Lễ công bố nâng cấp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế

Ảnh: Nông Thanh Huyền.

Ngày 01/01/2024, tỉnh Cao Bằng đã tổ chức Lễ khởi công dự án cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng). Dự án sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia; tạo ra một tuyến cao tốc đối ngoại huyết mạch mới kết nối giao thương hàng hóa từ cảng quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng) đi Trùng Khánh - Urumqi

(Trung Quốc) - Khorgos (Kazakhstan), sang Trung Á và các nước châu Âu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiềm năng phát triển du lịch

Trải qua thời gian hình thành và phát triển lâu dài, thiên nhiên và lịch sử đã để lại cho tỉnh Cao Bằng nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng. Được ví như “Viên ngọc xanh” của khu vực Đông Bắc, Cao Bằng hấp dẫn du khách trong và ngoài nước bởi non nước hữu tình, thiên nhiên hùng vĩ, đậm nét hoang sơ; bản sắc văn hoá dân tộc đa dạng và đặc sắc, ẩm thực địa phương phong phú và hấp dẫn.

Cao Bằng có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén; hồ Thăng Hen, Mất Thần Núi, động Ngườm Ngao, hang Ngườm Pục... và đặc biệt là thác Bản Giốc được đánh giá là thác nước tự nhiên lớn nhất Đông Nam Á, thác nước lớn thứ 4 nằm trên đường biên giới giữa các quốc gia và là một trong 21 thác nước đẹp nhất thế giới. Năm 2018, công viên địa chất Non nước Cao Bằng được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu, góp phần thu hút du khách đến với địa phương. Nói tới Cao Bằng còn là nói đến những địa chỉ đỏ, với 3 di tích quốc gia đặc biệt là Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó, huyện Hà Quảng; Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình; Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An. Những di tích đó góp phần làm nên giá trị văn hóa đặc sắc của tỉnh Cao Bằng. Từ năm 2023, Cao Bằng là tỉnh đầu tiên trong cả nước triển khai trên thực địa mô hình hợp tác du lịch liên quốc gia, với kỳ vọng đưa Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) là mô hình hợp tác du lịch xanh, du lịch bền vững tiêu biểu và là khu du lịch trọng điểm của Việt Nam trong thời gian tới.

Bên cạnh các danh lam thắng cảnh, nhiều giá trị di sản địa chất độc đáo, Cao Bằng còn có các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của nhiều dân tộc, mỗi dân tộc đều có những di sản văn hóa độc đáo, nét đặc trưng về tập quán sản xuất, tập tục sinh hoạt truyền thống, kho tàng văn nghệ dân gian đặc trưng riêng như hát then của người Tày, nghệ thuật ca tuồng Đá Hai của người Nùng, hát páo dung dân tộc Dao, múa khèn Mông... Nổi bật là di sản “Thực hành then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam” (trong đó có di sản Nghi lễ then của người Tày Cao Bằng) được UNESCO ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Những thế mạnh nói trên là yếu tố rất quan trọng để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với Cao Bằng và đây cũng là một trong ba nội dung đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đó là: Phát triển du lịch - dịch vụ bền vững, đưa du lịch - dịch vụ Cao Bằng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng Cao Bằng trở thành trung tâm du lịch của các tỉnh khu vực trung du, miền núi phía Bắc.

Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân thúc đẩy phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng - an ninh

Thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 06/7/2011 và Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 05/01/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới; thời gian qua, tỉnh Cao Bằng tập trung quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về vai trò và tầm quan trọng của công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới, nắm vững và triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về hoạt động đối ngoại nhân dân, chủ động phát triển quan hệ hợp tác quốc tế, nhất là quan hệ đối ngoại và hợp tác hữu nghị với địa phương nước láng giềng Trung Quốc.

Với lợi thế về vị trí địa lý có đường biên giới dài tiếp giáp với Trung Quốc, tỉnh luôn duy trì tốt việc mở rộng và củng cố quan hệ hợp tác hữu nghị với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) trên các lĩnh vực: kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch, giáo dục... Thực hiện tốt các hoạt động giao lưu nhân dân, nhất là giữa các huyện, xã, xóm biên giới của tỉnh với các địa phương của Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thăm thân, giao lưu văn hóa, thể thao, hợp tác y tế, giáo dục, hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu, đầu tư, du lịch, đặc biệt hàng năm phối hợp tổ chức thành công các chương trình gặp gỡ đầu xuân và Hội nghị Ủy ban Công tác liên hợp giữa các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc). Qua đó, tăng cường quảng bá hình ảnh con người, văn hóa, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam đến bạn bè quốc tế. Mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ có uy tín, thiện chí để vận động, thu hút đa dạng các nguồn lực quốc tế gắn với quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đối ngoại, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đấu tranh ngăn chặn các hành động chống phá, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

TIỀM NĂNG CỦA TỈNH TRONG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, HÌNH THÀNH VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH

PHAN THỊ LỆ QUYÊN*
PHÙNG THỊ HỒNG LAN**

Với tổng diện tích đất tự nhiên là 670.038,95 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp có 622.719,87 ha, chiếm 92,94% tổng diện tích tự nhiên; riêng nhóm đất sản xuất nông nghiệp có 109.869,24 ha, chủ yếu là cây hàng năm (101.628,34 ha)¹. Đây là tiềm năng, cơ hội để tỉnh Cao Bằng thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng cao.

Để cụ thể hóa các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh Cao Bằng xác định cơ cấu lại ngành nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu; phát triển sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi theo hướng hiện đại; sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và có sức cạnh tranh cao, từ đó đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh. Đồng thời, phục vụ cho xuất khẩu, tạo bước

*, ** Phòng Huấn luyện - Thông tin - Thị trường, Trung tâm Khuyến nông và Giống nông, lâm nghiệp Cao Bằng.

1. Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng: *Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2023, Sđd*, tr.32.

đột phá trong tăng trưởng kinh tế ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Cùng với đó, tỉnh ban hành Kế hoạch về thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp thông minh theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến giai đoạn 2022 - 2025. Nội dung kế hoạch xác định mục tiêu cơ cấu lại nông nghiệp, hình thành vùng sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó quy hoạch các vùng để sản xuất; vùng phát triển sản xuất tập trung các cây trồng, vật nuôi đặc hữu; xây dựng một số dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh phù hợp với các loại cây trồng, vật nuôi; phát triển theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung với các sản phẩm có năng suất, chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhu cầu trong và ngoài tỉnh, đồng thời phục vụ cho xuất khẩu; tạo bước đột phá trong tăng trưởng ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

Đối với lĩnh vực trồng trọt, toàn tỉnh tiếp tục ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp hằng năm, duy trì và sử dụng hiệu quả 30.000 ha đất trồng lúa, bảo đảm an ninh lương thực, quy hoạch các vùng trọng điểm trồng lúa chất lượng cao (Japonica), lúa đặc sản (pì pát, nếp hương, nếp ong). Các địa phương tiếp tục phát triển các loại cây công nghiệp như thuốc lá, sắn, lạc, mía... trên cơ sở sử dụng giống mới, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng. Khuyến khích nhân dân cải tạo vườn tạp, hình thành các mô hình chuyên canh và thu hút đầu tư liên kết chặt chẽ sản xuất với công nghệ bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ. Mở rộng, trồng mới thêm 700 ha cây hạt dẻ, 320 ha cây lê; khuyến khích phát triển các loại cây trồng công nghiệp ngắn ngày đặc hữu có giá trị kinh tế cao: mở rộng và trồng mới thêm 1.000 ha cây thuốc lá, 500 ha cây thạch đen.

Triển khai các cây trồng ứng dụng công nghệ thông minh, công nghệ cao, áp dụng quy trình canh tác tiên tiến với diện tích trên 1.990 ha, với những loại cây chủ lực như gừng, lê, cam, quýt, dẻ, cây dược liệu (hà thủ ô đỏ, cát sâm, tam thất, đương quy)... Chú trọng vào khâu chọn giống, kỹ thuật sản xuất, công nghệ bảo quản, chế biến, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật VietGAP, hữu cơ... Đến nay, đã hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất dưa lê, dưa chuột, cà chua, rau các loại áp dụng quy trình canh tác tiên tiến trong nhà lưới, nổi bật là các cơ sở tại xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng như: sản xuất dâu tây VietGAP 2 ha (Hợp tác xã nông nghiệp Trường Anh), sản xuất dưa lưới xen canh dưa lê, dưa chuột, cà chua, rau các loại 05 ha (Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Nam Phong); sản xuất nho Hạ đen 1,5 ha theo tiêu chuẩn VietGAP (Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ xanh CAB)... ứng dụng nhà lưới và hệ thống tưới nhỏ giọt chủ động. Cùng với đó, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng cũng đang tích cực áp dụng khoa học - công nghệ vào các khâu vận chuyển, truy xuất nguồn



Vườn dâu tây VietGAP của Hợp tác xã Nông nghiệp Trường Anh, xóm Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng

Ảnh: Phan Thị Lệ Quyên.

gốc nông sản, quảng bá thông tin sản phẩm, đăng ký nhãn mác, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Các thông tin về nông sản được đăng tải tại các trang chợ điện tử, thu hút được nhiều hơn sự quan tâm của người tiêu dùng.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, tập trung phát triển chăn nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng nhằm đa dạng hóa vật nuôi, phát triển các loại vật nuôi đặc sản, bản địa có giá trị kinh tế và khả năng cạnh tranh cao như lợn Hương, lợn Táp Ná. Triển khai các giải pháp chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại tập trung tại các huyện Trùng Khánh, Hòa An, Hà Quảng. Hình thành các hợp tác xã chăn nuôi quy mô lớn như: Hợp tác xã Đông Anh (huyện Hà Quảng) chăn nuôi bò vỗ béo, bò sinh sản với quy mô trên 300 con; Hợp tác xã Bảo Hưng (huyện Hà Quảng) nuôi gà đẻ trứng với quy mô 2.000 con... Xúc tiến đầu tư trực tiếp đối với một số doanh nghiệp mở rộng đầu tư các dự án chăn nuôi lợn nái, lợn thịt quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thông minh và thu hút một số doanh nghiệp đầu tư các dự án mới để phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên của tỉnh. Một số dự án chăn nuôi tập trung được triển khai như: trang trại chăn nuôi Thông Huệ (huyện Trùng Khánh) của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Cao Bằng; trang trại chăn nuôi lợn giống, lợn thịt tiêu chuẩn công nghiệp và hữu cơ tại xã Ngũ Lão (huyện Hòa An) của Công ty cổ phần chăn nuôi Ánh Dương. Các dự án đều đầu tư hệ thống chuồng kín, chủ động kiểm soát nhiệt độ, phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm bảo đảm thích hợp với đặc tính sinh lý của vật nuôi, giúp vật nuôi được khỏe mạnh, đạt năng suất cao nhất, bảo đảm tiện lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, tiết kiệm được sức lao động và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, xây dựng một số vườn ươm sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ sản xuất trong nhà lưới. Hỗ trợ cây giống chất lượng cao cho các hộ trồng

mới: mở rộng, trồng mới trên 1.200 ha cây trúc sào; 500 ha cây hồi; 1.800 ha cây quế; 600 ha cây mắc ca...; phát triển cây dược liệu hà thủ ô, cát sâm, sa nhân tím, cát cánh, đương quy, khô nhung tía... Các công ty, hợp tác xã phát triển cây dược liệu như: Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ sinh học Ngân Hà, Công ty trách nhiệm hữu hạn Kolia Cao Bằng... đã đầu tư xây dựng nhà xưởng sơ chế, chế biến dược liệu, vườn ươm giống và trồng thành công hàng chục nghìn cây sâm, tam thất, bảy lá một hoa tại xã Thành Công, huyện Nguyên Bình.

Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý rừng, số liệu đã được đồng bộ hóa trên cả nước. Giống cây lâm nghiệp được thực hiện theo phương pháp chọn cây trội (cây hồi); trồng rừng sử dụng giống keo nuôi cấy mô.

Với sự quyết tâm, quyết liệt của lãnh đạo tỉnh, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng đã và đang có những bước đi vững chắc, tạo tiền đề cho những chuyển biến, tăng tốc trong tương lai. Cao Bằng đang dần hình thành các vùng sản xuất lớn với hệ thống đường nội đồng, làm đất, gieo trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi đến bảo quản, chế biến sản phẩm. Giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh gần đây luôn đạt mức tăng trưởng khá; cơ cấu cây trồng các địa phương từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhiều địa phương đã ổn định tập quán sản xuất 3 vụ/năm, sản xuất vụ đông được chú trọng phát triển. Giá trị sản xuất/ha đất trồng trọt đạt từ 45 - 60 triệu đồng/năm. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển theo hướng bền vững.

ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA KHẨU

HOÀNG MINH HUỆ*

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX đã đưa ra các nội dung đột phá và các chương trình trọng tâm nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong đó phát triển kinh tế cửa khẩu là một trong ba nội dung đột phá quan trọng, được tập trung chỉ đạo quyết liệt nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế để tạo bứt phá mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng.

Tiềm năng và lợi thế

Phát huy lợi thế đường biên giới trên bộ dài 333,125 km tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), có thể tận dụng chính sách ưu đãi đầu tư kết hợp với vị trí địa lý thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư vào các Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh, tạo sự ổn định cho hoạt động xuất nhập khẩu trên toàn tuyến biên giới tiếp giáp với thị trường lớn nhất Trung Quốc. Cao Bằng nằm trong hành lang vận tải quốc tế đường bộ từ các tỉnh Tây Nam Trung Quốc qua Cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) tới các nước ASEAN và quốc tế qua cảng Hải Phòng¹.

* Phó Trưởng phòng Quản lý xuất - nhập khẩu, Sở Công thương tỉnh Cao Bằng.

1. Tuyến Tứ Xuyên - Trùng Khánh - Quý Châu - Bách Sắc (Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc) qua cửa khẩu Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng.

Tuyến vận tải này có ý nghĩa rất quan trọng: Phát huy vai trò của hệ thống giao thông đường sắt trong việc đưa khu vực phía Tây Nam Trung Quốc hướng ra biển và thông tới Việt Nam cũng như các nước ASEAN khác; rút ngắn khoảng cách hướng ra biển và giảm các chi phí vận chuyển hàng hóa của khu vực phía Tây Nam Trung Quốc thông qua các hải cảng quốc tế; góp phần thúc đẩy lưu lượng vận chuyển hàng hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng tuyến cao tốc Lạng Sơn - Hà Nội và tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng).

Với mục tiêu phấn đấu xây dựng Cao Bằng trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa từ cảng quốc tế Lạch Huyện (thành phố Hải Phòng) đi Trùng Khánh - Urumqi (Trung Quốc) - Khorgos (Kazakhstan) đi các nước châu Âu và ngược lại, phấn đấu đưa Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng là một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc...

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã triển khai thực hiện Chương trình đột phá phát triển kinh tế cửa khẩu và Đề án tổng thể phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 với các giải pháp: (1) Hoàn thiện cơ sở pháp lý, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại biên giới; (2) Tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng cửa khẩu, hạ tầng giao thông, trọng tâm là tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) để sớm hình thành tuyến đường bộ quốc tế kết nối giữa ASEAN và các tỉnh Tây Nam Trung Quốc thông quan cửa khẩu Trà Lĩnh; (3) Đẩy mạnh công tác thông tin thị trường, nâng cao chất lượng nông sản xuất khẩu, tăng cường hợp tác xúc tiến thương mại, xuất - nhập khẩu, duy trì mối quan hệ hữu nghị, thúc đẩy hợp tác phát triển chính sách thương mại biên giới, thu hút đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Kết quả đạt được trong giai đoạn 2020 - 2024

Kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa qua Khu kinh tế cửa khẩu đạt 17,06 tỷ USD; thu ngân sách từ hoạt động kinh tế của khẩu chiếm trên 25% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hàng năm. Riêng năm 2022, số thu ngân sách từ thuế, phí đạt 2.650 tỷ đồng, chiếm 67% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đến tháng 6/2024, trong địa bàn Khu kinh tế cửa khẩu có 54 dự án đầu tư trong và ngoài nước, trong đó có 49 dự án trong nước với tổng số vốn đăng ký 4.450 tỷ đồng, số tiền đã giải ngân theo tiến độ của các dự án khoảng 528,1 tỷ đồng; có 05 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 16,61 triệu USD (383 tỷ đồng), số tiền đã giải ngân theo tiến độ của các dự án 11,93 triệu USD (275 tỷ đồng), tạo ra nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập cho cư dân biên giới.

Với những kết quả đạt được nêu trên, đã khẳng định được vị trí, vai trò, lợi thế phát triển kinh tế của khẩu tỉnh Cao Bằng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đất nước.



CAO BẰNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG - TĂNG KẾT NỐI VÙNG

LÊ VĂN ĐỊNH*

Hệ thống giao thông của tỉnh Cao Bằng hiện nay chỉ có mạng lưới giao thông đường bộ với tổng chiều dài khoảng 6.734 km. Trong đó, có 714,36 km đường quốc lộ¹; 1.020,3 km đường tỉnh, 1.491,1 km đường huyện và 3.508,9 km đường xã.

Cao Bằng là tỉnh có địa hình phức tạp, nhiều đèo dốc, không thuận lợi cho phát triển giao thông và gặp nhiều thách thức. Mạng lưới đường giao thông trên địa bàn tỉnh nói chung và kết cấu hạ tầng đô thị nói riêng tuy đã được quan tâm đầu tư, nhưng chất lượng vẫn còn yếu và thiếu đồng bộ. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã chỉ ra các điểm nghẽn, nút thắt của tỉnh, trong đó có kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng du lịch - dịch vụ, hạ tầng cửa khẩu, hạ tầng đô thị. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình trọng tâm số 10-CTr/TU, ngày 11/11/2021 về

* Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng.

1. Bao gồm các tuyến: Quốc lộ 3, quốc lộ 4A, quốc lộ 4C, quốc lộ 34, quốc lộ 34B và đường Hồ Chí Minh (đoạn Pác Bó - Khau Hân). Đây là những trục đường giao thông chính nối kết việc giao lưu của Cao Bằng với các tỉnh khác của Việt Nam.

phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị, hạ tầng số) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 nhằm mục đích khắc phục những điểm nghẽn, nút thắt về kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Là tỉnh miền núi với 333,125 km đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, có nhiều địa danh lịch sử, danh lam thắng cảnh đẹp, Cao Bằng xác định kinh tế cửa khẩu và du lịch là mũi nhọn phát triển kinh tế của tỉnh. Với quan điểm phát triển hạ tầng giao thông phải đi trước một bước, tạo tiền đề khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, những năm qua, tỉnh Cao Bằng đã dồn phần lớn nguồn lực dành cho phát triển hạ tầng giao thông để từng bước nâng cao chất lượng mạng lưới giao thông kết nối vùng, trọng điểm là dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) với tổng chiều dài tuyến là 121,06 km đi qua địa phận 02 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Giai đoạn 1: đầu tư khoảng 93,35 km (từ Km0+00 tại nút giao khu vực cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đến khoảng Km93+350 điểm giao với quốc lộ 3 huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng), với tổng mức đầu tư trên 14.330 tỷ đồng. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 106/2023/QH15 cho phép tỉnh Cao Bằng được áp dụng tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước không quá 70% tổng mức đầu tư của tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng). Dự án đã khởi công từ ngày 01/01/2024, phấn đấu thông tuyến trong năm 2025, hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào khai thác, vận hành từ năm 2026.

Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) được kỳ vọng sẽ mở cánh cửa giao thương tiếp giáp với Trung Quốc, sớm đưa Cao Bằng trở thành cửa ngõ kết nối các tỉnh phía Tây Nam Trung Quốc với các tỉnh lân cận Cao Bằng - Lạng Sơn - Hà Nội đi Hải Phòng; các tỉnh phía Nam Việt Nam kết nối với các tỉnh Bắc Kạn - Thái Nguyên - Hà Nội, kết nối với tỉnh Hà Giang - Tuyên Quang và các tỉnh phía Tây Bắc Việt Nam.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nghe giới thiệu về mô hình kết cấu hầm đường bộ trên tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)

Ảnh: Vũ Tiệp.

Bên cạnh đó, hai tỉnh Bắc Kạn và Cao Bằng đã thống nhất kiến nghị Trung ương đầu tư tuyến đường cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng có chiều dài khoảng 90 km và hoàn thành trước năm 2030. Trong đó, đoạn tuyến qua tỉnh Bắc Kạn là 60 km, qua tỉnh Cao Bằng là 30 km sẽ kết nối tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Cao Bằng và các cửa khẩu của Trung Quốc. Hiện nay, hai tỉnh Bắc Kạn và Cao Bằng đang phối hợp với các bộ, ngành và các cơ quan liên quan nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án, tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cao tốc 4 làn xe với vận tốc từ 80 đến 100 km/h, thời gian thực hiện từ năm 2024 đến năm 2028. Cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng sẽ liên kết với các tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng), Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn tạo thành mạng

lưới đường bộ cao tốc tương đối hoàn chỉnh trong khu vực, kết nối vùng trung du, miền núi phía Bắc với vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội và các cảng biển phía Bắc đồng thời hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh trong khu vực.

Ngoài ra, có một số dự án giao thông quy mô lớn kết nối trên địa bàn tỉnh đang được triển khai thi công dự kiến hoàn thành trong năm 2024 gồm: Dự án đường tỉnh 208, từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) đi qua các xã Cách Linh, xã Bế Văn Đàn (huyện Quảng Hòa), xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang), xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh); Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205; Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Cao Bằng; Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông (huyện Hà Quảng); Dự án cầu Bản Đe (sông Gâm) và đường kết nối quốc lộ 34 - xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm (huyện Bảo Lâm); Dự án nâng cấp, cải tạo đường Nà Pồng - Đức Hạnh (huyện Bảo Lâm); Dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Chu Trinh (thành phố Cao Bằng) - xã Hồng Nam (huyện Hòa An)... Một số dự án đã khởi công, chuẩn bị đầu tư và hoàn thành sau năm 2024 gồm: Dự án tuyến tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng; Dự án tuyến tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An; Dự án tuyến tránh thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa; Dự án đường xã Sơn Lập (huyện Bảo Lạc) - xã Yên Thổ (huyện Bảo Lâm); Dự án tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)... Khi các dự án triển khai hoàn thành sẽ góp phần tăng cường khả năng lưu thông, nâng cao khả năng kết nối giữa các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Thời gian qua, Cao Bằng đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sức mạnh của cộng đồng doanh nghiệp, người dân trên địa bàn để tổ chức triển khai thực hiện Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)

phấn đấu thông tuyến trong năm 2025, hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào khai thác, vận hành từ năm 2026. Qua đó, nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt lớn nhất về kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh, mở cánh cửa giao thương, kết nối kinh tế vùng Đông Bắc, phục vụ cho mục tiêu thu hút đầu tư, phát triển kinh tế của khẩu, du lịch, phát triển hạ tầng đô thị, hạ tầng số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh quốc gia. Với sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương hỗ trợ tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn cho tỉnh trong thời gian vừa qua và sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng, sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh sẽ tạo thế và lực mới cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Cao Bằng thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển hạ tầng giao thông - tăng kết nối vùng.

KẾT NỐI ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐÀM NGỌC MAI*

Với nhiều tiềm năng, lợi thế, cùng với khát vọng xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định ba nội dung đột phá và các chương trình trọng tâm nhằm khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh để tăng cường hợp tác, kết nối trong nước, khu vực và quốc tế.

Kết nối phát triển du lịch - dịch vụ bền vững, xây dựng Cao Bằng trở thành trung tâm du lịch của các tỉnh khu vực trung du, miền núi phía Bắc

Phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng đất giàu trầm tích văn hóa, lịch sử; có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, tỉnh Cao Bằng đã và đang đẩy mạnh khai thác, kết nối, phát triển du lịch, từng bước đưa ngành du lịch tỉnh Cao Bằng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỉnh đã triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, thúc đẩy hợp tác, kết nối, xúc tiến du lịch như: (1) Thúc đẩy liên kết phát triển du lịch với phía Trung Quốc, nhất là khai thác chung Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đúc Thiên (Trung Quốc), đây

* Phòng Quản lý thương mại, Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

là mô hình kiểu mẫu du lịch qua biên giới và du lịch xanh chưa từng có tiền lệ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế thương mại, giao lưu văn hóa, đáp ứng nhu cầu tốt hơn của nhân dân hai nước; (2) Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông kết nối các điểm du lịch trong tỉnh và kết nối với điểm du lịch vùng miền trong nước; (3) Đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch với 5 tỉnh Việt Bắc (Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang); (4) Tăng cường kết nối Cao Bằng với du khách quốc tế với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tích cực tham gia các hoạt động Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO và hợp tác quốc tế nhằm quảng bá và kết nối thúc đẩy hợp tác vì mục tiêu phát triển du lịch bền vững với các địa phương có danh hiệu Công viên địa chất trên thế giới và mạng lưới Công viên địa chất Việt Nam (Công viên địa chất cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang), Công viên địa chất Đắc Nông, Công viên địa chất Lạng Sơn...).



Các đại biểu cắt băng khai mạc Hội nghị “Cao Bằng điểm đến - kết nối và phát triển” tổ chức tại Bộ Ngoại giao (Việt Nam)

Ảnh: Nguyễn Thị Xoa.

Những chủ trương, định hướng đẩy mạnh kết nối phát triển du lịch được tỉnh cụ thể hoá bằng nhiều chương trình, kế hoạch, dự án, trước hết là đẩy mạnh công tác quy hoạch, đầu tư du lịch nhằm bảo đảm về kết cấu hạ tầng phát triển du lịch, dịch vụ: thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc và quy hoạch chi tiết xây dựng hai bên đường vào động Ngườm Ngao (xã Đàm Thuỷ, huyện Trùng Khánh); đầu tư xây dựng điểm checkin, khu ngắm cảnh Khau Cốc Chà (xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc); đầu tư một số hạng mục đối với di tích lịch sử hang Ngườm Hoài (xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh); thực hiện xây dựng, phương án phát triển hệ thống các điểm du lịch trong quy hoạch tại thành phố Cao Bằng: đập dâng nước sông Bằng, tuyến du lịch tâm linh, hệ thống kè quanh thành phố; 02 điểm checkin tại phố đi bộ Kim Đồng...; phối hợp với nhà đầu tư chuẩn bị triển khai Dự án “Điểm dừng nghỉ, tham quan làng nghề, chợ nông sản xã Phúc Sen”; Dự án đầu tư “Điểm tham quan, du lịch đôi cỏ Ba Quáng, xã Vinh Quý (huyện Hạ Lang)”; “Tu bổ, phục hồi di tích đền thờ Tô Thị Hoạn, xã Đồng Loan (huyện Hạ Lang)”; Dự án “Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia “Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chỉ huy Chiến dịch biên giới ở và làm việc tại nhà ông Lã Văn Ho, xóm Đà Vĩ, thị trấn Quảng Uyên” (huyện Quảng Hòa); tổ chức khảo sát, đánh giá để triển khai xây dựng Điểm du lịch cộng đồng tại xóm Khuổi Ky, xã Đàm Thuỷ (huyện Trùng Khánh)...

Triển khai đầu tư tại các điểm du lịch cộng đồng, làng nghề truyền thống; tiếp xúc, vận động, kêu gọi thu hút một số nhà đầu tư đến nghiên cứu, tìm hiểu và triển khai thực hiện dự án phục vụ du lịch như: Dự án đảo sinh thái Nà Tẻng (huyện Hòa An); Dự án xây dựng khu du lịch sinh thái tại thác Thoong Lộc, xã Đoài Dương và điểm dịch vụ bên sông Quây Sơn tại xã Phong Nặm (huyện Trùng Khánh).

Tập trung phát triển sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch: tổ chức các lễ hội, ngày hội văn hoá các dân tộc, lễ hội Xuân; tăng cường xúc tiến quảng bá, liên kết phát triển du lịch; tổ chức, đăng cai các chương trình, sự kiện thu hút khách du lịch; phát triển hệ thống các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm, đặc sản địa phương (đặc biệt là các sản phẩm đã được chứng nhận OCOP); phối hợp với các đoàn làm phim thực hiện các video clip, chương trình, phim truyền hình, phim điện ảnh...

Triển khai kế hoạch phối hợp tuyên truyền với các cơ quan báo chí Trung ương như Báo Nhân dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV khu vực Đông Bắc), Báo VietNamNet... với các nội dung cụ thể như: quảng bá hình ảnh con người và vùng đất Cao Bằng đến đông đảo công chúng, bạn bè trong và ngoài nước; tuyên truyền những chủ trương, chính sách của tỉnh Cao Bằng... Qua đó, góp phần quảng bá toàn diện về miền đất, con người, bản sắc văn hóa, sản phẩm, tiềm năng du lịch của tỉnh Cao Bằng đến đông đảo du khách trong và ngoài nước; tạo dựng hình ảnh, thương hiệu du lịch mang đặc trưng riêng của Cao Bằng, tạo sự kết nối hài hoà và bền vững cho du lịch tỉnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu.

Kết nối phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến, hướng đến xuất khẩu ra thị trường trong và ngoài nước

Với tổng diện tích đất tự nhiên là 670.038,95 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm 16,4%, đất lâm nghiệp chiếm tới 76,45%¹, độ che phủ rừng trên 55%, Cao Bằng có tiềm năng, điều kiện để phát triển nông, lâm nghiệp. Đến hết năm 2023,

1. Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng: *Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2023, Sđd*, tr.33-34.

tỉnh Cao Bằng đã xác định 18 sản phẩm nông nghiệp chủ lực và có 144 sản phẩm OCOP (gồm 13 sản phẩm OCOP 4 sao và 131 sản phẩm OCOP 3 sao). Đồng thời, từng bước đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế; tập trung xây dựng thương hiệu nông sản của tỉnh bằng việc thiết lập chỉ dẫn địa lý, xây dựng nhãn hiệu cho các mặt hàng nông sản đặc trưng của địa phương; tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại thúc đẩy liên kết sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm chế biến nông, lâm sản trong nước và quốc tế, tạo điều kiện cho các sản phẩm nông sản là thế mạnh của tỉnh vào các thị trường mới, thị trường tiềm năng; quản lý và sử dụng hiệu quả thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp hàng hoá đã được công nhận.

Tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh hướng đến sản xuất hàng hóa theo hướng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Để thực hiện tốt hơn các nội dung đột phá về nông nghiệp, tỉnh tiếp tục thu hút, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, tập trung, ứng dụng công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến; thực hiện liên kết từ đầu tư sản xuất cho đến bao tiêu sản phẩm. Tăng diện tích trồng mới các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả có giá trị kinh tế như lê, hạt dẻ, thạch đen, thuốc lá; phát triển chăn nuôi hộ gia đình, gia trại, trang trại thông qua việc hỗ trợ làm chuồng chăn nuôi cho trâu, bò sinh sản, vỗ béo, lợn nái; hỗ trợ mua con giống; hỗ trợ trồng cỏ chăn nuôi. Rà soát diện tích đất có thể phát triển lâm nghiệp để trồng tăng thêm cây hồi, quế, trúc sào, mác ca. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách bảo đảm phù hợp với điều kiện của tỉnh; chú trọng các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút các doanh

ngành, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tăng cường lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp; huy động, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn; khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông minh, công nghệ cao vào sản xuất.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường; phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tổng hợp, đa giá trị, đánh giá hiệu quả theo thu nhập của người sản xuất; chú trọng xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo tiêu chuẩn, hình thành các vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu của Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng thị trường, xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản của tỉnh đối với các thị trường lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước châu Âu...

Kết nối phát triển kinh tế cửa khẩu, phát triển kết cấu hạ tầng nhằm sớm khắc phục các điểm nghẽn, nút thắt và kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại

Phát huy lợi thế đường biên giới trên bộ dài 333,125 km tiếp giáp thị trường lớn nhất Trung Quốc với nhiều cặp cửa khẩu, lối mở biên giới có thể tận dụng chính sách ưu đãi đầu tư kết hợp với vị trí địa lý thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng, tạo sự ổn định cho hoạt động xuất nhập khẩu thông qua hệ thống 1 cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh (bao gồm cả lối mở thông quan hàng hóa Nà Đổng); 2 cửa khẩu chính (Tà Lùng, Sóc Giang); 3 cửa khẩu phụ (Lý Vạn, Pò Peo, Hạ Lang); 1 lối mở biên giới (Bản Giốc).

Nội dung đột phá và trọng tâm nhiệm kỳ 2020 - 2025 của tỉnh Cao Bằng là phát triển kinh tế cửa khẩu, xây dựng Cao Bằng trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa đi quốc tế. Để làm được điều này, tỉnh đã tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện

đại, tập trung vào các cửa khẩu Trà Lĩnh, Tà Lùng; phát triển dịch vụ hậu cần, logistics; tổ chức sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động xuất, nhập khẩu; áp dụng các biện pháp giảm chi phí, thời gian thông quan hàng hóa...

Tập trung nhiệm vụ phát triển, nâng cấp hệ thống đường giao thông, đặc biệt là tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng). Đây là tuyến cao tốc đối ngoại huyết mạch kết nối giao thương hàng hóa từ cảng quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng) đi Trùng Khánh - Urumqi (Trung Quốc) - Khorgos (Kazakhstan) sang các nước châu Âu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và khu vực Đông Bắc Bộ. Phấn đấu đưa Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng là một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc. Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh trở thành trung tâm logistic lớn của cả nước, cửa ngõ xuất - nhập khẩu hàng hóa từ các nước ASEAN vào thị trường Trung Quốc và ngược lại.

Tăng cường kết nối, hợp tác phát triển nhiều lĩnh vực chính là để tạo thế và lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh theo đúng mục tiêu Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là phấn đấu đến năm 2030, Cao Bằng trở thành tỉnh có kinh tế phát triển nhanh, năng động, xanh, bền vững và toàn diện, đạt trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

KẾT NỐI DI SẢN PHÁT TRIỂN DU LỊCH

ĐẶNG THU HỒNG*

Cao Bằng là mảnh đất địa đầu phía Bắc Tổ quốc, một vùng non nước gấm hoa hùng vĩ và nên thơ, có bề dày văn hóa lịch sử, là địa bàn sinh sống của trên 95% đồng bào dân tộc thiểu số với nét sinh hoạt văn hóa riêng, phong phú, đa dạng và độc đáo, là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống lịch sử, là cội nguồn cách mạng Việt Nam, một trong những “địa chỉ đỏ” của chiến khu cách mạng Việt Bắc. Nơi đây có những di tích lịch sử nổi tiếng của đất nước như: Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó, huyện Hà Quảng; Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình và Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An... và nhiều di tích lịch sử văn hóa có giá trị khác, đã đi vào trang sử hào hùng của dân tộc, góp phần làm nên giá trị văn hóa đặc sắc của Cao Bằng.

Đến năm 2024, toàn tỉnh có 271 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó có 102 di tích đã được xếp hạng các cấp gồm: 3 di tích quốc gia đặc biệt; 26 di tích cấp quốc gia; 73 di tích cấp tỉnh. Số lượng di sản văn hóa phi vật thể còn tồn tại trên địa bàn tỉnh sau kiểm kê gồm 2.000 di sản, trong đó có 7 di sản đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh

* Trưởng phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Bên cạnh đó, tỉnh cũng được thiên nhiên ưu đãi với nhiều cảnh đẹp hoang sơ. Với điều kiện tự nhiên đặc thù của vùng miền núi phía Bắc, Cao Bằng có nhiều tiểu vùng sinh thái, nhiều danh lam thắng cảnh kỳ vĩ không chỉ mang giá trị đa dạng sinh học, di sản địa chất, địa mạo độc đáo mà còn có nhiều di tích lịch sử nổi tiếng như: thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, hồ Thăng Hen, Khu bảo tồn loài vượn Cao Vít (huyện Trùng Khánh), Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén (huyện Nguyên Bình)...

Những điều kiện thuận lợi trên giúp tỉnh có nhiều tiềm năng, thế mạnh trong việc triển khai những trọng tâm đột phá, bao gồm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giúp Cao Bằng trở thành trung tâm du lịch của khu vực trung du, miền núi phía Bắc.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định du lịch - dịch vụ bền vững là một trong ba nội dung đột phá của tỉnh, với mục tiêu: gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao nhận thức cộng đồng. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch theo hướng đặc sắc có tính cạnh tranh cao và hấp dẫn khách du lịch, đưa du lịch Cao Bằng từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao hình ảnh, vị thế của du lịch Cao Bằng ở trong nước và thế giới.

Xác định được tầm quan trọng của việc kết nối di sản gắn với phát triển du lịch, những năm qua, tỉnh luôn quan tâm, chú trọng đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể các dân tộc tỉnh Cao Bằng gắn với phát triển du lịch, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, thúc đẩy phát triển du lịch tại địa phương. Nhiều chương trình, dự án có liên quan đến công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển du lịch tại địa phương đã và đang được thực hiện hiệu quả như: Dự án “Bảo tồn bản văn hóa truyền thống dân tộc

Lô Lô xóm Khuổi Khon, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng”; Dự án “Bảo tồn làng văn hoá dân tộc Tày Bản Giuông, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng”...

Để đẩy mạnh hơn nữa công tác bảo tồn văn hóa, phát huy các giá trị truyền thống, nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng. Hiện nay, một số điểm du lịch cộng đồng đã và đang được đầu tư và đi vào hoạt động như: Bản du lịch cộng đồng Khuổi Khon (người Lô Lô Đen) xóm Khuổi Khon, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc; điểm du lịch cộng đồng Phja Thấp (người Nùng An) xóm Phja Thấp, xã Quốc Dân, huyện Quảng Hòa; làng đá Khuổi Ky (dân tộc Tày) xóm Khuổi Ky, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh; điểm du lịch cộng đồng xóm Hoài Khao (người Dao Tiên) xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình... Du lịch cộng đồng phát triển đem lại cơ hội bảo tồn, khôi phục, phát triển một số nghề thủ công truyền thống, phong tục, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, góp phần tôn vinh các giá trị di sản văn hóa của dân tộc.

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh phát triển du lịch của tỉnh, liên kết du lịch là hướng đi quan trọng nhằm khai thác triệt để tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, không chỉ kết nối các di tích, di sản với nhau mà còn đòi hỏi phải tăng cường kết nối giữa các ngành, các địa phương; kết nối giữa cộng đồng cư dân các điểm du lịch với du khách, kết nối giữa các hoạt động quản lý, khai thác văn hóa, du lịch với kinh tế, để phát triển du lịch chuyên nghiệp, giúp cho hình ảnh du lịch được quảng bá rộng rãi hơn, đó cũng là điều kiện tốt để du lịch phát triển. Hằng năm, chương trình “Qua những miền di sản Việt Bắc” được tổ chức luân phiên (6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang) là cơ hội thuận lợi để tỉnh Cao Bằng tuyên truyền, quảng bá về hình ảnh du lịch Cao Bằng, tạo ra hiệu ứng tích cực trong công tác phát triển ngành du lịch.

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, phong phú của du khách, cũng như du lịch của nhiều địa phương trong cả nước, ngành du lịch Cao Bằng đã và đang tích cực xây dựng những chương trình, chiến lược và giải pháp phát triển hiệu quả, tăng tính hấp dẫn các loại hình du lịch. Trong đó, tiếp tục đẩy mạnh quảng bá, tăng cường liên kết, hợp tác quốc tế đầu tư phát triển du lịch giữa Cao Bằng với Trung Quốc: Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đúc Thiên (Trung Quốc) là khu hợp tác xuyên biên giới hai nước trên cơ sở Hiệp định Hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc - Đúc Thiên. Hai bên đã triển khai thí điểm khai thác Khu cảnh quan từ ngày 15/9/2023 và đã đưa vào vận hành chính thức từ ngày 15/10/2024. Điều này góp phần quan trọng thúc đẩy hợp tác du lịch, tăng cường giao lưu hữu nghị giữa nhân dân địa phương hai bên biên giới và nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc, góp phần thúc đẩy quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc phát triển và đi vào chiều sâu trên tinh thần cùng nhau bảo vệ, khai thác tài nguyên du lịch, xây dựng Khu cảnh quan thành khu du lịch đặc sắc.

Ngày 12/4/2018, UNESCO đã chính thức công nhận Công viên địa chất Non nước Cao Bằng là Công viên địa chất toàn cầu. Qua hơn 6 năm duy trì, xây dựng và phát triển, Cao Bằng đã và đang đẩy mạnh việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản Công viên địa chất, hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững. Bên cạnh đó, tỉnh tích cực tham gia nhiều hoạt động do Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO tổ chức, phát động, tăng cường gắn kết, chia sẻ kinh nghiệm giữa các nước thành viên. Đặc biệt từ ngày 05/9/2024 đến ngày 17/9/2024, tỉnh Cao Bằng đã đăng cai tổ chức thành công Hội nghị quốc tế lần thứ 8 Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APGN-8) với chủ đề: “Cộng đồng địa phương và phát triển bền vững trong vùng Công viên địa chất”.

Thông qua Hội nghị, một lần nữa Cao Bằng lại có cơ hội giới thiệu đến bạn bè, du khách và đại biểu quốc tế vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, con người và những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của vùng non nước Cao Bằng. Với “Tuyên bố Cao Bằng” được thông qua đã đưa Cao Bằng trở thành điểm hội tụ và lan tỏa giá trị di sản Công viên địa chất toàn cầu.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, du lịch Cao Bằng cơ bản đáp ứng các yêu cầu của ngành kinh tế mũi nhọn, khẳng định vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; phấn đấu đến năm 2030, du lịch Cao Bằng thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Do đó, tập trung phát triển du lịch gắn với kết nối di sản, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch để thực hiện “mục tiêu kép”, vừa phát triển du lịch, vừa bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI CUNG CẦU SẢN PHẨM OCOP

LÔ MẠNH CƯỜNG*

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị, là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

Đối với tỉnh Cao Bằng, bắt đầu triển khai thực hiện chương trình OCOP từ năm 2020 đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 144 sản phẩm OCOP (gồm 13 sản phẩm OCOP 4 sao và 131 sản phẩm OCOP 3 sao) thuộc 4 nhóm sản phẩm gồm: 124 sản phẩm thuộc nhóm thực phẩm, 11 sản phẩm thuộc nhóm đồ uống, 6 sản phẩm thuộc nhóm thủ công mỹ nghệ, 3 sản phẩm thuộc nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch. Chủ thể thực hiện gồm 91 chủ thể, trong đó: 27 hợp tác xã, 7 tổ hợp tác, 10 doanh nghiệp, 47 hộ sản xuất kinh doanh.

Với đặc điểm điều kiện tự nhiên, khí hậu mang tính chất đặc thù dạng khí hậu lục địa miền núi cao là điều kiện thuận lợi để phát triển các cây trồng có thể mạnh, đặc sản như: mía, thuốc lá, dong riềng, hạt dẻ Trùng Khánh, mận máu, cây thạch đen... Những năm gần đây, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

* Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

đã chú trọng chuyển đổi mạnh cơ cấu giống cây trồng, bảo đảm phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của địa phương; đồng thời đẩy mạnh đưa cơ giới hóa vào sản xuất, đã và đang xây dựng một số khu sản xuất chuyên canh tập trung, quy mô lớn theo hướng hàng hóa tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng; duy trì và phát triển các chuỗi liên kết, các vùng sản xuất phát triển các sản phẩm sạch, an toàn có chứng nhận chất lượng, truy xuất nguồn gốc; làm tốt công tác bảo vệ thực vật, phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng... là tiền đề để thúc đẩy sản phẩm OCOP phát triển.

Chương trình OCOP đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành và với quyết tâm chính trị cao của cấp uỷ, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là sự đồng tình, hưởng ứng của người dân. Ngoài các cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho chương



Các đồng chí lãnh đạo tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh thăm gian hàng OCOP huyện Thạch An được trưng bày tại Hội chợ xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP tỉnh Cao Bằng năm 2023

Ảnh: Nông Thị Hậu.

trình OCOP của Trung ương, tỉnh còn có các cơ chế, chính sách hỗ trợ gián tiếp như: Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND, ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND, ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND, ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị để các chủ thể xây dựng vùng nguyên liệu ổn định; các cơ chế, chính sách cơ bản đáp ứng việc hỗ trợ các sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP được quan tâm đẩy mạnh thông qua các chương trình, sự kiện của tỉnh, hỗ trợ được trên 100 lượt chủ thể tham gia 35 sự kiện, lễ hội, hội chợ xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng và các tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình, Quảng Ninh, Nghệ An, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lai Châu, Bắc Kạn, Lạng Sơn.

Đặc biệt, trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức thành công Hội chợ xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP tỉnh Cao Bằng với sự tham gia của 23 tỉnh, thành phố trong cả nước với quy mô 140 gian hàng trưng bày, giới thiệu các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản các vùng miền. Hội chợ đã tạo nên hiệu ứng tuyên truyền mạnh mẽ về sản phẩm OCOP, nâng cao hình ảnh sản phẩm OCOP trên thị trường, người dân rất hưởng ứng, quan tâm nhiều hơn đến sản phẩm OCOP và tin tưởng, lựa chọn sử dụng. Qua đó, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các

chủ thể sản xuất trong cả nước có dịp giao thương, học tập, trao đổi kinh nghiệm, quảng bá thương hiệu sản phẩm, dịch vụ.

Chương trình OCOP đã có tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh, chuyển biến tích cực từ tư duy sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, từ sản xuất nguyên liệu thô sang xây dựng thương hiệu riêng, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Hiện nay, các chủ thể đã chú trọng việc nâng cấp bao bì, mẫu mã sản phẩm theo nhu cầu thị trường, bảo đảm sản phẩm tiện dụng, đúng quy định, nâng cao được giá trị sản phẩm và tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm, môi trường đáp ứng các tiêu chí của Chương trình OCOP. Đồng thời, sản phẩm OCOP đã được người tiêu dùng, các đối tác tin tưởng, ưu tiên sử dụng bởi khả năng cạnh tranh và nhận diện thương hiệu tốt hơn so với sản phẩm thông thường.

Các chủ thể OCOP tích cực đẩy mạnh đầu tư ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, hình thành các sản phẩm OCOP đặc trưng, chất lượng và an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu của thị trường; xây dựng các vùng nguyên liệu gắn với sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị.

Thị trường tiêu thụ các sản phẩm OCOP luôn luôn rộng mở, sự quan tâm, đón nhận của người tiêu dùng ngày càng lớn. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, đây là những điều kiện, cơ hội tốt để phát triển sản phẩm OCOP của tỉnh Cao Bằng.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM ĐẶC SẢN NỔI TIẾNG HẠT DẼ TRÙNG KHÁNH

ĐOÀN THỊ THUẤN*

Với hương vị thơm ngon, ngọt bùi nổi trội, từ lâu hạt dẻ đã trở thành sản phẩm đặc sản, đặc hữu của huyện Trùng Khánh. Trồng dẻ mang lại giá trị kinh tế cao cho người nông dân với mức thu nhập có thể lên tới hơn 200 triệu đồng/ha/năm. Tuy nhiên, phát triển kinh tế từ cây dẻ tại địa phương vẫn ở dạng tiềm năng, chưa thành hàng hoá. Vì vậy, để cây dẻ trở thành cây kinh tế mũi nhọn, chấp cánh cho thương hiệu hạt dẻ Trùng Khánh tiếp tục vươn xa, tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của địa phương, cần những giải pháp tổng thể.

Hạt dẻ (tiếng Tày, Nùng còn gọi là Mác Lịch) có mùi vị thơm ngon, béo ngậy, ngọt bùi. Đây là món quà quý giá thiên nhiên dành tặng riêng cho huyện Trùng Khánh nói riêng và là niềm tự hào của người dân Cao Bằng nói chung. Chất lượng hạt dẻ Trùng Khánh có sự khác biệt rõ ràng so với các loại hạt dẻ trồng ở vùng khác. Thông qua phân tích các chỉ tiêu kiểm nghiệm cho thấy hàm lượng glucose, hàm lượng lipid của hạt dẻ Trùng Khánh đạt giá trị vượt trội. Đây chính là một trong nhiều yếu tố tạo nên hương vị đặc biệt riêng có của hạt dẻ Trùng Khánh.

* Trưởng phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

Bắt đầu từ tháng 9 đến khoảng cuối tháng 10 hằng năm là vào mùa thu hoạch hạt dẻ. Hạt dẻ Trùng Khánh có kích thước khá lớn, vỏ dày cứng, màu nâu bóng, trên vỏ có lớp lông tơ màu trắng nhạt, bên trong là lớp vỏ lụa mỏng bao lấy nhân vàng ươm... Hạt dẻ có thể chế biến được nhiều món ăn theo các cách khác nhau, từ đơn giản như: luộc, rang, nướng... hoặc được chế biến cầu kỳ hơn như: bánh hạt dẻ, xôi hạt dẻ, gà hầm hạt dẻ, chân giò hầm hạt dẻ...



Cây dẻ 120 năm tuổi tại Bản Khấy, xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh - cây duy nhất thuộc họ cây ăn quả ở Cao Bằng được công nhận là cây di sản Việt Nam

Ảnh: Trọng Luân.

Với những giá trị riêng có, năm 2011, hạt dẻ Trùng Khánh được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Năm 2012, hạt dẻ Trùng Khánh lọt Top 10 đặc sản thiên nhiên nổi tiếng của Việt Nam do Tổ chức kỷ lục Việt Nam công bố. Qua đó khẳng định giá trị to lớn của loại sản phẩm đặc sản địa phương, đem lại ý nghĩa quan trọng về thương mại, du lịch. Đây là cơ hội lớn để hạt dẻ Trùng Khánh vươn xa đến với mọi miền Tổ quốc, nhưng đồng thời cũng đặt ra vấn đề là làm thế nào để nâng cao chất lượng, bảo tồn và phát triển thương hiệu Hạt dẻ Trùng Khánh (tỉnh Cao Bằng).

Hiện nay, toàn tỉnh có trên 720 ha diện tích trồng cây hạt dẻ, riêng huyện Trùng Khánh có diện tích trồng dẻ khoảng gần 700 ha, tập trung ở các xã: Chí Viễn, Khâm Thành, Đình Phong, Ngọc Khê, Phong Châu và thị trấn Trùng Khánh. Loài cây bản địa này nhiều năm qua đã mang lại nguồn thu nhập cao hơn hẳn một số loại cây trồng khác với giá bán từ 100.000 - 150.000 đồng/kg hạt; nhiều hộ gia đình có thể thu nhập hàng trăm triệu đồng/ha. Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế từ sản phẩm hạt dẻ Trùng Khánh vẫn chưa được người dân chú trọng phát triển và mở rộng diện tích, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, dẻ là cây trồng lâu năm, cây giống phải trồng 5 - 6 năm mới cho thu hoạch.

Ngoài ra, mặc dù cây dẻ có giá trị lớn nhưng người dân vẫn trồng theo lối quảng canh, trồng cây gieo từ hạt nên phải sau hơn 7 năm mới cho thu hoạch quả. Các vườn dẻ hiện có không được chăm sóc theo quy trình kỹ thuật, nhiều cây đã già cỗi cho sản lượng thấp, chất lượng nguồn gen có hiện tượng suy giảm. Đây là lý do khiến nhiều người ngại trồng, trong khi các hộ nghèo không có điều kiện đầu tư trồng dẻ. Bên cạnh đó, hạt dẻ rất khó bảo quản sau thu hoạch, nhiều thương nhân còn trà trộn các loại hạt dẻ khác và gắn mác là hạt dẻ Trùng Khánh để kiếm lợi. Việc bị giả thương hiệu

bán tràn lan trên thị trường đe dọa nghiêm trọng đến uy tín và giá trị thương hiệu hạt dẻ Trùng Khánh.

Để phát triển cây dẻ theo hướng sản xuất hàng hóa, phục vụ nhu cầu thị trường, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch phát triển cây dẻ Trùng Khánh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu chính là hình thành vùng sản xuất cây dẻ tập trung có quy mô 1.000 ha. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng nguồn gen và giảm thời gian sinh trưởng cho cây dẻ thu hoạch nhanh hơn so cây dẻ trồng bằng hạt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện bình tuyển và quyết định công nhận được 16 cây dẻ đầu dòng cho tổ chức, cá nhân khai thác vật liệu nhân giống để cung ứng giống tại chỗ đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Từ đó, cây giống có những đặc điểm đặc trưng của giống, không bị mất đi



Hạt dẻ Trùng Khánh được Hiệp hội Du lịch Cao Bằng giới thiệu, bán sản phẩm tại các sự kiện lớn trong và ngoài tỉnh

Ảnh: Hoàng Thị Hồng Xiêm.

hoặc biến đổi khi nhân giống vô tính. Xây dựng 1 cơ sở sản xuất giống (nhà lưới) để chủ động cung ứng giống bảo đảm chất lượng, số lượng 20.000 cây/năm (nhân giống vô tính 70%, nhân giống từ hạt 30%). Đến năm 2026, huyện Trùng Khánh hoàn thành mục tiêu tập trung ruộng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai vùng trồng dẻ. Đồng thời, đa dạng hóa các hình thức liên kết giữa người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, hình thành chuỗi giá trị hàng nông sản; xây dựng được nhà sơ chế, kho lạnh bảo quản hạt dẻ.

Với mong muốn, tâm huyết giữ gìn, bảo tồn và phát triển thương hiệu Hạt dẻ Trùng Khánh, thời gian tới, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tiếp tục tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan chỉ đạo quyết liệt việc quy hoạch vùng trồng cây dẻ và đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi thế trồng cây dẻ. Với những giải pháp đồng bộ, cây dẻ Trùng Khánh sẽ sớm trở thành cây kinh tế mũi nhọn; chấp cánh cho thương hiệu Hạt dẻ Trùng Khánh tiếp tục vươn xa, tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của địa phương.

CHẮP CÁNH CHO TRÚC SÀO VƯỜN XA

BẾ THỊ THU HÀ*

Từ bao đời nay, cây trúc sào đã gắn liền với đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi của tỉnh Cao Bằng và được xác định là một trong những cây trồng chủ lực của tỉnh góp phần giảm nghèo. Khác với cây trồng lâm nghiệp khác trồng một lần khai thác một lần là lại phải trồng mới, cây trúc sào trồng một lần sau đó chỉ cần chăm sóc sẽ cho khai thác trong vài chục năm.

Cây trúc sào Cao Bằng có những ưu điểm vượt trội như: thân thẳng, to, tròn đều, mắt ít nổi, dễ uốn, khi chế biến thân có màu vàng ngà, sáng bóng... Cây trúc sào có nhiều ứng dụng trong đời sống: làm chiếu, rèm, thảm trúc, cây trúc khô trang trí, đóng đồ dùng thủ công mỹ nghệ, sản xuất các mặt hàng tre trúc xuất khẩu... Các sản phẩm trên đã có mặt tại nhiều tỉnh, thành phố trong nước và trở thành mặt hàng xuất khẩu, khẳng định thương hiệu, được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng. Từ việc trồng cây trúc sào làm nguyên liệu cho các nhà máy, cơ sở sản xuất, nhiều hộ gia đình ở tỉnh Cao Bằng đã có cuộc sống khấm khá.

Trúc sào không chỉ cho bà con giá trị kinh tế, mà còn bảo vệ môi trường sinh thái, làm tăng độ che phủ rừng, giữ đất, giữ nước, phục vụ phát triển du lịch, bảo tồn và phát triển sự đa dạng

* Phó Trưởng phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

các nguồn gen cây trồng bản địa. Tại huyện Nguyên Bình có một vườn du lịch trải nghiệm tại xóm Bản Phường, xã Thành Công với diện tích trên 40 ha vào các dịp nghỉ lễ, cuối tuần thu hút rất đông khách du lịch đến trải nghiệm.

Từ năm 2002, cây trúc sào đã được triển khai trồng trên diện rộng tại 5 huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, Thông Nông (nay thuộc huyện Hà Quảng), Hòa An. Đến nay, toàn tỉnh có hơn 4.239,62 ha, song nhu cầu cung cấp trúc sào cho ngành công nghiệp chế biến ngày càng cao. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên 688; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến lâm sản trúc Tây Bắc và Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến trúc tre xuất khẩu Cao Bằng thu mua toàn bộ sản phẩm trúc cho nhân dân, nhưng diện tích hiện có mới chỉ đáp ứng được khoảng 35% nhu cầu của các công ty.

Nhiều năm qua, cây trúc sào tiếp tục được nhân rộng để mở rộng diện tích, nhưng chỉ thực hiện tự trồng nhỏ lẻ, rải rác. Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh tế của người dân còn khó khăn, thiếu nguồn vốn để đầu tư phát triển nên việc mở rộng diện tích rất hạn chế; một số vùng sản xuất trúc chưa có đường giao thông đến vùng nguyên liệu. Đồng thời, người trồng trúc những năm qua vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong đó có vấn đề trúc sào kém chất lượng từ nhiều địa phương khác mạo danh trúc sào Cao Bằng tiêu thụ trên thị trường. Do đó, yêu cầu đặt ra cần bảo vệ thương hiệu, nâng cao chất lượng, quảng bá sản phẩm trúc sào Cao Bằng.

Để bảo vệ, sử dụng và phát triển bền vững các diện tích trúc sào hiện có, bảo tồn nguồn gen, giữ vững và phát triển mạnh thương hiệu trúc sào Cao Bằng trên thị trường trong và ngoài nước, từ tháng 8/2016 đến tháng 8/2018, tỉnh đã triển khai Dự án xây dựng chỉ dẫn địa lý “Cao Bằng” cho sản phẩm cây trúc sào của tỉnh Cao Bằng; thành lập Hiệp hội Trúc sào của tỉnh. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND,

ngày 10/12/2018 quy định quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cao Bằng” cho sản phẩm trúc sào và chiếu trúc sào tỉnh Cao Bằng. Ngày 24/3/2022, Ban Chỉ đạo thực hiện các nội dung đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 ban hành Kế hoạch số 09-KH/BCĐ về phát triển nông nghiệp thông minh, theo hướng sản xuất hàng hoá đặc hữu gắn với chế biến giai đoạn 2022 - 2025, khuyến khích người dân và doanh nghiệp đầu tư trồng rừng có giá trị kinh tế cao, trong đó có cây trúc sào với diện tích trồng mới 1.200 ha trong giai đoạn 2022 - 2025.

Ngày 21/12/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 3153/QĐ-BKHCN phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 bắt đầu thực hiện từ năm 2024; trong đó tỉnh Cao Bằng được phê duyệt nhiệm vụ “Quản lý, khai thác và hỗ trợ phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cây trúc sào và chiếu trúc sào của tỉnh Cao Bằng” với định hướng mục tiêu là thiết lập và vận hành thành công mô hình kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý; nâng cao giá trị, hiệu quả khai thác thương mại cho sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.



Các sản phẩm làm từ trúc sào

Ảnh: Đặng Phương Anh.

Để phát triển diện tích cây trúc sào ổn định và mở rộng diện tích; xây dựng vùng nguyên liệu chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất; nâng tầm giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường qua việc chuẩn hóa các tiêu chí chất lượng, yêu

câu kỹ thuật trong hoạt động trồng, thu gom, bảo quản đối với sản phẩm; quy chế kiểm soát chất lượng được xây dựng sẽ là công cụ quan trọng giúp kiểm soát chất lượng và bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm. Qua đó, thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho người sản xuất và kinh doanh sản phẩm từ trúc sào, giúp cho tỉnh có chính sách phù hợp trong quy hoạch cũng như hỗ trợ cho sản phẩm sau khi được Nhà nước bảo hộ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỈNH CAO BẰNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

HOÀNG XUÂN ÁNH*

Với quyết tâm đổi mới mạnh mẽ, giải phóng tối đa mọi nguồn lực, tạo bút phá trong phát triển, tỉnh Cao Bằng xác định đến năm 2030, Cao Bằng trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển nhanh, năng động, xanh, bền vững và toàn diện.

Trải qua bề dày lịch sử 525 năm hình thành và phát triển, qua gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Cao Bằng đã và đang khắc phục khó khăn, đưa kinh tế - xã hội đi vào ổn định, phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đô thị của tỉnh được cải thiện; nhất là các khu kinh tế cửa khẩu, các điểm du lịch, qua đó thu hút nhiều dự án đầu tư và là động lực cho sự phát triển của tỉnh. Ngành du lịch có nhiều khởi sắc và dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chú trọng bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa tiêu biểu gắn với phát triển du lịch.

Trong những năm gần đây, tỉnh Cao Bằng không ngừng đổi mới, phát triển và đã đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 4,94%/năm;

* Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

thu nhập bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng/người/năm; thu ngân sách tăng bình quân trên 12,06%/năm; tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu qua địa bàn tăng bình quân 13%/năm; tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 4,11%/năm. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, các nhiệm vụ về cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư luôn được quan tâm thực hiện; hệ thống kết cấu hạ tầng của Cao Bằng đang được tỉnh tập trung đầu tư xây dựng, đặc biệt là các tuyến đường giao thông, hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh, hạ tầng phục vụ du lịch, dịch vụ, tình hình trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng - an ninh được giữ vững... Cao Bằng đã và đang chuẩn bị các điều kiện phấn đấu trở thành trung tâm kết nối với các địa phương trong cả nước, hình thành cực phát triển và kết nối hợp tác xuyên biên giới với các cụm phát triển năng động của phía Tây và Tây Nam Trung Quốc.

Trong quá trình phát triển, Cao Bằng luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự phối hợp của các ban, bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước. Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã xác định rõ 05 lợi thế, 03 điểm nghẽn, nút thắt của tỉnh, xây dựng 03 chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Các dự án đầu tư giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trong đó có Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) được khởi công ngày 01/01/2024 và đang đẩy nhanh tốc độ xây dựng là nguồn cổ vũ, động viên lớn đối với nhân dân trong tỉnh. Tỉnh có nhiều bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh khó khăn, thách thức cả trong và ngoài nước; cùng với đó là tinh thần đoàn kết, thống nhất của cả hệ thống chính trị, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân được phát huy tốt trong thời gian qua.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, tỉnh Cao Bằng vẫn còn một số điểm nghẽn, nút thắt chưa được tháo gỡ triệt để, vẫn là những rào cản trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Quy mô nền kinh tế nhỏ; kết cấu hạ tầng yếu và thiếu đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho phát triển kinh tế quy mô lớn (xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, đất nông nghiệp chỉ chiếm gần 10% tổng diện tích tự nhiên); quy mô các thành phần kinh tế nhỏ hẹp, năng lực cạnh tranh thấp; dân cư sống phân tán, không tập trung, trình độ dân trí, chênh lệch mức sống giữa các vùng miền, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao... Đây là những rào cản ảnh hưởng tới sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

Với quyết tâm đổi mới mạnh mẽ, giải phóng tối đa mọi nguồn lực, tạo bứt phá trong phát triển, tỉnh Cao Bằng xác định đến năm 2030, Cao Bằng trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển nhanh, năng động, xanh, bền vững và toàn diện, đạt trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình của vùng trung du, miền núi phía Bắc. Hệ thống kết cấu hạ tầng được cải thiện, nhất là giao thông liên kết nội tỉnh và liên tỉnh; công nghiệp chế biến và khai thác khoáng sản có bước phát triển mới; phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo; hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản. Kinh tế cửa khẩu, du lịch phát triển nhanh, bền vững; bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước và chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước hình thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, logistics Việt Nam - Trung Quốc của vùng, trung tâm giao thương kinh tế, văn hoá, đối ngoại giữa Việt Nam với các tỉnh phía Tây, Tây Nam của Trung Quốc và các nước ASEAN.

Các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội được phát triển toàn diện. Bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Hợp tác đối ngoại được mở rộng; quốc phòng - an ninh vững mạnh, chủ quyền biên giới quốc gia được bảo vệ vững chắc.

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 9,72%/năm; GRDP bình quân/người đạt khoảng 102 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành); thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân trên 12%/năm.

Đồng thời, tỉnh cũng xác định tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Cao Bằng có nền kinh tế kết nối, phát triển năng động, xanh, bền vững, toàn diện, trở thành một trong những tỉnh phát triển khá, là một trong những đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng và là động lực phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch - dịch vụ của vùng trung du, miền núi phía Bắc; giữ vị trí quan trọng của quốc gia về bảo đảm quốc phòng, an ninh, môi trường khu vực đầu nguồn. Bản sắc văn hóa của tỉnh Cao Bằng được bảo tồn và phát huy; người dân được thụ hưởng các dịch vụ cơ bản có chất lượng cao. Môi trường tự nhiên có chất lượng tốt; xã hội hài hòa với thiên nhiên. Hợp tác đối ngoại được mở rộng, chủ quyền biên giới quốc gia được bảo vệ vững chắc.

Để thực hiện các mục tiêu, định hướng trên, tỉnh xác định tiếp tục đổi mới tư duy, hành động quyết liệt, hiệu quả hơn, vượt qua khó khăn, biến thách thức thành cơ hội, tạo bứt phá trong phát triển. Tiếp tục quán triệt, nghiêm túc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng và có sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Nắm chắc tình hình thực tiễn, phát huy nội lực, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy khát vọng, ý chí, lòng tự hào, tự tôn dân tộc và tinh thần thi đua sáng tạo trong mọi tầng lớp nhân dân. Lấy nhân dân là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất, là động lực và mục tiêu của sự phát triển; chú trọng ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển văn hóa, xã hội; đẩy mạnh truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong nhân dân.

Tập trung thực hiện 3 đột phá phát triển của tỉnh Cao Bằng, gồm: (1) Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn, đủ sức cạnh tranh để thu hút các nguồn lực, các nhà đầu tư

chiến lược, các doanh nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn, đồng thời thúc đẩy phát triển doanh nghiệp của tỉnh; (2) Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại... coi đây là khâu đột phá, tạo nền tảng phát triển nhanh, bền vững, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và thu nhập bình quân đầu người của Cao Bằng với vùng trung du, miền núi phía Bắc và cả nước; (3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong đồng bào dân tộc thiểu số, gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất và đời sống; coi đây là một trong những đột phá cho phát triển nhanh và bền vững của Cao Bằng.

Đồng thời, triển khai kịp thời và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm: (1) Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm sớm khắc phục điểm nghẽn, nút thắt về kết cấu hạ tầng; (2) Chương trình phát triển dịch vụ, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn gắn với phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tạo động lực tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Cao Bằng; (3) Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản; (4) Bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Việc quán triệt sâu sắc quan điểm, định hướng phát triển tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có và huy động hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài, phát huy nội lực để phát triển kinh tế - xã hội và môi trường, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, kết hợp đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của quê hương cội nguồn cách mạng, chung sức, đồng lòng, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đổi mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng phát triển, tìm động lực mới, quyết tâm xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh và bền vững.

NGÀNH DU LỊCH TỈNH CAO BẰNG - TÂM NHÌN VÀ PHÁT TRIỂN

NÔNG THỊ TUYẾN*

Cùng với xu thế chung của cả nước, ngành du lịch tỉnh Cao Bằng đã đạt được những kết quả tích cực, thay đổi cơ bản diện mạo với nhiều dấu ấn có bước đột phá lớn, mang tính chiến lược lâu dài. Lượng khách, doanh thu tăng trưởng vượt bậc. Kết cấu hạ tầng du lịch, dịch vụ được quan tâm đầu tư, nâng cấp, nhiều dự án du lịch, khu du lịch dần định hình quy mô, chất lượng và phương thức kinh doanh hiện đại, hợp tác khai thác du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế. Sản phẩm du lịch dần được hình thành và đầu tư nhiều sản phẩm du lịch mới, độc đáo. Nguồn nhân lực du lịch từng bước được bổ sung, hoàn thiện. Hoạt động xúc tiến, quảng bá đã đem lại hiệu quả đáng khích lệ; các chỉ tiêu du lịch đạt cao so với kế hoạch. Nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cộng đồng về vai trò của kinh tế du lịch cũng như trách nhiệm với du lịch được chuyển biến rõ rệt.

Trong 7 vùng du lịch được xác định tại Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tỉnh Cao Bằng thuộc vùng du lịch trung du và miền núi phía Bắc được định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch sinh thái núi và tìm hiểu văn hóa dân tộc thiểu số.

* Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

Dựa trên tài nguyên du lịch địa phương, tỉnh Cao Bằng tập trung phát triển du lịch dựa trên nền tảng bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, tự nhiên theo định hướng phát triển bền vững, tập trung khai thác các loại hình sản phẩm như: du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng... trên nền tảng phát triển Công viên địa chất. Đây chính là “chìa khoá” để du lịch Cao Bằng phát triển tương xứng với những tiềm năng sẵn có.

Theo Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các khu du lịch của tỉnh được quy hoạch theo phương án sau:

- Các khu du lịch trung tâm (thành phố Cao Bằng và phụ cận): Phát triển du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch trải nghiệm, vui chơi giải trí, du lịch quá cảnh, tham quan, nghiên cứu, du lịch công vụ, thương mại...

- Các khu du lịch phía Bắc (gồm Pác Bó và phụ cận, thuộc địa phận huyện Hà Quảng): Phát triển du lịch hành hương về cội nguồn; du lịch tham quan di tích, nghiên cứu, giáo dục truyền thống cách mạng; du lịch tham quan, nghiên cứu các giá trị địa chất, địa mạo; du lịch sinh thái, các hoạt động vui chơi giải trí, thể thao; du lịch cộng đồng.

- Các khu du lịch phía Đông (Bản Giốc - Ngườm Ngao và phụ cận): Phát triển du lịch tham quan cảnh quan, tìm hiểu các giá trị văn hóa bản địa, nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch nghỉ dưỡng, cắm trại, thể thao mạo hiểm, du lịch sinh thái, du lịch biên giới, du lịch văn hóa tâm linh; định hướng phát triển Khu du lịch thác Bản Giốc thành du lịch quốc gia.

- Các khu du lịch phía Tây (Phja Đén, Phja Oắc, Rừng Trần Hưng Đạo thuộc địa phận huyện Nguyên Bình): Phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp chữa bệnh, du lịch văn hóa; du lịch về nguồn; du lịch cộng đồng.

- Các khu du lịch phía Đông Nam (thị trấn Đông Khê và phụ cận): Phát triển du lịch sinh thái; du lịch tham quan, nghiên cứu

các giá trị địa chất, địa mạo; du lịch văn hóa - lịch sử; du lịch thể thao mạo hiểm, thám hiểm hang động; du lịch gắn với cửa khẩu biên giới; du lịch cộng đồng.

- Các khu du lịch phía Tây Bắc (các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm): Phát triển du lịch thể thao mạo hiểm, khám phá; du lịch văn hóa, trải nghiệm, cộng đồng.

Phương án phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm là tập trung phát triển các khu, điểm có nhiều tiềm năng như: Khu du lịch thác Bản Giốc - động Ngườm Ngao, Khu du lịch hồ Thăng Hen, động Giộc Đâu (huyện Trùng Khánh); Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó (huyện Hà Quảng); Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình); Khu di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 (huyện Thạch An).

Để thực hiện thành công chiến lược đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, trong thời gian tới, tỉnh Cao Bằng triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, huy động các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ đột phá và tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt nhằm khai thác tối đa lợi thế chính của tỉnh. Tập trung hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) vào năm 2025. Quan tâm đầu tư phát triển hệ thống nhà hàng, cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

Thứ hai, thu hút và hỗ trợ các nhà đầu tư chiến lược, xây dựng hạ tầng các khu, điểm của tỉnh theo hướng đồng bộ, đa chức năng. Khai thác và phát huy tối đa hiệu quả danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, 3 di tích quốc gia đặc biệt, các danh thắng quốc gia. Coi trọng công tác bảo tồn di sản văn hóa, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường gắn với phát triển du lịch bền vững của địa phương, xây dựng thương hiệu du lịch của tỉnh.

Thứ ba, triển khai hiệu quả Kế hoạch thực thi Hiệp định Hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc

(Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc), hướng tới xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc trở thành khu du lịch trọng điểm, kiểu mẫu về du lịch qua biên giới, du lịch xanh, du lịch thông minh.

Thứ tư, chú trọng đào tạo nhân lực, nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ làm công tác du lịch. Nâng cao chất lượng hệ thống đào tạo nguồn nhân lực du lịch, thành lập các cơ sở đào tạo nhân lực du lịch cho tỉnh Cao Bằng và khu vực miền núi phía Bắc; bổ sung chương trình đào tạo du lịch vào cơ sở đào tạo của tỉnh.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch bằng nhiều hình thức, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên báo chí và các nền tảng số. Tăng cường hoạt động xúc tiến, liên kết du lịch, phối hợp xây dựng khai thác các tour, tuyến, các sản phẩm du lịch địa phương và liên vùng. Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển du lịch, nhất là chính sách thu hút đầu tư, du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái.

Với tiềm năng sẵn có và cơ chế, chính sách thuận lợi, Cao Bằng hướng tới mục tiêu chung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, góp phần hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại trên cơ sở tăng tỷ trọng đóng góp của du lịch trong GRDP của tỉnh, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tạo nhiều việc làm, giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

Phấn đấu đến năm 2025, du lịch Cao Bằng cơ bản đáp ứng các yêu cầu của ngành kinh tế mũi nhọn, khẳng định vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2030, du lịch Cao Bằng thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, khẳng định vai trò trụ cột đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và tạo được vị thế quan trọng trên bản đồ du lịch của vùng Đông Bắc, vùng trung du và miền

núi phía Bắc và cửa cả nước. Đến năm 2035, du lịch Cao Bằng khẳng định được thương hiệu mạnh trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế, trong đó Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng trở thành một địa điểm du lịch nổi tiếng toàn cầu.

XÂY DỰNG KHU KINH TẾ CỬA KHẨU TỈNH CAO BẰNG TRỞ THÀNH TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DU LỊCH CỦA MIỀN NÚI PHÍA BẮC

LÝ QUỐC KHÁNH*

Với lợi thế đường biên giới dài 333,125 km cùng nhiều cặp cửa khẩu tiếp giáp Trung Quốc, tỉnh Cao Bằng xác định phát triển kinh tế cửa khẩu là một trong những nhiệm vụ



Các đại biểu Việt Nam và Trung Quốc thực hiện nghi lễ thông quan tại buổi Lễ công bố nâng cấp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế

Ảnh: Nông Thanh Huyền.

* Phó Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng.

trọng tâm, đột phát để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu xây dựng Cao Bằng trở thành một trong những trung tâm giao thương của Việt Nam và khu vực ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc, là một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định phát triển kinh tế cửa khẩu là một trong ba đột phá chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đến năm 2040 tại Quyết định số 295/QĐ-TTg, ngày 02/3/2022 với diện tích khoảng 30.130 ha, bao gồm một phần hoặc toàn bộ diện tích của 31 xã và 3 thị trấn của 5 huyện biên giới là Hà Quảng, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hoà, Thạch An. Khu kinh tế cửa khẩu được xây dựng phát triển theo mô hình chuỗi kết nối trên tuyến hành lang biên giới, chia thành 4 phân vùng, trong đó mỗi phân vùng có một trung tâm kinh tế cửa khẩu chính. Những năm qua, tỉnh tập trung quy hoạch, đầu tư phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội; thu hút các nhà đầu tư tiềm năng; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác quỹ đất, tạo đồng bộ, thống nhất về không gian phát triển, bảo đảm định hướng lâu dài và tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các dự án đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh. Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu vực cửa khẩu Tà Lùng đã hoàn thành và công bố trong tháng 9/2024 với diện tích là 1.708 ha; đối với các khu vực cửa khẩu còn lại đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Nhìn tổng thể, việc thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu đã có những đóng góp đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội. Giai đoạn từ năm 2020 đến tháng 9/2024: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 3,8 tỷ USD; thu thuế, phí, lệ phí đạt 220 tỷ đồng; thu thuế xuất nhập khẩu và thu khác từ hoạt động xuất

nhập khẩu hàng hóa đạt 4,9 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 40% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh. Các xã, thị trấn biên giới dần dần hình thành các đô thị vùng biên với đông đúc cư dân sinh sống; cơ sở thương mại dịch vụ ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng; lĩnh vực lao động việc làm cũng đang có những chuyển biến tích cực, từ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Hiện nay, Khu kinh tế cửa khẩu thu hút 54 dự án đầu tư trong đó, 43 dự án đã đi vào hoạt động góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tạo công ăn việc làm cho nhân dân và tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, nhưng quá trình xây dựng, hình thành và phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng vẫn còn có một số khó khăn như: hạ tầng giao thông kết nối khu kinh tế với các trung tâm kinh tế, chính trị, trung tâm logistics, cảng biển lớn của vùng và cả nước còn khó khăn, duy nhất chỉ có tuyến đường bộ (quốc lộ 3 và quốc lộ 4A), làm tăng chi phí vận chuyển hàng hóa, hành khách, giảm lợi thế cạnh tranh của Khu kinh tế cửa khẩu. Ngành thương mại, dịch vụ tuy phát triển nhưng còn chậm; ngành du lịch chưa phát triển đồng bộ, khó khăn triển khai các chính sách du lịch qua biên giới; kim ngạch xuất nhập khẩu thiếu sự ổn định, thu ngân sách hàng năm chưa đạt được kỳ vọng. Kết cấu hạ tầng cửa khẩu đã được quan tâm xây dựng, tuy nhiên còn thiếu đồng bộ, một số công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu chưa được đầu tư, nguồn vốn đầu tư công bố trí cho các dự án hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu còn ít so với nhu cầu. Thu hút đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu còn nhiều khó khăn, chưa có dự án lớn nên chưa tạo được đột phá để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu và chưa tạo nhiều việc làm cho nhân dân vùng biên giới...

Từ thực tế trên, để xây dựng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 là động lực, hạt nhân

quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng thực sự trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của miền núi phía Bắc, trung tâm trung chuyển hàng hoá giữa ASEAN và Trung Quốc, tỉnh Cao Bằng tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm:

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Khu kinh tế cửa khẩu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng để phát huy 05 lợi thế mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định. Đồng thời, cần xây dựng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước tại địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng và khơi thông, giải phóng tối đa các nguồn lực; thúc đẩy kết nối liên kết vùng nhằm phát huy thế mạnh nội tại, giải quyết những khó khăn, hạn chế trong hoạt động kinh tế cửa khẩu.

- Tập trung đầu tư các nguồn lực thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, cụ thể là nguồn lực về kết cấu hạ tầng cửa khẩu, hạ tầng giao thông kết nối, trọng tâm là tuyến đường cao tốc Trà Lĩnh (Cao Bằng) - Đồng Đăng (Lạng Sơn) để sớm hình thành tuyến đường bộ quốc tế kết nối giữa ASEAN và các tỉnh vùng Tây Nam (Trung Quốc) thông qua cửa khẩu Trà Lĩnh (Cao Bằng).

- Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch phân khu chức năng các cửa khẩu và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển; bố trí nguồn lực hợp lý để tạo quỹ đất sạch, khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất và phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

- Xây dựng chính sách thu hút, xúc tiến đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, kêu gọi thêm nguồn lực xã hội để thúc đẩy phát triển. Nghiên cứu xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù trên các lĩnh vực như: xuất nhập khẩu, du lịch biên giới, tài chính ngân sách báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét cho phép thực hiện để

tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu trong thời gian tới.

- Tạo điều kiện tối đa về thời gian và thủ tục thông quan cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa. Đồng thời, vận dụng sáng tạo và linh hoạt cơ chế, chính sách vào thực tế tại Khu kinh tế cửa khẩu; tích cực cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình, ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác quản lý, xây dựng cửa khẩu thông minh, cửa khẩu số; thực hiện đồng bộ các giải pháp chuyển dần từ xuất khẩu tiểu ngạch sang chính ngạch. Phối hợp với phía Trung Quốc làm tốt công tác mở mới, nâng cấp các cửa khẩu, lối mở phục vụ việc xuất nhập khẩu hàng hóa.

CAO BẰNG PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG SẢN XUẤT CHUYÊN CANH QUY MÔ LỚN

ĐÀM THỊ THIỀU*

Cao Bằng có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp. Nhiều cây trồng đặc sản, đặc hữu của địa phương đã từng bước được khai thác hiệu quả, phát triển gắn với thương hiệu của mỗi vùng như thuốc lá, dẻ, trúc sào, thạch đen đem lại hiệu quả kinh tế cao. Với đặc điểm diện tích đất nông, lâm nghiệp còn nhiều dư địa, tỉnh xác định từng bước đưa ngành nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa mang lại giá trị kinh tế cao bằng cách quy hoạch, mở rộng các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn theo hướng bền vững, quan tâm thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm, góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển nông nghiệp ở địa phương.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh Cao Bằng xác định cơ cấu lại ngành nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu; phát triển sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi theo hướng hiện đại; sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và có sức cạnh tranh cao,

* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

từ đó đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh. Đồng thời, phục vụ cho xuất khẩu, tạo bước đột phá trong tăng trưởng kinh tế ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Mặc dù diện tích đất có khả năng phát triển nông nghiệp chiếm 14,6% diện tích tự nhiên nhưng sản xuất nông nghiệp của tỉnh hiện vẫn có quy mô nhỏ lẻ, manh mún. Với điều kiện đặc thù của tỉnh, việc phát triển nông nghiệp đặc hữu theo hướng sản xuất hàng hóa cần được chú trọng triển khai thực hiện nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thương hiệu của địa phương, giúp người dân xóa đói, giảm nghèo.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Cao Bằng đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn năm 2050 và trong giai đoạn 2021 - 2025 lựa chọn nội dung đột phá trong nông nghiệp theo thứ tự ưu tiên gồm lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản. Trong đó:

Một là, tiếp tục phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng chuyên canh gắn kết chặt chẽ sản xuất với công nghệ bảo quản chế biến và thị trường tiêu thụ; ứng dụng công nghệ thông minh, công nghệ cao vào các khâu trong quy trình sản xuất. Duy trì và sử dụng hiệu quả 30.000 ha đất trồng lúa, 39.000 ha đất trồng ngô; phát triển khoảng 1.000 ha giống lúa thuần chất lượng cao (dòng Japonica) tại huyện Hòa An và thành phố Cao Bằng, khoảng 600 ha giống lúa nếp đặc sản (nếp ong, nếp hương, nếp Pì Pát) tại các huyện Trùng Khánh, Hòa An và thành phố Cao Bằng,... nhằm bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh, nâng cao hiệu quả sản xuất hàng hóa.

Hai là, tập trung nguồn lực phát triển mạnh các cây đặc sản và cây công nghiệp ngắn ngày. Tỉnh Cao Bằng có nhiều loại cây công nghiệp đặc hữu khác hẳn so với các địa phương khác, trong đó có cây thuốc lá. Thuốc lá Cao Bằng có chất lượng nổi trội hơn

hãn và đã được Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam quan tâm đầu tư, hỗ trợ, liên kết phát triển thành vùng thuốc lá chuyên canh cách đây gần 30 năm. Từ đó đến nay, đã có 8 doanh nghiệp quan tâm đến cây trồng này, đồng thời thực hiện đầu tư theo hình thức liên kết và bao tiêu sản phẩm. Tỉnh xác định mục tiêu mở rộng và trồng mới thêm 1.000 ha cây thuốc lá, tập trung nhiều tại hai huyện Hòa An và Hà Quảng. Tính đến hết năm 2024, toàn tỉnh đẩy mạnh sản xuất cây thuốc lá và diện tích đạt trên 5.000 ha, đạt và vượt chỉ tiêu Kế hoạch đột phá đề ra.

Cây công nghiệp thứ hai được xác định tập trung phát triển là cây thạch đen. Huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng là một trong những địa phương trồng cây thạch đen có chất lượng tốt nhất. Nhờ lợi thế hơn hẳn các địa phương khác về thổ nhưỡng, khí hậu đặc trưng nên thạch đen đã được người dân nơi đây trồng từ rất lâu đời và là cây bản địa khó có thể thay thế. Tỉnh Cao Bằng xác định thạch đen là cây trồng đặc hữu cần được quan tâm đầu tư và mở rộng. Năm 2024, diện tích trồng thạch đen đạt 570 ha, mục tiêu đến năm 2025 nâng diện tích đạt khoảng 600 ha.

Bên cạnh đó, tỉnh Cao Bằng cũng định hướng duy trì và phát triển sản xuất hàng hóa ổn định, bền vững đối với các cây công nghiệp khác có thế mạnh của tỉnh gồm mía, đỗ tương, gừng, dong riềng.

Huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xác định cây mía nguyên liệu là cây mũi nhọn, đột phá trong phát triển kinh tế của địa phương với diện tích khoảng 2.400 ha, chiếm trên 80% diện tích mía toàn tỉnh và là địa phương cung ứng nguồn nguyên liệu chủ lực cho Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Cây đỗ tương bản địa được phát triển nhiều tại các huyện Hà Quảng, Hạ Lang, Trùng Khánh, Quảng Hòa và đã được một số doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết sản xuất với các nhóm hộ dân trồng theo quy trình an toàn, hữu cơ, tiêu thụ ra thị trường trong và ngoài tỉnh. Tổng diện tích đỗ tương toàn tỉnh (gồm đỗ tương xuân và đỗ tương hè thu) ổn định khoảng 2.000 ha qua các năm, góp

phần lưu giữ giống cây trồng bản địa chất lượng cao, có giá trị về mặt văn hóa ẩm thực và khẳng định thương hiệu trên thị trường.

Tại huyện Hà Quảng, cây gừng trâu được xác định là một trong những sản phẩm nông nghiệp chủ lực và được tập trung trồng để trở thành mũi nhọn. Với sự hỗ trợ của chính quyền và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển nông nghiệp và Tư vấn môi trường - Dace đã hợp tác với nông dân địa phương đầu tư xây dựng chuỗi giá trị nông sản gia vị hữu cơ, chế biến gừng trâu thành nhiều sản phẩm có giá trị như bột gừng hữu cơ, sirup gừng hữu cơ, được Chứng nhận hữu cơ EU Organic (đây là chứng nhận hữu cơ do Liên minh châu Âu kiểm soát và cấp giấy chứng nhận).

Cao Bằng có khí hậu, thổ nhưỡng rất phù hợp cho cây dong riềng phát triển; chất lượng củ dong được đánh giá cao hơn ở những nơi khác. Do đó, không chỉ người làm miến Cao Bằng tiêu thụ mà rất nhiều thương lái từ các tỉnh khác cũng đến Cao Bằng thu mua củ dong riềng. Dong riềng được trồng tập trung tại các huyện Nguyên Bình, Trùng Khánh, Hòa An... với tổng diện tích toàn tỉnh khoảng 900 ha và còn khả năng mở rộng diện tích ra nhiều địa phương.

Ba là, tập trung phát triển cây ăn quả bao gồm cây hạt dẻ và cây lê. Cao Bằng từ lâu đã nổi tiếng với thương hiệu Hạt dẻ Trùng Khánh. Vì vậy, tỉnh đặt mục tiêu mở rộng và trồng mới thêm 700 ha cây hạt dẻ (tập trung tại huyện Trùng Khánh và một số huyện lân cận). Hiện nay, diện tích cây hạt dẻ toàn tỉnh đạt trên 720 ha, phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh trồng được khoảng 1.000 ha cây hạt dẻ, bảo đảm phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

Cây lê cũng là đặc sản nổi tiếng của tỉnh Cao Bằng được trồng chủ yếu ở các huyện như Nguyên Bình, Bảo Lâm, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Thạch An với tổng diện tích hiện có khoảng 400 ha. Tỉnh xác định mục tiêu phát triển đến năm 2025 trồng mới khoảng 320 ha.



Cây lê vàng đầu dòng tại huyện Bảo Lạc

Ảnh: Đàm Thị Thiều.

Bốn là, tiếp tục duy trì diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh đạt trên 534.000 ha. Thực hiện chuyển đổi một số diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất phục vụ phát triển kinh tế. Sử dụng các loại giống cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao nhằm nâng cao giá trị rừng sản xuất, tạo vùng nguyên liệu tập trung, phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu các sản phẩm lâm sản, góp phần nâng cao thu nhập và ổn định đời sống cho người dân.

Đối với cây lâm nghiệp, tỉnh xác định tập trung một số cây có lợi thế để phát triển như cây trúc sào, hồi, quế... Gần như chỉ có tỉnh Cao Bằng là có thể trồng và phát triển cây trúc sào. Trúc sào cũng đã được chế biến thành nhiều sản phẩm đa dạng khác nhau như chiếu trúc, bàn ghế, đồ thủ công mỹ nghệ.... Từ năm 2002, cây trúc sào đã được triển khai trồng trên diện rộng tại 5 huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, Thông Nông (nay thuộc huyện Hà Quảng), Hòa An. Đến nay, toàn tỉnh có hơn 4.500 ha trồng trúc sào.

Cây hồi cũng là cây lâm nghiệp đặc thù, riêng chỉ có ở vùng Lạng Sơn và Cao Bằng, mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân.

Tỉnh xác định tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển diện tích, phấn đấu giai đoạn 2021 - 2025 mở rộng khoảng 500 ha, tập trung tại huyện Thạch An và các huyện khác có điều kiện tự nhiên phù hợp với sinh trưởng và phát triển của cây hồi. Theo thống kê, tổng diện tích cây hồi toàn tỉnh hiện có khoảng 6.800 ha, tăng hơn 2.300 ha so với năm 2021 (đạt trên 400% so với kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025).

Cao Bằng còn nhiều diện tích đất trống phù hợp để phát triển trồng quế. Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã định hướng phát triển mở rộng thêm khoảng 1.800 ha quế, tập trung tại các huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Thạch An... Theo thống kê, tính đến thời điểm này, toàn tỉnh trồng mới được trên 3.400 ha, đạt trên 180% kế hoạch giai đoạn, nâng tổng diện tích quế toàn tỉnh lên trên 5.800 ha.

Gần đây, có một loại cây được Chính phủ đưa vào Chương trình phát triển trong giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đó là cây mắc ca. Mắc ca mặc dù không phải là cây bản địa, nhưng nhận thấy lợi ích kinh tế và lợi ích dinh dưỡng mà cây trồng mang lại, nhiều người dân đã tự tìm hiểu và mua cây giống về trồng và chăm sóc. Đến nay đã cho quả và năng suất tương đối cao. Nhận thấy được nhu cầu và xu hướng phát triển cây mắc ca, tỉnh Cao Bằng đã đưa cây trồng này vào kế hoạch thực hiện các nội dung đột phá về nông nghiệp và định hướng đến năm 2025 phát triển khoảng 600 ha và 1.500 ha vào năm 2030, tập trung tại các huyện Hòa An, Hạ Lang, Thạch An, Quảng Hòa, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm. Do đây là cây trồng mới nên việc phát triển sản xuất, mở rộng diện tích chưa cao, hiện nay tổng diện tích mắc ca toàn tỉnh khoảng 300 ha.

Bảo đảm cho vùng sản xuất chuyên canh ổn định và lâu dài, cùng với đà tăng trưởng về diện tích các cây trồng đột phá, chuyên canh là sự đổi mới về công nghệ sản xuất, chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm nông sản. Điều đó có thể thấy nhận thức của người

dân trong chuyển đổi các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao đã có sự thay đổi rõ rệt.

Để đạt được mục tiêu thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất chuyên canh, trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp như quy hoạch vùng sản xuất, tổ chức thực hiện tốt và đa dạng các hình thức liên kết trong sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ. Đặc biệt quan tâm xúc tiến đầu tư và rà soát đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp với mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp là trụ cột chính, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương. Nhờ đó góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930 - 2020)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
2. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng: *Hoàng Đình Giông - Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng (1904 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014.
3. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ - Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng: *Địa lý - Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.
4. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng: *Cao Bằng - 520 năm những chặng đường lịch sử vẻ vang (1499 - 2019)* (Tài liệu tuyên truyền theo Đề án), Cao Bằng, 2019.
5. Bảo tàng tỉnh Cao Bằng: “Hồ sơ các di tích đã được xếp hạng”.
6. Bé Huỳnh: *Cao Bằng tạp chí nhật tập*. Tài liệu của Viện dân tộc học, ký hiệu D.136.
7. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiên bối của Đảng và cách mạng Việt Nam: *Hoàng Đình Giông - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.
8. Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng: *Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2023*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2024.
9. Đặng Nghiêm Vạn - Trần Quốc Vương: “Vấn đề An Dương Vương và lịch sử dân tộc Tày ở Việt Nam”, Thông báo khoa học Sử học, tập II, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

10. Đặng Xuân Bảng: *Sử học bị khảo*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997.
11. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1994.
12. GS. Trần Quốc Vượng (dịch): *Việt sử lược*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960.
13. Hoàng Triều Ân (Chủ biên): *Từ điển chữ Nôm Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
14. Hội Văn nghệ Cao Bằng: *Văn hóa dân gian Cao Bằng*, 1993.
15. Lã Văn Lô: “Quanh vấn đề An Dương Vương Thục Phán hay là truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua” của đồng bào Tày”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 50-51, tháng 6/1963.
16. Lê Thông (Chủ biên): *Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam, tập 2, các tỉnh vùng Đông Bắc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
17. Ngô Thị Cẩm Châu (Chủ nhiệm): Báo cáo kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu văn bia Cao Bằng qua các triều đại”, Đề tài khoa học cấp Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng, 2015.
18. Nguyễn Quang Ngọc: *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000.
19. Nguyễn Thị Yên: *Lễ hội Nàng Hai của người Tày Cao Bằng*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2001.
20. Nguyễn Văn Siêu: *Đại Việt địa dư toàn biên*, Viện Sử học, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1997.
21. Nhiều tác giả: *Mấy vấn đề then Việt Bắc*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1978.
22. Nhiều tác giả: *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*, Viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
23. Phan Ngọc: *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2002.
24. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng: *Bức tranh văn hóa các dân tộc Cao Bằng*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2022.

25. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tập I.
26. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tập IV.
27. Tài liệu tuyên truyền của Ban Quản lý Công viên địa chất Non nước Cao Bằng.
28. Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
29. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
30. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học xác định ngày thành lập tỉnh Cao Bằng*, 2006.
31. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển I*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
32. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển II*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
33. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
34. Tỉnh uỷ Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử cổ trung đại Cao Bằng (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng xuất bản, 2000 (in tại Xí nghiệp in 15 Bộ Công nghiệp).
35. Tỉnh uỷ Cao Bằng - Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
36. Trình Năng Chung: “Trống đồng ở Bảo tàng Cao Bằng, tư liệu và nhận thức”, Tạp chí *Khảo cổ học*, 2021, số 6, tr. 23-35.

37. Trình Năng Chung: *Cao Bằng thời tiền sử và sơ sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Trình Năng Chung (Chủ biên): *Văn hóa Hòa Bình và văn hóa Bắc Sơn ở miền núi Đông Bắc Việt Nam (qua tài liệu khảo cổ học từ năm 2000 đến năm 2015)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.
39. Trình Năng Chung, Phạm Thanh Sơn, Nguyễn Thị Thủy: “Đào thám dò lần thứ hai thành Bản Phủ (Cao Bằng)”, trong *Những phát hiện mới khảo cổ học năm 2021*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2021, tr. 303-306.
40. Trình Năng Chung: The Bronze Drums in Cao Bang Museum, Viet Nam. In *Vietnam Social Science. Vietnam Academy of Social Sciences*, No.1. 2012 (147), 2012, pp. 69-74.
41. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I: “Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam (1862 - 1945)”, 2013.
42. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học: *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
43. Viện Sử học - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng (1945 - 2020)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
Phần thứ nhất	
KHÁI LƯỢC VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI CAO BẰNG	11
- Cao Bằng - Tự hào 525 năm thành lập và phát triển	13
- Di sản khảo cổ học Cao Bằng - Những giá trị nổi bật	22
- Cao Bằng - Vùng đất cổ, địa hình đa dạng	30
- Vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của sông, núi Cao Bằng	38
- Nét đặc trưng của khí hậu Cao Bằng	44
- Lịch sử hình thành và thay đổi địa giới hành chính tỉnh Cao Bằng qua các thời kỳ	49
- Tổng quan về dân cư và sự phát triển dân số Cao Bằng	59
Phần thứ hai	
ĐẤT VÀ NGƯỜI CAO BẰNG	65
I. DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ VÀ PHI VẬT THỂ	67
- Cao Bằng - Miền đất của những di sản văn hoá	67
- Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng	73
- Hành trình về nguồn cội	78
- Trải nghiệm văn hoá bản địa ở xứ sở thần tiên	83
- Khám phá Phja Oắc - Vùng núi của những đổi thay	89

- Tuyến du lịch “Một thời hoa lửa”	93
- Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó	97
- Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo	102
- Khu di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An	107
- Thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao - Kiệt tác của thiên nhiên	112
- Hồ Thằng Hen, Mất Thân Núi - Vẻ đẹp huyền ảo	118
- Đèo Khau Cốc Chà - Vẻ đẹp hùng vĩ	123
- Văn hoá truyền thống dân tộc Tày Cao Bằng	127
- Văn hoá truyền thống dân tộc Nùng Cao Bằng	132
- Văn hoá truyền thống dân tộc Mông Cao Bằng	137
- Văn hoá truyền thống dân tộc Dao Cao Bằng	143
- Văn hoá truyền thống dân tộc Sán Chỉ Cao Bằng	148
- Văn hoá truyền thống dân tộc Lô Lô Cao Bằng	153
- Độc đáo làng đá cổ Khuổi Kỳ	157
- Chợ phiên Cao Bằng - Nét độc đáo của văn hoá bản địa vùng cao	161
- Đặc sắc ẩm thực Cao Bằng	167
- Một số nghề truyền thống ở Cao Bằng	174
- Phúc Sen đỏ lửa nhíp búa rèn dao	184
- Lưu giữ tinh hoa nghề dệt thổ cẩm Luống Nội	188
- Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Dao Đỏ xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình	192
- Giá trị của các văn bản chữ Nôm Tày ở Cao Bằng	196
- Nghệ thuật hát Then, đàn Tính của đồng bào Tày Cao Bằng	201
- Lượn cọi - Dân ca trữ tình của người Tày	208
- Vài nét khái quát về lễ hội truyền thống ở Cao Bằng	213
- Lễ hội Nàng Hai (xã Tiên Thành, huyện Quảng Hoà)	217

- Lễ hội Tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà	221
II. TRUYỀN THỐNG, PHẨM CHẤT NGƯỜI CAO BẰNG	225
- Phác họa vài nét về truyền thống và đặc trưng của người Cao Bằng	225
- Cao Bằng - Mảnh đất “địa linh nhân kiệt”	232
- Truyền thuyết Pú Luông - Giả Cải	240
- Qua truyền thuyết “Cầu chúa cheng vừa” trở lại vấn đề Thục Phán - An Dương Vương trong lịch sử Việt Nam	246
- Thủ lĩnh Nùng Trí Cao trong tâm thức nhân dân Cao Bằng	253
- Tư thiên quản nhạc Bế Văn Phụng	259
- Đồng chí Hoàng Đình Giông - Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam	263
- Hoàng Văn Nộn - Người Bí thư Liên xứ uỷ Bắc - Trung Kỳ trọn đời cống hiến cho cách mạng Việt Nam	269
- Thượng tướng Đàm Quang Trung - Vị tướng tài ba của Quân đội nhân dân Việt Nam	275
- Kim Đồng - Người anh hùng tuổi thiếu niên	280
- La Văn Cầu - Ngời sáng tám gương anh hùng	285
- Bế Văn Đàn - Người anh hùng lấy thân mình làm giá súng	290
- Bàn Tài Đoàn - Ngọn đuốc sáng của người Dao	294
- Tô Thị Rỉnh - “Cô giáo Tày cầm đàn lên đỉnh núi”	300
- Đại tá, giáo sư, bác sĩ, Thầy thuốc nhân dân Bành Khiu - Người thầy thuốc “sáng về y đức, sâu về y lý, giỏi về y thuật”	305
- Y Phương - Người Tày kể chuyện quê hương	309
- Nghệ sĩ nhân dân Dương Liễu - Chim sơn ca của núi rừng Đông Bắc	316

- Lan tỏa giá trị văn hóa, con người Cao Bằng, góp phần phát triển quê hương trong thời đại mới 320
- III. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH 327**
- Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tỉnh Cao Bằng phát triển vững mạnh 327
- Đảng bộ tỉnh Cao Bằng - 95 năm xây dựng và phát triển 336
- Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số tỉnh Cao Bằng 343
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Cao Bằng phát huy vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 349
- Công an tỉnh Cao Bằng phát huy truyền thống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội 356
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng - 80 năm “xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” 364
- Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng quyết tâm giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia 371

Phần thứ ba
CAO BẰNG - ĐIỂM ĐẾN, KẾT NỐI, HỘI NHẬP
VÀ PHÁT TRIỂN 379

- I. ĐIỂM ĐẾN 381**
- Cao Bằng - Điểm đến, kết nối, hội nhập và phát triển 381
- Xây dựng thành phố Cao Bằng phát triển năng động, giàu bản sắc 387
- Những tiềm năng, lợi thế để Cao Bằng phát triển bền vững 393
- Cao Bằng: Cơ hội hợp tác kinh tế, du lịch, đối ngoại nhân dân 398
- Tiềm năng của tỉnh trong ứng dụng công nghệ cao, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp thông minh 403
- Đột phá trong phát triển kinh tế cửa khẩu 408

II. KẾT NỐI	411
- Cao Bằng phát triển hạ tầng giao thông - Tăng kết nối vùng	411
- Kết nối để phát triển bền vững	416
- Kết nối di sản phát triển du lịch	423
- Tăng cường kết nối cung cầu sản phẩm OCOP	428
- Phát triển sản phẩm đặc sản nổi tiếng hạt dẻ Trùng Khánh	432
- Chắp cánh cho trúc sào vươn xa	437
III. HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN	441
- Định hướng phát triển tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	441
- Ngành du lịch tỉnh Cao Bằng - Tầm nhìn và phát triển	446
- Xây dựng khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của miền núi phía Bắc	451
- Cao Bằng phát triển các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn	456
TÀI LIỆU THAM KHẢO	463

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
ThS. NGUYỄN MINH HUỆ
ThS. TRỊNH THỊ NGỌC QUỲNH
NGUYỄN THANH THÚY

Trình bày bìa: LÊ THỊ HÀ LAN

Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ THU THẢO

Sửa bản in: ĐỖ THỊ TÌNH
NGUYỄN SƠN LÂM

Đọc sách mẫu: TRỊNH THỊ NGỌC QUỲNH
NGUYỄN THANH THÚY

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/15 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 004.40221, Fax: 004.40222

Email: suthat@nxhctqg.vn, Website: www.nxhctqg.org.vn

Sách điện tử: <https://sachmoh.vn>, <https://thuviencon.vn>, <https://sachquocgia.vn>



ĐẤT và NGƯỜI

*Cao
Bằng*